

# HUYỀN SỬ

## A.- PHẦN MỘT

### **Giáo trình Triết Văn nhập môn**

( Nguồn: Trang Nghiệp đoàn Sinh viên Việt Nam )

#### **Chương 1: Định nghĩa ngành Triết Văn**

##### **Thần thoại Bồng đảo trong văn minh Đông phương.**

Bồng đảo là đảo của tiên. Ban đầu đảo trôi phiêu diêu trên trùng dương bát ngát vô định hướng. Một ngày nọ có rùa khổng lồ đến đội đảo lên đầu, làm cho đảo cố định.

Con rùa ở đây thuộc đợt định hình, có 4 chân tượng trưng cho tứ tượng. Trước đó, đảo trôi lênh bênh ứng với câu “Vô hồ xứ giả”. “Thiên thai chưa gặp bước trần ai” là khi tượng chưa thành hình, khi đảo chưa đặt trên bốn chân rùa. Cả một nền minh triết đầy áp trong một thần thoại đơn giản như vậy. Người học văn lướt qua thì thấy văn này chả có mục đích. Người học triết Tây thì thấy đầy huyền hoặc. Chỉ người học triết Đông mới thấy sự thống nhất bên trong. Trường hợp này, trong ba người, người thứ ba đã đạt đến trình độ triết văn. Khi khảo cứu lại toàn bộ siêu hình cổ điển, Heidegger đã đủ lý do để tuyên bố chúng thiếu nền móng, cần được huỷ bỏ. Điều này đồng nghĩa với việc Heidegger muốn vượt ra khỏi hình để tiến vào cõi tượng như bên Đông phương. Nền siêu hình Tây Âu ( được giảng dạy lan cả sang châu Á) chưa phải là một nền siêu hình đích thực ( une métaphysique et non pas la métaphysique). Để dễ hiểu , ta ví với hình ảnh một hình nhân không phải là con người ( un homme et non pas l'homme).

Như vậy, có thể hiểu, ngành Triết Văn là ngành mà người ta đọc các huyền thoại, ca dao...của một dân tộc để phân tích cho ra nguyên nhân và hậu quả của dân tộc đó.

Ví dụ: dân Việt tin vào truyền thuyết mẹ Âu Cơ và bố Lạc Long Quân chia nhau đàn con. Mẹ Âu Cơ dặt 50 con trai lên núi, bố Lạc Long Quân dặt 50 con xuống biển. Ẩn tàng trong câu chuyện đó giúp chúng ta lý giải tình trạng chia rẽ của dân tộc Việt Nam hiện nay, giữa người Việt trong nước và người Việt hải ngoại, giữa người Việt muốn chạy đua theo văn minh cơ khí và người Việt muốn chủ trương duy trì văn minh nông nghiệp. Những câu chuyện xa xưa tưởng chừng như vô căn cứ và huyền hoặc lại là số phận của nột dân tộc. Nếu muốn giải thích theo lối Tây thì những chuyện huyền thoại gây nên tiềm thức cộng đồng của dân tộc đó, từ đó phát sinh ra những sự kiện lịch sử của con cháu sau này. Do đó có thể nói rằng nhìn vào sử hàng dọc sẽ lý giải được sử hàng ngang. Nhìn vào một chi tiết trong sử hàng ngang có thể phác thảo dân tộc tính, minh hoạ cho sử hàng dọc.

*La légende c'est la tradition vivante et trois fois sur quatre, elle est plus vraie que ce que nous appelons l'histoire ( Lịch sử thật chỉ tìm thấy trong giai thoại truyền kỳ), đó là sử truyền tụng sống động và ba phần trên bốn nó thật hơn những cái ta gọi là lịch sử,* trích Revue des deux mondes, Augustin Thierry, 1865, page 158)

Những sự kiện trong đời sống, nếu ta đọc bằng sử hàng ngang thì tức là chỉ gặt được kiến văn thường nghiệm, ngổn ngang chất đống. Tuy nhiên nếu đọc bằng sử hàng dọc, tức là phân tích bằng phương pháp huyền sử thì ta thấy những sự kiện đó sắp thành chuỗi thống nhất uyên nguyên, mạch lạc nội tại. Người càng chuyên sâu về Triết Văn sẽ càng thấy mối thống nhất này.

Hiện nay, các triết thuyết trên địa cầu đã lần lượt đổ sụp. Từ thế kỷ XX về trước, con người ham lạ, ham mới. Thuyết nào khi mới ra đời cũng rùm beng nhưng cuối cùng người ta thấy lại ứ trệ. Có những thuyết, đám đông bên Á còn hè nhau đi theo trong khi ông Tổ bên Âu đã chối bỏ thuyết mình để ra. Ngành Triết Văn, do đó, không được phép sai lầm trong việc chọn nền chủ đạo cho dân tộc mình. Những giải pháp đưa ra và hầu hết thất bại là do bắt một dân bật rễ ra khỏi nền chủ đạo của mình để đón lấy một nền chủ đạo khác, rốt cục chẳng đạt nền chủ đạo nào.

## **Chương 2: Mấy ví dụ mở đầu**

Khi một luồng tư tưởng tư tưởng thành hình, nó sẽ tìm được một thân xác để thực hiện. Paul Valéry viết:

*“ O grande âme.*

*Il est temps que tu formes un corps.”*

*“Hồi hồn linh cao cả,  
Đã đến lúc phải mặc lấy một xác thân.”*

Vậy, triết lý khởi nguyên sẽ gây ra số phận của một dân tộc. Triết lý khởi nguyên ấy được kể trong những câu chuyện bằng những nét mờ, dân này gọi là thần thoại, dân kia gọi là truyền kỳ và trong trường hợp nào thì chúng đều là huyền sử, lấy tượng làm nền tảng. Triết học duy lý ( triết học lý niệm) phân tích ở đọt hình, không sao vươn tới đọt tượng. Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình. Dân viễn Đông chú ý đến tượng, dân Tây chú ý đến hình. Tượng có trước hình cho nên về mặt triết lý người Tây cũng đi sau người Đông về đại để.

Không nên đặt huyền sử vào một thời nhất định. Sử ký là sử hàng ngang ( histoire diachronique) ghi lại các biến cố. Còn huyền sử thuộc hàng dọc ( histoire synchronique). Sử dụng phương pháp huyền sử có lợi thế lúc nói về Thời tính và thời gian ( sẽ thấy rõ hơn trong những chương sau). Huyền sử có tính chất miên trường. Con người sống trong môi trường thâm đắm huyền sử thì làm việc không biết nghĩ, chí thành như thần.

Từ đó, khi một huyền thoại của một dân được lưu truyền, thì con cái đời sau tiếp diễn huyền thoại đó, khác nhau sai số nhỏ ở hình thái biểu hiện bên ngoài mà các đời giống nhau ở dạng thức nội dung.

Văn hóa Âu châu cổ động đa dục và khuyến khích du học sinh Á châu sống buông tuồng

Ở châu Âu, từ thời cận đại và âm ỉ mãi đến tận sau này, ta thấy nhiều việc san sẻ vợ hay việc cho mượn vợ được khuyến khích ( CIV .IV.p.117). Lycurgue chế nhạo những người không cho vợ đi nằm với những người khỏe để có con xinh ( IV.114) là gốc tự quan niệm xuất phát từ Tây âu.

Sai lầm của Âu châu là đã đón nhận thần thoại như là lịch sử. Con người theo quan niệm cổ truyền Hy Lạp thuộc dòng dõi Titan là tử tôn của thần linh như đã kể trên. Loài người như vậy là con của các thần theo nghĩa huyết thống sinh lý. Chính sự xuất sinh do dòng dõi thần minh đó đem lại cho con người “quyền” làm người: Vì thế nhưng dân ngoại bang hay người không sinh bởi thần đều là nô lệ không được quyền làm người. Bởi quan niệm như thế, nên hầu hết gia phả của những tông tộc lớn đều đưa ra tên một thần làm ông tổ. Có đủ số tên thần minh cho các gia đình lớn là vì nơi các thần, việc ngoại tình hay cả loạn luân không bị coi là một tội mà

chỉ là một chuyện thường tình. Văn hoá đó lại được cổ động với cách mạng 1968 bên Pháp và lối sống buông thả Hippy.

Vậy, trạng huống của dân châu Âu ngày nay được lý giải bởi họ đã mô phỏng lại những điều có trong thần thoại như đã được chép trong cuốn Thần thoại Hy-lạp, thần làm gì, người làm nấy. Cho nên nói rằng triết lý khởi nguyên quyết định trạng huống về sau của một dân tộc. Ở đây ta không xét thần thoại ấy là có thật hay không, chỉ nói rằng, vì dân đã tin thần thoại như là lịch sử cho nên họ đã tái diễn lịch sử đó, và đa thể là chuyện hiển nhiên. Huyền sử chỉ ra rằng ông cha thời thần thánh như thế nào thì con cháu là người thời phàm tục sau này cũng như vậy.

Bây giờ, nhiều nhà tranh đấu ở Việt Nam cho thứ họ gọi là “dân chủ”, “nhân quyền” đều muốn áp dụng mô hình ở châu Âu. Trong khi, các triết gia bậc một nhân loại đã nhìn ra sự sụp đổ của nền văn minh châu Âu từ lâu. “Phân tán một nguyên tử còn dễ hơn phân tán một thành kiến.” – nhà vật lý Albert Eistein đã nói như vậy. Thành kiến của người Việt Nam là bảo Việt Nam không có triết. Thực ra, Việt Nam có triết Việt đạo, còn gọi là Việt lý hay Việt Nho. Đây chính là thứ triết do cộng đồng vun đắp duy nhất trên thế giới bảo tồn được hạnh phúc gia đình, với chủ thuyết Âm dương chân chính. Địa vị của người đàn bà trong văn hóa Việt Nam rất cao, nước ta từng một thời là văn minh mẫu hệ. Lệnh ông không bằng công bà (đàn ông cầm quân xuất trận và ra lệnh cho binh tướng, nhưng khi nghe bà xua công thì phải rút quân về). Nhiều người Việt học hành không đến nơi đến chốn, muốn ép Việt Nam đi theo văn hóa Âu châu, ấy là vì họ chỉ nhìn thấy sự hào nhoáng bên ngoài cùng sự may mắn về kinh tế của Âu châu mà thôi, họ chưa nhìn được căn bản rằng các triết học của châu Âu không có hoạt lực và khuyến khích cuộc sống buông tuồng. Chính vì vậy, con cháu của châu Âu sống trong bầu văn hóa cổ động đa dục. Du học sinh Á Châu, nhất là các bạn sinh viên nữ Việt Nam, ở trong nước thì còn giữ gìn trinh tiết nhưng sang tới Tây Âu thì sống buông thả. Các bậc phụ huynh tự hào con gái học giỏi được cử du học, thì nằm với hết chàng này sang chàng khác, sang đó một thời gian ngắn có thể gọi là đàn bà tà dâm. Phụ nữ Việt Nam sang, nhiệm phải lối sống ấy, thường xuyên đi nằm lang với trai lạ, thường xuyên cầm sừng chồng. Ấy là ví dụ cho thấy Việt đạo đã mất rồi. Ở trong nước, các chị em cũng tập tành ngoại tình, gia đình tan nát lúc nào không hay, mà gia đình là đơn vị cấu thành xã hội cho nên kéo theo là cả một xã hội Việt Nam băng hoại.

Nhất âm nhất dương chi vị đạo ( một âm đi với một dương thì thành đạo). Cần khôi phục lại đạo trong văn hóa Việt Nam. Nếu khôi phục thành công triết Việt Nho thì

lấy triết đó không những cứu được nước Việt Nam, mà còn có thể cứu vãn cho cả nền văn minh thế giới đang suy đồi. Đó là nỗ lực mang tầm thế kỷ của triết gia Lương Kim Định, Hội đồng quốc dân nguyên lão, và các bạn trẻ trong Nghiệp đoàn sinh viên Việt Nam.

Ví dụ về nền văn hóa châu Âu cổ động đa dục cho thấy, dân châu Âu là thân xác lỏng bên ngoài của tư tưởng Hy-lạp luồn vào trong. Vì vậy để giải thích trạng huống của hai dân ấy ngày nay thì không có cách nào khác ngoài phương pháp huyền sử, tìm lời giải ở câu chuyện đầu tiên thuở dân này mới thành hình. Giải thích trạng huống của dân Việt Nam hay bất kỳ dân nào trên thế giới ngày nay cũng vậy, cần đi đến nguyên ủy trong nhận thức cộng đồng của dân đó.

### **Chương 3: Khái niệm huyền sử**

Khái niệm huyền sử được đưa ra để phân biệt với khái niệm lịch sử. Người đầu tiên đưa ra khái niệm huyền sử là triết gia Lương Kim Định của Việt Nam. Kim Định cũng là người đầu tiên phác thảo bộ môn huyền sử trên toàn thế giới.

Cả huyền sử và lịch sử làm nên sử. Nói cách khác, sử gia đồng thời phải thạo các ghi chép sử học có đề ngày tháng, nơi chốn, đồng thời phải biết về huyền sử của các dân tộc để giải thích tiên trình của dân đó.

Trong cuốn Thần người và đất Việt, nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường cũng sử dụng phương pháp huyền sử, tuy không được khúc chiết mạch lạc cho bằng giáo sư triết khoa Lương Kim Định.

Cả hai ông đều đồng ý với nhau rằng các tên thần được giải thích bởi văn hoá dân tộc, như các linh tượng mà người đời gán ý nghĩa vào đó và chỉ có phương pháp huyền sử mới có lời giải thích thoả đáng. Huyền sử cho phép giải thích một cách lớp lang sống động những hành vi lặp lại của một dân tộc.

### **Chương 4: Phân biệt thần thoại và nhân thoại**

**Thần thoại được hiểu là những huyền thoại kể về các vị thần và các vị thần ấy sống tách biệt với thế giới loài người. Trong khi đó, nhân thoại cũng là huyền thoại kể về các vị thần nhưng các vị thần này sống lẫn lộn với loài người, sự phân cấp giữa người và thần trong nhân thoại mờ nhạt đến nỗi người có thể thành thần (chí thành như thần) sau một chiến tích nào đó gây dựng được trong đời sống. ( ? )**

Ví dụ, huyền thoại về các vị thần trên đỉnh Ô-lym-pi-a của dân Hy-lạp là thần thoại. Các vị thần ấy ít khi xuống núi. Nếu có thì như thần Dớt trốn vợ là nữ thần Hê-ra để quan hệ tình dục (ngoại tình) với con gái loài người. Nói chung giữa người và thần không có mối liên hệ thường nhật và liên tục. Điều này dẫn đến việc giai cấp quý tộc Hy-lạp xa rời với thường dân, chế độ nô lệ ở Hy-lạp kéo dài dai dẳng (khoác áo dân chủ đại nghị nhưng chỉ dành cho công dân chọn lọc). Nhất là nạn đa thê, mỗi quý tộc nuôi nhiều hầu gái và các hầu gái đó lại lén lút với khách khi chủ nhà đi vắng. Xã hội Hy-lạp là sự mô phỏng lặp lại thế giới các vị thần trên đỉnh Ô-lym-pi-a, không hơn.

Ở viễn Đông, nhân thoại đáng kể nhất là chuyện ông Bàn Cổ. Bàn Cổ tổ loài người nhất nhật cửu biến (một ngày biến hoá chín lần). Nhân thoại này tạo cảm giác ông Bàn Cổ cũng là người, đồng thời tạo niềm tin cho khối đông dân Viễn Đông tin rằng cuộc đời này như một hành trình tiến hoá để mỗi người đạt đến một trạng thái cao hơn, trí thức viễn Đông thì sống động sùng sục như ông Bàn Cổ, làm gì cũng chí cùng chí cực.

### **Chương 5: Sự trung dung của nhà nghiên cứu Triết Văn**

Trong sách Chữ Thời, chương Tìm về căn cơ thời gian (chương IX), phần bài thơ Vương đạo (phần 1), giáo sư triết khoa Lương Kim Định có định nghĩa rằng Minh triết là gì nếu không là lưu tâm đến tất cả và giữa những đối lập thể thiết lập được mối cầu thông cảm. Đây cũng cơ thể gọi là dàn hoà hai mảnh đối kháng, thị phi để an nghỉ chỗ cho Quân Thiên (équilibre céleste), vượt lên trên thị phi, lướt nhẹ trên phải trái vốn thuộc bình diện đối kháng mâu thuẫn để vươn tới bình diện Thái Hoà. Trong quá trình ấy cần đặt quan trọng vào Tâm, vào Đạo. Đây cũng gọi là Quân tử thân đẳng đẳng. Nếu đọng lại một góc nào đó như kiểu các thứ duy (duy vật, duy tâm...) thì không còn là Vương đạo, chẳng thể là Triết Vương, vì không phải là thái độ sống của bậc minh triết. Nếu có chọn lọc thì được kim mất mộc, được thủy mất hỏa và thế lại là mằm mống cho đấu tranh thủ tiêu, nghĩa là xa rời với tôn chỉ nền móng Vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại (Vạn vật cùng sinh sống mà không làm hại nhau.)

Trong chương trình đào tạo Triết Văn cũng vậy, những người chủ trương chọn lọc chủng tộc, chọn lọc giai cấp không thể đi được đường dài.

Thánh nhân dữ thiên địa hợp kỳ đức. Con người thánh thiện là ngã ba, là nơi hội giao giữa Trời và Đất, cho nên lại càng phải trung dung. Có trung dung mới thấu hoá được tất cả những luồng tư tưởng đối lập, làm việc được với tất cả mọi hạng người. Đây gọi là *Tứ hải giai huynh đệ*.

Ta nói trung dung không có nghĩa là cào bằng. Mỗi nhà nghiên cứu Triết Văn đều cần có lòng tự tin dân tộc. May thay, lòng tự tin đối với triết Việt Nho không phải là tự hào dân tộc quá khích, khi các triết gia lớn Tây phương cũng phải sững sờ trước sự siêu việt của triết ta. Trong khi triết của các nước đặt ở thiên hay ở địa, tức là đặt ở ngoài mình thì triết Việt Nho lại đặt tiêu chuẩn nơi mình ( quy kỳ). Đây là một nền nhân bản có sức hội tụ ( converge) cực kỳ mạnh mẽ. Sống là quy tụ, sống là thống nhất.

Sau đó, việc nghiên cứu thêm triết của các dân khác mang tính tùy phụ lá cành, so sánh đối chiếu. Cốt lõi của chương trình đào tạo cử nhân Triết Văn cho Việt Nam, theo chúng tôi, vẫn là triết Việt Nho. Tất nhiên, mục đích cao hơn nữa không dừng lại hay bó buộc trong sách vở mà là mục đích tổ chức đời sống xã hội sao cho đạt cảnh hoà lạc an vui, người học Triết Văn có nghĩa vụ gieo mô hình đó ra cho thiên hạ, càng rộng càng tốt, không cứ riêng gì chật hẹp trong lãnh thổ một nước mà cụ thể ở đây là Việt Nam.

---

---

*Thế theo lời yêu cầu của Sinh viên Lê Tín. Editor in chief của Nghiệp đoàn Sinh viên Việt Nam trước đây. Khi mở và đọc **Giáo trình Triết Văn** gồm 9 chương của trang Nghiệp đoàn, trong đó có đề cập tới Vấn đề Huyền sử, qua công trình của Triết gia Kim Định chúng tôi xin trích dẫn một số ý kiến về Huyền sử cũng như đóng góp một số ý kiến để rộng đường dư luận..*

*Trước đây, Vua Tự Đức cho **Huyền thoại Tiên / Rồng là ” chuyên trâu ma thần rắn “**, các nhà Duy Lý thì cho là “ **chuyện hoang đường** “ , theo Triết gia Kim Định thì Huyền sử của các Huyền thoại chính là nguồn mạch của Lịch sử, cũng là **Hồn của Sử mệnh Dân tộc**.*

---

---

## **B.- PHẦN HAI**

### **HUYỀN SỬ**

#### **Năm Điển chương Việt**

**Làng xã, Kinh Hùng với Trống Đồng Ngọc Lũ ( Đông Sơn ) là 3 chân của cái kiềng vàng Văn hoá Việt tộc.**

**Trống Đồng như điển chương tiềm ẩn u linh.**

**Kinh Hùng là phát ngôn viên bằng Huyền thoại.**

**Làng xã là chứng nhân cụ thể sống động, là xương thịt, huyết khí của hai điển chương cao cả kia.**

**Còn Kinh Dịch, Trung Dung là nền tảng và tinh hoa của nền Văn hoá Việt.**

## **DIỄN CHƯƠNG I : HUYỀN SỬ**

**Triết gia Kim Định với Huyền sử**

### **I.- NGUỒN và GỐC**

**Lãnh vực và đường hướng nghiên cứu nguồn gốc Văn hoá Việt Nam**

*( Việt Lý Tố Nguyên. Kim Định )*

Các chủ trương về nguồn gốc Việt Nam có thể chia ra làm hai loại một là **Cổ truyền** hai là **Tân học**.

Cổ truyền mở đầu sử bằng họ Hồng Bàng, Lạc Long Quân với 18 đời Hùng Vương và các truyện đi kèm như chép trong sách **Lĩnh Nam Trích Quái...** Những câu truyện đó đã từ lâu trở nên bất hủ trong tâm trí tiền nhân ta, khiến cho con cháu vẫn sống an vui với niềm tin kiêu hãnh mình là **con cháu Tiên Rồng**.

Thế rồi một buổi sáng kia vào cuối thế kỷ 19 người Pháp lập ra “trường Viễn Đông bác cổ” để nghiên cứu về môn tiền sử Việt Nam theo phương pháp khoa học nghĩa là đào xuống lòng đất để tìm ra di tích cụ thể và sau đây là kết quả.



Theo những tìm tòi nghiên cứu đăng tải qua nhiều chục năm trong tờ BEFEO (tập san của trường Viễn Đông bác cổ xuất bản từ năm 1901) thì đại để có thể xếp những đợt Văn minh đã trải qua trên đất Việt Nam như sau: Văn minh Cổ thạch ở Hòa Bình: gồm những đồ đá có đục lỗ (một điểm chưa hề thấy nơi khác) thuộc giống người Mêlanê cùng giống người Mã Lai sống vào lồi 12.000-10.000 tr.cn. Đây là thời đang chuyển mình từ Cựu thạch (đồ đá rất thô) sang Tân thạch (đồ đá mài)... do bà Madeleine Colani tìm được.

**Văn minh Tân thạch ở Bắc Sơn:** với đồ đá có đường mương tìm được ở giữa hai tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên do ông Henry Mansuy. Đây là Văn minh của giống người Anhdônê xem ra từ Ấn Độ đến, ngôn ngữ thuộc nhóm Mon-Khmer. Sau đó còn một giai đoạn tiến bộ hơn nữa vì đồ đá đã có tay cầm (hache à tenon) khiến người ta nghĩ rằng đây có thể là giai đoạn trung gian giữa **Thạch khí và Kim khí** sẽ tìm được ở Đông Sơn.

**Văn minh kim khí ở Đông Sơn:** tìm thấy ở tỉnh Thanh Hóa gần cầu Hàm rồng. Đây là một bước tiến vượt bậc từ **Thạch khí sang thời Đồng đen** mà nổi nhất là những trống Đồng chạm trổ rất mỹ thuật, xem ra cũng thuộc giống người Anhdônê, nhưng có kèm nhiều tang vật của Tàu như tiền đời Vương Mãn, gương soi mặt đời Hán v.v... Ngoài ra còn tìm được cả di tích của người da đen, Úc châu, giống Mông Cổ, nhưng tuyệt nhiên không gặp được khúc xương nào của Rồng hay cái trứng nào của Tiên dù chỉ là “**bọc trong su si da cóc**”! Thế là tan giấc mộng đẹp ngàn năm của “**con Rồng cháu Tiên**” mà người Việt đã áp ủ qua nhiều thế hệ. Từ đó người trong nước đâm ra hoang mang về nguồn gốc Dân tộc của mình rồi cũng như trong mọi vấn đề khác đã chia ra hai phe là Kim và Cổ.

**Phe cổ** thì nuối tiếc những niềm tin cố cựu, nên đứng lên bảo vệ, nhưng lý luận nặng về tình cảm mà nhẹ về khoa học, nên không đủ sức cầm chân phái Tân học có thù lý chứng khoa học, để lao đi tìm nguồn theo hướng mới. Phần đông họ theo chân Olov Janse đi **tìm nguồn nơi các dân Anhdônê, Mêlanê...** Một số khác **tìm nguồn về phương Bắc** nhưng rút gọn lại cho rằng gốc tích người Việt từ Trung Hoa di cư sang đây trong thời Bắc thuộc nghĩa là tụ trung cũng giống như phái cổ nhưng cắt bớt đi vài ngàn năm đầu bị cho là quái đản.

Đó là đại khái tình trạng về việc tìm nguồn của nước ta.

Hôm nay đến lượt **chúng ta lại cất bước lên đường tìm về Nguồn gốc Dân tộc** chúng ta sẽ theo ai? **Thưa không theo ai hết vì chẳng có ai đáng theo cùng đường.**

Phái Cổ thì quá cổ, cứ tình cảm mãi đứng sao nổi giữa thời khoa học; còn phái Mới lại quá đập phá chẳng tin chi hết, như vậy đã chắc gì nói lên được sự thực phức tạp, vì thế tôi gọi họ là Duy sử (historicisme).

**Duy sử** là một hình thái áp dụng duy nghiệm hay óc tôn thờ khoa học vào lãnh vực sử. Duy sử như vậy khởi đầu là một phản ứng mãnh liệt chống lại những sử lưu truyền phần nhiều vu vơ thiếu tính chất khoa học. Họ chủ trương cần phải đặt lịch sử trên nền móng vững chắc có bảo đảm. Chúng ta phải nói ngay rằng đó là một **chủ trương rất chính đáng, tuy nhiên vì là mới mẻ nên có những quá trớn.** Điều quá trớn đầu tiên là họ **áp dụng khoa học vào những chỗ không thể áp dụng hay chỉ nên áp dụng cách có chừng mực.**

Thí dụ những trang đầu lịch sử của một dân mà người ta quen gọi là **tiền sử, ngoại sử, ở đâu cũng thường chứa rất nhiều Thần thoại.** Những trang sử ấy xét theo trí óc người **khoa học Duy lý** thì nó **chướng tai gai mắt, nên thế kỷ trước hết mọi lịch sử đều bị họ cắt đầu, cả đến lịch sử các tôn giáo lớn cũng không thoát: sử Đức Jesus bị chôi tuột, sử Phật tổ được giải nghĩa như thần 6 thoại mặt trời...** Vì thế Duy sử đã gây nên nhiều công phẫn với cả một phản ứng quật ngược trở lại. Người khai hỏa đầu tiên có lẽ chính là **Nietzsche:**

**Ông gọi Thần thoại là những chòm sao làm nên vòm trời của Văn hóa, của Mỹ thuật nhất là Thi ca, Điêu khắc, Jội họa, đến nỗi nếu phé bỏ Thần thoại thì hầu hết mọi nền Văn hóa và Mỹ thuật sụp đổ.**

Chỉ việc rở lại những trang đầu Lịch sử các Dân tộc đều thấy có Thần thoại hết, đến nỗi ta có thể ví **những trang đầu lịch sử như tuổi thơ ấu của một Dân tộc.** Một người khi còn **thơ ấu thích mơ mộng, thì mỗi dân nước cũng có giai đoạn khai sinh nằm chìm vào cõi âm u đầy mộng tưởng, dự phóng...** và thường được truyền lại về sau như có thực, mà quả nhiên có thực không cách này thì cách khác, vì sự thực có nhiều khía cạnh: **khía cạnh khách quan chưa biết lớn hay nhỏ nhưng khía cạnh Tâm lý Tình cảm, Mỹ thuật “thì có thực và rất lớn lao”, đến nỗi không thể và không nên đem ánh sáng “khoa học” thực nghiệm vào để đánh giá.**

## **Làm thế là kéo sụp đổ cả một Vũ trụ Tâm linh, Tình cảm, Mỹ thuật.**

Hiện nay những điều nhận xét trên đây có thể tìm thấy nhan nhản trong rất nhiều địa hạt: **Triết học** (xem Mythe et métaphysique của Gusdorf) **Nhân chủng học** (Levi Strauss), **Xã hội học** (Gurvitch...), **nhất là Phân tâm** (Freud và nhất là Jung)v.v... **Tất cả đều khám phá trở lại giá trị của Thần thoại đến nỗi có thể nói bầu khí Văn hóa thế kỷ trước là Logos (duy lý) thì thế kỷ này là Muthos mà ta có thể dịch là Vô ngôn.**

Như thế là chúng ta đang tiến từ giai đoạn **Hữu ngôn** (Logos) của thế kỷ trước để đi sang **Vô ngôn** ở thế kỷ này với hậu quả là những “khám phá” của Fraser, Durkheim, và Levy Bruhl về “**tu tưởng tiền niệm của những sắc dân man rợ**” đến nay bị coi là những sai lầm vì đã không hiểu nổi ngôn ngữ của Thần thoại.

Sở dĩ gọi là **Vô ngôn** vì chữ **Thần thoại** cùng gốc với chữ **câm** (Muthos = mutus) nhưng không là câm vì tật nguyên mà vì óc tế vi trước những cái âm u sâu thẳm của con người không thể nói ra nên phải dùng lối “**nói mà không nói**” của **những Thần thoại truyền kỳ**: nó không nói cho Lý trí, là lối nói thẳng = nói sao hiểu thế, nhưng nó **nói đây mà phải hiểu kia, phải vượt ra ngoài lời nói để tìm giữa những dòng chữ những khe lời cái nghĩa tàng ẩn của nó. như vậy Thần thoại là một lối nói bất người nghe phải vận dụng nhiều cơ năng**: không những lý trí mà cả Tâm tình nên gọi được là nói với Tâm hồn và chính vì vậy nên còn sống đến tận ngày nay vì in sâu vào lòng hơn cả những lời nói thẳng.

**Thời Duy lý không hiểu được điều đó nên chỉ đập phá bồi nhọ mà không tìm hiểu, nói khác óc Duy sử còn mang nặng tính chất tiêu cực nên đang bị vượt qua.**

Đó là nói về bên Tây Âu. Bên các nước chậm tiến thì các ông Duy sử vẫn còn đang say sưa với “khoa học” nên vẫn còn đập phá mạnh, gây nên cái mà học giả Tây phương kêu là “**lòng nhiệt huyết của đám Tân tông**” (le zèle des néophytes) ở tại **muốn “khoa học” hơn các nhà sáng lập ra khoa học**, thí dụ sách Hàn Phi Tử mà Hồ Thích cho là tạo hết chỉ giữ lại có 7 chương! Một tay Duy sử như Maspéro mà còn phải cho đó là quá đáng (Maspéro 431, 441).

Về Kinh Thư rất nhiều học giả bên Viễn Đông (Naito, Hồ Thích v.v...) cho là bịa hầu hết, nhưng các học giả như ông Creel hay Needham sau khi đã đọc rất kỹ các

lời khắc ở các đồ đồng nhà Thương (thế kỷ 17-12) lại cho là đáng tin cậy đến quá một nửa... (Creel 241, 253). Sở dĩ có hai sự khác biệt giữa Duy sử Đông Tây như vậy là vì óc Duy sử có bên Tây trước nên đã ngẫu đủ, còn bên Đông phương mới có sau chưa kịp vượt qua giai đoạn mà tâm lý kêu là “dùng lúc không cần” (usage gratuit). Người mới mua cái xe lần đầu bao giờ cũng đi nhiều hơn là việc đòi hỏi. Các ông duy sử Đông phương cũng vừa mới tậu được ít kiến thức khoa học nên bả chỗ nào cũng áp vào khiến cho những học giả già tay thương hại cho họ là đập phá vì **không biết phân biệt phạm vi Văn hóa với Sử học và Sử học với Khảo cổ** (Danses 27).

Khảo cổ vì hoàn toàn câm nín hẹp hơn Sử, Sử hẹp hơn Văn hóa, còn vì Văn hóa bao hàm cả óc tưởng tượng. Đại để đó là chỗ quá trốn chung của Duy sử.

Bây giờ chúng ta cần phải nói đến một **lỗi lầm riêng của Duy sử Đông phương đó là đem phạm trù Tây phương áp dụng y nguyên cho thực thể Đông phương**. Thí dụ các ông Duy sử ta khinh bỉ những trang Huyền sử nước nhà như **Hồng Bàng, Âu Cơ, Hùng Vương v.v...** vì những sách chép mấy truyện đó mới xuất hiện từ lỗi thế kỷ 14, 15 trở lại đây chứ trước kia không hề có. Luận lý như thế là tỏ ra chưa thấy sự dị biệt giữa Đông và Tây. **Bên Tây có thể nói tác giả sách chỉ là một cá nhân còn bên Đông phương thì tác giả sách thường là dân gian, nhiều đời dân gian như trường hợp các sách Kinh điển, Kinh Thi, Kinh Dịch và Cổ điển như Tam quốc, Thủy Thử, Tây Du Ký...** (sẽ bàn kỹ ở chương VI), ở đây xin chỉ lấy **Tây Du Ký điển nghĩa** làm thí dụ.

Sách này mới do Ngô Thừa Ân viết từ thế kỷ 16, nhưng không vì thế mà có quyền bảo là những truyện trong sách đó mới được đặt ra từ thế kỷ 16, trái lại nó đã bắt đầu được “sáng tạo” dọc dài qua 10 thế kỷ trước, nghĩa là từ lúc có việc Huyền Trang đi thỉnh kinh. Trong vòng 10 thế kỷ đó đã có không biết bao nhiêu là “tác giả” kể đi kể lại, mỗi lần gia giảm thêm vào một ít đến nỗi làm cho truyện Tây Du khó lòng còn chứa được một phần mười sự thực... Vì thế không nên lấy thời Ngô Thừa Ân làm mốc giới để chối những “tác giả” đi trước ông, vì ông chỉ là tác giả cuối cùng, có công lớn hơn các “tác giả” đi trước. Trường hợp Lý Tế Xuyên tác giả “Việt Điện U Linh” hay Trần Thế Pháp viết “Lĩnh Nam trích quái” cũng phải được quan niệm như thế. Không nên nói họ là tác giả theo nghĩa 8 một mình họ đã tạo ra. Họ có “sáng tác” thêm, nhưng phần thêm này không sao át nổi phần đóng góp của rất nhiều người vô danh trong các thế hệ trước.

**Điểm thứ hai là không nên vì thế mà bảo các thế hệ trước đã bịa ra hoàn toàn không có một chút sự thực nào ở khởi đoan. Nhất định có nhưng trải qua nhiều đời nên không còn dễ nhận ra được. Hãy nghĩ đến quãng thời gian giả thiết tự Hồng Bàng đến Trần Thế Pháp cũng có tới 40 thế kỷ, thì các sức “xuyên tạc” còn nặng biết bao. Mới có chừng mười thế kỷ mà Huyền Trang bị Tôn Ngộ Không một nhân vật không tưởng choán vai chính hưởng chi là hơn 40 thế kỷ, thì hỏi còn được mấy ti sự thật khách quan. Nhưng dù ít tới đâu cũng có thể nhận ra mấy nét đại cương đại khái như sau.**

**Trước hết là cách đây lối dăm mười ngàn năm có một nhóm dân từ phía Tây Bắc tiến dần xuống phía Đông Nam và lan toả khắp nước Tàu. Trong đoàn người mênh mông đó, có từng người chỗ này, từng gia tộc chỗ kia ở những thời khác nhau, vì những lý do rất phức tạp (loạn lạc đói kém) tiến mãi xuống đến miền Cổ Việt và trải qua một thời gian dài từng nhiều ngàn năm (không thể quy định) đã lập ra một nước mà ngày nay ta gọi là Việt Nam.**

**Bước thứ hai là trong cuộc Nam tiến trường kỳ đó mỗi người đến nước Cổ Việt mang theo một ít truyện tùy theo nơi xuất xứ, những Truyện cổ đó được kể đi nói lại thêm bớt qua nhiều đời để cuối cùng thành ra câu truyện “đầu Ngô mình Sở” bị người Duy sử khước từ nhưng Huyền sử lại chấp nhận chính vì tính chất “đầu Ngô mình Sở” vì cho rằng có thế mới hợp cho tình trạng Việt Nam một dân tộc mang nặng trong mình tính chất đầu ngô mình sở nghĩa là một đoàn người rất hỗn chủng do người bản thổ Mélanê, Anhdônê cũng như do nhiều lớp người di cư từ phương Bắc tràn xuống. Họ đã đi qua nhiều miền trong đó Chiết Giang có, Lạc áp có, và nhất là miền Kinh Sở... Họ di cư dần dần theo đường Nam tiến, để cuối cùng dừng chân lại nơi nước Việt Nam.**

**Trong thời kỳ hình thành của nước này mỗi nhóm “đóng góp” một ít truyện, không ai có thể nói rõ mỗi nơi đã đóng góp bao nhiêu, nhưng cũng không ai có quyền chối cãi rằng đã có thể xảy ra như thế, đúng hơn không thể xảy ra khác.**

Hai điểm trên đều là những sự kiện hiển nhiên đến nỗi chẳng ai nghĩ đến chối cãi và có nói lên cũng không đóng góp thêm chi vào việc tìm nguồn gốc Dân tộc.

**Nhưng sở dĩ phải nói lên vì chúng đã là đầu mối khai sinh ra các truyện được  
thâu nhập lại trong Việt Điện u linh hay Lĩnh Nam trích quái.**

Đó toàn là những truyện đầu Ngô mình Sở nhưng lại nói lên một sự thực thuần nhất như một thực thể sống động, đó là thực thể Văn hóa. Và vì thế có thể xác định được nội dung bằng dựa trên căn cứ vững chắc hơn như Thể chế, Phong tục, Xã hội học, Kinh điển v.v... để làm nền móng cho việc quy định nội dung những câu truyện thần tiên kia. Giá trị sự thử xác định cao hay thấp tùy thuộc vào việc sử dụng các nền móng nọ. Vậy không nên nói là thiếu nền móng mà chỉ nên nói là việc khai thác những nền móng đó rất tế vi uyển chuyển.

**Vì Huyền thoại là tiếng nói của Tiềm thức cộng đồng khác với Lịch sử là phạm vi của Lý trí.** Nhưng vì trong thực tế không thể phân biệt hẳn hai phạm vi nên hay có sự lẫn lộn nơi các “tác giả” kể các tác giả có viết sách thực sự, nên đây rầy những lẫn lộn “ông nói gà bà nói vịt”. **Bà là tiềm thức nói về thực tại bao la như Văn hóa, còn ông Lý trí lại đi nói về thực tại rõ rệt như Chính trị.**

Vì thế cần thiết lập một môn mới để khai thác các nền móng kia mà môn đó tôi muốn thử khai mạc ở đây và xin đặt tên là Huyền sử. Huyền sử Chử Huyền nói lên tính chất u linh (Việt điện u linh cũng như Lĩnh Nam trích quái) còn Sử đi với Huyền là một thứ sử rất mừng lung với những niên kỷ co giãn như cao su kiểu 18 đời Hùng Vương, với nhưng bờ cõi chập chờn trôi sụt và rộng mênh mông của các nước Xích Quỷ, Văn Lang. Vì lơ mơ nên duy sử cho là mơ hồ quái đản đáng thải bỏ, ngược lại nếu là thi sĩ thì lại chấp nhận trọn vẹn kiểu nghĩa đen. Hai tâm hồn đó không ở với nhau được. Nhưng cả hai đều đáng quý, vì cả hai đều có những đóng góp rất giá trị cho sự tiến hóa của con người.

**Vì thế Huyền sử muốn mở ra một đường hướng giàn hòa hai phe Tân Cựu:** nó muốn duy trì hồn Thơ mộng của các cụ xưa, đồng thời áp dụng đúng mức phương pháp Khoa học của thời nay: **nó muốn là một nhà khoa học ưa thích hồn thơ, hay muốn mơ mộng nhưng lại theo lối khoa học.**

**Để được như thế nó tính đi lối toàn thể, nghĩa là dùng tất cả Khảo cổ, Lịch sử, Văn hóa, Văn chương, Truyền kỳ, Thần thoại, và nhất là lối nhìn Toàn cảnh:** đặt nặng trên những điểm tựa có đảm bảo để tìm đọc ra những gì ẩn hiện mừng lung, và cuối cùng dẫn đến một thứ Triết sử, hay là Văn hóa sử không là Văn học cũng không là Văn minh. Đây là một lối mới tuy hiện nay bên Âu Mỹ cũng đã có

trào lưu “phục hưng” Thần thoại nhưng mới bằng cách đi tìm ý nghĩa của nó. Đó mới là sự nghiên cứu về, tức một tri thức suông; còn **Huyền sử thì muốn là một sự đi về với cả Tâm hồn để sống lại những đức tính tiềm ẩn trong đó để được cảm hóa theo** (nên gọi là Văn hóa theo nghĩa uyên nguyên).

Sở dĩ **Huyền sử** dám tham vọng to lớn là vì có một đặc điểm của nền Văn hóa **Viễn Đông** cần được bàn rộng ở đây. **Viễn Đông** khác **Tây phương** xưa về Văn hóa: **đang khi ở Tây phương người ta chú trọng nhiều đến Chính trị Nhân chủng Địa dư (1)... nghĩa là những gì khách quan có thể tìm ra được di tích, thì bên Viễn Đông lại chú trọng nhiều nhất đến Văn hóa một cái gì mung lung cần nhiều đến Thần thoại, Truyền kỳ...**

Lịch sử Trung Hoa cổ đại là lịch sử của một nền Văn hóa hơn là Lịch sử của một nước, một quốc gia (như sẽ bàn rộng sau trong sách này). Căn do sâu xa của sự kiện này đã được chúng tôi bàn phớt qua trong Cửa Không (chương ba) về quá trình tiến hóa của **Tâm thức con người xuyên qua ba nấc: Bái vật, Ý hệ, và Tâm linh. Trong Nhân bản gọi là Thiên khởi, Địa khởi, Nhân khởi, và Tâm linh** trong quyển “Căn bản” kêu là Văn tổ.

Phải dùng nhiều bộ thành ngữ khác nhau như vậy mới biểu thị được những nét tế vi của một thực thể cực kỳ phong phú. Nhưng dù có dùng nhiều danh từ khác nhau đến đâu thì tất cả đều nói lên sự êm đềm của cuộc cách mạng được thực hiện do Nho giáo, và vì êm đềm nên thành công (xem bài III cuốn Tâm Tư về luật “mạnh chống mạnh chấp”).

Sự thành công đó là tự Bái vật đi lên Văn tổ, **đang khi bên trời Tây Socrate đã phá Thần thoại quá rầm rộ nên cuối cùng đọng lại ở đợt Ý hệ, mà Ý hệ là hậu quả của óc Duy lý, đã Duy là thiếu tính chất mãnh liệt của Toàn diện, vì thế Văn hóa Tây Âu không thấm nhuần đời sống sâu rộng như Văn hóa Á Châu.**

**Một trong những hệ quả đó là tác giả Tây Âu hầu hết là cá nhân dùng nhiều Lý trí, còn bên Viễn Đông là công thể (communauté) là dân gian, vì dân gian thường là phát ngôn viên của Tiềm thức cộng thông. Nói Cộng thông vì nó là tiếng nói của những ước vọng, nhu cầu sâu thẳm thuộc Nhân tính mọi Người, đến nỗi người ta không cần ý thức cũng cảm được lơ mơ.**

Bởi vậy tiếng nói của nó khá trung thực để biểu lộ những sự thực bao la vượt lý trí cá nhân vì thế được gọi là nền “Minh triết các quốc gia” (la Sagesse des nations) hay ngày nay có khi Tâm phân kêu là nền “Minh triết tự phát”, “Minh triết vô thức” (inconscient Wisdom) để chỉ tính chất đột khởi, hồn nhiên chưa bị ý hệ xuyên tạc, nguy tạo như nơi cá nhân ý thức.

Tuy nhiên cách biểu lộ của nó rõ rệt ít mà lơ mơ nhiều. Bởi vì ở đây Tiềm thức phải giải quyết một khó khăn như sau: **đối tượng của Tiềm thức là không thể nói, bởi vì nói là chẻ nhỏ ra để xác định: mỗi danh từ chỉ trở có một việc, đã chỉ bút thì thôi mực... Vậy nên nói ra thì là rút nhỏ đối tượng để xác định, mà đối tượng đã xác định thì hết là “cộng thông” tức không còn chung cho nhiều nơi và nhiều đời.**

Và đây là **cách giải quyết của Tiềm thức: nó dùng ngay những chữ đã có xác định, những dữ kiện riêng biệt thuộc từng nơi rồi róc hầu hết ý nghĩa riêng tư đi để chúng trở thành biểu tượng hoặc là Linh tượng dạng chỉ đối tượng lớn hơn.**

**Để biểu thị sự di chuyển ý nghĩa đó khỏi dữ kiện cũ thì những danh nhân, địa vực được dùng làm biểu tượng thường bị gắn thêm vào những cái phi lý hay đúng hơn là ngoại lý, như người đẻ trăm trứng, hay sống nhiều trăm năm, ở nhiều nơi... Hùng Vương có 11 ông sống ba bốn trăm năm thí dụ... Vậy khi ta thấy những dấu đó thì biết nhân vật đã đi vào Huyền sử, nghĩa là phần Sử còn lại rất ít để nó có thể trở thành Huyền bí đa dạng.**

Một nhân vật có thể đóng những vai trò trái ngược thí dụ **Si Vưu** trong lịch sử là một Tù trưởng của Viêm tộc, có thể đồng thời là bạo Chúa độc ác, nhưng đối với **Hoàng Đế xâm lăng** thì lại được coi như anh hùng đã tranh đấu cho nền Độc lập của dân tộc... Thế là dần dần Si Vưu trở nên một linh tượng sống từng nhiều trăm năm và được gán cho những đặc tính của dân tộc thí dụ có cánh (vật biểu chim) thích múa... **Hùng Vương nước Sở cũng vậy**, ban đầu được chọn vì một số ưu điểm nào đó thí dụ vì những người làm thành nước Việt Nam phần đông nhất đã đi qua miền Kinh Sở. Sách “Thế Bản” chép người Việt thuộc họ My với người nước Sở cùng một tổ, ta có thể nói là cùng một gốc Văn hóa nông nghiệp và rất có thể chữ My chỉ là chữ Mễ đọc trại đi, hoặc vì Kinh Sở là một nước đại diện hơn cả cho Viêm tộc trong việc đối địch với Bắc phương một cách trường kỳ... hoặc vì lý do



nào khác nữa không biết mà vua nước Sở được tiềm thức cộng thông chọn làm anh hùng của cốt truyện: nhưng một khi được chọn thì vai trò lịch sử của vua Kinh Sở bị xóa nhòa để trở thành dòng vua nước Văn Lang trải dài ra gần 3 ngàn năm. Tính chất Huyền thoại hiện rõ ra trong thời gian dài đằng đặc như vậy mà chỉ có 18 đời. (1) Vì đây đang trở lại nguồn nên nhiều danh từ phải dùng theo nghĩa cao cả xưa.

Thí dụ “phủ đắc dĩ sách ư địa lý” H.T.W. Vậy tôi dành chữ địa lý cho ý nghĩa cao cả này. Đó là đại khái tính chất u linh của tiếng nói Tiềm thức: dùng một sự kiện riêng tư nào đó để chỉ một sự việc khác to lớn hơn. Sự kiện riêng đó ta có thể gọi là **Sử**, còn **thực thể lớn lao kia là một cái chi khác thuộc Tôn giáo, Chính trị, Luân lý, Văn hóa... ta gọi là huyền. Huyền là bao la, là lơ mơ không rõ ràng. Nét Huyền này nổi bật ở nền Văn hóa Việt Nam vì nơi đây thì văn hóa là cốt, điều đó được chỉ thị bằng tên Văn Lang với bờ cõi mệnh mang từ hồ Động Đình đến Chiêm Thành...**

**Vậy Văn Lang không là một thực thể Chính trị cho bằng là một truyền thống Văn hóa chung khởi đầu cách đây lối “ngũ thiên niên sử” trong đó có hai khuynh hướng chống chọi nhau một bên là Pháp trị dùng đàn áp, vũ lực, một bên là lối Nhơn trị dùng Văn để cảm hóa. Phần đông những người từ phương Bắc di cư xuống Việt Nam yêu chuộng khuynh hướng thứ hai... nên coi đó như Di sản của nước mình. Và mặc dầu hiện nay về chính trị Viêm tộc chỉ còn giữ được có mảnh đất bé nhỏ làm chỗ dung thân cuối cùng nhưng trước kia bờ cõi họ lớn lao cũng như chiến sĩ họ đã ở khắp nơi trên nước Tàu. Vì thế Văn Lang phải rộng vì nó không là một quốc gia nặng về nghĩa chủng tộc chính trị, kinh tế nhưng là một thực thể văn hóa một Văn Lang, nghĩa là một thứ Bang căn cứ trên Văn, trên hiến, nên không nhất thiết ở hẳn đâu, ngược lại rất dễ vượt biên cương cũng như niên kỷ. Bởi thế cần phải nghiên cứu nó trong quá trình diễn tiến (génétique) chứ không trong trạng thái tĩnh chỉ như học về một quốc gia chính trị đã hoàn thành với bờ cõi đã xác định.**

**Cho nên khi nói đến bờ cõi nước Văn Lang thì không nên đóng gông lý trí vào Bắc Việt, nhưng phải để nó vươn lên đến Động Đình hồ là còn ít, phải lên nữa cho tới sông Lạc, sông Hà nơi “phát xuất” ra Lạc thư là cái cơ sở uyên nguyên của liên bang Bách Việt.**

Hiểu như thế thì Văn Lang sẽ trở thành một khẩu hiệu, một lá cờ cho một lý tưởng mà Việt Nam nhiều lần đã cầm lấy và phát lên như sẽ bàn kỹ về sau. Chính vì những lý do đó mà **những truyện thần kỳ của các đời Hồng Bàng, Âu Cơ được Huyền sử coi như “tờ bằng khoán” truy nhận tác quyền của dân tộc Việt Nam trên cái Di sản thiêng liêng của nền Văn hóa Viễn Đông.**

Bảo rằng **những truyện đó là bịa không thể sống nên vô ích** trong việc di dưỡng Tinh thần là nói sai. Nếu nó không có sức sống vậy tại sao chúng đã sống trải qua rất nhiều thế kỷ để trở thành bất hủ trong Tâm hồn người Việt.

Bảo rằng **không di dưỡng Tinh tình cũng sai**, phải nói rằng nó không di dưỡng lý trí thì có hay nói xác thực hơn là nó không di dưỡng lý trí của những người duy lý mà thôi, chứ nó vẫn di dưỡng tâm hồn biết bao người có óc thơ mộng như phần lớn người Việt Nam chúng ta, và đã được nhiều tác giả xưa ghi nhận là dân chúng say sưa với những câu truyện đó.

Vì thế bảo rằng **những truyện đó vô ích cũng là câu nói vô bằng**. Ngược lại người ta có thể ghi nhận điều này là tự ngày vua Tự Đức (tiền hô các duy sử) cho những truyện kia là “trâu ma thần rắn” thì cũng từ ngày đó bắt đầu cuộc tan rã tinh thần của dân tộc.

Đó có thể là một sự trùng hợp tình cờ, mà cũng có thể là một căn cứ hay ít ra là một dấu báo hiệu, bởi vì theo Huyền sử thì **tiếng nói của Lý trí thuộc cá nhân có tính cách khúc chiết rõ rệt** rất tốt để phân tích, cần dùng nó mới đi vào khoa học được, nhưng khi áp dụng vào xã hội loài người nhiều quá sẽ gây chia li như đã có bằng chứng ở các nơi Duy lý bên Âu Mỹ.

Ngược lại **tiếng nói Tiềm thức có sức tô đậm tinh thần công thể, óc đoàn kết** nhưng dùng quá đáng sẽ tiêu hao cá nhân, vì bị nhận chìm vào đoàn lũ.

Để tránh hai tai họa tiên hiền đã đưa ra **lối Tâm linh và ở đây ta gọi là Huyền sử mà tính chất của nó là phải uyển chuyển tùy thời.**

**Vậy đối với nước ta hiện nay thì trào lưu Văn hóa cá nhân Tây Âu đang làm tan rã tinh thần Dân tộc đến cùng tột.**

Vì thế chúng ta phải tìm trả lại cho Dân tộc một thế quân bình mới bằng **lay tỉnh Tinh thần đoàn kết quốc gia**, và cho được thế thì **cần đến ngôn ngữ của Tiềm**

**thức cộng thông** và lúc ấy chúng ta phải coi những trang **Huyền sử** như **Di sản thiêng liêng**, cũng như chúng ta nên ghi ân sâu xa tiền nhân đã để lại cho chúng ta những trang **Huyền sử** rất thanh tao trong sạch (khi so với **Thần thoại** nhiều nơi khác) và **thơ mộng** một cách vĩ đại.

**Rất có thể** những trang **thơ mộng** đó đã sửa soạn cho **Tiền nhân** viết nên những trang **sử oai hùng** về sau bằng cách **tăng trưởng ý thức** về **Việt Nam** như một **thực thể Chính trị** riêng biệt với nước **Tàu**. **Dầu sao** thì đó cũng là những **chòm sao xinh đẹp** đầu tiên đã hiện ra với **Tiên Tổ** và không có lý do nào lại **mất quyền lấp lánh** trên vòm trời văn hóa chúng ta.

Đây là những lý do khiến chúng ta hôm nay phải mở một **đường hướng** mới để làm một **cuộc hành hương** tìm về với **Hồn Tiên tổ**, kể cả những vị xa xăm nhất chỉ còn **phẳng phất** trong **thình không**, nhưng **giọt máu loãng** còn hơn **bát nước lã**.

Nói **kiểu khác** để mà **tóm lại** thì nếu **các cụ xưa** chỉ sống **Nho giáo**, mà ta gọi là **Duy linh sử quan**, còn **đám Tân học** nay lại chỉ căn cứ trên một số **sử kiện** khách quan quá **hẹp hòi** và ta sẽ gọi là **Duy vật sử quan**, thì chúng ta sẽ theo **lối Tâm linh sử quan** đặt **nặng trên** mỗi **liên hệ Văn hóa** (parenté de culture) hơn là **liên hệ Chính trị** hay **Nhân chủng** (parenté ethnique) hay **Chủng tộc** tức là **lối làm việc lướt nhẹ trên tang chứng khảo cổ**, mà lại **đặt nặng trên Thần thoại** được **soi qua ánh sáng khoa học** hầu **chắt lọc** nội dung của nền **Văn hóa** chúng ta trong những **bước chập chững** sơ thủy.

Những **Huyền thoại** cũng như **Truyền thuyết** là cái gì rất **mung lung** nên cần chúng ta **nắm vững** mấy **điểm then chốt** chẳng hạn **các định chế** của **Việt Hoa** cũng như **việc người Việt** di cư xuống **phương Nam** xuyên qua **bao ngàn năm lịch sử**... làm như cái **toàn thể**, cái **sợi dây chỉ đạo** mà chúng ta không được **rời xa** trong khi đi vào **rừng cổ học**.

**Như thế** là **con đường** chúng ta **tiến đi** theo **hướng Huyền sử** là những **trang đầu** của **Lịch sử**, nó **thuộc** những cái **Sơ nguyên** nên rất **giàu khả năng định hướng** quyết liệt vào cả một **dòng Sử mệnh** của **mỗi dân** **mỗi nước**.

**Lối học Huyền sử** khác với **Lịch sử**. **Lịch sử** phải có **niên kỷ** vì **ghi lại** những **biến cố** đã xảy ra trong một **thời**, một **nơi** nhất định. **Ngược lại** đối với **Huyền sử** thì **niên kỷ** ít **quan trọng** vì nó **bàn đến** những **truyện trường tồn**, những

**Chân lý vượt mốc giới của Thời Không: cái thật cho hôm qua vẫn thật cho ngày mai, không nên lấy niên kỷ ra mà hạn chế (le fond institutionnel est intemporel P.C. 20).**

Bởi vì các nhân vật của Huyền sử không còn là nhân vật Lịch sử, thân thể và sự nghiệp lịch sử của họ nếu thật có thì cũng đã được bào mỏng tanh để vượt khỏi bờ cõi của Không gian để đi mạnh vào Văn hóa.

**Những trang Huyền sử chung của Viễn Đông Vì Việt Nam với Trung Hoa cổ đại cùng một nền Văn hóa ít ra đại đồng tiểu dị nên Huyền sử của Trung Hoa có liên hệ mật thiết với Huyền sử của Bách Việt trong đó có Tiên Tổ chúng ta.**

**Do đó Trung Hoa cổ đại đối với ta phải có hai khía cạnh là Văn hóa và Chính trị. Thường tình người ta chỉ xem vào nước Tàu như một thực thể Chính trị mà quên đi mất khía cạnh Văn hóa chung trong quá trình hình thành tạo dựng.**

**Đó là điều thiếu sót cần được bổ khuyết.**

**Muốn lên tận đoạn đó chúng ta phải vượt qua giai đoạn Tần Hán để đi từ Khổng Tử trở lên đến quăng khuyết sử mịt mờ, lúc mà những tiền nhân ta còn sống dưới quyền hướng dẫn của họ Hồng Bàng trong miền Hoa Hạ tức từ bờ sông Lạc sông Hà và vùng Hồ Quảng, trong những miền đất của Kinh Sở, Mán, châu Dương, Động Đình hồ, An Huy (sông Hoài) Chiết Giang, Giang Tô, Bành Lãi. Đây là lãnh vực mà tiên tổ ta đã có những mối liên hệ về chính trị kinh tế, văn hóa với các dân chung quanh: và do đó đã lập thành cái nhân của dân tộc chúng ta.**

Có thể quả quyết rằng cái gì đã xảy đến cho những dân Man, Miêu, Thái, Ngô, Di, Dịch, Sở và nhất là Sở, thì cũng đã âm vang đến Tiền nhân ta.

**Bởi vậy cần phải coi Dương Tử giang như xương sống, các châu Kinh, Dương, Hoài, các nước Ngô, Việt, Sở các Hồ Động Đình, Bành Lãi, Thái Hồ như liên bang cùng chung vận hệ lịch sử... Đây là những vùng âm u, theo nghĩa không còn bờ cõi cố định với những sử liệu xác thiết, nhưng bó buộc chúng ta phải lặn lội tìm tòi nếu ta muốn tìm xa về Cội nguồn của nước nhà,**

vì đây là một thời mang nặng những nguyên tố cấu tạo nên Tâm thức của dân tộc nên ta coi việc nghiên cứu này như một cuộc hành hương tìm về với những trang Huyền sử rất nắm sai bài học và lúc ấy chúng ta sẽ thấy về **mặt Văn hóa thì Huyền sử nước Tàu không còn là của riêng nước Tàu nhưng trở thành Di sản chung cho cả khối Văn hóa của Liên Bang Bách Việt, nơi mỗi nước Viễn Đông phải tìm về và đưa ra một dịch bản soi sáng cho từng ngành văn hóa riêng của mình, sao cho duy trì được cả gốc chung cũng như cả ngành riêng.**

Bí quyết của sự thống nhất và đồng thời lại phong phú nằm ở đó.

Huyền sử Trung Hoa cổ đại gồm ba giai đoạn là Tam Hoàng, Ngũ Đế và Tam Đại:

1) Tam Hoàng là: Toại Nhân Phục Hy Nữ Oa Thần Nông

2) Ngũ Đế là: Hoàng Đế Chuyên Húc Đế Cốc Nghiêu Thuấn

3) Tam Đại: gồm ba nhà Hạ (Vũ) 2205 nhà Thương (Thành Thang) 1766 nhà Chu (Vũ Văn, Chu Công) 1122.

Về thứ tự tam Hoàng và ngũ Đế xếp theo Tư Mã Quang, còn Tư Mã Thiên lại cho Hoàng Đế vào Tam Hoàng. Những dị biệt này biểu lộ lối nhìn khác nhau sẽ bàn ở sau.

## **II.- Trong Kinh Hùng Khải Triết**

**Huyền sử là Sử của những Huyền thoại hay bộ Huyền thoại của Dân tộc. “ Huyền sử là Tự truyện của một Dân tộc, bao nhiêu những kinh nghiệm tích lũy từ không biết bao nhiêu đời Tiên Tổ kết tinh lại.**

Xuyên qua đó thường được kể lại bằng những nét lung linh của Sử mệnh của Dân tộc, nên đó quả là những Di bảo thiêng liêng chứa chấp những giá trị thâm sâu nằm giáp miền Tiềm thức.

**Có thể nói tác giả đã dựng nên những Huyền thoại cũng chính là Tiềm thức cộng đồng ( I ) của tất cả Tiên Tổ đã góp phần vào việc kiến tạo dân nước.**

**Nói đến Tiềm thức là nói đến sự vượt biên cương Lý trí phân minh, nên trở thành âm u.**

Vì thế những niên đại, những địa danh cũng như các nhân vật phải được hiểu một cách co dãn, chập chờn, vì đó chỉ là những mảnh vụn của Lịch sử được Huyền sử dùng như tiêu biểu để nói lên những tư tưởng hướng dẫn cuộc sống của Dân tộc, nên mang tên này hay tên khác, xảy ra nơi nọ hay nơi kia đều không quan trọng .

Huyền sử thuộc vòng Trong tiềm ẩn không nhằm ghi chép sự kiện hay biến cố ngoại diện như Sử ký, mà cốt nhằm phác hoạ những hình ảnh Văn hoá, những mẫu mực chung của lối sống, nghĩ, cảm, là những dạng thức có liên hệ mật thiết với hoàn cảnh nơi ấy, nên khi nào, con cháu muốn tìm ra những làn sóng ngầm của Lịch sử Dân tộc cũng như cái nhìn soi dọi vào đời sống hiện đại để tìm ra những mẫu mực căn bản thì cần phải mở một cuộc hội thoại thắm thiết với những Di bảo nọ. Việc đó có thể gọi theo tiếng nói ngày nay là làm Triết lý . Như thế Triết lý ở đây là một cuộc đào sâu kinh nghiệm sống của Tiên Tổ để lấy chất liệu tạo dựng những dạng thức canh tân hợp cảm quan thời đại ”.

*( Kim Định : Kinh Hùng khái triết: Thanh niên xuất bản , trang 13 – 14*

### **III.- Trong Dịch Kinh Linh Thử**

“ **Sử mệnh nói lên Sứ mệnh của một Dân tộc nhất định phải thi hành trong một hoàn cảnh nhất định nào đó. Sử mệnh vì thế đã được thích nghi với hoàn cảnh, với khu vực và thường được các bậc hiền triết của mỗi Dân tộc thấy trực thị rồi diễn đạt qua những trang Huyền sử.**

**Huyền sử cũng là Lịch sử nhưng rộng hơn nhiều vì bao cả Dĩ vãng lẫn Tương lai, nên có tính cách siêu thời gian . Vì thế những trang Huyền sử là quý nhất trong cái di sản thiêng liêng của một nước.**

Nhưng chính vì chỗ thiêng liêng, chỗ bao la phi thời gian đó nên mung lung như ẩn như hiện, dễ bị con cháu dễ phai mờ mất ý thức. Do vị trí nằm trong Văn hoá Viễn Đông của Bách Việt, nên sử mệnh Việt Nam có thêm hai đặc điểm :

**Một là được phổ vào những truyện đầy thơ mộng mà lại rất tinh khiết.**

**Thứ đến là được chắt lọc để kết tinh vào một nền minh triết siêu tuyệt rất gọn ghẽ để gửi lại cho con cháu vạn đại như bức di chúc tinh thần.**

Nhưng một điều không may đã xảy ra đến cho một Dân tộc là đã quên đi mất ý nghĩa của những trang Sử mệnh đó, và vì thế nhân loại đang bước đến bờ vực thẳm.

Vì thế chúng ta cần đọc trở lại, cung kính lần từng trang Huyền sử nói lên cái sứ mạng cao cả của Dân tộc hầu tìm ra chủ đạo dẫn đường cho dân nước trong giai đoạn nguy nan này ”.

( Dịch Kinh linh thể: Kim Định . An Việt Houston, tr. 7 )

#### IV.- Trong Kinh Hùng khai triết

“ Huyền sử là tự truyện của một dân tộc, bao nhiêu những kinh nghiệm tích lũy từ không biết bao nhiêu đời tiên tổ kết tinh lại. Xuyên qua đó thường được kể lại bằng những nét lung linh của sứ mệnh của dân tộc, nên đó quả là những di bảo thiêng liêng chứa chấp những giá trị thâm sâu nằm giáp miền tiềm thức. Có thể nói tác giả đã dựng nên những huyền thoại cũng chính là tiềm thức cộng đồng của tất cả tiên tổ đã góp phần vào việc kiến tạo dân nước. Nói đến tiềm thức là nói đến sự vượt biên cương lý trí phân minh, nên trở thành âm u. Vì thế những niên đại, những địa danh cũng như các nhân vật phải được hiểu một cách co dãn, chập chờn, vì đó chỉ là những mảnh vụn của lịch sử được huyền sử dùng như tiêu biểu để nói lên những tư tưởng hướng dẫn cuộc sống của dân tộc, nên mang tên này hay tên khác, xảy ra nơi nọ hay nơi kia đều không quan trọng. Huyền sử thuộc vòng trong tiềm ẩn không nhằm ghi chép sự kiện hay biến cố ngoại diện như sử ký, mà cốt nhằm phác họa những hình ảnh văn hoá, những mẫu mực chung của lối sống, nghĩ, cảm, là những dạng thức có liên hệ mật thiết với hoàn cảnh nơi ấy, nên khi nào, con cháu muốn tìm ra những làn sóng ngầm của lịch sử dân tộc cũng như cái nhìn soi dọi vào đời sống hiện đại để tìm ra những mẫu mực căn bản thì cần phải mở một cuộc hội thoại thẩm thiết với những di bảo nọ. Việc đó có thể gọi theo tiếng nói ngày nay là làm triết lý. Như thế triết lý ở đây là một cuộc đào sâu kinh nghiệm sống của tiên tổ để lấy chất liệu tạo dựng những dạng thức canh tân hợp cảm quan thời đại ”.

( Kim Định : Kinh Hùng khai triết : Thanh niên xuất bản , tr. 13 – 14 ).

#### V.- Trong Loa Thành Đồ Thuyết

“ Việt Nho không chỉ có nghĩa là của người Việt xét như con dân đất nước Việt Nam, dù rằng trong quá khứ Tổ tiên ta có đóng góp vào việc hình thành Nho giáo đến đâu đi nữa.

Vậy Việt Nho ở đây nhằm nghĩa là đạo lý của những người biết vượt qua những cái bé nhỏ, biết siêu lên, biết đi mãi trên con đường tiến hoá, một cuộc tiến hoá không biên cương, không bờ bến, không nói ra được, nên nhiều khi dùng lời âm u co dãn là Thần thoại là Huyền thoại. Huyền thoại có nhiều nghĩa:

Tầng thứ nhất là **nghĩa đen** nói đến cái gì thì hiểu về cái ấy, nói cái bọc 100 trứng thì hiểu có một cái bọc với 100 quả trứng. Đó là **nghĩa Trú hình**, tức sáng lên trọn vẹn ở hình tích hiện tượng, đằng sau không còn chi nữa.

Tầng thứ hai **chỉ những cái không hiện lên hình**, nên có khả năng nhập thể ở nhiều trạng thái khác nhau, lúc đó **sự việc dù có thể là thực, nhưng còn nhằm nói một cái gì cao hơn**. Thí dụ Đệ Minh gặp Tiên trên núi Ngũ Lĩnh có thể chỉ việc trai Bắc lấy gái Nam, nhưng đồng thời nó chỉ tinh thần Bắc phương giao thoa với văn hoá Nam phương.

Với ý này chúng tôi gọi là Huyền sử: Đó là **một loại Minh triết nhưng trình bày bằng những mảnh vụn Lịch sử**. Đây là ý nghĩa thuộc tầng thứ ba liên hệ tới con người xét là người không kể thuộc dân nước nào cả, thí dụ bàn Cổ, Nữ Oa không còn là mảnh vụn của Sử nữa mà là những **Sơ nguyên tượng của một nền Nhân chủ trung thực**.

Trên đây là ba tầng ý nghĩa mà **một câu truyện Thần thoại hay Truyền kỳ có thể bao hàm, nên thuộc cả Ý thức lẫn Tiềm thức**. Duy lý là chủ thuyết xây trọn vẹn trên Ý thức, nên chỉ chấp nhận có nghĩa đen, vì thế bao nhiêu Thần thoại đều bị họ gạt đi như những truyện nhảm, phải vượt qua Duy Lý mới nhận ra ý nghĩa sâu hơn.

Nghĩa tầng thứ hai đã được bàn trong Việt Lý Tổ nguyên và Dịch Kinh Linh Thể. Trong cuốn này (Loa Thành Đồ Thuyết) chú ý đến nghĩa thứ ba.

Những tác giả được nhắc tới trong tập Loa Thành thuộc Tâm phân và Uyên tâm nhất là của Karl Jung. Đó là những tác giả sẽ giúp chúng ta phần nào trong việc trình bày kiểu lý giải (ít ra ở đợt đối chiếu) về cái miền âm u bất khả ngôn mà chúng ta lại cứ muốn ngôn. Bởi chung ở trong những tầng sâu thẳm thì biên cương giữa khả ngôn và bất khả ngôn nhập nhàng sồi sục, thế mà lý trí con người cứ tiến mãi, nên phải đẩy xa mãi khả năng khai triển của mình ít ra tới hết mức có thể trong việc muốn vượt sang cõi vô biên. **Đấy là chỗ Việt Nho khác Duy lý.**

**Duy lý định cư lại trên Lý trí. Việt Nho cũng Lý trí nhưng không phải là để ở lại đây. song là để đạt tới cái mệnh mông, đặt nhịp cầu hội thông giữa Ý thức và Tiềm thức**, nói kiểu xưa là giữa Nội với Ngoại, giữa Thiên với Địa, giữa Âm với Dương. Dù gọi bằng tên chi đi nữa nhưng chính là sự giao thoa giữa hai đối cực đó làm nên Nhân tính và Đạo làm người chính là giúp hiện thực được sự giao thoa động đích đó. Thành tựu là thành Nhơn, thất bại là sa đọa.”

(Loa Thành Đồ thuyết: 2. Phương pháp Việt Nho. Tr. 11- 13. Kim Định)

## VI.- Ý kiến của học giả ngoại quốc về Huyền sử



“ **Bộ Huyền thoại** của một Dân tộc là là **Đạo sống của Dân tộc** đó. Nếu mất Huyền thoại thì bất cứ một Dân tộc nào, kể cả những Dân tộc văn minh nhất cũng sẽ sụp đổ khủng khiếp ”.

( *Karl Jung* )

“ **Bộ Huyền thoại của một Dân tộc không phải là những chuyện hoang đường, mà là những chuyện gần chân lý nhất, hơn nữa bộ Huyền thoại là gia sản quý báu nhất vì tính chất thiêng liêng điển hình và mang lại ý nghĩa sống** ”.

( *Mircea Eliade* )

“ **Không có bộ Huyền thoại thì không thể thành một Dân tộc được.** Dân tộc nào không có bộ Huyền thoại không thể được coi là có Văn hoá hay Văn minh gì hết, vì bộ Huyền thoại là những câu chuyện diễn tả tinh thần của Dân tộc ở mức độ cao nhất và cũng là Di sản thiêng liêng của Dân tộc đó ”.

( *Laurens Van Der post* )

“ **Mất bộ Huyền thoại là mất mạch nối vào nguồn quá khứ Tổ Tiên và mất luôn căn bản cho việc xây dựng tiền đồ Dân tộc.** Dân nào mất bộ Huyền thoại, Dân tộc đó quả thực bị coi như không còn nữa ”.

( *Wallace Cliff* )

“ **Sứ mệnh nói lên sứ mệnh của một Dân tộc nhất định phải thi hành trong một hoàn cảnh nhất định nào đó . Sứ mệnh vì thế đã được thích nghi với hoàn cảnh, với khu vực và thường được các bậc Hiền triết của mỗi Dân tộc thấy trực thị rồi diễn đạt qua những trang **Huyền sử.** **Huyền sử cũng là Lịch sử nhưng rộng hơn nhiều vì bao cả Dĩ vãng lẫn Tương lai, nên có tính cách siêu thời gian** “. ( *Kim Định* )**

*Khi triết gia Kim Định viết về Huyền sử ( 1960- 1970 ) thì cuốn sách “Địa đàng ở phương Đông” của Stephen Oppenheimer chưa ra đời, Cuốn sách này xuất bản vào năm 1999- 2000. , Sau đây là một vài cứ liệu của ông Oppenheimer kiện chứng cho lập luận của triết gia:*

“ Tôi sẽ xác định 4 kiểu truyện kể ở Âu - Á có cội nguồn từ các Huyền thoại đại hồng thủy ở ông Nam Á. Có 3 lục địa khác không được nghiên cứu sâu ở đây, trong số đó có châu Phi. Châu lục này thiếu vắng trong truyền thuyết dân gian về đại hồng thủy bởi thêm lục địa của nó không chịu nhiều tác động bởi hồng thủy. Hai lục địa khác là Bắc Mỹ và Nam Mỹ có rất nhiều huyền thoại đại hồng thủy, trong số đó có vài huyền thoại liên quan đến kiểu truyện kể Âu- Á. Tuy nhiên, do chúng nằm ở ngoại vi của khung lập luận chính Đông – Tây nên tôi chỉ nêu tóm tắt về huyền thoại này.

**Thứ hai, chúng ta sẽ tìm hiểu các Huyền thoại khác trong kho tàng Văn hoá Phương Tây được chứa đựng một cách ngẫu nhiên trong 10 chương đầu tiên của quyển Kinh Sáng Thế trong Kinh Thánh.**

Để tiện cho nghiên cứu, các huyền thoại này sẽ được phân chia như sau” từ chương 11 đến chương 16, chúng ta cần tìm hiểu các nguyên mẫu huyền thoại về sự sáng tạo ra Trời và Đất, Đàn Ông và Đàn Bà, vườn Địa Đàng, và cuối cùng là Cain và Abel. Điều được hé lộ ở đây là chúng ta không chỉ tìm thấy những mối liên hệ gần gũi giữa phương Tây và phương Đông, mà còn biết rằng **mỗi nguyên mẫu Phương Tây đều có nguồn gốc phương Đông và cách giải thích logic hoặc ở Malaku hoặc ở Đông Dương. Nhiều người cho rằng đặc điểm thú vị, phức tạp và không ngờ nhất của thần thoại phương Tây đã khởi phát từ tầng sâu kín nhất của Tiềm thức. Còn phân tích của tôi lại tìm về khởi nguyên ở những đề tài đơn giản và căn bản bắt nguồn từ Đông Nam Á; sau đó chúng được kết hợp và nhào trộn để tạo nên những huyền thoại rực rỡ được ghi lại trên những án triện và bài vị ở Lương Hà vào buổi bình minh của lịch sử. Dấu vết này có niên đại cách đây 4500 năm và nó có thể đưa chúngta trở về 3.000 trước đó nữa, khi biển lấn vào các bờ biển Đông Nam Á và Lương Hà.”**

*( Địa đàng ở phương Đông: Phần II: Lờì thì thâm từ Trung Hoa. Tr. 355 – 356. Stephen Oppenheimer )*

“ Quan điểm xuyên suốt của tôi chính là Hồng thủy biển là nguyên nhân sâu xa gây nên các làn sóng di cư thời kỳ hậu Băng hà. **Vì thế đầu tiên tôi muốn mô tả một vài trong hàng trăm huyền thoại về đại hồng thủy được tìm thấy trên tất cả các châu lục của thế giới ( chương 8, 9 và 10 ). Sự phân bố của các Huyền thoại này cho thấy chúng đã được chép thành Sử.”** *(Địa đàng ở phương Đông trang 355. Stephen Oppenheimer )*

*Sử mệnh nói lên sứ mệnh của một dân tộc nhất định phải thi hành trong một hoàn cảnh nhất định nào đó. Sứ mệnh vì thế đã được thích nghi với hoàn cảnh, với khu vực và thường được các bậc hiền triết của mỗi dân tộc thấy trực thị rồi diễn đạt qua những trang huyền sử. Huyền sử cũng là lịch sử nhưng rộng hơn nhiều vì bao cả dĩ vãng lẫn tương lai, nên có tính cách siêu thời gian . Còn những người Duy*

*sử thì coi huyền thoại là những chuyện đầu Ngô mình Sở, Còn vua Tự Đức thì cho là những chuyện “ Trâu ma thần rắn ” cần phải thải bỏ, cho rằng thiếu nền tảng khoa học. Điều này đúng, nhưng khôn nổi Huyền sử lại không thuộc phạm trù khoa học!*

## **B.- Nghệ thuật giải nghĩa**

*( Cơ cấu Việt Nho: Kim Định. Tr. 55 - 109 )*

### **I.- Vấn đề lớn của Triết hiện đại**

**“ Tất cả được nói rồi trong các Thần thoại, chỉ còn phải tìm hiểu ”** ( P. Ricoeur.)

Tất cả nền Minh triết, cũng như túi khôn loài người đã được nói ra hết rồi, nhưng còn nằm tàng ẩn trong các Truyện: Truyền kỳ, Huyền thoại . . . Triết gia khỏi đặt thêm thuyết mới mà chỉ cần phát giác ý nghĩa của chúng. Đó là sứ mệnh: “ Tout est dit dans les mythes. Reste à comprendre ” Nhưng muốn hiểu thì cần được trang bị cách nào, và nhất là phải biết cách vận dụng những tri thức ra sao, chẳng hạn phải biết bầu khí văn hoá nào nuôi dưỡng những huyền thoại nọ: Nông hay Du ? Rồi ý nghĩa những con số cũng như cái giống của các thần . . . Đó có thể là những đầu mối giúp lần ra tông tích, tìm ra cơ cấu. Và đây là con đường dẫn tới chỗ thành tựu. Bởi vậy **tìm ra ý nghĩa huyền sử sẽ là điều quan trọng nhất trong nền triết học hiện đại, cho nên nó đang trở thành một khoa học khoa giải nghĩa huyền sử, giải nghĩa biểu tượng. Đó sẽ là đối tượng phân nhĩ của quyển sách này** ( Cơ cấu Việt Nho ).

Phần hai này trình bày một số quy luật mà chúng tôi đã rút ra từ Việt Nho cũng như từ những khoa nhân văn hiện đại như:

**Dân tộc học.**

**Phân tâm học.**

**Cơ cấu luận. . .**

Đề gọi là đóng góp vào nền **triết văn của nước nhà**. Trước khi bàn giải về những luật tắc giải nghĩa cần phải biết sơ qua bầu khí của huyền sử. Đó là điều tối quan trọng. Sở dĩ hiện nay hầu hết các khoa nhân văn đều bàn đến thần thoại là vì cuối cùng người ta mới nhận ra sự quan trọng của những cái ban sơ.

**Nó là lý tưởng uyên nguyên giàu năng lực hướng dẫn. Vì thế con Người chỉ có thể tạo dựng được những gì lớn lao bền vững là khi biết trở về với nó. Một dân tộc cũng giống như đời sống của một con người được kéo dài. Vậy mà đời sống tiềm thức của cá nhân được tổ chức vào quãng 10 năm đầu, sau đó có học hỏi thêm hay được huấn luyện thì hầu hết cũng chỉ là biến cải chút ít ngoài mặt. Về một dân tộc cũng thế: nền móng lý tưởng của nó đã được hình thành ở những bước sơ khởi mà nay ta gọi là huyền thoại, và đó sẽ là nhiên liệu cho huyền sử.**

Huyền sử nói lên lý tưởng công cộng của một dân được biểu lộ qua những mảnh của lịch sử. Phải dùng sử có tính chất cụ thể dễ hiểu cho mọi người. Nhưng tại sao lại dùng mảnh vụn lịch sử. Thừa trước hết vì đó là thời tiền sử, khuyết sử, **chưa có sử ký ghi chép** các biến cố cách liên tục theo tuế thứ. Lễ thứ hai quan trọng hơn nhiều, đó là **huyền sử chỉ là lý tưởng**, mà đã lý tưởng thì không bao giờ được hiện thực đầy đủ: khi được điểm này lúc được điểm kia. Vì thế mỗi nhân vật huyền sử chỉ biểu hiện một vài tác động để biểu lộ một hai khía cạnh nào đó. Chính tính chất lý tưởng nọ mà Kinh Dịch kêu là : “ Tại Thiên thành tượng ”. chưa đạt lúc “ Tại Địa thành hình ”:

**\*Thành hình thuộc sử ký nói về con người cá thể.**

**\*Thành tượng thuộc huyền sử bàn về những tác động lý tưởng phổ biến.**

Nói theo cơ cấu luận nay thì **sử ký là sử hàng ngang** ( histoire diachronique ), **huyền sử là sử hàng dọc** ( histoire synchronique ).

**Sử hàng dọc có tính cách Tâm linh** xoay quanh những tác động lý tưởng biểu thị bằng những sơ nguyên tượng ( archétypes ), vì vậy giàu phổ biến tính. Khác với **sử ký hàng ngang ghi các Biến cố** ( évènementielle ), các dự kiện hiện thân vào các nhân vật có thể kiểm tra theo tuế thứ.

## II .- Với Huyền sử đừng hỏi ở đâu và bao giờ

Sở dĩ thế hệ trước e ngại không dám tìm hiểu và đề cao huyền sử như mô thức quan trọng, vì e rằng làm thế là thụt lùi lại đằng sau cùng hàng với dân Thái cổ tiền khoa học. Có sự e ngại như thế là bởi không nhận ra tính chất phổ biến của huyền sử: chưa có hiện thực được tròn đầy ở đâu cả, vì thế không phải là truyện đã qua cho bằng là truyện sẽ đến, không phải nhìn về đằng sau, mà là đằng trước; **hơn huyền sử thật cho mọi nơi, mọi đời, nên nói : “ Cùng với mọi lúc ”** ( **synchronique, chữ syn = cùng với** )

Vì chưa có bắt đầu, cũng chưa ở nơi nào cả = vô bản phiêu giả, vô hồ xứ giả “ Vrai mais irréelle ” = có thật đấy. Vrai như một lý tưởng nhưng chưa hiện thực được, nên irréel.

Mới là tiên thiên chưa đạt hậu thiên. Mới có Tượng chưa có Hình. Hình ở đây hiểu là hình tích đã hiện lên rõ rệt cụ thể. Vì vậy **với huyền sử không nên hỏi Kinh đô nước Văn Lang ở đâu, thuộc đời nào ?** Vì ở đâu hay bao giờ thuộc Thời Không bé nhỏ đã hiện hình, là điều là không có cho huyền sử. Ở huyền sử chỉ nên hỏi nó là những mẫu tượng những điển hình cho tác động nào, biểu lộ nguyên lý nào đó? Thí dụ câu nói: Âu Cơ đẻ cái bọc trăm trứng, nên sợ hãi đem bỏ ngoài đồng thì ý nghĩa đọt xã hội ra sao, ý nghĩa minh triết ra sao? Chứ đừng hỏi có hợp sinh lý hay không ? Vì thế cũng đừng lo rằng thiếu phương tiện di chuyển thì làm sao Đế Minh tuần thú phương Nam được, vì **Đế Minh chỉ là sơ nguyên tượng đi tìm ánh sáng** ( biểu thị bằng phương Nam ). Đừng tra xem trong lịch sử có ai để

trúng. Vì Âu Cơ chỉ là sơ nguyên tượng. Cái bọc không có ý nói cái bọc, trăm con không có ý nói trăm con.  
Nói mà không nói, thế mới gọi là huyền sử.”

### III .- Giai tầng giá trị huyền sử

“ Vì thế đứng ở phương diện tìm hiểu lý tưởng của một dân, tìm hiểu cơ cấu của một nền văn hoá thì huyền sử trở nên giá trị vô kể. Nó giúp chúng ta trong hai điều quan trọng:

**Trước hết là tìm ra những điểm đại đồng giữa các Dân tộc.** Vì có những thần thoại xảy ra hầu như khắp nơi trên mặt đất: thí dụ tạo dựng loài người, đại hồng thủy, sa đọa của con người . . . vì đó mà các nhà cơ cấu tin vào bản tính đồng nhiên con người. Bởi chung đâu đâu cũng có chuyện tương tự. Hãy lấy thí dụ: chuyện Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng dùng đất sét nặn ra người, xong rồi đem phơi nắng cho khô, bỗng gặp mưa, vội vàng đem các tượng cất đi, song có vài tượng cất không kịp, bị nước mưa làm hư. Các tượng hư hoá thành người tàn tật trên mặt đất, còn những tượng cất kịp thành những người lành lặn đủ tay chân ( Văn học I . 64 ). Đọc truyện trên ta thấy cũng dùng đất nặn nên người như trong truyện A Dong. . . , rồi cũng như mọi nơi vẫn có truyện không may khi nặn ra người: phơi chưa khô mà phải cất đi nên nay nó mới thối nát như vậy. Nếu Thần thoại Hy Lạp có Prométhée ăn trộm lửa, thí bên Việt Nam cũng có thằng Bọ ăn cắp lửa của bà Hỏa, đem đi gây tai họa cho loài người ( Văn học I . 65 ). Nếu trong Thánh Kinh có chuyện ông Josue kéo mặt trời lại cho ngày dài ra, thì bên ta trong thần thoại Bana “ Dững sĩ Diong cũng xin chư thần kéo lui mặt trời lại đứng ngọc, để cho tôi giết tất cả quân thù ” ( Văn học I . 158 ).

Như vậy xuyên qua cái bề ngoài coi như vô lý, bất tất, lại có cái gì giống nhau. Câu “Đại đồng tiểu dị ” nhờ đó trở nên xác định hơn, chi tiết hoá hơn. Và lúc bấy giờ mới nhận ra rằng **thần thoại chính là những bản đúc kết biết bao kinh nghiệm như ấn tích đầu tiên của con người trên đường thực hiện nhân tính,** nên cần truyền tụng lại cho các thế hệ về sau. Thế nhưng chữ viết mãi sau này mới xuất hiện, còn bao nhiêu ngàn năm trước toàn là truyền khẩu.

**Trong văn chương truyền khẩu thì huyền thoại là phần chính, nếu thải bỏ thì không còn được mấy tiêu điểm để đi sâu vào trong dĩ vãng. Giá trị của thần thoại không nằm trong câu văn, nhưng trong cái gì bàng bạc.**

Vì thế Đường thi ví dụ có hay hơn Kinh Thi đi nữa cũng không đủ sức lôi kéo triết gia như Kinh Thi vì thiếu cái u uẩn của cái ban sơ đó, khiến cho không có mà lại có. Nói sau lại hiểu về trước, vì nói lên khởi điểm cũng là nói lên đích điểm. **Bởi thế huyền sử mới gọi là sử mệnh.**

Tức là khi đã xác định được phần nào cái lý tưởng của một dân thì chúng ta có được một tiêu điểm để ước lượng được một dân đã đạt sử mệnh đến đâu. Như thế ta thấy thay vì thải bỏ thần thoại thì lại cần bàn về phương pháp “ đọc ” thần thoại.

Nói khác đi là cần thiết lập những quy luật phải giữ mỗi khi muốn gán ý cho một thần thoại.

#### **IV.- Quy luật của Huyền sử**

Sở dĩ phải bàn riêng **quy luật huyền sử** vì nó là một thứ gạch nối giữa tiềm thức và ý thức, giữa hàng dọc Tâm linh và hàng ngang Lý trí, nên không thể đem những phương thức của sử ký áp dụng vào đây mà cũng không thể đọc bừa bãi tùy hứng tùy thị hiếu hay ý hệ mà giải nghĩa lung tung tùy thích. Muốn xác định phương thức của huyền sử chúng ta cần nhận chân tính cách **Lưỡng diện của nó: Tính chất đó vừa u linh vừa xác định.**

Vì thế vừa phải dùng lịch sử để soi vào miền u linh, lại dùng u linh lý tưởng để nối kết các mảnh vụn thuộc huyền sử. Như thế là có hai điều kiện :

#### **1.- Hai điều kiện**

##### **a.- Tiềm thức cần cho Mạch lạc nội tại**

Một cho Tiềm thức thì cần Mạch lạc nội tại để làm mối Nhất quán.

##### **b.- Ý thức cần sự kiện lớn lao của Lịch sử**

Hai là phần gửi cho Ý thức thì cần những sự kiện lớn lao thuộc sử để làm tiêu điểm hầu tránh mung lung. Sở dĩ đưa ra hai điều kiện trên vì huyền sử ăn sâu vào tiềm thức nên cần những phương pháp thăm dò tiềm thức. Những phương thức dưới đây là hậu quả đúc kết tự nhiên nhiều khoa học: Trong đó phải kể **Dân tộc học, Cơ cấu luận và Tâm phân học.**

Vậy trước hết xin đưa ra một ví dụ về phân tâm của Freud khi giải nghĩa chiêm bao, vì huyền sử là chiêm bao của một dân. Nếu chiêm bao biểu lộ tiềm thức cá nhân thì thần thoại là sản phẩm của tiềm thức, nhưng là cộng đồng nên phương thức giúp giảng nghĩa chiêm bao phần nào cũng giúp giảng nghĩa thần thoại. Vì cả hai đều thuộc cõi âm u không thể xác định nên phải nói gián tiếp bằng biểu tượng, bằng trá hình ( *déguisement* ), bằng chuyển di đối tượng. Thí dụ tác giả muốn sửa lại một đoạn văn mới viết thì ban đêm mơ mình đang bào một khúc gỗ. Mong có một cái xe thì đêm nằm mơ thấy mình ngồi trên xe. Một bà ghét em dâu quá đến nỗi đuổi em ra khỏi nhà: đêm nằm mơ thấy mình đang giết một con chó trắng. Trong ba thí dụ trên, khúc gỗ thay cho đoạn văn, ước có xe thay vào bằng ngồi trên xe, con chó chỉ em dâu, mà tiềm thức bà muốn giết, nhưng ý thức không dám nên chỉ đuổi đi. . . Đó gọi là chuyển di đối tượng. Do vậy mà lối giải nghĩa chiêm bao ngày nay khác lối xưa. Xưa kia các nhà nghiên cứu chiêm bao cố gắng thiết lập một bảng chìa khoá thí dụ mơ thấy màu đen là chết, đàn bà sợ đàn ông dữ tợn đêm mơ thấy con dao hay vật gì nhọn, còn đàn ông mơ thấy cái gì rỗng: một hốc đá, một cái tàu chỉ hốc đá hay cái tàu là đàn bà. Mơ thấy nước là sinh nở, mơ sư tử là

cha. . . Có thể kể ra vô số, nhưng chính vì bảng quá dài nên cũng trở thành bất xác định.

## 2.- Hai Phương pháp

### a.- Liên tưởng

Bởi thế trong quyển “ Khoa học giải nghĩa chiêm bao ” Freud đã đưa ra **phương pháp liên tưởng. Muốn biết ý nghĩa một chiêm bao phải hỏi người mơ liên tưởng đến gì lúc mơ hay lúc kể lại giấc mơ để nhà tâm phân dùng làm điểm tựa đi tìm ý nghĩa.**

Thí dụ người mơ thấy mình đang bào gỗ, thì chưa thể tìm ý nghĩa, nhưng vì ông nghĩ đến chữa văn chương thì sự liên tưởng giúp cho xác định ý của giấc mơ. Hỏi có thể đem luật đó áp dụng vào huyền sử được chăng? Thoạt tiên tưởng là không vì thiếu liên tưởng, nên thiếu điểm tựa. Nhưng xét kỹ thì lại có: đó là những **thể chế, cổ tục, tin tưởng.** . . đã có đồng thời với lúc hình thành của huyền thoại. Nói khác đi huyền thoại hình thành ở đâu vào lúc nào thì bầu khí xã hội ở đó, lúc đó đóng vai trò liên tưởng.

**Vậy liên tưởng trong huyền sử chính là những sự kiện lịch sử lớn lao như cuộc “Nam tiến ” của tiền nhân ta, là vì nó đã xảy ra ngay từ thời khuyết sử.**

Ngoài ra là những phong tục, định chế, lễ lạy của cổ thời, mà nay ta không biết có tự lúc nào, thí dụ tục lệ cưới Rê giúp hiểu vụ Trọng Thủy về ở với My Nương. Lối tính họ theo bên mẹ giúp hiểu tại sao Sùng Lãm lại gọi theo tên mẹ ( Long Nữ ) và tên đất ( Lạc ) là Lạc Long quân. . . Ngoài ra còn kể đến ca dao, tục ngữ, đồng diêu, những câu truyện cổ tích trong nhân gian cũng có thể coi là những chứng từ quý báu, những môi liên tưởng khả dĩ soi vào nội dung huyền sử.

**Tóm lại điều kiện trước nhất là phải tựa vào sự kiện lịch sử, những phong tục thể chế, và cả những câu ca dao, tục ngữ. . . để cho sự giải nghĩa thần thoại có được phần xác đáng tương đối.**

### b.- Mạch lạc nội tại

Bây giờ bàn đến một điều khác là **sự mạch lạc nội tại** ( la cohérence ) là điều tối quan trọng, nó là cái nét “ **Dĩ nhất quán chi** ” đem lại cho câu chuyện lẻ tẻ một sự thống nhất sống động. Cho nên càng đặt nổi điểm này thì sức linh động càng trở nên mạnh mẽ. Đã vậy nó đem lại cho sự giải nghĩa tính chất khoa học, tức là nó thay chế cho tính cách khách- quan- ngoại- tại chỉ có trong khoa học thực nghiệm chứ không thể có trong thần thoại, cũng như trong các khoa nhân văn. Vì thế cần phải tìm một đức tính khoa học khác bù vào chỗ thiếu nọ và đó sẽ là sự mạch lạc nội tại. Ta sẽ tìm ra nó ở những câu chuyện xảy ra nhiều lần, thí dụ truyện trăm trứng xảy ra rất nhiều nơi. Truyện lượm cả, hay là những con số thí dụ những con số trong Ngũ hành như 2 , 3, 5, 9. . . sẽ nói dưới. Nhà nghiên cứu nên chú ý đến

những câu chuyện giống nhau đó, suy nghĩ kỹ là đi trên đường dẫn tới mỗi mạch lạc nội tại.

Đó là điều kiện thứ hai khiến cho **sự giải nghĩa huyền sử không đến nổi vu vơ vô nền.**

Mặc dầu nó không thể vượt mức cái nhiên ( probable ) là điều chỉ dành cho khoa học thực nghiệm vì nó có tính cách khách quan. Còn nhân văn thì chỉ đạt đến sự chắc chắn cái nhiên, tức chỉ có thể kiểm soát một mớ bên Sử, để ước đoán ra mớ bên Huyền.

**Mớ bên Sử ( những sự kiện lịch sử lớn, thể chế, phong tục, ca dao, tục ngữ ) xác định phần nào nội dung, còn mớ bên Huyền ( mạch lạc nội tại ) đem lại cho sự giải nghĩa sức sinh động của minh triết. Làm được như thế thì Huyền sử đã đáng là danh hiệu là khoa học nhân văn. Vì con người vốn đã là một thực thể đầy uyển chuyển, đầy u linh nên sự xác định không thể đi xa hơn được nữa. Hai đức tính cẩn thận dè dặt phải nhắc luôn cho nhà tâm phân khi giải nghĩa chiêm bao, thì cũng phải nhắc luôn cho những người đi vào huyền sử: Biết dừng ở chỗ phải dừng. Đấy đã là cửa đưa vào nhà minh triết.**

### **C.- Ba vụ trộm rùa**

*( Văn Lang Vũ bộ: 17.- Ba vụ trộm rùa. Kim Định )*

#### **I.-Rùa: Huyền sử tóm lược Đạo lý của Việt tộc**

**“ Rùa đây là Đạo Người thành bởi Đạo Trời Đạo Đất. Xuyên qua cả Huyền sử lẫn Lịch sử, nước ta đã xảy ra ba vụ ăn trộm Rùa, cả ba lần đều gây ra đau thương cho quê hương đất nước.**

Vì vậy hôm nay, chúng ta bàn về ba vụ đó mong tài bồi cho Đạo Người ngày thêm vững mạnh để bảo vệ con Người. Con Người được Việt Nho quan niệm như sự tổng hợp của đức Trời đức Đất. Khi hai chỉ Trời Đất giao thoa đúng liều lượng thì đó là con Người chân nhân. Tiên nhân đã dùng rùa làm biểu hiệu Người vì nó có lưng tròn tượng trưng Trời, mình vuông tượng trưng Đất. Do biểu hiệu như thế, nên kể nó vào một trong tứ linh: **Lân, Ly, Quy, Phụng**. Quy đặt ở giữa Ly và Phụng chính là cơ cấu hoá biểu tượng Tiên Rồng: **Tiên là Chim ( Phụng ); Rồng Là Ly ( rồng biển ) sinh ra con là Quy, nên Quy chính là hình ảnh Người. Người Việt là con của Mẹ Tiên, Cha Rồng, nên Rùa cũng được coi như bản tóm lược được Đạo lý của Việt tộc. Vì nền Đạo lý này xuất hiện rất sớm mãi ở thời tiền ngôn, tiền niệm, tức thời chưa có văn tự cũng như chưa có lý thuyết, nên Đạo lý được gửi vào những huyền thoại.. Về sau con cháu mất ý thức nên gọi là chuyện hoang đường.**



## II.- Đạo Người với Sử mệnh Dân tộc

Vì muốn trả lại cho các truyện kể trên ý nghĩa thâm sâu của nó, nên tôi gọi là huyền sử.

**Như vậy huyền sử chính là sử trình của Đạo Người nhưng được ghi lại bằng những nét u linh huyền ảo.** Bởi đó là điều đã xuất hiện rất sớm ngay từ thời hồng hoang. Vì xuất hiện rất sớm nên cũng rất căn bản quan trọng. Hễ người giữ được thì hạnh phúc, mà lỗi Đạo thì khổ lụy. Chính vì thế nên sử trình của Đạo Người gắn liền với sử mệnh của Việt tộc tức Việt tộc thịnh hay suy là tùy thuộc vào mức độ giữ được Đạo Người nhiều hay ít.

## III.- Huyền sử với những cuộc hưng vong

Sau đây là mấy huyền sử nói lên những cuộc hưng vong đó:

### 1.- Truyện trộm Rùa thứ nhất ở Bột Hải

#### a.- Câu chuyện Long Bá câu Rùa

Truyện đầu tiên ghi lại trong sách **Liệt Tử về một vụ ăn trộm Rùa** như sau: Ở phía Đông trong Bột Hải có một vực thẳm không đáy, gàn đó nổi lên 5 đảo, tên là: **Đại Dur, Viên Kiều, Phương Hồ, Doanh Châu và Bồng Lai.** Mỗi đảo cao 3 vạn dặm, rộng 9 ngàn lý, các đảo cách nhau 7 vạn dặm. Nhà cửa trên đảo làm bằng vàng ngọc, chim muông thân thiện với người, cây cối tốt tươi, hoa thơm quả ngọt, ăn vào làm cho không già không chết. Vì vậy mà sống trên đảo toàn là Thánh, mỗi ngày bay qua lại thăm nhau nhiều lần. Chỉ phiến là các đảo cứ trôi nổi theo nước thủy triều. Thượng Đế sợ một ngày kia các đảo sẽ trôi sang Tây, nên truyền cho thần Trung Cương liệu lý. Thần này sai khiến những con Rùa khổng lồ đội đảo trên lưng, cứ mỗi đảo là 3 con, 5 đảo thành 15 Rùa, nhờ vậy mà các đảo trở nên vững như bàn thạch. Không may ngày kia có người khổng lồ tên Long Bá từ miền Bắc đến câu mắt 6 con đưa về lấy mu Rùa dùng vào việc bói toán. **Thế là 2 đảo Đại Dur và Viên Kiều trở nên bồng bênh, dạt trôi về biển Bắc, rồi chìm mất, chỉ còn lại 3 đảo Phương Hồ, Doanh Châu và Bồng Lai.**

#### b.-Nước Văn Lang được hạnh phúc nhờ giữ được đảo 3 rùa

Trên đây quả là một trang Huyền sử. Bột Hải hay Việt Hải cũng thế. Có thời nhiều chi Việt cư ngụ trên sông Bộc, nên Bách Việt cũng có tên là Bách Bộc.

**Còn những con số toàn là Huyền số quen thuộc của Việt tộc: số 3 chỉ Đạo Ba, số 9 là “ Cửu Thiên Huyền nữ ” ( nguyên lý Mẹ ), số 15 là  $3 * 5 = 15$ , 15 bộ nước Văn Lang.**

Dân Văn Lang là những người giữ được Đạo đó nên sung sướng như tiên thánh: thức ăn đầy đủ, đối với nhau bằng tình ái, trong nước không có cảnh Chủ Nô, đấu tranh Giai cấp. Thần Trung Cương là cương vị của đạo Trung Dung tức **Đạo**

**Người, Đạo Trời, Đạo Đất** hợp lại mà thành, nói bóng là đảo được chở bởi 3 con Rùa, không cho trôi lên mạn Bắc hay sang Tây, vì đó là hai miền trái đạo Trung Dung. Bắc số 1, Tây số 4, cả hai nhà những số chỉ sự thái quá (bộ số giữa là 2 – 3), nên là miền chưa vượt được Bái vật (bói rùa) hoặc Ý hệ (ăn trộm tức chinh phục). Long Bá là Bá đạo ưa dùng số chẵn, số 6 (trong 6 con rùa bị câu) là số Duy Vật “Con sông Lục đầu nước chảy xuôi một dòng, tức là Duy nào đó, (Duy Vật hay Duy Tâm đều là nước chảy xuôi một chiều cả), nên cũng làm chìm mất Đại Đạo.

Còn lại được 3 đảo: **một đại biểu đức Đất là Phương Hồ (hồ Vuông), một đại biểu đức Trời là Doanh Châu (Doanh là Tròn đầy ngòm chỉ số 3 Trời). Bồng Lai là cộng hai đảo kia mà thành, nên rất đầy đủ.**

Ta quen nói: “Bồng Lai tiên cảnh” là do tích này. Đó là hình ảnh xa xôi diễn tả cùng một ý như **bánh Dầy bánh Chung tức đạo làm Người**. Hễ giữ được thì đạt hạnh phúc gọi là được “Thiên sinh Địa dưỡng: vạn Vật dục yên” (mọi vật đều được hưởng nhờ), ngược lại là trầm luân khổ lụy, như được chứng minh bằng hai truyện trộm Rùa sau:

## **2.- Truyện trộm Rùa thứ hai: Trọng Thủy**

Truyện trộm Rùa thứ hai là Trọng Thủy mà ai trong chúng ta cũng đã biết là nó đã gây ảnh hưởng quyết liệt vào nước ta. Trọng Thủy cũng từ Phương Bắc như Long Bá, đánh lừa My Châu là tiêu biểu nguyên lý Mẹ (lúa mễ: My hay Mễ là một), nên nước Văn Lang bị tan tành, Văn hoá Việt tộc bị Hán Nho che phủ.

## **3.- Truyện trộm Rùa thứ ba: Hegel, Karl, Marx**

**Lần trộm Rùa thứ ba xảy ra khi Hegel lấy hứng từ Kinh Dịch để đưa ra Biện chứng pháp.** Tuy không chỗ nào Hegel nói là mình đã lấy hứng từ Kinh Dịch, nhưng người ta có quyền suy đoán như thế do hai lẽ sau:

## **4.- Kinh Dịch với Leibnitz, Hégel và Marx**

Trước hết là Kinh Dịch đã được Leibnitz (1646 – 1716) giới thiệu với Âu châu trước Hegel (1770 – 1831). Hai là những luận đề của Hegel đều tương tự với luận đề Kinh Dịch, như dùng biện chứng Động thay vì danh lý cứng đờng: dialectic thay vì logic. Đồng thời thuyết “phiếm thân tương tự với thuyết “Thiên Địa vạn Vật đồng nhất thể” . . .

**Tôi nói tương tự mà không nói y hệt, vì nếu Hegel cũng như Cộng sản mức được chính Đạo của Dịch Lý thì đã là đại phúc cho con Người rồi, nhưng dằng này chỉ lấy được có cái vỏ. Học giả Armauryde Riencourt gọi Hegel là con hoang Á Châu (xem The soul of China. Harper; Colophon book, 1964, từ trang 166).**

**Theo Dịch pháp thì mọi sự biến động đều tự Nội giữa hai Đối cực Âm Dương, nói bằng biểu tượng là giữa Trời cùng Đất mà Trung Đạo là con Người.**

Khi nào người đánh mất một Cực thì cũng là mất Ý thức về sự Biến động tự Nội như trường hợp Triết học Tây Âu chỉ là một chiều hoặc Duy Vật hay Duy Tâm nên là Triết học im lìm làm bằng những ý niệm cứng đờ. Mãi cho tới Hegel mới nhận ra sự sai lầm đó, nên đánh đổ Danh lý, tức là lý luận căn cứ trên những Ý niệm im lìm để đưa ra Biện chứng pháp thay vào. **Biện chứng có hai điều mới đối với logic cũ : một là nó Động , hai là sự Động nằm ngay trong Nội tại sự Vật. Sự Vật nào cũng Biến động do đó mang trong mình yếu tố Mâu thuẫn. Hegel gọi đó là Quyết đề và Phản đề, khi giải hòa được Quyết đề và phản đề thì có Tổng đề. Rồi Tổng đề trở nên Quyết đề mới hàm chứa Phản đề mới và cả hai lại hoà giải trong Tổng đề mới nữa, Sự vật cứ thế mà tiến mãi cho tới tinh thần tuyệt đối.**

#### **a.- Luận đề của Marx**

**Karl Marx đã học được Biện chứng pháp với Hegel. Nhưng Marx chê Hegel là sai lầm, vì đặt biện chứng trong Ý niệm, mà lẽ ra phải đặt trong sự Vật, trong Nhân sự, vì chính Vật chất quyết định Tinh thần, Tư tưởng chỉ là phản ảnh của sự vật. Chính sự Vật là đầu mối tư tưởng. Tư tưởng tiến theo Biện chứng là vì sự Vật tiến theo biện chứng như thấy được trong các đợt kinh tế: kinh tế đời phong kiến bị phá vỡ do Bourgeois. Bourgeois bị phá vỡ do Tư bản rồi Tư bản sẽ bị phá vỡ do Phản đề của nó là Vô sản. Hiện Tư bản đang mang trong mình mâu thuẫn sắc bén là giới Vô sản của thợ thuyền, vì sự sản xuất có tính cách công cộng do Vô sản làm ra, thế mà quyền Sở hữu lại nằm trong tay mấy Chủ nhân Tư bản. Đó là Mâu thuẫn nội tại, nên thế nào rồi Tư bản cũng sụp đổ theo luật duy Vật Biện chứng mà tiến trình xảy ra đại khái như sau: giới Thợ thuyền càng ngày càng đi lên đến chỗ nghèo khổ cùng cực, nên càng đoàn kết lại mạnh, càng được tổ chức chặt chẽ có kỷ luật, đang khi giới Chủ nhân càng ngày càng trở nên thiếu số thì càng không đủ sức điều hành guồng máy sản xuất. . . thế là sụp đổ.**

Chính giới Tư bản với máy móc ngày càng tinh vi đang tự đào lỗ chôn mình để nhường lại quyền hành cho giới Thợ, cho giới Vô sản, từ đó sẽ thực hiện được chính sách ” Tam Vô, Nhị các ” Tam vô là Không Tôn giáo, không Quốc gia, không Gia đình, còn Nhị Các là ai cũng sẽ làm tận khả năng của mình và dùng theo sự cần dùng ( các tận sở năng, các tận sở nhu ) , nhờ đó sẽ chấm dứt cái nạn “ kẻ ăn không hết , người làm không ra ”.

## **b.- Sai lầm của Marx**

Đó là những lời hứa hẹn đầy sức quyến rũ, được truyền bá mạnh giữa lòng thế kỷ 19. Nhưng đến nay thì ai cũng đã thấy những dự đoán của Karl Marx đều xảy ra trái ngược hẳn lại.

Thứ nhất : **Thợ thuyền không ngày càng nghèo cực mà trái lại đời sống càng ngày càng lên cao, có nơi lên tới 20 lần so với thời Karl Marx.**

Thứ hai: **Tư bản đã không sụp đổ, mà lại ngày càng thêm lành mạnh** do những cải cách mới như thuế lũy tiến và chế độ An sinh phân phối lợi tức quốc gia cho mọi người được hưởng .

Thứ ba : **Thuộc địa không là nơi kéo dài cuộc sống Tư bản thêm lâu như Lénine nói, trái lại các nước Tư bản đã nhả hết thuộc địa, đang khi Nga chiếm thêm đất đai còn rộng hơn các thuộc địa cũ của các nước Tư bản.**

## **c.- Sai lầm căn bản trong Biện chứng pháp**

Tất cả những dự đoán trật đố bày tỏ sự sai lầm căn bản nằm trong Biện chứng pháp là Duy Tâm hoặc Duy Vật.

**Biện chứng là sự động giữa hai Hạn từ, nay bỏ một thì còn đâu là động nữa, vì chỉ có biện chứng khi có sự biến động, nhưng hễ nơi nào Cộng sản cướp được chính quyền là tuyệt đối cấm đoán thay đổi, cấm đoán mâu thuẫn với chính quyền. Thế là diệt mất Căn do của Tiền bộ, tức cũng là diệt mất Biện chứng. Ta thấy rõ điều đó trong tính chất độc hữu và bất tương dung của cộng sản. Chúng khai trừ đối lập : không chịu nhận bất cứ ý kiến nào trái ngược với hệ tư tưởng của chúng.**

## **d.- Đối đáp giữa Proudhon và Marx**

Điều này đã xuất hiện ngay từ Karl Marx. Marx đã dùng những lời thô bỉ tục tằn để mạt sát đối phương, thí dụ Proudhon, một nhà xã hội học nổi tiếng của Pháp cùng thời với Marx, được Marx hết sức ân cần mời mọc nhiều phen để cùng cộng tác, Proudhon đã trả lời đại để: “ Chúng ta nên tìm hết cách để cộng tác với nhau đừng tìm ra luật xã hội, tìm ra con đường tác động của những luật lệ đó án hết mọi sự khai trừ, mọi huyền thuyết. Đừng bao giờ coi một vấn đề như đã đóng hẳn, hãy bắt đầu lại nếu cần, cả với sự tự mỉa mai chính mình. Trên điều kiện ấy, tôi sẽ thích thú có chân trong hội của ngài, ngược lại thì không, nhưng không bao giờ chúng ta được đưa ra những lý thuyết độc đoán. Tôi hoan nghênh ý kiến phải đưa ra ánh sáng mọi ý nghĩ dị đồng. Chúng ta hãy tỏ ra là những nhà học thức sâu xa với lòng bao dung rộng rãi. Đừng bao giờ trở nên những nhà lãnh đạo cho một sự bất tương dung mới. Chúng ta hãy hoan nghênh và khuyến khích hết mọi lời phản đối.

Hãy lên”. Để trả lời Marx viết quyển “ Sự nghèo khổ của triết lý ” chọi lại với quyển “ triết lý của sự nghèo khổ ” của Proudhon.

## e.- Các Long Bá: Hégel, Marx, Mao, Hồ đã nhận chìm mất Đạo lý Nhân sinh

**Chủ trương của Karl Marx** đã là mầm gieo ra những ác quả của bất tương dung không những trong Chính trị Kinh tế, mà luôn trong Tư tưởng, lời nói cũng như Cảm tình: Tình nhà, Tình nước, Tình người, đều bị chống đối đến cùng cực.

**Mao Trạch Đông** đã học được trọn vẹn bài học vô phúc đó trong cuốn sách quan trọng của y nhan đề “ Mâu thuẫn ” theo nghĩa lấy Mâu đâm Thuần, tức chỉ có đối kháng, thiếu mất vòng trong Tâm linh của Kinh Dịch, nên **hai hạn từ Tâm và Vật mất đất hội thông hoà hợp**, chỉ còn cách chọn một bỏ một, y như duy niệm ngày xưa. Thế là các Long Bá ( Hégel, Marx, Mao, Hồ ) đã làm chìm mất nền Đạo lý Nhân sinh của con Người Đông phương đầy an vui, để gây nên cảnh đau thương muôn trùng mà người Việt đang cảm thấm thía tận tâm can tì phé. Trong cảnh nước mất nhà tan, toàn dân phải từ bỏ đời sống an vui để đi vào cảnh sống thiếu thốn đến cùng cực, không những về thể xác mà cả tinh thần cũng bị dày vò vì nạn khủng bố rình rập lo âu, đang khi xem về tương lai không thấy một tia sáng nào hết. “( *Hết trích* ).

*Việt Nho đã tóm tính chất các lối cai trị vào câu sau trong 3 lối cai trị:*

### IV .- Ba lối cai trị

*( Văn Lang vũ bộ: Ba vụ trộm rùa. Ba lối cai trị. Kim Định )*

**Nhân giả an nhân  
Trí giả lợi nhân  
Úy giả cưỡng nhân.**

#### 1 .- Nhân giả an nhân

“ Khi giữ được đạo Nhân hoàn toàn thì như 5 biển ở Bột Hải, của nuôi có đầy trong tâm tay, nói bóng là chim muông thân thiện với người, hoa trái đầy trên cây, người ăn không già, tức không bị lo âu làm cho tổn thọ. Đó là cảnh “ nhân giả an nhân ” , người giữ được đạo Nhân thì làm cho dân nước an vui.

#### 2 .- Trí giả lợi nhân

Thì như Trọng Thủy tuy làm lợi được cho phe mình, nhưng lại gây hại cho bên Văn Lang, Nước tan mà Tình nhà cũng vỡ, Cha đành tâm giết chính Con mình.

#### 3 .- Úy giả cưỡng nhân

Là các tên chuyên chế, đàn áp con người toàn triệt, nên bị người oán ghét căm thù chỉ mong lật đổ. Chính cái lòng oán ghét của toàn dân làm cho những kẻ thống trị đâm ra nghi ngờ sợ bị lật đổ, vì vậy chúng lập ra đủ phương thế để kiểm soát

không những trong phạm vi công cộng mà còn xâm nhập vào gia đình, vào cả đời sống tư riêng làm tan biến trọn vẹn cảnh an nhiên thư thái, chỉ còn lại một bầu không khí nồng nực làm bằng lo âu sợ sệt.

## V.- Bài học của Huyền sử

Mấy điều trên chứng tỏ rằng những trang Huyền sử của ta chứa đựng những Chân lý bất hủ, đời nào cũng thực, cái thực thiết thân đến nỗi hễ ly lìa thì lâm vào những cảnh đau thương thống khổ. Như vậy nói truyện Cổ mà hoá ra Kim, nói chuyện Xưa mà hoá Nay, đủ biết sự học về Đạo lý, về Đạo làm Người là điều phải được coi trọng vào bậc nhất trong đời vậy. Từ bài học đau thương vừa rồi, chúng ta cần rút ra một kết luận là phải làm thế nào cho chút Đạo lý mà Người Việt tỵ nạn còn giữ được không bị mất cắp nốt, trái lại được nuôi dưỡng cho ngày thêm to lớn để mai sau về ràng buộc lấy nước Việt Nam, không cho trời sang Tây Bắc, đừng gây an vui hạnh phúc cho toàn dân.

Bài học xưa đã để lại: đó là biến Rùa thành sách Rùa, biến Quy thành Quy thư, tức phải đem cái tinh thần Văn hoá còn mập mờ để làm sáng tỏ và truyền bá đến hết mọi Người tỵ nạn khắp nơi. Làm được như vậy thì Rùa sẽ không bị ăn trộm nữa mà còn được lớn lên cho 15 bộ nước Văn Lang nhất định sẽ hưng phục”.

---

*Huyền thoại là phát ngôn viên của Tiềm thức Cộng thông. Muốn đi về Tiềm thức Cá nhân thì phải tìm hiểu ngành Phân Tâm của Freud, muốn đi về Tiềm thức cộng thông Nhân loại thì phải tìm về ngành Uyên Tâm của Carl Jung.*

*Khi đi vào Tiềm thức cộng thông thì chúng ta mới gặp được các Sơ nguyên tượng, Các Sơ nguyên tượng đó chính là Nhân phẩm của con Người cũng như Tinh thần Dân tộc chúng ta .*

*Sau đây là cách tìm về Tiềm thức Cộng thông của T. G. Kim Định:*

## TIỀM THỨC CỘNG THÔNG

### I.- Từ Linh Tượng tới Biểu Tượng

*(Loa Thành Đồ Thuyết. Từ Mục II- IV. Kim Định )*

#### 1.- Trích quái hay Chích quái

##### a.- Trích quái

Nếu nói Lĩnh Nam trích quái thì hiểu là những câu chuyện Thần thoại Truyền ký có sẵn cả rồi, Trần Thế Pháp chỉ cần trích lấy một số truyện, rồi kể lại bằng lối văn riêng của mình theo thứ tự nào đó.

## b.- Chích quái

Còn **chích quái** thì kể như chưa có **truyện**, nếu có cũng lạc chạc không nói lên được gì lắm, nên tác giả phải sáng tạo ra.

## c.- Trích quái hay Chích quái?

Có hai lối:

Một là của **Văn học sử** là tìm xem Trần Thế Pháp đã dùng chữ nào? Hai là lối **Triết lý** phải xét tiên thiên xem cứ lý nên dùng chữ nào cho ổn. Lối Triết này chưa được bàn ở đâu cả, nên chúng tôi đề cập phớt qua ở đây vì nó có những hậu quả rất quan trọng như thấy ở sau:

Vậy theo Triết, ít ra Triết Đông thì phải nói là **Trích quái mới hợp với mạch lạc của Văn hoá Việt Nho**, vì đó là nền **Văn hoá do Nhân dân sáng tạo**, còn Tác giả cuối cùng chỉ thu lượm kiểu “**nạp ngôn**” trong “**Nghiêu Điển**” hay “**Thái Thi**” “**đôi với Kinh Thi**”.

Ngược lại **Chích quái** nói lên cái công của một cá nhân. Vậy nên tránh chữ này vì có thể nó làm cho người ta coi những truyện trong Lĩnh Nam không có thực như kiểu Duy Sử đã làm, mà không thấy rằng đó là những sự thực thuộc đợt **Cơ cấu Tiềm thức của toàn dân**. Chính vì thế mà nó chứa đựng một nền Minh triết thâm sâu, mà chỉ có sự đóng góp của Tâm linh của Tiềm thức cộng thông mới nói lên được, nói bằng **Huyền thoại**, **Truyện kỳ** toàn là những phương tiện thông đạt của dân gian, vẫn gần Tiềm thức hơn Trí thức. Dân gian chỉ cần cốt truyện, không cần lèo lá Văn chương.

## 2.- Vai trò của Khoa Uyên tâm và Cơ cấu

**Levi Strauss** đã nhận xét đích đáng rằng “**Dịch là Diệt**” ( Traduttore = traduttore ), câu đó không còn ý nghĩa nữa với những **Huyền thoại**, vì Văn chương dịch thuật thuộc ý thức cá nhân bé nhỏ, còn có **cốt truyện thuộc Tiềm thức cộng thông to lớn, có đời sống độc lập ngoài cá nhân, nên cốt truyện của nó cũng ngoài tầm sức tô tạo của Cá nhân** ( xem *Anthropologie Structurale* tr. 232 và xem thêm Jung: *Psychology and Religion* ).

Chính những yếu tố đó mới nói lên được nền **Minh triết uyên nguyên**. Điều này trước đây đã không được nhận ra vì quá **Duy Lý**. Nhưng nay thì ngay bên Âu Tây cũng đang chuyển hướng và bắt đầu khám phá ra vai trò của Tiềm thức biểu lộ qua những **Thần thoại**, **Truyện kỳ** như được bày tỏ trong những khoa **Uyên Tâm**, **Cơ cấu luận**. . .

**Những khoa mới này sẽ giúp chúng ta trở lại khai thác nền Văn hoá nước nhà xưa kia đã có thời vận hành trên hai bờ U linh và Ý thức, nhưng sau bị Hán Nho chèn ép nên sụp đổ, và chỉ còn biết vận hành trong lơ mơ nên đã dễ dàng chạy theo ảnh hưởng Tây Âu trong việc đưa nhân loại vào tai họa một Chiều**

kích.: là đầu mối cho mọi bế tắc của con Người hiện đại. Đây là một quá trình sa đọa, mà việc nhận thức giúp rất nhiều cho sự thoát ra và đi lên.

Đó là đại đề sự giải minh pha triết, và vì vậy nếu Trần Thế Pháp viết Trích quái thì hợp với tinh thần “ Thuật nhi bất tác “, còn nói Chích quái thì tỏ ra đề cao cá nhân và trở nên diệt tượng.”

### 3.-Từ Linh tượng tới Biểu tượng

“ Nói Linh tượng là đã rậm lời, chính ra là chỉ một chữ Tượng đã đủ khi hiểu đúng ý uyên nguyên của nó là :

“ Tại Thiên thành Tượng : 在天成象

Tại Địa thành hình: 在地成形 “

Theo nghĩa đó thì Tượng chưa thành Hình, và tự khi thành Hình thì liền lọt vào quỹ đạo của giác quan Lý trí bé nhỏ “ có thành có diệt “, không còn trong vòng Sinh sinh của Tượng. Và thế, nếu hiểu đúng thì Tượng chưa thành Hình, nên không thể nói bằng Lời, vẽ ra bằng Ảnh: nên muốn nói đến phải dùng Dấu hiệu để chỉ gián tiếp. Đây là nghĩa chữ Tượng ( symbole ) nhằm đưa Tâm thức tự cái hữu Hình tới các vô Hình.

Như thế Linh tượng phải là một sự khải linh ( épiphanie ) tức làm xuất hiện lên cái không thể nói ra bởi trong phạm vi chính của nó thuộc Tiềm thức, Siêu hình, Siêu nhiên, Siêu thực. Tượng phải là sự khải linh ra cái gì to lớn, nó cũng như Nghệ thuật dùng cái Hữu hạn để khải phát ra cái Vô hạn. Nói khác Tượng có cả hữu Hạn lẫn vô Hạn và chính vì nửa hữu Hạn này mà Tượng có tính chất cụ thể. Nhưng cần có nửa vô hình nữa mới là Biểu tượng. Vô Hình tức là mở sang cõi Vô biên, vô tế bao gồm những phẩm chất không thể biểu thị và chính vì thế có tính chất hàm hồ với khả năng mang rất nhiều ý nghĩa, và mỗi lần kể lại có thể mặc một ý nghĩa khác, nhưng chẳng bao giờ mạt cạn hết ý nghĩa của nó.

Tôi muốn gọi nó là “ Tổ thuật “ phần nào giống chữ redondance của Tây chỉ một thứ lặp lại nhưng không lặp lại suông nhưng là một sự cố gắng đi sâu mãi vào Nội dung vô tận. Đó chính là “ hình ảnh xoáy ốc của Loa Thành “ ; mỗi lần lặp lại một vòng là một lần đưa đến gần Trung tâm hơn với những khả thể mới mẻ khác hẳn vòng trước. Đó là điều người nay Đó là điều đang mong thực hiện bằng tác - động - chu - kỳ hóa: recyclage để có thể dùng mãi mà không nhàm, nhờ đạt được cái đức luân hồi mới tăng cường, “ nhật tân chi vị thịnh đức “ theo lời Kinh Dịch.

Tóm lại khi nói đến *Tượng* theo nghĩa uyên nguyên thì phải có tính chất vừa sinh động vừa linh động nhờ tiếp cận với cái chi Vô biên, nếu không được như vậy thì chỉ là Phù hiệu ( emblème ).



Thí dụ: vẽ ông quan Toà thì đó là tiêu biểu cho người bảo vệ luật pháp, còn cái Cân là Phù hiệu chỉ sự công bằng.

Như vậy **Biểu hiệu** cũng như **Phù hiệu** đều chỉ cái gì biết được nên có thể nói ra nhưng vắng mặt, vì không có mặt để mà vắng. Vì thế Tượng dễ đọc ra **Biểu hiệu**, cũng như Siêu hình đọc ra Siêu thị, Siêu giác ( suprasensible ), tức nói đến cái có Hình nhưng vắng mặt, mắt không xem thấy Hình nhưng Lý trí vẫn bám sát Hình của nó là Ý niệm, nên vẫn còn thuộc loại Hiện tượng hàng ngang lý trí.

Những câu truyện **Biếm ngôn** ( fable ) hay **Ẩn dụ** ( allegorie ) cũng thuộc loại này vì nó dùng đến con Vật nói về truyện người là những truyện nói lên được nhưng không muốn nói thẳng, nên mượn sự vật thay vào.

Tất cả không phải là Linh tượng.

Vậy để tránh những hiểu lầm đáng tiếc từ đây sẽ gọi là Linh tượng thay cho chữ Tượng Uyên nguyên, còn Biểu Tượng chỉ dấu hiệu, Phù hiệu, Ẩn dụ có tính cách xác định của Lý trí. Nhưng đó cũng là phương tiện từ ngữ không quan trọng bằng sự nhận thức cảm nghiệm.

Để giúp vào việc này chúng ta sẽ đặt một cái nhìn bao quát trên lịch sử Triết Tây để thấu rõ hơn sự da đọa từ Linh tượng trụt xuống Biểu tượng, Biểu hiệu, Ẩn dụ ( 1 ) “

#### 4.- Những kẻ diệt tượng

**Diệt Tượng** dịch từ chữ Iconoclaste ( kép bởi eikhon: tượng ; khazein: đập phá ) mà một số học giả Tây phương hiện nay hay dùng để chỉ những người Duy kiện ( positivists ). Những người này đã không ngờ đến cõi Tâm linh nên bao nhiêu Linh tượng đều bị xoá bỏ ví thế người nay gọi họ là Diệt Tượng với ý nghĩa là họ đập phá Tượng hình, tức chối cõi Vô hình.

Tôi thích gọi họ là “ Đúc Tượng “ có lẽ đúng với việc làm của họ hơn, vì họ không chối tượng suông, nhưng thay tượng vô hình bằng những biểu hiện tức làm cho Linh tượng lung linh phải đồng hoá với tượng hình do con mắt xem thấy, rồi lý trí giữ lại mà gọi là Ý tượng ( idea ) tức cũng là cái nhìn của Lý trí. Dùng ý tượng mà xây đắp siêu hình là giản lược sự vật phiền tạp phong phú vào có một chiều kích của Lý trí mà bỏ sót các chiều kích khác thuộc Tâm tình Ý chí. Mà Triết Nho kêu là **Thể nghiệm**. Chữ **Thể** nói lên toàn thể con Người cùng nghiệm, nó rộng hơn siêu thị gấp bội.

Chính vì siêu hình của Triết Tây có tính cách siêu thị nên nay đang sụp đổ tận nền móng ( xem thí dụ quyển “ Heidegger trước sự phá sản của tư tưởng Tây phương “ của Lê tôn Nghiêm ). Những người phải mang trách nhiệm về sự trụt đường rầy này thì phải kể trước hết là **Descartes**, vì ông đã giúp đắc lực vào sự toàn thắng của phe Duy kiện dưới phù hiệu của Toán học, Cơ học đến nỗi Linh hồn cũng bị đo đếm như một Vật hiện hình. Đó là việc làm có tính chất Duy Lý cùng

cực và chính nó đã ngự trị trên các đại học Tây phương nhất là nước Pháp, nên đáng tên là con trưởng nữ của **Auguste Comte** và cháu gái của Descartes, với chủ trương không những thế giới có thể khám phá cách khoa học mà còn hơn nữa:

**Chỉ có phương pháp khoa học mới có độc quyền tri thức.** Chính vì chủ trương Duy lý như thế nên trong suốt hai thế kỷ óc tưởng tượng bị “ phạt vạ rút phép thông công “ vì bị cho là thiếu nền móng khách quan. Thế giá Descartes mạnh đến nỗi cả Pascal cũng coi khinh hội họa, cho là sản phẩm của tưởng tượng. Do đó **họa sĩ bị bỏ rơi và Nghệ thuật bó buộc phải đi vào Biểu tượng thuộc Duy lý kiểu Ẩn dụ ( allégorie )** như quen làm trong thời Phục hưng.

Tiếp sang thế kỷ 17 – 18 thì nghệ thuật đóc ra lối trang trí tức là hội họa chỉ còn biểu thị một cái gì rõ rệt xảy ra trong lịch sử với niên kỷ ghi chép rành mạch mà không còn là hội họa trung thực có sứ mệnh gợi cảm để đưa tâm hồn thanh thoát bay lên nhập vào luồng sống bao la của cõi Linh tượng. Đây là một sa đoạ trầm trọng đến nỗi mãi tận nay cũng chưa sao phục hồi lại được sức mạnh của ý nghĩa đầy đủ như trong các xã hội yêu Linh tượng của Byzance hay nhà Tống bên Tàu ( Durand 23 ).

Nếu đi sâu vào dĩ vãng tất sẽ nhận thấy khuynh hướng Diệt tượng này nằm trong sự thắng thế của Aristote ( 1 ) mà Descartes, Kant, Auguste Comte chỉ là những đồ đệ đã nói dài cái Vũ trụ quan của Aristote, mà Vũ trụ quan giống hệt Vật lý, nên không sao ngóc đầu lên khỏi giác quan. Người ta có kể những bằng chứng cho sự sa đoạ này là việc gọi khoa siêu hình ( ontology ): là Hữu thể học. Gọi như thế là thú nhận siêu hình hết còn là siêu hình lung linh của động tự uyên nguyên nhưng đã trở nên hữu Hình hay gọi cho oai là hữu Thể học. Thế đâu phải hiểu là hình thể vắng mặt, nên tuy mệnh danh là siêu hình mà kỳ thực là hữu Hình, nên thay vì nâng Tâm hồn lên nó dẫn con Người đi trong cái hữu Hình qua trung gian của những Ý niệm tức Ý tượng ( image ) của những Vật thể hiện hình. Sự trượt dần từ Linh tượng xuống Biểu hiệu được thấy rõ trong việc chuyển hướng của Nghệ thuật từ roman đi sang gothique.

Ở nghệ thuật roman người ta còn gặp được nhiều tư tưởng gián tiếp theo lối linh tượng Đông phương, nhưng thời đại roman đã quá chóng vánh so với ba thế kỷ dài dằng dặc của **nghệ thuật Tây phương gọi là gothique hoàn toàn trực tiếp tức lấy hữu Hình để biểu hiệu hữu Hình ( Durand 27 ). Tự Linh tượng trượt xuống Tượng hình ( Il glisse de l' icone à l' image )** đến cuối cùng đóc ra khoa trang trí thường làm bằng ẩn dụ ( allégorie ).

Tự thế kỷ 13 trở đi nghệ thuật bỏ mất nhiệm vụ dẫn khởi đến một ý nghĩa, mà chỉ còn mãi lo “ **sao chép thiên nhiên** “. Quyển Thi luật Aristote sẽ là Thánh Kinh cho khoa thẩm mỹ Âu Tây, thế mà nó dựa trọn vẹn trên quan niệm “ bất chước “; nhưng bất chước chỉ là đưa con lạc loài của sự Tổ thuật thuộc Linh tượng ( l'imitation n'est que l'extrême abâtardissement de la redondance. Durand 29 ).

**Tổ thuật có tính cách sống động, độc đáo và cần phải luôn luôn độc sáng trên mỗi lần “ nhắc lại kiểu Tổ thuật “ là mỗi lần đóng góp thêm vào Di sản cũ một ít những sáng tạo mới, đưa ra những mối tương quan chưa được chưa được phát hiện bao giờ.**

Thiếu điều đó chỉ là sự bất chước suông, một việc làm máy móc có thể sản xuất từng loạt những cái y hệt nhau nhưng không nói lên được gì mới. Như vậy là đánh mất ý nghĩa của chữ nhiệm màu trong từ ngữ Hy Lạp theo đó có sự mở lên trời, sự kính nể những cái bất khả ngôn, một sức mạnh tung bùng. . . , là những đức tính không thể tìm thấy được trong phép luận lý có mục thước cách xác thiết như pháp luật Roma ( Durand 30 ). Óc pháp luật giết chết những nguồn cảm hứng tự riêng bay bổng trong chôn viên mãn tròn đầy không cần đến những công thức ước định. Vì thế những khuynh hướng chủ trương thực nghiệm kiểu gnostique hay ưa đề cao tinh thần tiên tri, nhất là vai trò phụ nữ như Sophia, Barbelo, Héléne. . . , khó tìm ra đất sống dưới phủ việt của pháp hình.

**Tóm lại trời Văn hoá Tây Âu nặng trĩu một bầu khí Duy kiện với những tên tuổi như Aristote, Desartes, Auguste Comte. . . tất cả đều là những ta “ phá tượng triệt để “. Họ đã san phẳng bình diện tri thức không còn để lại một mô cao nào có thể làm thang leo lên hàng dọc Tâm linh. Đó là một sự hiểu lầm từ nền tảng ( missdeutung ), mà theo Heidegger nó đã chi phối trọn vẹn nền Triết học Tây Âu, khiến cho hệ truyền bá tới đâu thì gieo đau thương tang tóc tới đó.**

### **5.-Từ Phân tâm tới Uyên tâm**

**Triết lý Việt Nho thoát thai tự nhân gian. Ca dao còn giữ được rất nhiều trong Kinh Điển Nho giáo, những Huyền thoại đã bị Hán Nho tước bỏ, và ra sống ngoài dân. Thực ra sự hiện diện của Huyền thoại cũng không mấy cần thiết vì tinh hoa Việt Nho đã được đúc kết trong Ca dao, Phương ngôn, Tục ngữ: tất cả cùng phát xuất từ Tiềm thức, quê Tổ của Huyền thoại. Đến nay chúng ta đã cố khai quật Huyền thoại vì Việt Nho đang bị ruồng bỏ cần làm phục hoạt những Huyền thoại có thể giúp vào việc đó. Huống hồ là nay có những khoa Tâm lý mới giúp phương tiện canh tân việc giải nghĩa Huyền thoại. Vì thế trong chương này chúng ta bàn về mấy nét lớn của Phân tâm và Uyên tâm có liên hệ đến việc tìm kiếm Loa pháp ( trong Loa thanh đồ thuyết ). Khi nói đến Phân tâm là nói đến Tiềm thức. Và ở đây không có ý nói đến Tiềm thức lý thuyết của triết gia Carus hay Janet. . .mà chỉ có ý nói đến Tiềm thức thực nghiệm của Freud và nhất là của Jung.**

#### **a.- Tiềm thức của Freud**

Với Phân tâm tôi muốn chỉ đợt **Tiềm thức cá nhân** do Freud khám phá, nó kết tinh do những ước muốn không được thỏa mãn nên bị dồn nén xuống làm thành

Tiềm thức. **Phương chính để khám phá là Chiêm bao.** Nhờ giải nghĩa chiêm bao mà Freud khám phá ra Tiềm thức là một thế giới mà cho tới đó người ta không biết, nên có người ví Freud với Christophe Colomb tìm ra thế giới mới.



Tiềm thức này có thể vẽ đại khái như trên.

1.- Vòng ngoài cùng là **Ý thức** gồm 4 việc nền tảng là : **Cảm, Tình, Nghi, Thấu.**

2.- Vòng nhì là **Chí** hay là cái nhân của con người Ý thức gọi là Tiểu ngã.

3.- Vòng Ba gồm 2 đợt :

a.- **Tiềm thức Cá nhân** gồm những mảnh vụn Ý thức bị dồn nén cũng như những mặc cảm.

b.- **Tiềm thức Cộng thông do kinh nghiệm sống của nhiều triệu năm để ấn tích lại, và thường biểu lộ bằng những Sơ nguyên tượng.** Sơ đồ trên phần nào vẽ theo tư tưởng của Karl Jung ( xem thí dụ Ame tr.131 ) 4 việc của ý thức cũng là do Jung đưa vào để phác họa lên không gian tâm thức của con người.

Nếu ví **Ý thức** như một vòng tròn duy nhất gọi là **Y**, thì nay với Freud còn phải thêm một vòng bên trong nữa gọi là **T ( Tiềm thức )**, và giữa **Y** và **T** phải đặt vòng lót **K ( Kiểm duyệt )** mà Freud gọi là **Thượng thức ( surmoi )**. Thượng thức được kết tinh do những huý kỵ của xã hội, ức chế của luân lý, của giáo dục, tôn giáo, tục lệ. . . nó có nhiệm vụ đứng chắn không cho những yếu tố của Tiềm thức **T** nhô lên mặt Ý thức.

**Những yếu tố T ban đầu chỉ bao gồm những thúc đẩy sinh lý ( les pulsions ), những ý nghĩ thèm muốn đủ loại, nhất là thèm muốn dục tình ( đến sau Freud thêm vào những thèm ước phá hoại ( Thanatos ) đã không được thỏa mãn, và bị ý thức dồn nén xuống đó, rồi bị Thượng thức K kiểm duyệt không cho trồi lên mặt ý thức Y, nên chúng lên men và gây ra những rối loạn thần kinh, hoặc nhẹ như những sự nhớ lới, nhớ chữ, sáng sót, hay là những giấc mơ màng, hoặc nặng hơn thì là những bệnh thống kinh, tức những bệnh không hiện lên cơ thể, nên không thể chữa trị theo lối thông thường.**

Thí dụ có người mỗi khi dơ tay ra toan cầm ly nước để uống thì tay liền bị tê liệt không cử động nổi, chữa thuốc nào cũng không hết. Sau nhờ phép Phân tâm, y sĩ tìm ra căn do là tại lúc nhỏ con sen đã lấy cái ly cô ta quen dùng để cho chó uống.

Việc đó gây nên trong tâm thức cô ta một vết thương ( traumatisme ), sau này nét thương đó trầm trọng thì làm tê liệt cánh tay mỗi khi cô ta toan lấy ly nước. Sau khi cô ta biết ta biết duyên cớ như trên thì liền hết bệnh.

**Như vậy muốn chữa bệnh thống kinh cần phải lôi ra khỏi Tiềm thức những yếu tố đã dồn nén xuống đó. Nhiều khi lôi lên rồi là khỏi.**

Theo Freud thì những nhu yếu bị dồn nén như thế, gần hay xa đều quy về một mối là **Dục tình**, vì thế chủ trương của ông được người đời gọi là **Toàn dục** ( pansexuel ), cái gì cũng giảng nghĩa theo Tình dục: trẻ con mút ngón tay cũng cho là tìm thỏa mãn Tình dục, người theo tôn giáo kính mến Thần linh cũng để thỏa mãn Tình dục, nghệ thuật cũng chỉ là Tình dục thăng hoa . . . Cho nên nguyên uỷ của bệnh thống kinh là do sự dồn nén Tính dục.

**Bởi thế muốn trị bệnh từ căn để thì nên tránh sự dồn nén. Vì thế mà thuyết của Freud có vẻ là một lời hô hào tháo khoán cho Tình dục tràn lên như vỡ bờ.**

Thực ra đây chỉ là một phản động chống lại nền Luân lý thanh giáo cổ điển **cũng phạm tội Duy** như Freud tức là quy hết tội lỗi cho Dục tình, ví thế đóng con dấu tội lỗi lên trên bất cứ cái gì có liên hệ gần hay xa đến Dục tình. **Thuyết Thanh giáo này cùng với thuyết thả lỏng của Freud tuy chống nhau kịch liệt nhưng cả hai cùng nằm trên bình diện, đều cho Dục tình là căn nguyên mọi tội lỗi hoặc bệnh hoạn.**

### **b.- Thuyết Ý chí quyền lực của Adler**

Chính vì chỗ một chiều đó mà thuyết của Freud đã gây nên chống đối mãnh liệt, trong số đó có **Adler đã gỡ trọng tâm ra khỏi Tình dục** để đặt sang **Ý Chí Quyền Lực** ( Volonté de puissance ), tức là mọi việc con người làm đều do lòng ham muốn quyền lực. **Khỏi nói thì ai cũng nhận thấy quan niệm này cũng lại là một thứ Duy mới chỉ khác có tên: thay vì Duy Tình dục thì lại Duy Quyền Năng .**

Bởi thế vẫn còn hẹp như của Freud, cần phải có người thứ ba để đặt Phân tâm vào một lối giải nghĩa rộng lớn hơn, và đó là Karl Jung.

### **c.- Thuyết của Karl Jung**

**Karl Jung chủ trương không nên giản lược sinh lực con người vào bất cứ một chiều kích nào dù mạnh như Dục tình hay Ý chí quyền năng, nhưng phải tùy trường hợp mà giải nghĩa và thay vì để phân Tâm trong viễn tượng bệnh lý, thì ông đặt sang Nhân tính toàn diện mà ông gọi là Đại ngã ( soi ). Và vì thế khác hẳn chiều hướng sinh lý của Freud: Jung dùng phương pháp Văn hoá tỷ giảo tức đối chiếu những Thần thoại và Biểu tượng của nhiều Văn minh và nhờ thế ông đã đóng góp rất nhiều vào Phân tâm.**

**Trong đó phải kể đến việc khám phá các Sơ nguyên tượng ( archétypes ) của Tiềm thức cộng đồng, vì chúng có tính chất nhân loại, nghĩa là nội dung tiềm thức không chỉ là những mảnh rơi rụng của ý thức như Freud nghĩ, vì thế nội dung của nó không thể không lệ thuộc vào ý thức cá nhân, tức những yếu tố tư riêng gắn liền với nơi và thời xảy ra có thể nhớ lại v. v. . .**

**Còn Tiềm thức cộng đồng theo Jung thì thuộc toàn thể Nhân loại, nên có tính cách phổ biến như Vũ trụ như những yếu tố thời gian, núi sông, biển, sao, trăng với những chiều kích bao la vĩ đại, những Biểu tượng chung trong Nhân loại cổ sơ mà dân nào cũng thấy, thí dụ nước chỉ nguồn sống cũng như chỉ Tiềm thức.**

Lạc Long quân ở thủy phủ, Jona bị vớt xuống biển rồi bị cá nuốt vào bụng là bị Tiềm thức lấn át, hoặc những hình vuông hay tròn được thấy trong giấc mơ do rất nhiều người, tuy họ không hề biết đến những điều đó ( chúng tỏ chúng không có tính chất cá nhân ), vì thế Jung đã chia tiềm thức ra làm hai đợt:

**Một thuộc Cá nhân có hai nửa, một nửa giống của Freud thành bởi những yếu tố tự ý thức dồn xuống, còn một nửa là những mặc cảm không tùy thuộc cá nhân.**

**Hai là tiềm thức chung của Nhân loại mà ông gọi là Tiềm thức cộng đồng ( inconscient collectif ). Vì ở đâu đâu Văn minh hay cổ sơ đều có cả, nên kết luận là của chung Nhân loại và khi xét nó thì có thể biết được phần nào Tâm trạng con người, vì chúng nói lên trình độ của nhân loại trong một nơi một thời. Hiện nay Nhân loại cũng đang mất quân bình nên đâm ra khủng hoảng. khủng hoảng là bệnh thống kinh của Nhân loại, y như thống kinh là cơn khủng hoảng của một Cá nhân. Với sự khám phá này Jung đã đưa Phân tâm tiến thêm một bước nữa đi vào chiều sâu, nên nhiều người như Blenler là thấy và cũng là cộng sự viên của Jung gọi đợt tiến này là Uyên tâm ( psychologie des profondeurs ), còn đợt của Freud là Phân tâm.**

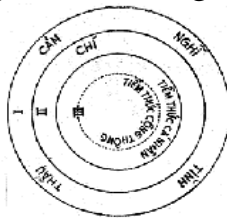
Tôi gọi theo lối của Blenler cho tiện, mặc dầu không cho danh xưng là quan trọng vì chính Jung thường dùng chữ analyse de l'Inconscient nhưng chữ Phân tâm psycho- analytique lại cho một môn phái của Freud. Vì chữ này đã dính liền với chủ trương Toàn dục.

**Còn Jung quan niệm tTiềm thức của ông rộng hơn nhiều, nên ngay về việc chữa trị cũng hiệu nghiệm hơn: đã có trường hợp chữa được cả bệnh điên. Riêng về mặt Triết thì Jung sâu xa hơn rất nhiều, nhất là ông đi vào hướng Văn hoá tỷ giáo rất hợp thời gặp gỡ của các nền Văn hoá nên được các nhà Phân tâm hiện đại như Horney, Fromm, Kaediner, Sullivan. . . đang cố gắng**

tiếp tục. Người ta quen gọi đây là môn phái Văn hoá ( cultural school ), vì chủ trương rằng trong các yếu tố chữa bệnh, ngừa bệnh cũng như hiện thực Nhân tính thì Văn hoá là yếu tố nổi nhất.

Về mặt khám phá Tiềm thức ngoài chiêm bao ra, Jung cố dùng đến Thần thoại của rất nhiều dân, do đó ông có rất nhiều phát kiến mới như Tiềm thức Cộng thông với các Sơ nguyên tượng với thuyết Linh lực (énergétique ) tức những Biểu tượng có tính chất phổ biến và sống động. Rồi thuyết Đại ngã với quá trình Nhân cách hoá được coi như trọng tâm công trình vĩ đại của ông. Chính vì bước tiến đó mà sách của Jung tỏa lên một giá trị Nhân bản chân thực, một thứ triết lý rất cụ thể.

Keyserling tiên đoán với thế hệ đang lên thì sách của Jung sẽ chiếm chỗ xưa dành cho Platon. Tôi cho câu tiên đoán đó có nền tảng. Hiện nay sách của ông được dịch hết sang tiếng Anh và tiếng Đức, tiếng Pháp mới được chừng một nửa. Hãy tóm lược Cơ cấu Tâm thức con người theo Jung vào một lược đồ gồm có 3 vòng:



1.- Vòng ngoài cùng là **Ý thức** gồm 4 việc nền tảng là : **Cảm, Tình, Nghĩ, Thấu.**

2.- Vòng nhì là **Chí** hay là cái nhân của con người Ý thức gọi là Tiểu ngã.

3.- Vòng Ba gồm 2 đợt :

a.- **Tiềm thức cá nhân** gồm những mảnh vụn Ý thức bị dồn nén cũng như những mặc cảm.

b.- **Tiềm thức cộng thông** do kinh nghiệm sống của nhiều triệu năm để ẩn

tích lại, và thường biểu lộ bằng những Sơ nguyên tượng. Sơ đồ trên phần nào vẽ theo tư tưởng của Karl Jung ( xem thí dụ Ame tr.131 ) 4 việc của ý thức cũng là do Jung đưa vào để phác họa lên không gian Tâm thức của con Người.

**Cảm:** Sensation để chỉ những việc của giác quan như xem, nghe, sờ, để biết có một vật.

**Nghĩ:** Pensée để biết vật đó là gì .

**Tình:** Vật đó có giá trị nào chẳng ?

**Thấu:** Intuition: Trực thị về nguồn gốc và sự tiến triển của sự vật ( Ame 97 ).

Đó là 4 việc nền tảng làm trên bình diện ý thức và tùy mỗi người chú ý đến tác năng nào đó trong 4 mà có xu hướng khác nhau tự cá nhân nọ đến cá nhân kia, cũng như tự dân này đến dân khác làm nên khuôn mặt Văn hoá của mỗi dân.

Nói chung thì:

**Tây nổi về Cảm, Nghi  
Đông về Tình, Thấu.**

Bốn chức năng đó nằm trên nền tảng chung là **Chí** ( volonté ) mà hình thức thường của Nó là Ý tứ hay cũng gọi là Chú ý.

**Chính Chí phân phát nghị lực, nên có thể tập trung vào một chức năng nào đó hoặc là tỏa ra mọi tác năng đồng đều tùy nghi. Vì thế Chí là chủ chính, nó làm nên cá tính của mọi người. Sau Chí thì đến Tiềm thức. Có hai đợt cá nhân gồm những mảnh ý thức bị dồn nén xuống khỏi bình diện ý thức: nhưng nó vẫn sống trên ven ý thức, và xuất hiện có khi bằng những lời, lời bút, những động ứng có thể nói là vô thức như chiêm bao, những mặc cảm. Mặc cảm là một cảm nghĩ không hiện hình, nhưng lại giàu chất xúc động, tác hành, có tính cách độc lập ngoài quyền ý chí cá nhân. Khi nào xuất hiện mạnh thì làm cho phạm vi ý thức thu hẹp lại gây ra chia trí, không chú ý đúng mức, và thường gây ra căng thẳng làm cho thở nông, nên lâu lâu phải bù bằng thở dài, nên Phân tâm có thể nhìn ra.**

**Freud đã khám phá ra Tiềm thức cá nhân nhất là bằng chiêm bao. Cũng trong thời gian đó Jung dò Tiềm thức bằng phương pháp Liên tưởng, và chính ông đặt tên là Mặc cảm được thông dụng ngày nay.**

**Ngoài ra ông còn đi sâu hơn một độ nữa là khám phá ra đợt Tiềm thức cộng thông.**

Phương pháp thăm dò đợt này phải là Thần thoại, Huyền thoại của mọi dân, càng biết nhiều càng hay để tìm ra những yếu tố phổ biến đâu đâu cũng có, và ông gọi là Sơ nguyên tượng, tức là những hình tượng đầu tiên và uyên nguyên nên nó có sức sống động, thí dụ xuất hiện trong chiêm bao nhiều người, vì thế tôi cũng gọi là Sinh tượng, cũng có khi là Linh tượng, là muốn nói đến cái sức mạnh tác động.

**Nếu biết thấu hoá các Sơ nguyên tượng thì tiêu cực có thể khỏi bệnh thống kinh, và nhất là tích cực mở rộng được Nhân cách nên Uyên tâm giúp vào việc Đạo học rất nhiều.**

**Giữa Tiềm thức Cá nhân của Freud và Tiềm thức Cộng thông của Jung tôi đặt thêm Tiềm thức Dân tộc và gọi là Huyền sử.**

Đây cũng là một loại Tiềm thức Cộng thông, nhưng được trình bày cách riêng bằng những mảnh vụn Lịch sử của một dân. Thí dụ hình Vương Tròn tuy là của chung nhân loại, nhưng được trình bày theo Hình Xoáy Ốc ( loa ) với những nhân vật riêng biệt của Việt Nam như Trọng Thủy, My Châu. . . làm tỏa ra một bầu khí riêng gọi là Huyền sử. Huyền sử với nhiều dân không được



rõ ràng lắm nên nhiều tác giả chối đi và chỉ chấp nhận có ý nghĩa phổ biến của Tiềm thức cộng thông. Tuy nhiên đối với Việt Nam thì chúng ta có thể chấp nhận ý nghĩa đợt hai của Huyền sử và dùng Huyền sử như những bước khởi đầu đang tiến đến Tiềm thức cộng thông. Như vậy đường về Dân tộc cũng chính là đường về Nhân tộc, mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở chương sau.

### **6.-Thấp đước Uyên Tâm đi tìm Hồn Ốc**

Theo uyên tâm thì tiềm thức là cõi mênh mông bao gồm rất nhiều chất liệu Tâm thức của biết bao đời xưa chồng chất lại, nên có kinh nghiệm dài hơn cá nhân cũng như mạnh lực hơn sức cá nhân, nên thường tác dụng bên ngoài ý thức và ý muốn cá nhân, gọi được là uy linh ( majestueux et puissant ) có thể lẫn với cõi Thần linh của Tôn giáo.

Bởi thế những Sơ nguyên tượng ( archétypes ) làm nên cơ cấu Tâm thức để hướng dẫn tác động của Bản năng thuộc bình diện Sinh lý, còn Sơ nguyên tượng thuộc bình diện Tâm thức: nó là một thứ ý tưởng trong cõi bản năng. Như thế chúng là những dạng thức, những ảnh hưởng hướng dẫn Bản năng tác động. Bản năng bắt đầu tác động khi khởi lên trong Tâm thức hình ảnh Sơ nguyên tượng ám hợp cho tác động đó, rồi hình ảnh này lại trở nên động lực cho những động ứng khác của tác nhân.

#### **a.- Đời sống Cá nhân**

Những sơ nguyên tượng hiện diện ngay từ buổi đầu tiên của đời sống và sẽ tồn tại mãi y như những bản năng, nên chính Sơ nguyên tượng mới làm nên những Cơ cấu của Tâm thức, đó là phần vô thức nên cũng là nền tảng, vì vô thức có tính chất uyên nguyên nguồn gốc, nên có tính chất sinh động mãnh mẽ hơn hẳn ý thức. Vì thế đó là phần quan trọng cho sức khoẻ cả thể xác lẫn tâm thần. Khi cơ cấu tiềm thức một người không ổn định thì sinh bệnh thống kinh có thể đến điên loạn, cần có y sĩ tâm phân giúp chữa trị.

#### **b.- Đời sống Dân tộc**

Nói về dân tộc cũng như một cá nhân, một dân lâm nạn phân hóa thì là dấu cơ cấu sơ nguyên tượng của nó đã trật đường rầy. Cần làm một cuộc phân tích kỹ mĩ để tìm ra đâu là sơ nguyên tượng của dân tộc, đâu là chỗ trật đường rầy, để chỉ ra bài thuốc ứng hợp. Những dân tộc giàu sức sống cũng là những dân có nền văn hoá ứng hợp với các sơ nguyên tượng của mình. Ngày xưa nhờ những hiền triết có khả năng thấu thị chỉ ra rồi mọi người tuân theo. Nhưng đến nay lời giáo huấn đó không còn giàu sức kích động tâm trạng người mới nên hết xài. Cần một phương thế khác có lý giải, và đó là khoa Uyên tâm. Một trong những phương tiện của khoa này là nghiên cứu và đối chiếu thần

thoại và biểu tượng của các dân, vì đã nhận ra đó là lối biểu thị những cơ cấu tâm thức cũng như những nguồn phát ra sinh lực thâm sâu của một dân, những sức mạnh của một linh hồn tập thể. Nhân đó mới nhận ra đường lối của một nền văn hoá, và những nét dị biệt của chúng phần nhiều lại là những nét đặc trưng vẽ lại con đường đặc thù mà mỗi dân phải đi.

Sứ mạng con Người là hiện thực được Nhân tính. Và đó còn là cứu cánh của mọi con Người bất kỳ ở đâu và bao giờ. Nhưng ở đâu và bao giờ lại khác nhau nên có những lối hiện thực khác nhau, và những dị biệt đó cũng quan trọng, như những khế ước mà mỗi dân đã ký kết với khu vực sinh sống đầu tiên của mình. Đối khác là thất ước, nên cũng là sa đọa. Sa đọa tức là bệnh hoạn, làm cho bết sống đi. Sống mạnh là khi không có bệnh hoạn, nên sinh lực không bị ly tán, không bị ly tán, không bị ứ đọng vào một nơi nào, nhưng phát triển đồng đều để tiến lên.

Hiện nước nhà đang bị ly tán mạnh đó là triệu chứng bệnh nặng, báo hiệu một cái gì trực trặc trong cơ cấu tâm thức của dân nước. Vì thế trong khoá giảng này chúng ta nhằm tìm ra cơ cấu uyên nguyên của nước nhà, để xem nó đã lỗi khế ước ra sao để tìm đường chữa trị. Chúng ta sẽ dùng phương thế Huyền sử nên phần lớn là áp dụng phương pháp của khoa uyên tâm. Khoa này kể được như mũi dùi bén nhọn nhất của phân tâm, nên có những nét giống như Việt Nho, chẳng hạn lấy sự sống làm tiêu chuẩn luân lý khác hẳn triết học cổ điển xưa. Với uyên tâm sống mạnh là khi thoát gỡ khỏi những mặc cảm trái khoáy. Dân sống mạnh là khi có một cơ cấu Tâm linh quân bình mạnh mẽ, ám hợp cho hoàn cảnh riêng. Vậy theo uyên tâm muốn biết cơ cấu tâm linh của một dân cần tìm hiểu những sơ nguyên tượng căn bản hơn hết của dân ấy.

## II.-Những Sơ nguyên tượng căn bản

### 1.- Sơ nguyên tượng sâu đậm đầu tiên: Hình ảnh người Mẹ

Đây là hình ảnh đã in dấu sâu đậm hơn hết trên tâm khảm mỗi con người, vì khi vừa ra đời Tâm thức còn như miếng sáp mềm sẵn sàng nhận những hình ảnh đầu tiên. Và đó là hình ảnh người Mẹ. Vì thế đây là hình ảnh phổ biến nhất không dân nào không có và đã trở thành những sơ nguyên tượng căn bản nhất, những vạn vật chỉ mẫu: Grand Mère, Magna Mater. . . Hình ảnh Cha cũng có nhưng không sâu đậm bằng vì đến sau, và thường mang theo chất uy nghi trang trọng của thần minh có phần xa xôi.

Đối với Huyền sử nước ta thì hình ảnh Mẹ là Âu Cơ, còn Lạc Long quân chỉ xuất hiện trong những lúc khẩn cấp.

## 2.- Sơ nguyên tượng thứ hai: Hình ảnh Vợ chồng lúc lập gia đình.

Lúc lập gia đình là lúc ta tự đứng ra gánh vác trách nhiệm, cũng là lúc đời sống con người trải qua khúc rẽ với những hồi hộp, cảm xúc mạnh, nên hình ảnh “Ý trung nhân” đã in sâu đến độ trở thành phổ quát và đó là hình ảnh Vợ chồng.

Trong Huyền sử nước ta là Đế Minh với Vụ Tiên, là Ngưu Lang Chức Nữ, là Sơn Tinh với Mỵ Nương, và nhất là Mỵ Châu Trọng Thủy. . .

## 3.- Hệ quả của hai Sơ nguyên tượng trên:

### Mối giao liên giữa Cha Mẹ, Vợ Chồng, Lân nhân

Đó là dạng thức của mọi mối Nhân luân. Đối với nước ta là cái Bọc của Mẹ Âu Cơ hay quả bầu trăm hạt. . . và được kiểu thức hoá thành Tỉnh Điền, hay Lạc Thu. . . Tất cả đều nói lên tính chất *Công thể* của mối giao liên, khác với lối cá nhân ở nhiều nền Văn hoá khác. Trong các mối giao liên thì căn bản nhất là Ý thức với Tiềm thức mà vì Tiềm thức thì ẩn nên được biểu thị rất nhiều như hình *con Rắn* mà Án Độ kêu là Naga, rồi nhất là *Nước* cũng là sơ nguyên tượng vừa chỉ Tiềm thức vừa chỉ làn sông sinh sinh luôn luôn chảy bất cùng. Tiên tri Jona bị nuốt vào bụng cá, cũng như An Dương vương đi vào lòng biển đều là Ý thức bị Tiềm thức trấn át.

*Bên Tây* cũng chỉ Tiềm thức: Bên Tây cho là xấu (sinistre), Việt Nho cho là sáng láng = chiêu. . . , như thế cũng hợp số phận với Rồng cũng chỉ Tiềm thức nhưng bên Tây cho là xấu, bất hạnh (Ame 307), còn bên Việt Nho không những cho là lành mà còn dẫn đầu cuộc tiến hoá = khi ẩn, lúc hiện, lúc khác bay lượn (nhớ lại ba thế Rồng ở quê Kiên). Sự khác nhau để giảng nghĩa: bên Đông là Ý thức giao thoa với Tiềm thức, và Tiềm thức phải gây bệnh thống kinh để trả thù, nên coi Rồng là xấu. Tuy nhiên đây chỉ là chuyện Huyền sử nghĩa là phải vượt lên rất cao để xem toàn diện thì thế, chứ nếu đi vài chi tiết thì muôn vàn mẹo trừ. Vì thế cần dè dặt mỗi khi dùng đến.

Còn thể kể ra nhiều hình ảnh khác, nhiều biểu tượng khác nhưng mấy hình ảnh trên có thể coi là then chốt trong việc nhận diện một nền Văn hoá.

**Loa Thành Đồ thuyết cũng là một thử thách mới trong việc nhận diện nền Văn hoá Việt Nam.**

Sở dĩ chúng tôi chọn câu truyện Loa Thành làm lược đồ, vì nó nói lên một biến cố quyết liệt trong dòng sử mệnh của Việt Nam.

**Đọc theo lối sử thì cuộc phiêu lưu của cặp Mỵ- Thủy, chính là khúc rẽ của tiến trình giao thoa của những cặp đôi nền tảng khác làm nền văn hoá Việt Nho như về Tâm lý là Tình Ý, về Xã hội là Vợ chồng, về văn hoá là Việt Nho và Hán Nho.**

Đó là những cặp đôi làm nên khung văn hoá của nước Giao Chỉ. Nói theo uyên tâm thì chỉ Trời là Tiềm thức cộng đồng, còn chỉ Đất là Ý thức cá nhân và lý tưởng là hai chỉ đó phải giao thoa trong mức độ thế nào để không bên nọ lấn át bên kia, nhưng nương nhau mà tiến. Được như thế gọi là Giao chỉ hay là Quân thiên sẽ giúp con người biết thích nghi với cả hai đầu trái ngược như Thủy với Hỏa, chung với riêng. . .

Đạt được như thế con người sẽ phát triển đến cùng tột những khả thể riêng biệt của Nhân tính mình, đồng thời chu toàn nhiệm vụ chung của dân con trong nước, cũng như của thiên hạ tức trở nên công dân thế giới. Ai cũng thấy ngay đó là lý tưởng cao nhất nhưng cũng khó nhất nên hầu hết đều nghiêng lệch không quá Chung như người Cộng sản, thì lại quá Riêng như Tư bản, không quá Lý thì lại quá tình, ít khi đạt độ Giao chỉ là mức độ trung hoà lý tưởng ở đợt Minh triết. Ở đợt này con người cư xử theo cả hai đợt Ý thức cũng như Tiềm thức. Tiềm thức chiếm phần trội gọi bóng là 3 Trời đối với 2 Đất chỉ Ý thức. Nói khác chính Tiềm thức mới là chủ lò Minh triết, nên gọi là Minh triết bằng bản năng nó dẫn dắt đời sống con người cách êm thấm. Lâu lâu khi gặp trường hợp khó khăn thì Tiềm thức phát ra cho Ý thức một nhật lệnh đặc biệt mà Huyền thoại gọi là:

#### **Hà xuất Đồ. Lạc xuất Thu**

Hà hay Lạc chỉ miền Tiềm thức, còn Đồ hay Thu chính là sứ điệp nó gửi lên cho Ý thức giúp cho Ý thức mở rộng tầm hiểu biết. Sứ điệp trong lúc xâu Loa Thành là: Thần Kim Quy cũng gọi là Thanh Giang sứ giả Ở đây Thanh Giang thay cho Hà cho Lạc, Kim Quy thay cho Đồ cho Thu, cả hai cùng mang một cơ cấu là Tròn Vuông hòa hợp mà cặp Bánh Dầy bánh Chung có thể coi là một việc cụ thể hoá sứ điệp ấy. Vậy Kim Quy cũng chỉ là một sứ điệp nhưng được gửi đến trong một hoàn cảnh nhất định, nếu có dạng thức đặc trưng là mang sứ điệp ở ngón chân, vì là sứ giả của nước Giao Chỉ có nghĩa đen là hai ngón chân giao nhau. Sau sứ điệp Kim Quy thì hai Chỉ hết còn giao nữa, và tự đẩy theo về Hán Nho một chiều. Huyền sử biểu thị bằng cặp Mỵ Châu - Trọng Thủy nằm chết dưới đáy giếng, chữ Nho kêu là Tĩnh. Xin đừng hiểu Tĩnh ở đây là thể chế Tĩnh điền. Đó chỉ là một áp dụng đến sau và có hay chẳng cũng không quan trọng. Quan trọng là chính ý nghĩa uyên nguyên của nó là tinh thần Công thể của nền văn hoá nông nghiệp vốn mang đậm con dấu của nguyên lý Mẹ, nên cũng gọi là cái Bọc Mẹ Âu. Nhưng cái Bọc khó biểu thị không bằng chữ Tĩnh, dễ vẽ, dễ viết hơn nhiều, vì thế mà nó được dùng thay cho cái Bọc và sự thay này xảy ra từ cội sơ nguyên tượng, nên chữ Tĩnh có tính cách sinh động, tức lặp lại nhiều lần ở những nơi then chốt, chẳng hạn: Như ngôi sao Tĩnh mở đầu chòm sao Chu Tước. Như hai lần trong Lĩnh Nam: Một ở truyện Việt Tĩnh, một ở truyện Kim Quy.

Như một lần như quẻ Tĩnh trong Kinh Dịch, mà Đạo nó là “ Dưỡng nhi bất cùng “. Và nhiều lần trong Dân gian. Thí dụ trong Tây Du ký ông Tiên chiếm Tĩnh không cho ai kín nước hay trồng cây quanh miệng giếng để cho rễ cây ngáng việc kín

nước ( trong Hoài Nam tử ). Hình ảnh Tỉnh xuất hiện nhiều lần như thế đủ tỏ tính chất sống động linh hiệu của nó, tức nó có sứ mạng nói lên đặc trưng quý nhất của nền Minh triết Việt Nho là Công thể.

Thế nhưng, tự ngày cặp đôi My-Thủy chết thì giếng bị bỏ hoang, tức nền Minh triết Việt Nho không được chăm sóc tài bồi. Hậu quả là đưa dân nước nhà đến bao cảnh phân hoá như đã có nói trong cái Đình, và hiện còn lưu nọc độc đến tận ngày nay. Nói theo uyên tâm thì chúng ta đang bị bệnh thống kinh, nó hệ tại sự tan rã tâm linh, gây nên những xô xát nội tại làm hư hao hầu hết sinh lực của Tâm thức.

Còn về nước đó là bệnh ly lìa khỏi Hồn nước, tiếng uyên tâm gọi là schizophrénie tức là dissociation de l'âme. Nói đơn sơ là Đạo Nước trở nên yếu liệt không còn đủ mạnh để quy tụ dân con lại trong cái Bọc Âu Cơ như xưa nữa. **Muốn quy tụ lại thì cần phải tu sửa giếng, Kinh Dịch kêu là Tu Tỉnh. Đó là việc hết mọi người dân con phải làm.**

Quyển Loa Thành muốn đóng góp một viên gạch vào việc chung đó.

**Đây cũng là một cuộc trở về nguồn nhưng không phải tìm cho biết ta có họ với ai, nhưng là nhằm giúp chúng ta sống đời sống con Người sung mãn hơn, bởi con Người chỉ sống sung mãn khi nhịp với Tiềm thức Cộng thông. Khi hai bờ Tiềm thức và Ý thức hòa nhịp thì đạt sức mạnh với đời sống sung mãn, và do đấy giàu sức sáng tạo. Vì sáng tạo phát xuất từ Tâm linh ( Tiềm thức ), chứ Ý thức chỉ có xếp đặt lại mà thôi. Vì thế trong sách có nói đến sáng tạo. Đó là về Cá nhân, còn Công dân và nền Quốc học thì đây cũng là một lối tìm lại căn bản thống nhất cho nước cùng non. Bởi chung sau khi đã đẩy cái Học của Nước quá xa trên nẻo Ý thức Lý trí thì sự tìm trở lại với Tiềm thức với Bản năng quả là một việc làm ơn ích lắm vậy.**

Hiện nay nước ta đã từ bỏ nền Văn hoá cân đối của Tiên Tổ để theo cái học Trục vật của Tây phương. Chương trình Giáo dục vấn đề cao phần Chuyên viên mà thiếu Chủ đạo, nên bao nhiêu những Sơ nguyên tượng như Rồng, Tiên, Hồng bàng. . . đều trở thành một kỷ niệm mờ nhạt. Giếng vẫn bị bỏ hoang.

Lạc Thư vẫn chỉ là tờ giấy trắng, không còn giúp chi vào việc móc nối lại với nền Minh triết uyên nguyên nữa.

**Nước Việt Nam cũng đang bị chứng mất Hồn: Do Văn hoá ngoại lai ăn cắp. Hôm nay chúng ta mở lại quyển Kinh Điển nước nhà đọc lên và giải nghĩa câu truyện Loa Thành cũng là mong dầm mình trở lại nên Minh triết Tâm linh muôn thuở.**

Nhưng con Người không ở trong giai đoạn Bái vật nữa để mà đặt niềm tin vào Huyền thoại coi như một tín ngưỡng. Vậy chỉ còn trông vào Triết học, nhưng vì duy Lý nên Triết học thiếu mô cầu bắc sang Tiềm thức. Vì thế mà có sự ngăn cách đôi bờ.

**May thay Việt Nho lại là nền Nhân bản nên đã có đường thông với Tiềm thức, và hơn thế nữa để thâm hóa Tiềm thức, nhờ đó mà biến Thần thoại ra Nhân thoại, tức không coi truyện trong Huyền thoại là truyện ngoài con Người đã xảy ra lâu rồi ở một nơi xa xôi nào đó, trái lại xem Huyền thoại chính là những biểu lộ Tâm thức của Dân Nước, nó nói lên con đường riêng biệt mà ta phải đi để chu toàn sứ mạng của Dân con cũng như của Nhân loại mà tôi gọi là Huyền sử.**

Huyền sử là một phương pháp mà chính tiền nhân ta đã đặt nền tảng vào lúc Thần thoại nhường bước cho Nhân thoại. Bước đường ấy đã được Âu Tây tiếp nối với Tâm trạng khoa học hơn, tức xác định bằng lý chứng nhiều hơn, đó là **khoa Uyên tâm với khoa Nhân văn mới.**

Vì thế chúng sẽ giúp chúng ta rất nhiều trong việc tiếp nối con đường Huyền sử của Tổ Tiên **Huyền sử cũng là một thứ Huyền thoại nhưng dùng nhiều mảnh vụn của Lịch sử, vì là mảnh vụn nên muốn khám phá Nội dung cần đến sự kiên nhẫn hơn sách vở.**

Thí dụ tên My có phải là do tên Mễ chăng, thì không nên chú trọng vào cách đọc cho bằng xét xem nó có diễn tả nội dung của Nông nghiệp lúa Mễ hay chăng; thí dụ phải tìm xem địa vị đàn bà rong Văn hoá đó ra sao, và khi ta biết là cao rồi mà thấy xung quanh Hùng Vương chỉ xuất hiện nhiều lần My nương thì đã có thể coi đó như một loại lý chứng nói lên Nội dung Văn hoá của Mễ Nàng.

**Như thế thì lối đi tìm di tích Cổ Loa của Huyền sử không chỉ còn là vác cuốc đi đào bới nữa, nhưng có thể bằng cách bay bổng để nhìn bao trùm cả một vùng mênh mông của nền Văn hoá có Nỏ Thần, có Giếng Ngọc, có vòng Xoáy Ốc, có áo Long Chim, tức là toàn thể miền đất Viễn Đông của Nho giáo nguyên thủy, trong đó nước Tàu là lớn nhất.**

### **III.- Tiêu điểm phân biệt hai nền Văn hoá Du Nông.**

Chính sự lớn lao thống nhất đó mà người đọc yên trí rằng **nước Tàu** từ xa xưa đã như vậy, mà không ngờ rằng đó là **trận tuyến giao thoa của hai nền Văn hoá Nông, Du** lớn hơn hết và cũng đặc trưng hơn hết, nên nó phản chiếu vào mọi địa hạt Chính trị, Kinh tế, Nghệ thuật cả Huyền thoại nữa, trong đó truyện Cổ Loa là một.

**Cho nên đi tìm vết tích Cổ loa chính cũng là đi tìm khuôn mặt Việt Nho. Việt Nho là nền Văn hoá phôi thai của những dân vào nước Tàu trước như**

**Mélanê, Tam Miêu, Bách Việt. . . tất cả đều được như đứng trên cùng một trận tuyến nông nghiệp lúa Mễ.**

**Bên kia là Du mục.** Xin đừng lẫn với Súc mục ( pastoral ) ở đâu cũng có, ngay trong phần đất Viêm Việt. Thú Mục súc này không khác lắm với Nông nghiệp. Vậy Du mục nói ở đây thường đi với kỹ mã, mà biên cương hoạt động của họ là **tự núi Oural đến sông Amour và sự di chuyển của họ âm vang trên ba đế quốc xưa là Tàu, Ấn và Iran ( Style P. II ).** Nhân đó cũng liên hệ tới Văn hoá Trung Đông và La Hy tức là trên toàn thể nhân loại, khiến ta có thể coi **Nông, Du là Tiêu Điểm Sơ Nguyên dùng để định tính một nền Văn hoá: Văn hóa khác nhau là do sự pha độ Nông, Du khác nhau.**

**Du mục là Phụ hệ, đề cao Tù trưởng, sức mạnh.**

**Nông nghiệp thì Mẫu tộc, có tính chất Công thể, ưa nhu nhả. . .**

**Nói chung thì đâu đâu Du mục cũng lấn át Nông nghiệp.**

( Partout le delicat est toujours vaincu par le Grossier )

Riêng bên Viễn Đông tuy có xô xát, nhưng rồi hòa, nên cuối cùng cả hai bên mất ý thức như cặp My-Thủy nằm chết dưới đáy giếng. My Châu hay Mễ Nàng đại diện cho Nông nghiệp lúa Mễ của Âu Lạc. Âu cũng gọi là Thái mà đế quốc lớn xưa là Ba Thục, nơi không bao giờ bao giờ biết nạn Đói nên đã là vùng phát khởi Văn hoá sớm nhất, nên Văn hoá Nông nghiệp Viễn Đông cũng như là cửa ngõ của khối dân lớn lao là Bách Việt đi vào nước Tàu.

Vì thế một chi có mang theo một số ấn tích của nền Văn hoá sơ khởi đó, nó mang tính chất nhu nhả ôn hoà như Tiên nữ, như Chim bay. Nước ta mang ấn tích mang danh hiệu Hồng bàng

( Lạc bộ Chuy: 雉 ) với chòm sao mang tên Chu tước.

My Châu luôn luôn mang áo lông Chim trên mình, tức là đại diện cho Văn hoá buổi sơ nguyên

nọ.

Sau này sẽ tiến xuống vùng Hồ Quảng mới có nhiều Giao long thì nhận thêm hèm Rồng, hèm Mã ( Long Mã phù đồ ) để cho thêm đầy đủ Non Nhân, Nước Trí.

**Đây là nền Văn hoá đã phát triển ở giai đoạn Thị tộc, Bộ lạc, và còn đang cố vươn lên đợt Bang rồi Liên Bang thì gặp Văn hóa Du mục từ phía Tây Bắc**

trần xuống, xảy ra cuộc chống đối cũng như giao thoa : Với những mảnh vụn lịch sử như Hoàng Đế chiến Sĩ Vu, như Đế Minh “ Tuần thú “ phương Nam, như truyện Sơn Tinh Thủy Tinh dành My Nương hay là như ở đây với cặp My-Thủy. My Châu là Non Nhân, Trọng Thủy là Nước Trí, Trí lẩn át Nhân, nhưng Trí không Nhân thì bị bỏ quên luôn, nên Giếng là bản kết đúc hai nền Văn minh đó hết quân bình và thế là cả hai nằm chết đáy giếng.

Thành Cổ Loa còn hay bị phá không còn nói tới nữa. Cuộc hôn phối hai nền văn hoá bị bỏ quên luôn, nên Giếng là bản kết đúc hai nền Văn minh đó cũng bị bỏ hoang.

Trong truyện Loa Thành Văn minh Âu Lạc được biểu thị bằng số 3 xuất hiện 4 lần trong truyện:

Vương lập đàn cầu đảo 3 tháng.

Ngày bảy tháng 3 bỗng thấy một ông già theo phương Tây ( số 7 ).

Quy ở lại với Vương 3 năm.

Rải lông ngỗng trên các ngã 3 đường.

Con số này liên hệ với Đông phương, với Chim và Tiên nữ, nên cũng liên hệ với số 5 và 9, mà bản tóm là Lạc Thu, một thứ Tinh đã được quảng diễn đến cùng cực đưa đến Nhân đạo, tức không còn đặt trọng tâm trên Trời hay dưới Đất nhưng trong Người, được biểu thị bằng Thần Kim Quy. Nên khi hỏi bí quyết lâu dài thì Kim Quy nói: “ Quốc lộ tu đoàn, xã tắc an nguy là vận của Trời, nhưng Người biết tu Đức thì có thể lâu dài được. Đó là :

**“Đạo cao long hổ phục**

**Đức trọng quỷ thần kinh “.**

Và câu truyện quý mị ở núi Thất Diệu đã không làm hại nổi An Dương Vương theo kế hoạch của Thần Kim Quy, tức theo đạo Người, “ có Trời mà cũng có Ta “. Thế nhưng sau My Châu đã phải chết để đền tội phản bội vì đã trót dại theo Văn hoá Bắc phương tượng trưng bằng số 7 ( Thất Diệu ). Số 7 chỉ Bắc phương thì là biểu hiệu chung nhân loại nên Tây gọi Bắc là phương số 7 ( Septentrion : chỉ số 7 sao Bắc Hùng ), ưa dùng vũ lực, trong truyện chỉ thị bằng sừng tê giác 7 tấc. Khi nói người nữ có 9 vú, đàn ông có 7, “ Nam thất Nữ cửu “ là vậy. Lý tưởng phải là Nam Nữ hòa hợp, hay là Cương Nhu thông hội. Nói bóng là xây Loa Thành. Loa là hình xoáy ốc là sự chung đúc của hai nét Ngang ( cương ) Dọc ( nhu ) cùng nhau vươn lên. Hình ảnh kết thừng hay đan lát đã được dùng như biểu hiệu trang trí ở thời Tân thạch, mà trong lịch sử nghệ thuật còn ghi được nhiều ở đồ gốm có in kết thừng ( corded pattern . Archeo 111 ), hoặc lát đan nong, nia, rổ, thúng tức có hai nét Ngang Dọc.

Đây là những bước sửa soạn đưa đến hình Loa, hay những biểu tượng con chim 8 cánh 1 chân. Tất cả nói lên sự hòa hợp Ngang Dọc, 8 Ngang Hiên tượng, 1 Dọc Tâm linh, nơi hòa hợp tất cả lại một môi, nên kêu là “ Quỷ nhất túc “. Đó cũng



là hình ảnh của chữ Tinh, cũng là Lạc Thu, sách của Lạc dân, cũng gọi là con Quy, hình ảnh của sự hòa hợp mà quê hương là miền sông Dương Tử, nơi phát xuất các tay thợ đúc ( Dances 610 ): đúc kiếm, đúc đỉnh cũng như đúc trống. Hình ảnh của sự đúc này trong truyện là cái Nỏ. Nỏ khác Cung ở chỗ có cái Dọc, thành hình Thập tự ( Huard 118 ). Đó cũng là biểu hiệu của nhà chữ Đỉnh có cột ở giữa và chữ Tinh cũng có 2 nét ngang, 2 nét dọc. Kim Quy cũng thế lưng Tròn, bốn chân Vuông.

**Tóm lại sự đúc kết được biểu thị rất đầy đủ từ Ngang Dọc qua Tròn Vuông, hai số 3 , 7 cho tới hình xoáy ốc là cùng tột, nói lên Ý thức xoắn xuýt với Tiềm thức Tâm linh.**

Thế nhưng, sự sa ngã của các Tổ phụ ( Adong, Eva chẳng hạn ) nói lên sự đứt quãng với Tiềm thức, Bản năng gây nên tai họa biểu thị bằng bị đuổi ra khỏi vườn Địa đàng, còn ở đây My Nương bị chết. Kim Quy trở về biển y như kiếm mất, đỉnh bị chìm vạ. Và thế là tự chiều hôm ấy Giếng bị bỏ hoang, và tự ngày Loa Thành thất thủ không được ai nói đến nữa. Có thể chăng được “ kỷ niệm “ bằng lối Loa Kế của mấy bà hoặc cái nón uốn chéo lên giống hình một số ốc đàn bằng nan tre rất khéo của mấy bà Giao Chỉ mà Mã Đoan Lâm khen ngợi là rất khôn ngoan dè dặt hơn đàn ông ( Mã 358 ) hay lối búi tóc kiểu búa của mấy ông ( Mã 366 ). Những kiểu trang sức nọ nếu có phát xuất do một linh cảm nào đó chăng thì sau này cũng mất luôn ý thức.

**Đại để đó là câu truyện Thành Loa nói lên cuộc sa đọa Tinh thần là bị đánh bật ra khỏi quê hương Tinh thần sau khi bị đánh bật ra khỏi địa bàn Tổ ( xem Vấn đề nguồn gốc chương VII ). Hôm nay thấp thoáng đi tìm Loa, thì chính là đi tìm lại nền tảng Văn hoá của nước Văn Lang cổ cội vậy. “**

-----  
-----

## C.- PHẦN BA

### Những trang Huyền sử Việt

*Đa số những Huyền thoại dưới đây đa số đều được trích trong : “ Lĩnh Nam chích quái ”, bản dịch của Trần thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, và một ít trong cuốn Kinh Việt của tác giả Nam Thiên. Những chuyện này cũng đã được phổ biến và lưu truyền trong dân gian ( ngày nay nhiều người còn ghi nhớ ) qua thời gian dài, tất nhiên phải có nhiều tiểu dị .*

*Các bài trích, chúng tôi có thể bỏ đi một ít tiểu dị, nếu thấy chi tiết đó không nằm trong ý nhất quán của câu chuyện, nhưng vẫn giữ lấy nét đại đồng. Vì tam sao thất bản, không biết chỗ nào đúng, chỗ nào sai với ý tiền nhân. Có điều kỳ nhất là ta đem tư tưởng thời nay của mình mà cường điệu gán cho tiền nhân, nhưng nếu ta nắm được tinh thần câu chuyện một cách nhất quán, chắc chỉ tô điểm tư tưởng Tiền nhân cho đẹp và cho sáng sửa thêm. Điều này thiết tưởng có thể chấp nhận. Vả lại ta cứ viết ra, rồi mọi người có lưu tâm cứ hoàn chỉnh lần, chắc sẽ tốt hơn.*



## **NHÓM HUYỀN THOẠI THỨ NHẤT**

### **CON NGƯỜI NHÂN CHỦ CỦA VIỆT TỘC**

*Gồm những truyện : Ông Bàn Cổ, Tiên Rồng, Việt Tinh Cương, 3 vĩ tích của Lạc Long quân .*

#### **I.-TRUYỆN ÔNG BÀN CỔ**

**Bản chữ Nho**



**“ Hồn mang chi sơ**

**Vị phân thiên địa**

**Bàn Cổ thủ xuất**

**Thủy phán Âm Dương**

**Thiên khai ư Tý**

## Địa tịch ư Sứ

### Nhân sinh ư Dân . . .”

#### Dịch nghĩa

“ Trong cảnh hỗn mang ban sơ, khi trời đất chưa phân, Ông Bàn Cổ đã xuất hiện đầu tiên. **Việc làm trước tiên của Ông là phân ra Âm Dương.**

Trời mở tung ra cung Tý, Đất trải rộng ra cung Sửu, Người sinh vào cung Dần. Sách còn chép rằng một ngày ông biến đổi 9 lần, mỗi lần ông lớn lên 10 thước, thì trời cao bấy nhiêu, đất cũng dày ra bấy nhiêu. Bàn Cổ sống 18.000 năm, nên đất cực dày, trời cực cao, còn thân ông lớn quá xá. Bấy giờ ông khóc, nước mắt chảy ra làm thành hai dòng sông Hoàng Hà và Dương Tử. Hơi ông thổi thành ra gió, ông xem xung quanh thành ra sấm chớp. Khi ông vui tính thì trời đẹp, lúc ông nổi giận thì trời tối lại. Khi ông chết, xác ông rã ra từng mảnh làm thành 5 dãy núi trong thiên hạ. Hai con mắt làm nên mặt trời, mặt trăng, mỡ chảy ra hoá thành biển cả sông ngòi, tóc đâm rễ vào đất mọc lên thảo mộc. Sâu bọ trên thân xác ông làm nên loài người . ”

( Kim Định: Nhân chủ, trang 53 - 54 )

#### *Khai triển*

#### **Bàn Cổ thủ xuất**

“ Trong cảnh khai thiên lập địa, Bàn Cổ ngang nhiên xuất hiện đầu tiên, ông Bàn Cổ xuất hiện trước tiên để dành cho mình một vị trí quan trọng, không phải vì “ tiên chiếm giả đắc ”, nhưng là **dành thế thủ xuất là cốt tránh tai hoạ bị chèn ép khi ra sau.** Ông Bàn Cổ không sáng tạo ra vũ trụ, nhưng **sắp xếp vũ trụ** để tìm cho mình một vị trí trong không và thời gian, mà hành xử hầu đem lại lợi ích thực tiễn cho con người. Tôi ( triết gia Kim Định ) cho rằng xuất hiện sau thiên nhiên sẽ bị “ nhiên giới hoá ” hay là bị “ vật đích hoá ”, vì đến sau sẽ bị kẹp giữa hai gọng kìm: **Nếu là Thiên khởi, thì con người bị thần linh đè nặng, có nơi đã giết người để tế thần, tức là Duy Tâm. Nếu là Địa khởi thì bị vật chất chi phối, làm nô lệ cho vật chất, tức là Duy Vật . Thế rồi Duy Tâm hay Duy vật cãi nhau:**

**Tâm có trước hay Vật có trước. Vấn đề này đã gây ra những cuộc tranh luận hàng ngàn năm mà chưa vỡ lẽ.**

Kết quả là đưa lại cho nhân loại không biết bao nhiêu là thảm trạng.

Nếu là Duy Tâm thì trở thành Duy Linh, coi thân xác thể gian là kẻ thù.

Nếu là Duy Vật thì con người Duy Vật coi Tâm linh chỉ là bèo bọt tùy phụ.

Cả hai đều quên con người cụ thể toàn diện.

**Bàn Cổ không có quan tâm tới duy tâm hay duy vật là những vấn đề ở ngoài con người, vũ trụ có trước hay sau gì kệ nó. Hãy bàn đến cái vũ trụ khi mình xuất hiện, khi mình có tương quan với nó.**

Bàn Hồ, đồ đệ của Vương Dương Minh đã nói: Thiên địa đó là Thiên Địa của ta, và cuộc biến hóa đó chính là cuộc biến hoá của ta, chứ không phải của vật nào khác ( **Thiên Địa ngã chi Thiên Địa, biến hoá ngã chi biến hoá, phi tha vật dã** ).

Từ đây vũ trụ hết còn xa lạ nhưng là của con người, con người đã in dấu mình vào bằng cách xếp đặt và điều lý.

**Ông Bàn Cổ đã nhập cảnh trần gian hết sức thân tình, như là Nhân chủ của Vũ trụ. Đó là cung cách Nhân chủ. Đây là Nhân sinh quan Nhân chủ.**

### **Thủy phán Âm Dương**

Khi vũ trụ còn ở trạng thái đồng nhất bất phân, tất cả hoàn vũ minh mông và phiến tạp với muôn vàn sắc thái, ông Bàn Cổ đã thu tóm vào một nhịp điệu “ **nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo** ”. Đạo là đường diễn tiến của Vũ trụ cũng như Nhân sinh, chỉ là một Âm, một Dương, một Tàng, một Hiện, một Ra một Vô, nhất Hạp nhất Tịch.

**Dầu muôn vàn ức triệu vật loại khác nhau đều bị chi phối bởi cái luật Âm Dương này.**

Biết bao nhiêu chục ngàn năm sau, khoa học vi thể mới tìm thấy vạn vật đều tạo thành bởi hai tích điện Âm và Dương chạy ngược chiều.

**Ông Bàn Cổ đã dạy cho Tổ Tiên chúng ta có một lối nhìn đặc biệt, nhìn sự vật với từng cặp đôi đối kháng như: Âm / Dương, Âm điện tử / Dương điện tử, Trời / Đất, Vợ / Chồng, Tình / Lý, Tâm / Vật, Đi / Đứng, Sống / Chết v. v. . .**

Lối nhìn cặp đôi đối kháng này được hiện thực khắp mặt trong mọi lãnh vực của cuộc sống.

Để tạo ra thế quân bình động, Âm điện tử ( electron ) phải quay theo quỹ đạo hình bầu dục, tạo ra sức Ly tâm, để cân bằng với sức Quy tâm do sức hút của tích điện Dương ( positron ) của nhân nguyên tử. Con người cũng phải sinh hoạt làm sao cho Tình Lý cân đối, theo tỷ lệ “ tham thiên ( Tình : 3 ) , lưỡng địa ( Lý : 2 ) nhi ỷ số, để cho “ bên ngoài là lý nhưng trong là tình ” . Đó là nét đặc trưng của văn hoá Đông phương. Để minh giải cho huyền thoại ông Bàn Cổ, ta trưng lên đây bài thơ của cụ Trần Cao Vân :

**“ Trời Đất sinh Ta có ý không?**

**Chưa sinh Trời Đất có Ta trong**

**Ta cùng Trời Đất, ba ngôi sánh**

**Trời Đất in Ta một chữ Đồng**

**Đất nứt Ta ra Trời chuyển động**

**Ta thay Trời mở Đất mênh mông**

**Trời che Đất chở Ta thông thả**

**Trời, Đất, Ta đây đủ Hoá Công “**

*( Trần Cao Vân )*

### **Nhân sinh ư Dân**

Dân là con cọp. Nhân sinh ư Dân, là con Người có tướng tính con cọp, con cọp tung hoành trong rừng thẳm làm sao, thì ta cũng cảm được phần nào ông Bàn Cổ sống sôi sùng sục trong không và thời gian dường ấy. Cuộc sống ông Bàn Cổ trào lên âm âm, sống như sóng trào dâng, sống như thác ngàn đổ, không phút nghỉ ngơi:

mỗi ngày ông biến 9 lần, mỗi lần cao sâu thêm 10 thước, ông sống những 18.000 năm, thì Trời cao Đất dày biết mấy! Hơi thở ông thành gió, giông, cái liếc nhìn của ông tạo thành sấm chớp, hai con mắt của ông là cặp đèn trời. Năng lực của ông tràn đầy vũ trụ.

**Ông Bàn Cổ sống như thế nên con người do cơ thể ông, bản chất ông tạo ra, cũng tác hành không ngưng nghỉ, lúc nào cũng là hiện tại cả, nên con người tất phải được phát triển vẹn toàn .**

**Đất nứt Ta ra Trời chuyển động**

**Ta thay Trời mở Đất mệnh mông**

Ta cùng tham dự vào cuộc sinh sinh hoá hoá chung để cho Vũ trụ được viên thành và tiếp tục chuyển hoá. Lại nữa :

**Trời Đất sinh ta có ý không**

**Chưa sinh Trời Đất có Ta trong**

**Ta sinh ra không là do ý sai khiến của Trời Đất, mà chính Ta đã hiện hữu trong Đất Trời rồi, nên không bị nạn Duy Tâm hay Duy vật. Đây là quan niệm Nhân Chủ sơ nguyên, một Nhân chủ Tác hành, Tự lực Tự cường hết cỡ.**

**Thiên khai ư Tý, địa tịch ư Sửu, Nhân sinh ư Dần:**

Trời mở ra ở cung Tý, Đất trải rộng ra ở cung Sửu, Người sinh ra ở cung Dần.

**Đây là ba cung đầu dành cho Tam Tài ( Thiên, Địa, Nhân ), “ Thiên Địa dữ Ngã tịnh sinh ” : “Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh ” và Ta sánh vai cùng Trời Đất trong hành trình sáng tạo của Vũ trụ, nên ta xứng là một ngôi của Tam Hoàng: Đó là Nhân Hoàng sánh với Thiên Hoàng và Địa Hoàng. Đây là cội rễ của thuyết Tam tài.**

**Ta cùng Trời Đất 3 ngôi sánh**

## **Trời Đất in Ta một chữ đồng.**

**Trời Đất cùng ta đều xuất hoạt như nhau và “ Chưa sinh Trời Đất có Ta trong “, nên Ta đã nhập vào, đã hoà đồng cùng Trời Đất rồi, Ta cùng Trời Đất là một.**

Trong khoa học vi thể, ta cũng biết mọi tạo vật đều được cấu tạo bằng Vật chất và Năng lượng

Trong sách Sáng thế ký của Thiên Chúa giáo ta cũng được biết con Người được Chúa tạo dựng theo hình ảnh của Ngài, và mỗi người là một đền thờ của Thiên Chúa, nghĩa là Ta ở trong Chúa và Chúa cũng ở trong Ta. Vì vậy cho nên: **Vạn vật đồng nhất thể.**

## **Trời che Đất chở, Ta thông thả**

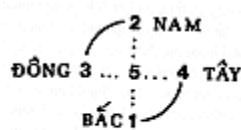
## **Trời, Đất, Ta đây đủ Hoá Công.**

Được Trời Đất chở che, nên Ta được thông thả mà hưởng thụ những tinh hoa, linh lực của Trời Đất, hay nói cách khác con người là Linh lực, là nơi Hội tụ những tinh hoa của Trời Đất, do đó mà người ta bảo: “ **Nhân giả kỳ Thiên Địa chi đức** “

## **Khi ông chết.**

Xác ông làm thành 5 dãy núi ( 5 vị thế của Ngũ hành ) trong thiên hạ.

**Đây là ý niệm về Ngũ Hành, về Dịch Liên Sơn ( Xuất ) và Dịch Quy Tàng ( Nhập ).**



**Dịch Quy Tàng**

## **Xuất xứ của những nhân vật Huyền thoại Việt**

Những nhân vật Huyền thoại tuy có nằm trong sử sách Tàu, nhưng các ngài xuất hiện trước khi nước Tàu được thành lập và lại các ngài thuộc về Văn hoá Nông nghiệp Việt tộc :

## II. Nhân vật Văn hoá

### 1.- Bàn Cổ

Đây là nhân vật Văn hoá, nhân vật sáng tạo, không phải là nhân vật hoang đường mà các nhà Duy sử gọi là những truyện đầu Ngô mình Sở. “ Chính ra Bàn Cổ được móc nối với Lỗ Bàn, Lỗ Bộc. Bàn cũng đọc là Bàn, là Bành. Nên họ Bàn là họ rất lớn của Viêm tộc đã có ngay từ thời khai sáng của đại tộc, và cũng là Tị Tổ của ta, vì cùng họ với Bàn ( Hồng Bàn ) và Bành ( Bành Tổ ) . Bàn cũng còn đọc là Ban ( Lỗ Ban ), Bàn cũng đọc là Bang . . . Đã vậy, lưu truyền nói là mộ phần của ông nằm đâu đó trong miền rừng núi của tỉnh Quảng Đông. Mà Quảng Đông cùng với Quảng Tây trước gọi là Lương Việt. Kinh đô nước ta thời Triệu Đà còn ở đó. Nên ông Bàn Cổ là của Việt tộc từ danh xưng tới nơi an nghỉ. Đó là **hình ảnh đẹp nhất về tự Lực, tự Cường .**”

( Kim Định: Việt triết nhập môn, trang 170 )

### 2.-Toại Nhân

Là nhân vật tìm ra lửa để sưởi ấm, nướng thức ăn, và để đốt rẫy mà canh tác.

### 3.- Hữu Sào

Là nhân vật sáng chế ra cách làm Nhà sàn ở trên cây, ở giữa không Trung, trên là Trời, dưới là Đất, để tránh thú dữ. **Đây là hình ảnh của Tam Tài .** Hữu sào là “ có Tổ “ , chim làm Tổ trên cây, nên Hữu Sào thuộc dòng Chim của Viêm tộc. Do đó mà ta có danh từ Tổ Tiên, những người đầu tiên ở trong Tổ như chim.

### 4.- Phục Hy, Nữ Oa



Phục Hy là nhân vật Văn hoá, có biệt hiệu là Thanh tinh, tức là Rồng xanh, thuộc nòi Rồng Viêm tộc, Tổ tiên của Việt tộc. Phục Hy làm ra Kinh Dịch, bằng cách xếp hai nét liền đứt, nét đứt là Âm, nét liền là Dương, rồi thêm một hào Âm hay Dương nữa thành ra quẻ đơn ba vạch. Tất cả có 8 quẻ gọi là Bát quái. Thực ra, nội dung Kinh Dịch đã có từ thời Bàn Cổ. Phục Hy chỉ là đọt công thức hoá đầu tiên. Nữ Oa là Vợ của Phục Hy, biết luyện đá Ngũ sắc để vá trời, hay đội đá vá trời, tức là để sửa lại Ngũ hành đã bị lệch hướng cho đúng phương vị. Nữ Oa cầm cái Quy để vẽ vòng Tròn, còn Phục Hy thì cầm cái Cù để vẽ hình Vuông. Vòng Tròn tượng trưng cho Trời, thời gian, Hình vuông tượng



trung cho Đất, không gian . . . Nữ Oa cầm cái Quy quan trọng hơn, nên tiêu biểu cho nguyên lý Mẹ, thuộc Văn hoá nông nghiệp . Khi chết Nữ Oa biến thành Chim Tinh Vệ thuộc nòi Tiên.

### 5.-Thần Nông

Theo truyền thuyết của các Dân tộc thiểu số, Thần Nông có dạng hình người đầu Bò, có tên khác là Viêm Đế, biết cách biến chế thuốc men và trồng ngũ cốc, thuộc Văn hoá Nông nghiệp, thuộc Viêm tộc. Đây là giai đoạn quan trọng của loài người là tự làm ra của ăn, để thay thế cho giai đoạn bấp bênh hái lượm săn bắt . Trên thế giới có ba nền nông nghiệp:

1.- Lúa Mì ở Lưỡng Hà

2.- Lúa bắp ( ngô ) ở Mỹ, Astec, Maya.

3.- Lúa nước ( lúa Mễ ) ở Đông Á.

Nông nghiệp lúa Mì sớm bị Du mục chinh phục qua Babylon, Assyria. Lúa Bắp bị Astec chế ngự cũng biến ra Du mục. Còn lại lúa Mễ tuy cũng có pha ít lúa Mì như Mạch và Tắc, nhưng lúa Tắc không lấn át nổi lúa Mễ. Tuy **nhà Châu có lập ông Hậu Tắc** lên làm điền chủ thay Thần Nông, nhưng cuối cùng thất bại. Nhà Thanh đời Khang Hi còn cho Tế Thần Nông mà không tế Hậu Tắc, tức Văn hoá Mẹ vẫn thắng thế.

**Những nhân vật Văn hoá này xuất hiện trước thời kỳ nước Tàu được thành lập, nước Tàu lại thuộc Văn hoá Du mục, nên cũng dễ phân biệt, mặc dầu các nhân vật Văn hoá trên đều có trong sử sách Tàu. Các nhân vật này được đem vào sử sách Tàu theo thứ tự càng cổ thì lại được đem vào sau: Thần Nông được đem vào thời Khổng Tử . . . , trong khi nhân vật cổ nhất như Bàn Cổ thì mới được Từ Chỉnh đem vào sử sách Tàu từ thời Tam Quốc . . . !**

*Nên khi ta tìm về các nhân vật văn hoá trên để nhận ra cội nguồn, ta khỏi cần có mặc cảm “ thấy người sang bắt quàng làm họ ”, và cũng chẳng lấy gì làm tự hào riêng, vì đây là những nhân vật Văn hoá chung cho cả Đông Á. Nhưng về mặt tâm lý thì sự nhận diện lại các nhân vật Văn hoá Tổ Tiên xưa giúp ta biết trân quý những Di sản Văn hoá cha ông, vững lòng noi theo và làm phát huy Truyền thống tốt đẹp đó.*

## Tóm lại:

***Truyện Bàn Cổ là cốt rể của nền Văn hoá Đông phương, thuộc nền Văn hoá Nông nghiệp Hoà Bình. Nó hàm chứa một Nhân sinh quan Nhân chủ và một Vũ trụ quan Động.*** “

### III.- Nguồn gốc các nhân vật Huyền sử

( *Gốc rể triết Việt: Kim Định* )

“ Xin coi đây là vài trung dẫn mẫu thay cho hàng ngàn tang chứng khác đã thu lượm qua hàng trăm sách nghiên cứu cách nghiêm túc để khỏi quấy rầy độc giả phải đọc thêm nhiều trung dẫn khác. Chỉ cần tóm lược rằng tất cả các chứng từ đó đều đưa đến kết luận chung là **Tàu cùng một Chủng tộc, cùng Văn hoá với đại chủng Việt, và mới tách ra từ tộc Thương ( Hoàng Đế do đạo Lão đặt ra sau . Need. I. 189 )** , nhưng ngoài vài thói tục riêng ( cò Bạch hổ, đi xe ngựa ) , thì Văn hoá hoàn toàn Di, cả đến bà **Giản Địch** sinh ra tộc Thương cùng sinh để theo lối Di là “ **nuốt trứng chim “ Trống quân.** Như vậy các **Tổ** trước gặp trong sách được cho là **Tàu** vừa trái khoáy lịch sử ( *anachronisme* ) , vừa mâu thuẫn, thí dụ: **Nghiêu Thuấn** mới có trong sử sau **Khổng Tử**. **Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông** toàn là người Di. **Phục Hy** cũng gọi là Thanh tinh: rồng xanh ( *Rồng là Di* ) . **Nữ Oa** đầu người mình rắn ( *Di* ) . **Thần Nông** cao 8 thước 7 tấc, tức trừ 5 thì ra con số 2 – 3 của Di. Vì thế không được nhắc đến trong *Kinh Thư*, chỉ mới được đưa vào sau theo lối riêng, càng cổ thì càng được đưa vào muộn, thí dụ: **Bàn Cổ** lâu nhất vì mở đầu lịch sử toàn vùng thì mới được đưa vào đời Tam Quốc, do **Từ Chính** trong cuốn “ *Tam Ngũ Lược Ký* “ . Bàn là họ đứng đầu người Việt Đông ( *Origines 459* ) . Theo lưu truyền thì mô mã còn đâu đó trên rừng núi Quảng Đông . Vậy **Bàn Cổ** là **Tổ họ khai quốc năm 2879 BC. Bàn** cũng đọc là **Bành ( Bàn Tô )** , là Bàn, là Ban, Man, Mân, Môn, Mana, Mã Lai, Mongol. . . đều tự **Bàn Cổ** mà ra, chỉ có cách đọc là khác. Đây mới là liên hệ tên, chứ nếu kể đến liên hệ Văn hoá thì toàn cõi Đông Á không đâu ra khỏi đại chủng Việt “

## II.- TRUYỆN TIÊN RỒNG

“ Cháu 3 đời **Viêm Đế** họ **Thần Nông** tên là **Đế Minh** sinh ra **Đế Nghi**, rồi đi Nam tuần đến **Ngũ Lĩnh**, gặp được nàng con gái **Vụ Tiên** đem lòng yêu mến, mới cưới

về, sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành. Đế Minh lấy làm lạ, cho nối ngôi vua; Lộc Tục cố nhường cho anh, Đế Minh lập Đế Nghi làm tư quân cai trị phương Bắc, phong Lộc Tục làm Kinh Dương vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ quốc. Kinh Dương vương xuống thủy phủ, cưới con gái Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, tức Lạc Long quân. Lạc Long quân thay cha trị nước, còn Kinh Dương vương thì không biết đi đâu. Lạc Long quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty, có luân thường về phụ tử, phu phụ, hoặc có lúc đi về Thủy phủ nhưng trăm họ vẫn được yên ổn. Dân lúc nào có việc cần thì kêu Lạc Long Quân: Bớ đi đàng nào, không đến mà cứu chúng ta!

( Người phương Nam gọi Cha bằng Bớ, gọi Quân bằng Vua là tự đấy ), thì Lạc Long quân lập tức đến ngay, uy linh cảm ứng không ai có thể trặc lương được.

Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc, nhân khi thiên hạ vô sự, sự nhớ đến chuyện ông nội Đế Minh Nam tuần gặp được tiên nữ, Đế Lai bèn khiến Xi ( Si , Li ) Vụ tác chủ quốc sự mà Nam tuần qua nước Xích Quỷ, thấy Lạc Long quân đã về Thủy phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thê là Âu Cơ cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại. Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa, dị thảo, trân cầm dị thú, tê tượng, đồi mồi, kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn, các loại sơn hào hải vị, không thứ nào không có; khí hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế Lai ái mộ quá quên cả ngày về. Nhân dân nước Nam khổ vì sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa, đêm ngày trông đợi Long Quân về, nên mới đem nhau kêu rằng: Bớ ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân. Lạc Long quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu Cơ ở một mình, dung mạo đẹp lạ lùng, yêu quá, mới hoá ra một chàng nhi lang phong tú mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại. Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang.

Đế Lai về không thấy Âu Cơ ( 1 ) bèn sai quần thần tìm khắp thiên hạ. Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách, nào là yêu tinh quỷ mị, nào là long xà hổ tượng, kẻ đi tìm ứ cụ, không dám lục đảo tận cùng. Đế Lai trở về Bắc lại truyền ngôi cho Đế Du Võng.

Du Võng truyền lại cho Xi Vụ, Xi Vụ cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyền và Trác Lộc không hơn nên tử trận. Họ Thần Nông bèn mất. Âu Cơ ở với

Lạc Long Quân một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay, nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con ( trai ), bà đem về nuôi, không phải cho ăn, cho uống, cho bú, mà tự nhiên trường đại, trí dũng song toàn, ai cũng úy phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường. Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ, mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân: Bố ở phương nào, làm cho mẹ con ta thương nhớ ! Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã, Âu Cơ nói: Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được 100 con ( trai ), ( 2 ) mà không có gì cúc dưỡng, xin cùng theo nhau, chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vò vố. Long Quân bảo : Ta là loài Rồng, sinh trưởng ở thủy tộc, nàng là giống Tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con, nhưng phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu . Bây giờ phải ly biệt, ta đem 50 con ( trai ) về Thủy Phủ, phân trị các xứ, 50 con ( trai ) theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau. Trăm con ( trai ) đều nghe mệnh, rồi mới từ giả ra đi. Âu Cơ cùng với 50 người con ( trai ) ở tại Phong Châu ( Bây giờ là huyện Bạch Hạc ), suy tôn người hùng trưởng lên làm vua , hiệu là Hùng Vương, họ là Hồng Bàng, quốc hiệu là Văn Lang hay nước Xích Quỷ ( tinh hoa của miền Nam ). Ranh giới nước Xích Quỷ thời bấy giờ như sau : Bắc giáp Động Đình Hồ, tức Hồ Nam ( Trung Quốc ), Nam giáp Hồ Tôn ( tức Chiêm Thành ), Tây giáp Ba Thục, Đông giáp biển Nam Hải . ”

*( Lĩnh Nam chích quái: Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 43-44.Trăm Việt xuất bản )*

*( 1 ) : Có người cho Bà Âu Cơ là không đoan chính, lấy Đế Lai rồi lại lấy Lạc Long. Lại nữa, Lạc Long và Âu Cơ có họ máu với nhau. Ta nên nhớ rằng thời này là lúc chế độ mẫu hệ vừa mới chuyển qua phụ hệ, mà thời mẫu hệ thì các bà tự do tiếp nhiều đàn ông, ta đem cái nhìn khe khắt của Hán Nho sau này mà đoán xét thì tưởng không hợp lý .*

### **“ Lạc Long Quân và Âu Cơ .**

Lạc Long lại sánh Âu Cơ ( Cơ )

100 con điềm ửng, hùng bi lạ đường ( 1 )  
Noãn bào ( 2 ) dù chuyện hoang đường,  
Vì xem huyền diệu ( 3 ) sinh Thương khác gì  
Đến điều tan hợp cũng kỳ  
Há vì thủy hỏa sinh ly như lời,  
Chia con cũng sự lạ đời ,  
Quy sơn quy hải khác người biệt ly,  
Lạc Long về chốn Nam thù ( 4 )  
Âu Cơ sang nẻo Ba Vì Tản Viên,  
Chủ trương chọn một con hiền,  
Sửa sang việc nước, nối lên ngôi Rồng “

( *Việt Nam Quốc sử diễn ca* )

( 1 ) : Các giống gấu: nằm mộng thấy con gấu là điềm đẻ con trai.

( 2 ) : Noãn bào : bọc trứng . Tục truyền rằng Bà Âu Cơ đẻ ra 100 trứng nở ra 100 con.

( 3 ) : Chim yến. Tục truyền, bà tổ nhà Thương bên Tàu, nằm mơ thấy chim huyền diệu , sau con cháu ra làm vua .

( 4 ) Nam thù: miền Nam, tức là miền biển .

### **Kinh Tiên Rồng ( 1 )**

**“ Giống dân Việt khởi nguồn từ khi một bà Tiên và một ông Rồng phối hiệp nhau và bà Tiên sinh ra cái bọc trăm trứng nở ra 100 người con. Sau đó ông Rồng nói với bà Tiên: Ta là giống Rồng, nàng thuộc dòng Tiên, không ở với**

**nhau lâu dài được, nên nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển. Khi cần thì gọi, ta về ngay. Từ đó dòng giống Việt ngày một phát triển.”** ( *Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 21* )

( 1 ) *Mỗi truyện chúng tôi có kèm theo bản Kinh ngắn của Nam Thiên để tiện dụng.*



( *Nguồn Việt sử bằng tranh: Trần Việt Nam. Cửu Long giang. Vi Vi* )

**Mẹ lên Non tu Nhân, Cha xuống Biển luyện Trí, nhưng vẫn hẹn hò gặp nhau trên cánh đồng Tương để cho “ Tình / Lý tương tham “ mà đặt đức Hùng / Dũng.**

### ***Khai triển***

#### **1.- Tiên, Rồng: Vật biểu kếp của Việt Nam**

*Bất cứ nước nào trên thế giới đều cũng chọn cho nước mình một vật biểu: Pháp chọn gà cồ, Đức chọn gấu, Mỹ chim Ưng, Tàu đời Hiên Viên là chim Cú, đến Bạch mã, sau mới chọn Rồng. Trên thế giới chỉ có Việt Nam mới chọn hai vật biểu : Tiên và Rồng.*

*Ban đầu thì chọn chim và ( rắn ) cá sấu . Về Chim thì lúc thờ Mặt Trời là chim Trĩ - dương điều - rồi đến chim Hồng được đặt tên cho họ Hồng Bàng, rồi chim Vũ tiên là vịt trời, được đặt làm tên cho vợ Lạc Tục, Lộ bàn là cò trắng, rồi Hải Âu được đặt tên cho Mẹ Âu Cơ, có khi còn chim Thiên nga nữa. Các loại chim về sau là loài Lưỡng thê, có thể sống trên đất trên đất và ngay cả dưới nước nữa, để có thể liên lạc với Rồng, hầu giữ vững mối tương quan với Rồng.*

Còn vật biểu thứ hai trước hết là **Rắn**, rồi đến cá sấu, là loại vật sống dũng mạnh và sống dai dẳng nhất, sau 2 loại Giao Long và Xà Long thăng hoa thành Rồng, Rồng có 4 chân như Giao long và Minh dài như Xà long. Rồng là vật tượng trưng có thể sống sâu tận dưới đáy biển, mà cũng có thể tung lên không trung làm mưa làm gió, cũng là vật lưỡng thể, nên vẫn giữ được tương quan với chim Tiên. Vì được thăng hoa lên, nên Tiên và Rồng không phải là hai vật có thực, mà chỉ là vật tiêu biểu thôi, gọi là Vật biểu.

**“ Tiên là hình ảnh của một nàng Tiên ở trên núi cao, xinh đẹp vô ngần, dịu hiền tuyệt đỉnh, khoan nhân vô lượng, từ ái vô song, siêu phàm thoát tục. Rồng là loài sống ngoài biển khơi, khi thì tung mình lên trời cao làm mây mưa gió bão, khi thì ẩn sâu dưới đáy biển, ẩn nhận chờ thời cơ, nên Rồng tượng trưng cho sự dũng mạnh vô song, sự ẩn nhận khôn tả, sự biến hoá khôn lường**  
**“ ( Nam Thiên: Kinh Tiên Rồng )**

Tổ tiên chúng ta nhận Tiên Rồng làm vật biểu để nhắc nhở cho cháu con, rằng dân Việt là nòi của trai hùng, gái đảm: hùng dũng, quyền biến như Rồng, và đảm đang và cao đẹp như Tiên.

Có lẽ, những chặng đường lịch sử đấu tranh để tồn tại đã đem lại cho Cha ông những tư tưởng siêu phàm đó. Do đó mà có tên Việt: Việt nghĩa là siêu việt, là vươn lên, những giá trị cao đẹp, lúc này chữ Việt còn viết với bộ Mễ ( Việt: 粤 ), về sau đổi chữ Việt: 越 viết theo bộ Tẩu, với chữ Qua là can qua, nên khi đánh nhau với quân Du mục Tàu thì phải vừa chạy theo ngựa của quân thù vừa dùng vũ khí có cán dài, có mũi nhọn và có móc để đánh quân thù ngồi trên lưng ngựa, bằng cách đâm rồi móc xuống ngựa, Chữ Việt cũng có còn có nghĩa là vượt thoát từ Bắc thiên di về phương Nam.

Ông Lê văn Ẩn nhà khảo cổ học ở Úc có ý kiến cho rằng bộ tẩu ( chạy ) là hình ảnh của cái qua ( can qua ), là cái dáo dài có nhiều móc ngang, Tổ tiên người Việt xưa dùng để đánh nhau ( móc ) với quân du mục ngồi trên mình ngựa, họ vừa chạy vừa đánh, dùng mũi nhọn để đâm, dùng móc để móc quân thù trên lưng ngựa xuống, nên chữ Việt gồm có bộ Tẩu và Qua. ( 越 : Việt = 走 : tẩu + 戌 : qua )

## **2.- Gương Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long**

Mẹ Tiên Âu Cơ khi nào cũng được để trước Rồng, vì được coi là trọng thể hơn, hình ảnh Tiên của Mẹ được đặt nặng hơn, nguyên lý Mẹ được coi trọng, Tình yêu

*của người mẹ rất bao la, nên đây là một xã hội Tình được coi trọng hơn Lý. Mẹ Âu Cơ là Chim, nên đẻ ra một bọc trứng lớn, để bọc giống như chim, nhưng khác là bọc trứng chứa những 100 trứng, được nở ra trăm con ( có nơi ghi là 100 trai: có lẽ để nhấn mạnh là vào thời kỳ chuyển sang phụ hệ ) Thời Âu Cơ, Lạc Long Quân là thời xã hội sơ nguyên của dòng Việt, Tiên Rồng là giống cao trọng, nên muốn xã hội của con cháu mình về sau cũng xử sự với nhau một cách tốt đẹp như thế. 100 con đây không phải là con số toán học, một lượng số nhất định, mà chỉ có ý là nhiều, như là trăm họ. Trăm con là theo Hà đồ và Lạc thư: Hà Đồ là sách Cha, Lạc Thư là sách Mẹ, trong Đồ thư hợp nhất lá có 50 chấm trắng ( Dương ) và 50 chấm đen ( Âm ) , cộng thành thành một Trăm. Hà đồ Lạc Thư là nền tảng của Vợ Chồng bình đẳng, ngoài ra trăm như trăm họ, trăm chỉ số nhiều.*

*Lời nhắn nhủ là:*

*Trong xã hội, tuy có sự khác biệt, nhưng con cháu đã được Cha Mẹ áp ủ trong cùng một Bọc ái ân, nên luôn ghi nhớ là:*

***Các con hãy Yêu thương nhau tận tình.***

*Khi nở ra mọi con đều giống nhau y hệt, và lúc chia con cũng cho một nửa theo Mẹ, nửa kia theo Cha, nên hết sức công bằng. Đó là lời căn dặn con cháu ngàn đời về sau rằng:*

***Các con hãy cư xử Bình đẳng và Công bằng với nhau.***

*Vì Mẹ Tiên yếu đuối hơn, được cha Rồng ưu ái nâng đỡ, **nghĩa là phụ yếu**, để cho cuộc sống Mẹ Cha được cân bằng, các con cũng cư xử với anh chị em như vậy. Tuy Nam Nữ bình quyền, nhưng người nữ liễu yếu đào tơ, nên cần được nâng đỡ hơn.*

*Các con của Âu Cơ và Lạc Long được sinh ra trong một cái bọc kỳ dị quá, “ bị vớt ra ngoài đồng, khi nở ra không phải cho ăn, cho bú, mà tự nhiên trưởng đại, trí dũng song toàn ”.*

***Đây chính là con cháu của nòi Bàn Cổ rồi, là những con người Nhân chủ, luôn biết tự Lực tự Cường để vượt qua mọi khó khăn, biết sống hiên ngang trong Trời Đất.***



Mẹ Tiên thuộc Âm, cha Rồng thuộc Dương, phương viên bất đồng, thủy hoả tương khắc, hai bản chất trái ngược nhau, nên khó hoà hợp với nhau, đành phải chia tay để làm tròn chức phận của mình : 50 con theo Mẹ lên Núi là **môi trường Tĩnh** giúp phát triển **nguồn Tĩnh bao la** của Mẹ, mọi người phải **phát triển hết bản sắc nguồn Tĩnh** của mình để mà xây dựng nông nghiệp, làm cho đất nước hùng mạnh, dân tộc hùng cường .

Nho giáo gọi đây là **hoạt động phối Thiên để thăng hoa đời sống** ( **Cao minh phối Thiên**: Sống nơi chốn Cao rộng sáng sửa để linh phối với Trời )

Cũng vậy, 50 con theo cha xuống Biển, Biển là **môi trường Động**, giúp Cha vẫy vùng để trưởng Trí cũng có nghĩa là vùng đồng bằng, là miền xuôi, hay miền hải đảo, để **phát triển Lý trí sâu thẳm như Lòng đại Dương** chứ không phải người cha bỏ đi xuống biển mất tích, để phát triển công thương nghiệp. Đây Nho giáo gọi là **hoạt động phối Địa**. ( **Bác hậu phối Địa** : Đi vào môi trường sâu thẳm để hiểu rõ Vật chất )

Trước khi chia tay, Lạc Long đã căn dặn : “**dù lên Non xuống Nước, khi có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau** “, và khi được Âu Cơ gọi thì Long Quân đột nhiên xuất hiện gặp Mẹ con ở Tương Dã. mà ta gọi là **cánh đồng Tương**. Tuy kẻ lên non, người xuống biển, nhưng phải gặp nhau để tương giao để cho Tình / Lý tương tham, khi đó thì con người mới phát triển toàn diện được . Mẹ Âu Cơ chú tâm vào nguồn Tâm linh là nguồn Tình Nhân ái, cha Long Quân chú về Thế sự là nguồn của Lý Công chính.

Vậy sự chia tay giữa Âu Cơ và Lạc Long là một sự Phân công, một sự sắp xếp để làm phát triển Bản sắc của mỗi bên, rồi phải tương giao, tương hợp tương hoà giúp cho con Người phát triển toàn diện “ **Tình / Lý tương tham** “ để trở nên Hùng / Dũng, giúp cho mối Tương quan giữa cá nhân trong Gia đình và ngoài xã hội được bền chặt và cân bằng, để mọi sự được **Vuông Tròn** .

“ **Trăm năm tính cuộc vuông tròn,**

**Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông “**

*Ngon nguồn: tức là Núi - môi trường hoạt động của Tiên- , lạch Sông: Lãnh vực hoạt động của Rồng.*

**“Ai về nhẩn với nấu ( 1 ) nguồn,**

**Măng le ( 2 ) gói xuống, cá Chuồn gói lên ( 3 )”**

*Nấu hay Nậu : là họ, kẻ, những kẻ. Nấu nguồn là những kẻ sống trên nguồn của suối, tức là trên Núi, quê hương của Mẹ Tiên. Măng le : loại măng vôi, nhỏ. Măng le là loại măng mọc ở trên nguồn, trên rừng, là thực phẩm Mẹ Tiên hay dùng. Cá chuồn là loại cá ngoài Biển, cá sống từng đàn, bay được, có khi bay vào thuyền đánh cá làm chìm thuyền luôn. Cá chuồn là sản phẩm nơi cha Rồng . Măng le nấu vôi cá chuồn là thức ăn bình dân của dân Việt, chắc là hai thứ nấu chung thành món kho ngon. Bao giờ Mẹ Tiên cũng tìm cách dùng miếng trầu đưa duyên mời cha Rồng trước, để dìu nhau về cánh đồng Tương, sự chia tay lên Non xuống Biển không là sự ly dị.*

### **3.- Những bài học của Mẹ Tiên, Cha Rồng**

*Là con dân một nước, chúng ta coi nhau như Anh / Em ruột thịt, hãy yêu thương nhau, giúp đỡ nhau hết lòng trong mọi nơi và mọi lúc. Con dân trong một nước không kể người khôn kẻ tối, kẻ giàu người nghèo, không kể sang hèn, thứ bậc, tuổi tác . . . , hãy luôn luôn đối xử bình đẳng và công bằng với nhau. Nhớ phù yểu, nghĩa là phải nâng đỡ người Nữ, và trong lối ăn ở phải coi trọng Tình hơn Lý, “ tuy ngoài là Lý nhưng trong là Tình “. Mọi người mọi giới phải tìm cách phát triển hết bản sắc của mình để xây dựng con Người trai hùng gái đảm, một gia đình thuận Vợ thuận Chồng, một xã hội bình đẳng và tương thân tương ái. Phải nhận biết những xung khắc của những thực thể đối kháng trong con người và cuộc đời để Tương dung, để giữ mối tương quan cho được cân bằng, hầu tránh cảnh phân hoá.*

### **4.- Những áp dụng trong thực tế của cuộc sống**

*Con dân trong một nước, có cội nguồn từ bọc Ấu Cơ Tổ mẫu, nên phải yêu thương, nâng đỡ nhau. Gọi nhau là Đồng bào (được sinh ra cùng trong một bọc ) để nhắc nhở bài học yêu thương nhau. Hai tiếng Đồng bào đã nằm trên cửa miệng của con dân Việt ít nhất là 5.000 năm . Không những bà con mới được gọi bằng những*

tiếng thân tình như Dì / Dượng, Cô / Chú, Cô / Bác . . . , mà bất cứ ai là người Việt, hễ tuổi ngang hay hơn vai Cha mình thì gọi bằng Bác, dưới hơn thì gọi bằng Chú, người nào cùng lứa với Mẹ mình thì gọi là Cô hay Dì, người nào vào lứa con cháu mình thì được gọi là con là cháu. Trong xã hội Việt Nam, mọi người đều được đối xử với nhau như là bà con thân thuộc.

Ngày nay đang có khuynh hướng gọi nhau là Đồng hương, mỗi người chúng ta nên tự vấn tại sao? Có phải đã ăn ở tệ với nhau quá, nên nhìn mặt nhau không đặng, gọi nhau bằng Đồng bào không đặng!

Từ cặp đôi Âm Dương, Tiên Rồng, dân tộc ta thường nói theo **nhịp đôi**, và coi trọng nguyên lý Mẹ, nên luôn luôn nói : Tiên / Rồng, Vợ / Chồng, Mẹ / Cha, Cô / Chú, Dì / Dượng, Tâm / Vật , Tình / Lý, Trên / Dưới, Trong / Ngoài, Trước / Sau, Không gian/ Thời gian, Học / Hành, Sống / Chết . . . . Và từ đó mới **tìm phương cách làm cân bằng hai thực thể trái ngược đó, hầu thăng hoa cuộc sống**, đây là nguồn gốc từ Âm Dương, Thái Cực. Thế quân bình giữa hai thực thể đối nghịch, gọi là thế **Lưỡng hợp**.

### 5.- Ca dao, tục ngữ

Ca dao tục ngữ là kho Minh triết của Tổ Tiên để dạy dỗ con cháu về cung cách làm Người để xứng với bậc con Rồng Cháu Tiên để thành những Trai Hùng Gái Đám. Mặt khác Ca dao Tục ngữ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn Văn hoá để chống lại với chính sách “ đốt, tịch thu sách chôn Nho” để tiêu diệt Văn hoá nước nhà của Tàu, hầu cho dễ bề đồng hoá, thôn tính. Những tư tưởng trên được thể hiện trong nhiều lãnh vực, nhất là trong Thi ca bình dân như Tục ngữ, Ca dao của Tổ Tiên:

Anh em như thể tay chân

Lá lành đùm lá rách

Chị ngã, em nâng

Máu chảy ruột mềm

Tay đứt ruột xót  
Môi hở răng lạnh  
Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

Nhiều điều phủ lấy giá gương,  
Người trong một nước, phải thương nhau cùng .

Bầu ơi thương lấy bí cùng,  
Tuy rằng khác giống nhưng chung một đàn .

Anh em cốt nhục đồng bào,  
Nỡ tâm sao lại hại nhau cho đành.

Đã chung huyết thống da vàng,  
Xin đừng thêm chuyện tương tàn hôm nay,  
Đã chung bọc trứng trăm đây,  
Xin đừng vẽ chuyện cho đây đó buồn.

Khôn ngoan đá đáp người ngoài,  
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Này em mắt thắm môi hồng,  
Quê mình thế đó, đoạn trường không em?

Đừng vì chần nệm ẩm êm,  
Mà quên : “ Máu chảy ruột mềm ” đấy nhe!

Một hòn chẳng đắp nên non,  
Ba hòn chụm lại nên hòn núi cao.

Một cây làm chẳng nên non,  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Muốn cho có đó, có đây,  
Sơn lâm há dễ một cây nên rừng!

Một cái nóc gánh trăm cái rui,  
Trăm cái rui đè một cái nóc.

Ở cho phải phải phân phân,  
Cây đa cậy thàn, thàn cậy cây đa.

Lỗi lầm, anh vẫn là anh,  
Nòi da xáo thịt sao đành hờ em?

( *Anh em Tây Sơn* )

## **6.- Bài hát vui**

( *Không rõ tên tác giả , có lẽ là nhạc của Phong trào Du ca ?* )

Một mẹ trăm con  
Anh em ta, cùng mẹ cha,  
Nhu truyện cũ trong tích xưa,  
Khi thế gian còn mù mờ ( bis )

Nhớ khi xưa, mẹ đẻ ra,  
Trăm cái trứng, nở trăm con,  
Trăm đứa con, cùng một dòng ( bis )

Năm mươi con vượt đôi non,  
Phá rừng núi, khai rẫy nương,  
Xây đắp buôn, làm nhà sàn ( bis )

Năm mươi con, dọc Trường Sơn,  
Đi xứ Bắc, đi xứ Nam,  
Xây núi sông, lập ruộng đồng ( bis )

Hôm nay đây, Rồng gặp mây,  
Đá gặp núi, ta tới đây,  
Tay nắm tay, mình gặp mình ( bis )  
Vui ca lên ! Thượng và Kinh,  
Người trong nước, anh với em,

Em với anh, cùng họ hàng ( bis )

Khua chiêng lên, đập công lên,

Tiếng công đánh qua mái tranh,

Qua lũy tre vào rừng già ( bis )

Cho con hươu, khỉ già nua,

Cho ma quái, cho lũ nai,

Ngơ ngác say vì nhạc công ( bis )

### **7.- Tóm tắt**

*Huyền thoại Tiên Rồng dạy cháu con 4 điểm chính sau:*

***a.- Con dân trong một nước phải coi nhau như Anh Em, phải yêu thương và đùm bọc lấy nhau . Đây là lòng Nhân ái, lối ăn ở chí Tình.***

***b.- Dầu hoàn cảnh và vị thế có khác nhau, nhưng con dân trong một nước phải lấy lẽ Công bằng làm tiêu chuẩn sống . Đây là lẽ bình đẳng, lý Công chính, lối sinh hoạt chí công . Nhân quyền và Bình đẳng nhân dân ta đã có từ đây!***

***c.- Mọi con dân phải làm phát triển hết tài năng và đức độ của mình để xây dựng con người, gia đình và xã hội ( Mẹ non Nhân, Cha nước Trí ). Đây là trách nhiệm và quyền lợi chung.***

***d.- Tiên Rồng là nòi cao quý, con cháu phải ăn ở làm sao đừng để hoen ố dòng máu của Tổ tiên. Đây là Danh dự chung.***

***Có “ ăn ở chí Tình ” và “ đối xử với nhau chí Công ”, thì đời sống cá nhân mới được cân bằng, gia đình được hoà thuận, và xã hội được an vui .***

***Vì danh dự và quyền lợi chung, mọi người phải đem hết khả năng và công sức mà xây dựng cá nhân, gia đình và xã hội để đều được thăng tiến cùng một trật.***

*Những cảnh bất công, chèn ép, bóc lột, tham nhũng trong xã hội đã được tiêu diệt tận gốc từ đây. Những tệ trạng trên chỉ xuất hiện khi con cháu từ bỏ nếp sống thân thương và công bằng đó! .*

*Chỉ vì bỏ lối sống tốt đẹp đó, mới dọn đường cho Giai cấp đấu tranh, cho việc anh em đồng bào tàn sát lẫn nhau!*

*Lời nói rằng : Cha ông chúng ta đã sống an bình qua mấy ngàn năm là có thể tin được.*

*Ngoài ra, qua biểu tượng Tiên Rồng ta cần lưu ý hai ý tưởng sau:*

*a.- Tiên / Rồng là hai đối cực cũng như Vợ / Chồng , Âm / Dương là gốc của Kinh Dịch. Chỉ có phổ biến ở đời sống Việt Nam, mà không tìm thấy nhiều ở Tàu.*

*b.- Khi để Tiên trước Rồng, Vợ trước Chồng là theo triết lý Tả nhậm tức là Triết lý thuận thiên, và nguyên lý Mẹ tức là phù yếu, tức trọng Tình hơn Lý.*

**Quốc gia Việt Nam ta xưa được xây đắp trên nền tảng đó.**

### **III.- TRUYỆN VIỆT TÌNH**

“ Việt tình ở núi Trâu Sơn, quận Vũ Ninh, đời Hùng Vương thứ 3, Ân vương cử binh Nam xâm, đóng quân ở núi Trâu Sơn; Hùng vương cầu Long Quân giúp, Long Quân bảo tìm thấy khắp thiên hạ, nếu được người kỳ tài thì dẹp được giặc; đến kỳ cầu được **Phù Đổng Thiên vương** cỡi ngựa sắt đi đánh, tướng sĩ nhà Ân đều tan vỡ. Ân vương chết ở dưới núi, làm Địa Phủ, Quân, dân lập đền thờ, bốn mùa cúng tế, nhưng lâu năm suy dần, bỏ thành chùa hoang.

Người bản quốc tên là Thôi Lạng làm quan nhà Tần, đến chức Ngự Sử Đại Phu, thường đi ngang qua đây, thương cảnh điêu tàn mới trùng tu miếu vũ lại, nhân đó có đề một bài thơ:

“ Cổ nhân truyền tụng chuyện Ân vương

Tuần thú năm kia đến địa phương



Núi rậm nước trôi không thấy miếu  
Hồn thảng dẫu để vẫn nghe hương  
Một mai thắng bại không Ân đức  
Muôn thuở uy linh trấn Việt Thường  
Trăm họ từ đây đều phụng tự  
Âm phù vận nước vững vô cương.”

Sau đến đời Nhâm Hiệu, Triệu Đà Nam xâm, lại đóng quân ở núi này, lại trùng tu miếu mạo, cúng tế hậu hĩnh, Ân vương cảm đức, muốn đền công cho **Thôi Lạng**, mới sai **Ma Cô Tiên** đi tìm khắp nơi. Lúc bấy giờ Thôi Lạng đã chết, chỉ còn **con là Thôi Vỹ**.

Tiết thượng nguyên tháng giêng, phương dân đi lễ đền, có người cúng một cặp bình pha lê. Ma Cô cầm lên tay ngắm nghía, bỗng bình rơi xuống đất, vỡ nát một mảnh; người ta bắt Ma Cô lại, đòi bồi thường, Ma Cô mặc áo rách, không ai biết là người Tiên, họ mới lấy roi đánh.

Thôi Vỹ thấy thế thương hại, cởi áo đền hộ nàng; Ma Cô được khỏi đánh, nhân đó hỏi đến chỗ ở của Thôi Vỹ, Thôi Vỹ nói đến tên Cha, thì nàng mới hay là con Thôi Lạng.

Nàng mừng bảo rằng : Ta bây giờ không có gì để đền ơn, sau này chàng sẽ được hậu báo. Bèn đưa cho Thôi Vỹ một tấm lá ngải và dặn rằng : Hãy giữ lấy vật này cho cẩn thận, lúc nào cũng để trong mình, gặp bệnh nhức ảnh ( cái bươu ) mà đem cứu tất khỏi, rồi thế nào cũng được giàu sang. **Thôi Vỹ cầm lấy là ngải, nhưng chẳng biết đó là thuốc tiên.**

Một hôm đi đến nhà đạo sĩ Ứng Huyền, thấy Huyền có một cái nhọt trên đầu, Vỹ nói : Tôi có lá ngải, trị được bệnh này, để tôi trừ cho. **Thôi Vỹ lấy ngải cứu cho Ứng Huyền**, cái nhọt của Ứng Huyền liền tiêu tan. Ứng Huyền nói : Ấy là thứ thuốc tiên vậy, tôi không có gì đền đáp cho anh, tôi có người thân thích cũng đau bệnh này, thường nói rằng ai chữa cho bệnh lành được thì dầu hết gia tài cũng chẳng hề tiếc, tôi đem anh qua đó để chữa cho họ, và để đền ơn anh. **Ứng Huyền**

**đem Thôi Vỹ sang nhà Nhâm Hiệu ( 1 )**, Thôi Vỹ lấy ngải ra cứu, cái nhọt tức lành ngay. Nhâm Hiệu rất mừng, nuôi Vỹ làm con, mở trường để dạy Vỹ, tính Vỹ thông minh, ưa thích đàn cầm, thấy con gái Nhâm Hiệu là Phương Dung, mới đem lòng yêu dấu, nhân cùng nàng tư thông, tình ý quyến luyến, con Nhâm Hiệu là Nhâm Phu biết được muốn làm cho Vỹ chết. Đến cuối năm có lễ tế thần Xương Cuồng, người ta chưa tìm được người tế, nên Nhâm Phu bảo Vỹ : Ngày nay không nên đi ra ngoài, hãy vào công sảnh mà tránh đi, thì sau này khỏi hối. Thôi Vỹ chưa hiểu ý làm sao, Nhâm Phu đã khóa chặt cửa lại, bảo không được ra. Phương Dung biết ý, lén lấy con dao đưa cho Vỹ, bảo đục vách mà ra.

Đêm khuya Thôi Vỹ trốn đi, muốn đến nhà Ứng Huyền, lật đật đi lên núi, rui roi vào trong một cái hang, tứ phía đều là vách đá, không có chỗ nào trèo lên được, ở trên có một khối đá rỗ sứa đá chảy xuống một chiếc mâm đá, có một con rắn trắng dài 100 thước, mỏ vàng miệng đỏ, vẩy bạc, dưới cằm có một cái bướu thịt, trên trán có 3 chữ “ Vương Tử Xà ”, bò ra ăn thạch nhũ, thấy trên thạch bàn hết cả, rắn cất đầu lên thấy Vỹ, toan nuốt đi, Thôi Vỹ sợ quá, quỳ xuống lạy rằng : Thần ty nạn, lầm rui xuống đây, đói bụng nên có ăn trộm vương vật, thực là có tội, dưới cằm vương có một cái nhọt, thần xin lấy ngải cứu lành, xin tha tội để thần trở nghề mọn này.

Bạch Xà lập tức ngẩng đầu lên cho Vỹ cứu, bỗng thấy đồng nội bị cháy, một tia lửa bay vào trong hang, Vỹ lấy lửa cứu cho rắn, cái nhọt liền tiêu ngay. Rắn mới khom mình đến trước Vỹ, ý muốn bảo Vỹ cưỡi lên, Vỹ cỡi lên lưng rắn, rắn bò ra hang, ước một canh thì đến trên bờ, bờ vắng vẻ không có người nào đi lại, rắn quán đuôi lại trở về hang.

Vỹ đi một mình, lạc đường bỗng thấy trên cửa thành, có một cái lầu cao, ngói đỏ lóng lánh, đèn sáng rực rỡ, trước cửa có treo một tấm biển đỏ chữ vàng, đề là “Ân Vương thành ”. Vỹ ngò lên cửa thành, hồi lâu không thấy người nào qua lại, mới bước vào cửa sân, thấy bên sân có một cái ao, trong ao có hoa sen 5 sắc, trên bờ có nhiều rặng hoa liễu, đường lát bằng phẳng, ngọc điện châu cung, toà ngang dãy dọc; trên điện đặt hai cái giường vàng trải chiếu hoa bạc, trên tường có treo một cái đàn cầm đàn sắt, Vỹ thông thả bước đến lấy cây đàn gảy một hồi lâu. Kim đồng ngọc nữ, vài trăm người hầu, bà Ân Vương Hậu mở cửa đi ra, Vỹ sợ quá, chạy xuống sân điện sụp lạy. Bà Ân Hậu cười bảo rằng : Thôi Quan Nhân ở đâu lại ?

Sai người mời lên trên điện bảo rằng : Đền thờ của Ân Vương ta lâu đời bỏ hoang phế, nhờ sức của Tiên thân Ngự Sử trùng tu lại, người đời mới bắt chước thờ cúng luôn luôn. Vương đã sai Ma Cô đi tìm để báo đức, nhưng không gặp được Ngự Sử, chỉ gặp công tử chưa có dịp đền đáp, nay nhân được thấy mặt, thì Thượng đế đòi vương lên châu trời rồi, thôi công tử ở lại đây đợi vậy. Rồi lưu Thôi Vỹ ở lại ăn uống no say. Bỗng thấy một người râu dài bụng lớn, cầm một tờ biểu quý mà tâu rằng : Tháng giêng ngày mồng ba, Nhâm Ngao bị thần Xương Cuồng đánh chết. Nghe tâu xong, Hậu bảo rằng : Dương Quan Hậu đưa Thôi Vỹ về trần. Vỹ cáo tạ mà về. Dương Quan bảo Vỹ nhắm mắt, ngồi lên trên một chiếc quạt, hơn một khắc đã đến trên núi, ngày nay hãy còn sau đền thờ Triệu Việt Vương ở núi Trâu Sơn.

Sau Vỹ về đến nhà Ứng Huyền thuật lại cho Ứng Huyền nghe. Đến ngày **mồng một tháng 8**, Vỹ cùng với Huyền đi chơi thì gặp Ma Cô Tiên, **dắt một người con gái cho Thôi Vỹ, bảo đem về làm Vợ / Chồng, lại cho hòn ngọc Long Toại, nói đó là ngọc châu, từ thuở trời đất mới khai tịch, đã có một cặp Trống / Mái từ đời Hoàng Đế trải đến đời Ân truyền làm thế bảo; trong trận đánh Trâu Sơn, Ân Vương đeo nó mà chết, ngọc châu dẫu trong đất, mà tia sáng chiếu thẳng lên trời.**

**Thời nhà Tần, binh hoả liên miên, những vật trân bảo đều bị đốt cháy; các nhà Vọng khí đều biết hòn Ngọc Long Toại còn ở phương Nam. Người Tàu đem vàng bạc gấm vóc giá trăm vạn để tìm mua; Vỹ nhân đấy đại phú. Sau Ma Cô Tiên rước vợ chồng Thôi Vỹ đi, không biết đi đâu. Nay giếng bỏ hoang thành bần thủy, hang thì còn ở núi Trâu Sơn. Người đời gọi là Việt tỉnh cương vậy.”**

*( Trấn Thế Pháp : Lĩnh Nam chích quái, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 66 – 69 )*

### **Chú thích**

1 .- Truyện Việt tỉnh có tính chất Triết lý cao độ nhất, vì vẽ lại những chặng tiến của tâm thức con người, tự Xương Cuồng ( chỉ đợt Bái vật ) qua nhục ảnh ( chỉ Ý hệ ) mà lên tới Tâm linh ( chỉ bằng Thôi Vỹ lấy được Tiên nữ với quà tặng là ngọc Long Toại )

2.- **Chữ Cương** làm liên tưởng tới Hồng phạm cửu trù, người ta cũng quen gọi trù là đại cương. Mỗi đại cương bao gồm một số tiểu tiết kê là điều mục.

Vì thế khi đọc Việt Tĩnh Cương thì nó gợi cơ cấu của Hồng Phạm với Lạc Thư cũng như lược đồ Loa Thành đều có liên hệ ngầm, được bàn trong “ Sứ Điệp ”.

3.- Chú ý nét song trùng biểu lộ ở ngọc Long Toại vẫn đi đôi song mái, và khi giao thoa thì làm ra dạng tự ngã cứu . Nhớ chữ Ngải viết với bộ thảo 艹 trên chữ Nghệ 𦰩 , nên có sức cứu thoát. Rồi cũng nét song trùng đó kép lên thành chữ tinh井, nhái lại hình chòm sao tinh ở phương Nam. đứng đầu chòm 7 sao : Tinh , Quý , Liễu , Tinh , Trương , Dục , Chân. Nét song trùng còn hiện ra ở lá cờ Sĩ Vụ ( mỏ vàng, miệng đỏ ) , nơi con rắn dài 100 thước ( Bách Việt thờ Rồng ). Rồi các số 3

là nhin 3 ngày, ngải hái đã 3 năm. Bộ số 2 , 3 chuyển vận để thành Việt Tĩnh Cương, nên cuối truyện, giềng hiện ra cách đột ngột.” ( *Kim Định : Kinh Hùng khái triết , trang 207 – 209* )

4.- “ **Thôi Vỹ** : Thôi là lớn mạnh. Chữ Vỹ làm liên tưởng đến cái gì tế vi, hoặc là đuôi, tức cái gì cùng cực. Hai chữ Thôi Vỹ chỉ người chú ý đến cái tế vi, chú ý đến Đạo. Đạo là chỗ chí cực của vật (Đạo vật chi cực ) .

Hay là người ta thấy được cái tinh vi trong vĩ đại , cũng như cái vĩ đại trong tinh vi .

5.- **Ngải cứu** : 艾 灸 Ai cũng biết là một vị thuốc mà tự dạng lại gồm có chữ nghệ 𦰩 tức là nền tảng Kinh Dịch và hai nét trời và đất giao thoa. Có lẽ vì ngải là vị thuốc rất hay và có tính chất phổ biến, nên người xưa đã viết cách cao trọng như vậy. Có điều chắc là từ rất lâu xưa đã có niềm tin rằng là ngải hái lúc gà vừa gáy ngày mồng 5 tháng 5, rồi cho vào cái túi treo trước cửa nhà thì tránh được sét đánh ( Dances 532 ) . Chúng ta dễ nhận thấy những tin tưởng dị đoan này có thể phát xuất do biểu tượng lá ngải là đất số 2 gặp trời số 3, tức là tinh hoa của nền Minh triết nông nghiệp ( bộ thảo ), nhờ nó mà chữa được bệnh nhức ảnh.

6.- **Nhục ảnh:** là những ý nghĩ tai hại che khuất lý trí không cho thấy sự thực, nó có hại, một là cuồng tín gọi là Xương cuồng hai là như ý hệ, gọi là roi xuống hang.

7.- **Thần Xương cuồng:** hay nữa là ý tưởng của lũ đông, tức là những tin tưởng dị đoan, những vu tưởng, những ý nghĩ của lưu tục.

8 .- **Roi xuống hang :** Có thể chỉ những ý hệ hay cả những dư luận suy tưởng của lũ đông, nó làm nên một thứ hang giam giữ tâm trí con người. Thôi Vỹ cũng tin theo như ai, nhưng may mắn thoát được là có lá ngải, và do đấy làm quen được với con rắn.

9 .- **Con rắn :** Dài 100 thước, mỏ vàng, miệng đỏ là vật tổ Long của Bách Việt, có màu cờ của Sĩ Vụ nên vàng có miếng tròn đỏ ở giữa. Đó cũng là cái Long đực của Kinh Dịch, ai hiểu được thì có thể cỡi 6 rồng mà đi lên trên đường tiến hoá tâm linh để đạt Minh triết nói bóng là lấy được vợ và được ngọc Long toại.

**Việt tinh là một trang huyền sử của nước ta. Huyền sử kể chuyện hôm qua để nói về hôm nay cũng như mai hậu. Vì nó vượt thời gian, nên đầy tính cách thời sự : nó tiên tri bi trạng nước ta hiện nay. Nhưng nó cũng là Việt Nho không bao giờ chịu thúc thủ, nên cũng chỉ luôn ra phương thuốc để chữa bệnh, bệnh là Nhục Ảnh, thuốc là Ngải Cứu, tức là Kinh Dịch.”**

*( Kim Định: Dịch Kinh linh thể, An Việt Houston , trang 43-44 )*

#### **IV.- BA VĨ TÍCH CỦA LẠC LONG QUÂN**

##### **1.- TRUYỆN MỘC TINH**

“ Thuộc địa giới Phong Châu, về đời thượng cổ có một cây đại thụ tên là Chiên Đàn, thân cao nghìn tầng, cành lá xum xuê, không biết mấy ngàn dặm, có chim thước làm ổ trên cây, nên chỗ đất ấy đặt tên là Bạch Hạc. Cây chiên Đàn trải qua không biết mấy ngàn năm, đến khi khô hủ thì hoá ra làm yêu tinh, biến hiện dũng mạnh, thường sát nhân dân.

Kinh Dương Vương dùng thuật thắng được yêu tinh, nhưng yêu tinh quỷ quyết, nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác, biến hoá bất trắc, thường ăn người sống, dân phải lập đền thờ mà cầu đảo. Mỗi năm đến ngày 30 tháng chạp, dùng một người sống làm

lễ tế, thì con tinh ấy mới chịu thôi, mà nhân dân cũng được yên ổn, tương truyền với nhau là **Thần Xương Cuồng**. Địa giới Tây Nam gần nước Mi Hầu, người trong nước khiến Bà - Lỗ - Man ( nay là Phủ Diễn Châu ), cướp lấy một người Lào nạp làm tế lễ, năm nào cũng lễ thường như vậy. Kịp khi Tần Thủy Hoàng sai Nhâm Ngao sang làm quan Lệnh Long Xuyên. Nhâm Ngao đòi cái Lê đó, cảm không được đem người sống mà tế. Thần giận Thần giết đi, tự đó về sau sự tế Thần lại càng kính cẩn. Đến đời Đinh Tiên Hoàng, có một pháp sư tên là Dũ Văn Mâu, người Tàu, tu hành chín chắn, tuổi hơn 40, đã chu du các nước, thông hiểu nhiều ngôn ngữ, tập được phép nanh vàng răng đồng. Khi sang nước ta đã 80 tuổi.

Tiên Hoàng lấy lễ thường mà đãi đằng, Dũ Văn Mâu dạy lấy kỹ thuật phỉnh Thần Xương Cuồng mà giết đi. Từ đó miễn được cái hoạ dâng người hàng năm, mà sinh hoạt nhân dân được bảo tồn vậy. ”

( *Truyện này có hai phần sau mang tính chất ma thuật đã thêm vào, có nhiều bản bỏ. Vậy ở đây cũng xin bỏ luôn* )

( *Trần Thế Pháp : Lĩnh Nam chích quái , bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 48* )

## 2.- TRUYỆN NGƯ TINH

“ Trong biển Đông Hải có loài Ngư Tinh, mình dài hơn 50 trượng, có nhiều chân giống như chân rết, biến hoá vô cùng, linh dị khó dò được, mỗi khi đi đâu thì nổi cơn mưa gió, hay ăn thịt người, ai cũng đều sợ hãi. Thời thượng cổ có loại cá mặt giống như mặt người, thường đi chơi bên bờ Đông Hải, hoá thành hình người, ngôn ngữ thông hoạt, dần dần sinh lớn ra người trai gái, lấy cá tôm, hến ốc làm vật ăn, lại có giống người mới sinh ở hải đảo, lấy sự bắt người làm sinh nhai, cũng thành ra người, cùng với đàn ông đòi chác các phẩm vật như muối gạo, áo quần, dao búa, thường qua lại ở biển Đông Hải. Trong có núi Ngư Tinh, miệng răng nhô ra ngoài bờ biển, ở dưới núi có một chiếc hang lớn, đó là nơi cư trú của ngư Tinh, thuyền nhân dân qua lại phần nhiều bị hại, phong ba hiểm yếu, họ không có đường nào mà tránh, muốn mở một lối đi ngả khác, thì họ lại gặp cát đá không thể nào đào được.

Một đêm kia có Tiên xuống moi đá làm kênh cho sự thông hành loài người được tiện lợi, kênh sắp được đào xong thì Ngư Tinh hoá ra một con gà trắng gáy ở trên núi, quân Tiên nghe thấy ngỡ là trời gần sáng, nên đều tự nhiên bay đi hết, nay gọi là đường Phật. Lạc Long quân thương dân bị hại mới làm một con thuyền lớn, ra

lệnh cho Thuỷ Dạ Xoa cấm thần biển không được làm gió sóng, chèo thuyền đến núi Ngư Tinh; Ngư Tinh há miệng toan nuốt, Long quân liền lấy một khối sắt nung đỏ liệng vào miệng cá; Ngư Tinh vùng vẫy nhảy đến đánh thuyền; Long quân chém được khúc đuôi, lột da treo trên núi, nay gọi là Bạch Long Vĩ ; khúc đầu trôi ra ngòi biển hoá ra chó mà chạy mất; Long

quân lấy đá lấp biển thì chém được, nó bèn hoá ra đầu chó, nay gọi là cầu đầu; khúc mình trôi vào Man Cầu, nay gọi là Cầu Man Cầu là bởi đó vậy .”

( *Trần Thế Pháp : Lĩnh Nam chích quái , bản dịch của Lê Hữu Mục trang 46* )

### 3.- TRUYỆN HỒ TINH

“ Thành Thăng Long ngày xưa gọi là đất Long Biên, đời thượng cổ đã có người ở . Đến đời vua Lý Thái Tổ chèo thuyền ở bên sông Nhị Hà, có hai con Rồng dẫn thuyền đi, nhân đó mới đặt tên là Thăng Long . Buổi đầu chỗ đất này về phía Tây có một ngọn núi đá, dưới núi có một cái hang, có một con hồ chín đuôi sống hơn một nghìn năm thành ra yêu quái, biến hoá vạn trạng, có lúc hoá người, lúc hoá khi, đi khắp cả nhân gian. Lúc bấy giờ ở dưới chân núi Tản Viên, có giống người mọi gác cây kết cỏ mà ở, trên núi có một vị Thần được mọi người phụng thờ. Vị Thần ấy dạy cho mọi người cày ruộng, dệt vải, may áo trắng mà mặc, nhân đó gọi là Bạch Y man ( mọi áo trắng ). Hồ chín đuôi hoá ra người áo trắng nhập vào trong bọn mọi, cùng lũ mọi ca hát, dụ dỗ được người con trai, con gái nào thì đem về nhốt ở hang đá; người mọi lấy làm khổ sở về việc ấy. Long Quân mới sai bộ hạ Thuỷ Phủ dâng nước lên đánh phá núi Tiểu Thạch Sơn, đào thành một cái đầm lớn, chính giữa thành có một vực sâu, gọi là Thi Hồ Trạch ( nay gọi là Hồ Tây ), rồi lập chùa quán để trấn yểm nữa ( nay là Thiên Niên quán ), bờ phía Tây bên đầm thì đồng nội bằng phẳng, ruộng ao cây cối gọi là Lỗ Hồ Động. Chỗ nào cao ráo thì đều có dân cư, tục gọi là Hồ Thôn. Còn cái hang nay gọi là Lỗ Hồ Đầm vậy. ”

( *Trần Thế Pháp : Lĩnh Nam chích quái, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 47* )

#### Chú thích

1.- “ **Mộc Tinh** hiểu là “ ma mộc , gỗ khô, tức là những gì hủ hoá, nhất là các thứ dị đoan chỉ bằng Xương Cuồng ( lối nói bóng để chỉ bái vật ).

Lạc Long quân cũng đuổi đi rồi sau có người dùng ma thuật trừ thêm.

Đây là tinh thần xả bỏ Bái vật, ma thuật của Vĩ tích.

2.- Trong truyện **Thủy Tinh**, nói cá ăn thịt người, có thể do cướp bề xa xưa, mà có hình ảnh này. Nhưng xem huyền thoại Tàu thì có lúc họ nhận Cá làm vật tổ, đòi nhà Tần còn nhận như vậy, và do đó có những chuyện tế người cho Hà Bá. Nên lưu ý người Tàu xưa năng dùng hoa văn cá là liên hệ với tin tưởng này. Về phương diện này, Lạc Long quân, tiến sớm hơn phương Bắc. Gà trắng thấy

xuất hiện trong chuyện Kim Quy, cũng đều không tốt : gà, cung Dậu cũng như sắc trắng nằm về phía Tây . Phía Tây chỉ mưu trí, có thể ám chỉ văn hóa du mục. Khối sắt nung đỏ ném vào miệng cá có thể chỉ văn hoá Viêm phương thuộc hành Hoả chống lại văn minh du mục Bắc phương, Cá là hành Thủy phương Bắc. Thăng Long thành đặt giữa hai sông ( Nhị Hà ) rõ ràng bao hàm ý sông Tương nước chảy đôi dòng. Còn giữ được nét song trùng là nhờ có Thăng Long .

Phía Tây chỉ mưu trí liên hệ với cáo già, cũng gặp trong lễ Na có đoạn đánh hồ rùng : “đả dã hồ ”, nhưng nực cười là chữ hồ bộ cầu lại cũng có nơi viết với bộ cỏ chỉ Hung Nô phía Tây Bắc. Hồ Tinh và Ngư Tinh không bị diệt hẳn, nên còn vẫn quấy phá văn hoá phương Nam đến tận nay.

3.- Truyện **Hồ Tinh** có thể hàm ý du mục phá nông nghiệp. Ốc du mục quỳ quyết được chỉ bằng hồ 9 đuôi, bắt người nhốt trong hang như Cộng sản nhốt người vào hang ý hệ Mác Lê, nói là hang vì trừ thuyết Mác Lê ra thì không cho dân nghe hay thấy gì bên ngoài nữa . Các sách vở đều đốt hay tịch thu như Tần Thủy Hoàng bên Tàu, không cho ai xem .”

( *Kim Định: Kinh Hùng khái triết, trang 170* )

## **Khai triển**

### **1.- Truyện Việt Tinh**

Để hiểu rõ trang huyền sử trên, ta cần lướt qua những chặng đường mà tâm thức con người đã trải qua . Theo Triết gia Kim Định thì tâm thức con người đại khái trải qua ba trạng thái: Bái vật, ý hệ và Tâm linh .

#### **a.- Bái vật**



“ Là giai đoạn con người thấy mình như một vật hèn yếu, thiếu thốn hoàn toàn, nên cử chỉ tự nhiên là Bái vật: cầu khẩn, van xin, cúng tế. Bất cứ vật nào có mùi thể lực như: sấm chớp, các thứ hiện tượng tự nhiên, đến các loài vật như hùm, beo, giao long. . . đều được sự van xin cầu khẩn của con người . . . , cái gì cũng phải dựa vào quỷ thần ban cho, từ sự chữa bệnh cho đến mưa nắng cũng phải cầu xin. Vì thế biểu lộ ra ngoài là bái vật hiểu là bái cầu ở ngoại lực, vì con người thấy mình quá bé mọn.

### **b.-Ý hệ**

Là chặng đường con người đã nhận thức được con người là một tự thể có khá nhiều giá trị, có thể sống độc lập, bất chấp quỷ thần, hay để cho yên chuyện hơn, có thể chối tuột thần linh, coi như không có. Đó là tâm trạng Vô thần chống đối Hữu thần. Nhưng Vô thần hay Hữu thần cùng nằm trên một bình diện chống đối chia ly, chưa tìm ra chỗ hội thông thống nhất uyên nguyên. Ý hệ là những thuyết lý y cứ trọn vẹn trên ý niệm đến độ không nhận ra rằng ý niệm chỉ là hình ảnh của sự vật, nên còn ở vòng ngoài, thiếu khả năng tham dự vào cái toàn thể vũ trụ. Kết quả là con người y cứ toàn triệt ở ngoại vật mà kết quả là theo nguyên lý đồng nhất một chiều. Từ đó chỉ còn biết chinh phục những cái bên ngoài : chinh phục sự vật chưa đủ, còn muốn chinh phục người khác phải làm nô lệ, như chế độ Tư bản nguyên thủy, chế độ Cộng sản . . .

### **c.-Tâm linh**

Là giai đoạn con người đã nhận thức ra được sự vô hiệu của các triết thuyết xây trên Lý Trí, đồng thời nhận ra được tài năng siêu việt nơi con người, có khả năng dàn hoà được nội tâm với cả các thể lực ngoại tại, mà các thuyết kia hoặc quỳ lụy hay chống đối, hoặc lờ đi hay thụ động chấp nhận. Đây là một đường lối thâm nạp được các mảnh sự thực ấy trong một Hoà Diệu, được cả Tâm lẫn Vật. Nhờ tìm ra chiều kích mới này gọi là Tâm Linh mới có hy vọng quán thông tất cả Thiên Địa Vạn Vật vào Nhất Thể . . . ” Đây là giai đoạn khám phá ra chiều kích Tâm linh, con người mới tìm cách khôi phục lại quyền làm người và từ đây mới có thể tạo dựng một xã hội gây hạnh phúc cho mình.

Trang huyền sử còn chỉ rõ cho phương cách chữa hai tâm bệnh trên là dùng thuốc giải cứu, tức là Kinh Dịch. Đó là Âm Dương Hoà : Âm là Thiên, Dương là Địa, Nhân là Hoà “ .

( Kim Định: Cửa Không trang 88, 89 , 90. Kinh Hùng khái triết , trang 89 – 90 ; lược trích )

## **2 .- Ba vĩ tích của Lạc Long quân**

“Qua ba Vĩ Tích, ta thấy Lạc Long đã vượt qua giai đoạn Bái vật bằng cách diệt Mộc Tinh, vượt ý hệ bằng cách diệt Hồ Tinh, Ngư Tinh, rồi vươn lên Tâm Linh, để đặt xong nền tảng cho Văn Lang quốc . Những người trong nước Văn Lang, ít ra là những bậc hiền giả, phải là những con người nhận thức ra chiều kích tâm linh cao cả nơi mình để mà vun tưới tài bồi, rồi từ đó những hậu quả bên ngoài sẽ là những đức tính bất khuất, dũng cảm, tự lực, tự quyết, tự mưu sinh, cái gì cũng tự mình quyết định để xứng danh là nhân chủ. Ta thấy Tổ Tiên đã ý thức được sự tai hại của thời Bái vật, trong thời này nhiều nơi đã đem giết người để tế thần , quăng người xuống sông để tế Hà bá, . . . , còn thời ý hệ thì như CS đã đưa chủ nghĩa Mác Lê đã làm điều đúng thế giới và nhất là đã và đang làm điều đúng dân ta suốt 2/3 thế kỷ nay! Đọc những chuyện này ta thấy tâm thường hay nhiều khi cho là ngớ ngẩn, nhưng từ thuở xa xưa, Tổ Tiên đã nhận ra được những tai hại do Bái vật và ý hệ gây ra cho nhân loại, thì ta thấy Tổ Tiên ta xưa là những con người vĩ đại, con người Nhân chủ, đầy tính chất tự lực và tự cường : Tự lực và tự cường trong các công trình xây dựng cũng như công việc tiêu trừ các yếu tố phá hoại nữa. Nói Tổ Tiên ta xưa là những trai hùng gái đảm thật quả không sai. “

---

---

## **NHÓM HUYỀN THOẠI THỨ HAI**

### **NỀN TẢNG GIA ĐÌNH VÀ XÓM LÀNG, THỊ TỬ**

*Đây là nền tảng gia đình, việc xây dựng Xóm Làng và Thị tứ của Việt Tộc.*

*Gồm các truyện Trương Chi Mỹ Nương, Trầu cau, Hòn Vọng phu, Chử Đồng tử và Quả Dưa đỏ*

### **I.- TRUYỆN TRƯƠNG CHI MỸ NƯƠNG**

“ Thời vua Hùng, có gã đưa đồ, tên là Trương Chi, nổi tiếng về tài thổi sáo.

Lại có Mỹ Nương con quan Tể Tướng, nhà ở cạnh bờ sông. Vì quá say mê tiếng sáo và mong mỏi được gặp người nghệ sĩ tài hoa, nên nhuốm bệnh tương tư.

Nhưng khi gặp được chàng Trương Chi, mặt mũi xấu xí quá, đâm ra thất vọng mà lòng trở nên dửng dưng. Nhờ thế mà lần hỏi Mỹ Nương được bình phục. Trái lại, vừa mới trông thấy Mỹ Nương, liền bị cú sét ái tình, Trương Chi đã say mê đắm đuối, rồi tương tư cho đến chết rũ trên con đò ven bờ sông. Khi dời mả Trương Chi, người ta thấy quả Tim còn nguyên vẹn, nhưng hoá thành viên đá quý. Thấy chuyện lạ, quan Tể Tướng đến xem và mua viên đá quý đó. Quan Tể Tướng thuê thợ ngọc tạc thành một chén trà. Lạ thay, khi rót nước vào, thì thấy hình dáng Trương Chi chèo đò hiện ra, và tiếng sáo lại văng vẳng. Một hôm cầm chén ngọc, thấy bóng Trương Chi và nghe lại tiếng sáo xưa, Mỹ Nương xúc động, bèn rơi dòng lệ xuống chén. Chén ngọc liền tan ra thành nước.”

( *Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng xuất bản, trang 203* )

### ***Khai triển***

#### **1.- Nhận diện nòi giống**

***Mỹ Nương ở trên đất liền, sống trong lầu son gác tía, là cháu con của Mẹ Tiên trên núi. Trương Chi chèo đò ở bến Nước ven Sông, cũng là con dân của cha Rồng ở dưới Nước.***

#### **2.- Nhận diện hoàn cảnh.**

*Mỹ Nương con quan Tể Tướng, rất mực giàu sang, đem lòng yêu chàng Trương Chi chưa một lần thấy dung nhan, mà chàng cũng không hay biết. Chàng Trương Chi lại nghèo, phải chèo đò ven sông để độ nhật, là con người nghệ sĩ tài hoa, nên khi vắng khách là neo đò, tấu lên những điệu sáo du dương quyến rũ.*

#### **3.- Mối tình Mỹ Nương**

*Mỹ Nương mỹ lệ và rất mực giàu sang, còn Trương Chi xấu xí và nghèo nàn, nên phải chèo đò để độ nhật, nhưng lại rất mực tài hoa. Trương Chi, chàng chèo đò ở ven sông ngày nối ngày khi vắng khách, neo đò dưới gốc cây đa rợp bóng, tấu lên những tiêu khúc ai oán tuyệt vời, tiếng sáo vút tận lên chín tầng mây, toả ra muôn phương, xuyên qua màn gấm rủ là nơi đài son gác tía của quan Tể Tướng, làm thốn thức người đẹp Mỹ Nương :*

“ Tiếng sáo thổi đâu đây,

Cớ sao nghe réo rắt,  
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt,  
Mây bay, gió quuyền. . . mây bay. . .  
Tiếng vi vút như như khuyên van, như dùi dặt,  
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.

. . .

Ánh chiều thu.  
Lướt mặt hồ thu,  
Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc,  
Rặng lau già xao xác tiếng reo khô,  
Chùng cô tưởng ngày vui rồi sẽ mất,  
Mà sắc đẹp rõ ràng rồi sẽ tắt,  
Như bóng chiều dần khuất,  
Dưới chân trời,  
Cho nên cô nghe tiếng trúc tuyệt vời ,  
Thỏn thức với lòng cô thỏn thức,  
Man mác với lòng cô man mác,  
Cô để tâm hồn tê tái băng khuâng”  
( *Thế Lữ : Tiếng trúc tuyệt vời* )

*Hay những buổi chiều Xuân trời thanh nắng đẹp, mắt đắm chìm trong quảng trời  
mơ, Mỹ Nương để lòng nương theo tiếng sáo:*

“ Ánh Xuân lướt cỏ Xuân tươi,  
Bên rừng thổi sáo một hai Kim Đồng,

Tiếng đưa hiu hắt bên lòng,  
Buồn ơi xa vắng mênh mông là buồn,

...

Trời cao xanh ngắt ô kìa,  
Hai con Hạc trắng bay về Bồng Lai,  
Theo Chim, tiếng sáo lên khơi,  
Lại theo dòng suối bên người Tiên Nga,  
Khi cao vút tận mây mờ,  
Khi buồn vắt vẻo bên bờ cây xanh,  
Êm như lọt tiếng tơ tình,  
Đẹp như Ngọc Nữ uốn mình trên không,  
Thiên Thai thoảng gió mơ màng,  
( My Nương ) buồn tưởng tiếng lòng xa bay “  
( *Thế Lữ : Tiếng sáo Thiên Thai* )

*Tiếng sáo tuyệt vời đã dệt thêu nên giấc mộng vàng về người mơ ước, My Nương  
tơ tưởng không thôi về chàng lý tưởng của mình:*

“ Trông chừng thấy một văn nhân,  
Lông bông tay khâu, bước dần dậm băng,  
Đề huê lưng túi gió trăng,  
Sau lưng theo một vài thằng cón con,  
Tuyệt in sắc ngựa câu dòn,  
Cỏ pha màu áo, nhuộm non da trời.

...

Nền phú hậu, bậc tài danh,  
Văn chương nét đất, thông minh tính trời,  
Phong tư tài mạo tuyệt vời,  
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa”

( Nguyễn Du : Kiều )

*Hết mộng này bày ra mộng khác, nếu không là bậc Văn nhân tài tử, thì phải người  
Hùng muôn thuở.*

“ Bông đầu có khách biên đình sang chơi,  
Râu hùm, hàm én, mày ngài,  
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao,  
Đường đường một đấng anh hào,  
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài,  
Đội trời đạp đất ở đời,

...

Giang hồ quen thói vẫy vùng,  
Gươm đàn nửa gánh , non sông một chèo”.

( Nguyễn Du : Kiều )

*Nhưng rồi, ngày nối ngày vào những lúc vắng khách, tiếng sáo cứ xa đưa diu dặt,  
nào đâu thấy bóng người mơ, nhưng vẫn cứ mãi trông chờ:*

“Tương tư thức mấy đêm rồi,  
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho?

Bao giờ bên mới gặp đò?  
Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau “  
( Nguyễn Bính : Tương tư )

*Trong những lúc tiếng sáo lặng im, lòng nàng càng thêm trống vắng, My nương  
nào nùng thốn thức, một mình ngâm thở ngùi than:*

“ Người ở bên trời, ta ở đây,  
Chờ mong phương nọ, ngóng phương này,  
Tương tư đôi chốn tình ngàn dặm,  
Vạn lý sàu lên núi tiếp mây,  
Nắng đã xế về bên xứ bạn,  
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy  
Trông vơi bốn phía không nguôi nhớ,  
Doi động hoàng hôn thấp thoáng bay.  
Cơn gió hiu hiu buồn tiễn biệt,  
Xa nhau chỉ biết nhớ voi ngày” . . .

( Huy Cận: Vạn lý tình )

*Nỗi nhớ khôn nguôi không được đáp ứng làm cho My nương dâm ra thất vọng,  
than thân trách phận*

“ Ôi ! nắng vàng sao mà nhớ nhung!  
Có ai đàn lẻ để tơ chùng?  
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy?  
Xúi bước chân đây cũng ngại ngùng!” . . .

( Huy Cận )

*Hoặc oán trách số kiếp má đào :*

“ Chém cha cái kiếp má đào!

Cởi ra thì khó, buộc vào như chơi !”

( Kiều )

*Rồi những tiếng réo gọi xa vời cứ dồn dập tới, làm tan nát lòng ai:*

“ Ai kêu ta trong cùg thẳm hư vô?

Ai réo gọi trong muôn sao chói vời?”

*Hay :*

“ Chao ôi! mong nhớ, ôi mong nhớ,

Một cánh chim thu lạc cuối ngàn!”

*Cứ nhớ mong không thôi mà chán chường, rồi đâm ra thất vọng:*

“ Trời hỏi trời ! hôm nay ta chán hết!

Những sắc màu hình ảnh của trần gian!”

( Chế Lan Viên )

*Có khi thảng thốt, nàng tự hỏi :*

“ Ta mơ trong đời hay trong mộng ?

Vùng cực bên ngoài động dưới sương.”

*Rồi thăm thốt ra những lời từ biệt:*

“ Đợi đến luân hồi sẽ gặp nhau,

Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau

Chờ anh dưới gốc sim già ấy,

Em hái cho anh đoá mộng đầu.”



( Lưu Trọng Lư )

“ Đã héo lảm nụ cười trong mộng  
Đã mờ mờ lảm bóng thân yêu  
Đã lam tím cả cảnh chiều,  
Trong hồn lặng lẽ đã hiu mộng tàn!”

( Lưu Trọng Lư )

*Trông chờ rồi mãi chờ trông, thất vọng chồng lên thất vọng, mà đâu có thấy được bóng ý trung nhân, nổi lòng khó tỏ cùng ai, nên My Nương ngã bệnh thập tử nhất sinh, gia đình đã cầu cứu hết các danh y trong vùng, nhưng chẳng ai biết được nàng có bệnh gì mà chữa. Bệnh tình ngày thêm trầm trọng, khi phụ thân hết lòng gạn hỏi, mới rõ nguồn cơn, thì không có bệnh gì khác ngoài: “**chính danh thủ phạm, ấy là chàng Trương**”, đúng hơn là tiếng sáo du dương của chàng Trương. Vì quá thương con, nên Phụ thân đành phải cho người ra bến sông vờ Chàng đến cho Nàng thoả lòng mong ước. Than ôi! Khi chàng đứng cạnh, My Nương quay lại mở mắt nhìn chàng, thì đâu phải người trong mộng:*

“ Râu hùm hàm én mày ngài,  
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.”

( Kiều )

*Mà là một chàng trai cực xúc, cực kỳ đen điu, xấu xí, đâu có phải như những khúc tiêu thần sầu đã làm say mê nàng ngày trước, cái thực tế phũ phàng đã làm nàng tỉnh mộng, tức khắc giây oan nghiệt được bung ra, và sau đó, dần dần nàng được bình phục.*

#### 4.- Mối tình Trương Chi

*Trở trêu thay! Chính giây phút vừa diện kiến đó, sắc đẹp mê hồn của My Nương đã làm choáng mắt chàng Trương, gây nên tiếng sét ái tình, đánh quật ngã chàng xuống, chàng bị lạc vào mê hồn trận. Giây oan nghiệt từ My Nương vừa bung ra, lại quấn chặt vào số kiếp Chàng! Dọc đường, bước thất thểu về bến sông, chàng tự hỏi:*

“ Hỡi giai nhân !

Nàng là ai? mà diễm lệ thanh tân?

Nàng là ai ? mà âm thâm huyền ảo?

Để xuyên qua liên –tiên thảo

Ánh giăng Xuân

Nhẹ nhàng vờn trên dung nhan kín đáo,

Nàng là người trên Quảng – Điện hay Chiêu - Quân?

...

Ôi ! người đâu mà yếu điệu như nàng Thôi !

Người đâu mà tươi thắm dịu dàng!

Mà đóa môi phảng phất sự mơ màng!

Mà tóc huyền óng ả như mây qua!

Mà mắt đưa như ngọc ánh dưới trăng ngà!”

( *Huy Thông : Anh Nga* )

Nhìn lại thân hình xấu xí của mình, cảnh sống nghèo nàn xác xơ trên bến nước, đối với cảnh lầu son gác tía của nàng, chàng nhận ra cái thực tế phụ phàng, nhưng vẫn cố níu kéo chút hy vọng hảo huyền của mình, thốt ra chút hy vọng le lói trong con thất vọng.

“ Người đâu gặp gỡ làm chi!

Trăm năm biết có duyên gì hay không?”

( *Kiều* )

*Trong khi My Nương dần được hồi phục, thì oái ăm thay! ngày nối ngày chàng càng thấm thía niềm thất vọng ê chề, nên đồ càng biếng đưa, sáo thổi hết thổi!*

*Càng thất vọng bao nhiêu, thì chàng lại yêu nàng da diết bấy nhiêu. Càng yêu sâu đậm bao nhiêu thì lại càng thất vọng bấy nhiêu! Cứ theo vòng lẩn quẩn ấy, mà sợi dây oan nghiệt càng quấn chặt lấy số kiếp chàng, chàng bắt đầu ngã bệnh. Bệnh tình ngày càng trầm trọng, mà đâu có thuốc thang chữa chạy, chẳng có ai săn sóc, nên càng nguy kịch. Trước lúc lâm chung, chàng còn than thở :*

“ Bao nhiêu nỗi đau lòng dù quên lãng,  
Trăm năm còn ôm mãi khối hận này !”

( *Huy Thông* )

“ Nợ tình chưa trả cho ai,  
Mối tình mang xuống tuyền đài chưa tan!”

( *Khối tình Trương Chi* )

*Trương Chi ôm mối tình u uất xuống tuyền đài, chàng đã chết cho tình yêu, nỗi tiếc thương làm cho quả tim chàng không rữa nát, mà biến thành viên ngọc quý.*

*Đâu là cội nguồn của thảm cảnh?*

### **5.- Về phía nàng My**

*Trong khi công chúa Tiên Dung, đến tuổi cập kê, bèn dùng thuyền ngao du trên sông nước hay có thể nói là chốn ba quân, để tìm cho ra ý trung nhân. Đàng này My Nương một mình ngồi trên lầu son gác tía, mới nghe tiếng sáo vi vu, mà thêu dệt nên người bạn vàng theo trí tưởng tượng của mình, vì không đi tìm, thì làm sao nàng gặp được, thay vì tìm người, nàng lại đi tìm cái mê ly của tiếng sáo.*

*Đến khi được gặp con người thực tế đen đui, cái thành kiến đời sống cao sang ngọc ngà của nàng đã che lấp, làm sao thấy được cái tinh túy nghệ sĩ trong con người chàng Trương, cái chân tướng nghệ sĩ của chàng thổi sáo. May nhờ cái thực tế bề ngoài phụ phàng đánh tan được giấc mộng phù phiếm, mà thoát ra được cái oan nghiệt, nàng tỉnh mộng mà hồi phục được. Muốn có ý trung nhân, mà không đi tìm, khi gặp không có tìm hiểu để nhận chân được chân tướng của nhau, mà cứ ôm cái mộng tưởng của riêng mình mà đau khổ với khổ đau, mộng tưởng chồng lên mộng tưởng!*

## 6.- Về bên Chàng Trương

Có lẽ khi tấu lên khúc nhạc tiêu sầu, tiêm thức chàng cũng thôi thúc nói lên cái nhu cầu tìm một ảnh hình trong mộng. Trong thực tế, chàng cũng đâu có đi tìm, mà có chăng là chỉ dùng tiếng sáo để gọi nàng mơ thôi. Nhờ tiếng sáo đưa duyên, may mắn mà chàng được gặp người đẹp quá sức tưởng tượng, thế mà chẳng có biết mình biết ta, liền bị sét ái tình đánh quy.

Cũng như My Nương, thay vì dựa trên thực tại của đôi bên để tìm cho ra chân tướng của người mình yêu, chưa chi đã đưa dâng trọn con tim mà phó thác, vừa được diện kiến là cú sét ái tình và niềm thất vọng cùng đánh quy chàng một trật.

Mối liên hệ giữa Mơ và Thực ( có Mơ mà thiếu Thực ), giữa Hữu và Vô mắt quân bình, dây oan nghiệt là ở đó. Mối tình Trương Chi, My Nương là mối tình ảo tưởng, mộng mơ.

Mỗi người đi theo một Hướng khác nhau, không có cơ sở cần thiết cho một Tình yêu xây dựng chân thật. Cái địa vị và cuộc sống giàu sang của gia đình Tể Tướng làm che lấp mắt con người thực của My Nương, và cái hình dáng bên ngoài xấu xí và cảnh nghèo nàn cũng che lấp mắt con người Nghệ sĩ tài hoa của Trương Chi.

Không ai trong Chàng và Nàng tìm ra được chân tướng của nhau, con người thực của nhau, thì chỉ là “ sông Trương nước chảy đôi dòng”: dòng đục dòng trong ! Chàng và Nàng đâu có nước tắm gội rửa như Tiên Dung để nhận diện ra được con người thực của nhau!

Trong hai câu chuyện Tiên Dung và My Nương, hai nàng đều đi bước đầu, Gái đi ve Trai trước, ngay cả việc ve Trai trong mộng như My Nương. Vì được phù yểu, nên các Cô phải đi tới chốn ba quân trước. Còn hai chàng Chử Đồng và Trương Chi đều bị động, nhờ có Tiên Dung xông xáo mà giải được cái vòng oan nghiệt mà xây được cuộc đời gia đình và xóm làng hạnh phúc. Đây là mối Tình lãng mạn, đã được đa số các thi sĩ lãng mạn trên chịu ảnh hưởng của Văn chương lãng mạn Pháp, có lẽ phần nào được gợi hứng từ câu chuyện Trương Chi, My Nương, mà đã sáng tác ra những vần điệu tuyệt vời, nghe cũng du dương như tiếng sáo của chàng Trương, nhưng khôn nổi lại đưa ta về nẻo xa rời cuộc sống .

Nhờ yêu thương nhau da diết, mà hai bên còn được gặp nhau trong chén Ngọc. Cái tình yêu trong trắng và tận hiến của Trương Chi đã tạo nên hạt Ngọc quý, hạt

*Ngọc này là kết tinh của tâm hồn nghệ sĩ, của tiếng trúc tuyệt vời, nên khi trông vào chén ngọc, hình ảnh Trương Chi mới hiện ra và tiếng sáo cũng văng vẳng lên, đánh động được con tim Mỹ Nương, dòng nước mắt chân tình của nàng đã hoà tan chén Ngọc, hai Tâm hồn được tan vào nhau, kết hợp thành một .*

***Đau đớn thay! Và cũng đẹp dễ thay !***

***Thật là: vui vẻ khó hay, đau buồn dễ đẹp!***

### **7.- Nhạc**

*Được gợi hứng bởi câu chuyện trên, Nhạc sĩ Văn Cao đã sáng tác bài Trương Chi và Nhạc sĩ Phạm Duy sáng tác bài Khôi tình Trương Chi.*

#### **Lời I của bài Trương Chi**

“ Một chiều xưa trăng nước chưa thành thơ. Trầm trầm không gian mới rung thành tơ . Vương vất heo may hoa yếm mong chờ. Ôi! Tiếng cầm ca thu tới bao giờ. Lòng chiều bơ vơ lúc thu vừa sang. Chập chùng đêm khuya thức ai phòng loan. Một cánh chim rơi trong khúc nhạc vàng. Đây đó từng song the hé đợi đàn. Tây hiện Mỹ Nương khi nghe tiếng ngân hò khoan, mơ bóng con đò trôi. Giai nhân cười nép trăng sáng lá loi, là loi bên trời. Anh Trương Chi! tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung. Anh thương nhớ, oán trách cuộc từ ly nào nùng.

Đò trắng cắm giữa sông vắng. Gió đưa câu ca về đâu? Nhìn xuống đáy nước sông sâu. Thuyền anh đã chìm đâu? Từng khúc nhạc xa vời. Trong đêm khuya diu dặt tiếng tơ rơi. Sương thu vừa buông xuống cây ven bờ xa mờ xoa dòng sông. Ai qua bến giang đầu tha thiết. Nghe sông than mối tình Trương Chi. Dâng úa trăng khi về khuya bao tiếng ca ru mùa thu. Ngoài song mưa rơi trên bao cung đàn. Còn nghe như ai nức nở và than. Trầm vút tiếng gió mưa cùng với tiếng nước róc rách ai có buồn chăng? Lòng băng khuâng theo mưa đưa canh tàn. Về phương xa ai nức nở và than, cùng với tiếng gió vương, nhìn thấy ngấn nước lấp lánh con đò xưa. Đò ơi! Đêm nay dòng sông Thương dâng cao mà ai hát dưới trăng ngà. Ngồi đây ta gõ ván thuyền ta ca, trái đất còn riêng ta. Đàn đêm thâu. Trách ai khinh nghèo quên nhau. Đôi lứa bên giang đầu. Người ra đi với cuộc phân ly. Đâu bóng thuyền Trương Chi!

## Lời II của Khôi tình Trương Chi

Đêm năm xưa ôm môi tình dở dang. Chôn đáy sông hôn cầm, ai chết đêm nguyệt rằm. Nợ tình còn đó chưa đền xong. Đêm năm xưa chưa nguôi lòng yêu ai, duyên kiếp trong cuộc đời, đem xuống nơi tuyền đài, để thành ngọc đá mong chờ ai. Êm êm dần trôi. Bao năm qua dần phai. Ai xui nên ngọc kia vẫn vương nơi lâu đài. Tay dâng lên một khay: Tim Trương Chi là đây! Trong đêm khuya tiệc trà vui bóng gia đình ai. Rót nước vào chọt thấy bóng Ngưu Lang. Quanh chén trà thuyền trôi theo tiếng đàn. Có tiếng người vọng câu hát u buồn. Ai oán câu hò khoan. Nâng niu một chén âm hồn. Mộng tình trăm năm nằm trong đáy ly gương. Khi xưa duyên chót phụ phàng. Thiếp phụ chàng nước mắt này dâng. Đêm năm xưa yêu dấu người xa xăm. Nâng chén trong lầu buồn. Thương nhớ nơi ngàn trùng lệ sầu rơi xuống câu hò khoan. Ôi ! Duyên Kia! Ai đã trả cho ai. Cho mắt rơi lệ rồi. Cho chén tan thành lời, để thành bài hát ru lòng tôi! “

## II.- TRUYỆN TRẦU CAU

“ Đồi thượng cổ có một chàng tên là Quang Lang ( 1 ) trạng mạo cao lớn, Quốc vương cho họ là Cao, nhân lấy chữ Cao làm họ, sinh được hai trai, người đầu tên là Tân, người thứ tên là Lang, học với thầy đạo sĩ họ Lưu. Nhà họ Lưu có một người con gái tuổi chừng 17 hay 18 muốn tìm đôi bạn, nhưng không biết người nào là anh em, bèn bưng một bát cháo và một đôi đũa mời hai người ăn để xem ai là anh, ai là em. Thấy người em nhường cho người anh ăn trước, nàng bèn ghi nhớ lấy, đem tình thực trình bày với cha mẹ. Cha mẹ gả cho người anh kết nghĩa làm vợ chồng, tình ái ngày càng thân mật. Sau đây **người em** thấy người anh đối xử với mình không bằng lúc xưa, đem lòng hờn giận mới bỏ anh mà đi. Đi đến một nơi thôn dã bỗng gặp một cái suối lớn, không có thuyền để sang ngang, người em ngồi một mình khóc ròng rồi chết **hoá thành một cái cây**. Đến khi **người anh** mất em mới bỏ vợ đi tìm thì thấy em đã chết bèn gieo mình bên gốc cây, mà tự tận hoá **thành một tảng đá quấn quanh gốc cây**. Sau đây **người vợ** lấy làm lạ sao chồng mình đi đã lâu mà không thấy về, liền bỏ đi tìm, thấy chồng đã chết, nàng cũng gieo mình ôm lấy tảng đá mà chết luôn, hoá ra **một sợi dây leo vắt trên đá**, ngọn lá mùi thơm và cay. Cha mẹ Lưu thị đi tìm con, đến đó cũng than khóc, rồi

lập đèn ở chỗ ấy mà thờ, người đương thời đi qua đây, ai cũng đốt nhang vái lạy, khen là anh em hoà thuận, vợ chồng tiết nghĩa. Trong khoảng tháng 7 tháng 8, khí nóng còn nồng, Hùng vương đi tuần hành thường nghỉ chân ở đây để tránh nắng. Trông thấy trước đèn im mát, dây lá phủ trùm. Vương lên tảng đá ngắm nghĩa, hỏi ra mới biết công việc như thế. Vương lập tức bảo cận thần hái một trái cây và hái một lá dây leo, Vương thân nhai đi rồi nhổ trên đá, thấy có sắc đỏ tươi biết là vôi ngon mới lấy đem về, bảo lấy lửa nung đá làm vôi, cùng với trái cây, và dây hợp làm một mà ăn, thấy vị thơm béo ngon cay, môi mép sinh đỏ, mới truyền ban ra thiên hạ, phàm những lễ Giá thú, Hội đồng lớn nhỏ, đều phải lấy vật này làm trước. Từ bây giờ, nước Nam có tục ăn Trầu Cau là bắt đầu từ đây vậy .”

( 1 ) : Xem nguyên văn ( *Lĩnh Nam chích quái: Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 50* )

### **Kinh Trầu cau**

“ Thời Hùng Vương, có hai anh em sinh đôi, giống nhau như đúc, thương nhau rất mực, và không bao giờ lìa nhau. Khi khôn lớn, họ gặp một cô gái, và người anh cưới cô gái đó làm vợ. Nhưng vì hai anh em giống nhau như đúc, nên một hôm người chị dâu lầm tưởng người em là chồng và tỏ ý săn sóc. Sợ gây hiểu lầm làm hại gia đình anh, **người em bỏ nhà ra đi, khi chết biến thành tảng đá vôi.** Không thấy em về, người anh đi tìm đến kiệt sức mà chết, và **hoá thành cây cau.** Người vợ chờ chồng không thấy về, cũng đi tìm. Cuối cùng nàng ngồi dựa gốc cau mà chết, và **hoá thành dây trầu.** Vua Hùng Vương truyền dân ta ăn trầu cau là để luôn ghi nhớ sự tích này.”

( *Kinh Việt: Nam Thiên* )

### **Khai triển**

*Theo Kinh Việt của Nam Thiên, việc xác người Em biến thành tảng đá là không hợp lý, mà người Anh biến thành tảng đá vôi thì thuận lý hơn, vì trước khi thành lập gia đình, hai anh em đã sống với nhau theo tình huyết thống, sau đó mới lập gia đình. Theo chế độ phụ hệ khi cha mẹ mất thì “ quyền huynh thế phụ “ nghĩa là người Anh thay mặt cho cha mẹ lo chung cho mọi người trong đại gia đình, đó là cái trụ của đại gia đình được xem như tảng đá. Lại nữa, ngày nay dân chúng cũng*

trồng dây trầu cho leo lên thân cau. Lại thêm, khi đem Trầu Cau dâng lên bàn thờ cúng để nêu cao tình nghĩa Vợ Chồng là đầu mối của Đại Đạo làm Người, mà theo Lĩnh Nam chích quái, thì Trầu là người vợ, không quấn quanh cây cau mà lại mọc lan trên tảng đá là hậu thân của người Anh, thì hình ảnh này không được ổn. Hơn nữa, những Huyền thoại cũng đều được xây dựng trong dân gian qua nhiều thế hệ, nên có thêm bớt các tình tiết để cho được thêm ý nghĩa hơn thiết tưởng là có thể chấp nhận được, miễn là những tình tiết đó đừng làm sai lạc cái ý nghĩa chính của câu chuyện.

### **1.- Mối liên hệ anh em**

Hai anh em này giống nhau như đúc, thương nhau đến tột cùng, đó là anh em cùng một bọc, thuộc nòi giống Tiên Rồng.

### **2.- Mối liên hệ Vợ Chồng**

Khi kết hôn với người con gái, trong gia đình có ba người sống chung với nhau: Anh cùng Vợ Chồng người Em. Trong gia đình này có ba mối liên hệ: Liên hệ giữa người Anh và hai Vợ Chồng người Em là **mối liên hệ đại gia đình**. Liên hệ giữa người Em và Vợ là **mối liên hệ Vợ chồng là mối liên hệ Đại Đạo** trong nền văn hoá Việt tộc, đây là mối liên hệ quan trọng bậc nhất trong xã hội ta: “ **Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ** ” ( Vợ chồng là giếng mối đầu tiên của con người quân tử, hay là nền tảng của xã hội ). Mối liên hệ giữa người Anh và Vợ của người Em là **mối liên hệ xã hội**.

### **3.- Hai mối liên hệ xung khắc**

Sự hiện diện của người Vợ làm cho mối liên hệ của người Em với người Anh bị phai nhạt, hoặc theo một bản khác thì sự Chì dàu làm tưởng người em là Chồng mình, tỏ dấu yêu thương làm đều là cái cơ làm cho hai mối liên hệ xung khắc. Sự kiện này làm cho mối liên hệ Vợ Chồng cũng như liên hệ anh em rạn nứt.

### **4.- Giải quyết xung đột**

Là người có học, biết mối liên hệ Vợ Chồng là quan trọng bậc nhất của Văn hóa cha ông, và vì thương anh, để bảo toàn hạnh phúc của người anh, tất nhiên người em phải ra đi, ra đi về phương vô định, để cho cho đến nỗi phải chết, cha ông chúng ta muốn dùng đến cái cơ mạnh để cảnh tỉnh cháu con. Anh em là cốt nhục, khi vắng em, người anh tất phải tìm cho ra, Anh Em như thế tay chân, mà thiếu Tay hay mất Chân, thì hóa ra người tàn tật. Vì nóng lòng tìm em mà người anh đã



quên từ giả người Vợ, vội vã lẳng lặng ra đi tìm Em, phải tìm cho ra, dầu phải đương đầu với nhiều hiểm nguy, với cái chết, và kết cuộc người Anh đã đi tới cõi chết cùng em . Vợ chồng là kẻ đầu gối tay ấp, trao xương gỏi thịt cho nhau, cho đến khi cốt rũ xương mòn. Không biết Chồng đi đâu, nóng gan nóng ruột, nhất quyết cất bước đi tìm. May mà tìm đúng hướng, nên đã tìm được chỗ chết chung cả nhà .

## 5 .- Giải pháp tốt đẹp

### a.- Khi sống

Trong cuộc sống, khi mối liên hệ gặp bế tắc, các người liên hệ phải hết sức tìm cách giải quyết, nhưng phải tìm về một hướng may ra mới khai thông được. Hướng đây là Hướng thương yêu nhau tận tình, yêu nhau cho đến chết, chỉ có sự hy sinh mới chứng tỏ được tình yêu chân thật. Vậy khi sống nhờ lòng yêu thương nhau, mà họ cùng đi tìm nhau được về cùng một hướng. ( hướng của nền Văn hoá Việt ).

### b.- Lúc chết

Họ tìm nhau không phải cho có lệ, mà phải tìm cho ra. Tuy đều tìm gặp được nhau, nhưng họ chỉ nhận ra nhau khi được **Chết cùng chung một Mộ**, và điều may mắn là họ vẫn còn được quán quýt bên nhau, che chở cho nhau đến ngàn đời. Từ đây, hồn xác họ không bao giờ xa rời nhau. Mối tình keo sơn thắm thiết nhau biết dường nào! Đẹp thay Tình Nghĩa Vợ Chồng và Tình Nghĩa Anh Em. Sở dĩ họ giữ được mối liên hệ bền chặt như vậy là nhờ mối giây nối kết của họ gồm đủ hai yếu tố Vật chất và Tinh thần. Họ trao phó cho nhau toàn vẹn, họ dám hy sinh cho nhau trong lúc nguy khốn, nhờ thế mà mối Tình của họ mới được thăng hoa, mối Tình được hàn gắn bằng “ **Tình thương yêu** ” và Lý “ **tận hiến** ” . Đây là lối sống  **vẹn Tình trọn nghĩa, không theo lối “ chọn một bỏ một “** như những người sống theo lối cá nhân chủ nghĩa, coi nhu cầu vật chất là quan trọng bậc nhất, cho đây là những hành động điên rồ, vì có mất người em tuy có buồn nhưng đã chẳng sao, mất Chồng này Vợ này thì sẽ có Vợ khác Chồng khác, có sao đâu! Mối liên hệ “ *easy come, easy go* ” này là mối liên hệ của nhu cầu giai đoạn, nên khi gặp khó khăn là tan rã ngay. Khổ thay, nếu mối liên hệ Vợ Chồng ( quân tử chi đạo, tạo đoạn hồ phu phụ ) là mối liên hệ căn bản nhất của xã hội, là nền tảng của xã hội,

mà được xây dựng trên nhu cầu vật chất tạm thời thì ta biết Xã hội đó sẽ như thế nào rồi !

## **6.- Những bài học để đời**

Tục truyền rằng, khi tuần du qua đó, ngồi nghỉ trên tảng đá dưới gốc hai cây, Khi hỏi chuyện, vua Hùng mới biết câu chuyện thương tâm và cảm động trên, Vua đặt cho tảng đá là Vôi, cây cao là Cau, dây leo là Trầu. Vua Hùng bảo hái một lá Trầu, lấy một trái Cau, rồi nhai thì thấy có mùi thơm thơm, vị cay nồng làm cho ấm người. Khi nhai nhuyễn, nhổ nước nhai lên tảng đá thì đá sủi bọt và có màu đỏ tươi . Đây là sự hoà hợp thật tốt đẹp, vôi (đá vôi ) thuộc Kim, cây ( cây cau, dây trầu ) thuộc Mộc, Kim khắc Mộc, đây là cặp đối cực đối kháng nhau, thế mà nhờ Tình yêu vô điều kiện ( lòng Nhân nơi trung cung hành Thổ ) , sự hy sinh cho nhau, mà lại hoà với nhau thành màu đỏ thắm thiết.

**Cau Trầu Xanh vôi Trắng khi hoà quện được vào nhau thì thành mối Tình màu Đỏ thắm thiết, tạo nên mối tình Nồng ấm muôn thuở cho gia đình.**

Để ghi nhớ những mối tình ấm nồng tốt đẹp đó, Vua truyền cho dân gian dùng Trầu Cau và Vôi ăn trầu, và từ đó dân ta có tục lệ ăn trầu. Trầu Cau được dùng rộng rãi khắp nước: Nhất là các bà ăn trầu hàng ngày. Những người nông dân, trong khi cày cấy vào ngày Đông tháng giá ngoài đồng ruộng đều ăn trầu và hát luôn miệng luôn miệng để sưởi ấm tâm thân.

Trầu Cau được dùng làm Lễ vật trong các dịp cúng tế và Giỗ chạp, các lễ Tết. . . , nhất là Trầu Cau được dùng làm lễ vật trong các dịp hỏi cưới, cũng là lễ vật dùng để mời trầu khi trai gái muốn được làm quen. Hàng ngày, nếu có khách tới thăm, người chủ nhà đều cung kính bưng đĩa Trầu Cau có tèm vôi sẵn, cũng như nước trà, thuốc lào để thù tiếp.

Trầu Cau được dân gian dùng hàng ngày, dùng làm lễ vật để cúng tế, dùng để tiếp khách, và trai gái dùng để đưa duyên, vì “ **miếng trầu là đầu câu chuyện** “. Ngày nay, khi tiếp xúc với văn hoá Tây phương, số người ăn trầu càng ngày càng ít, vì cho là kém thẩm mỹ, và cho là thiếu vệ sinh. Ngày xưa cho “ **má hồng răng đen** ” là đẹp, thì ngày nay lại cho “ **má hồng răng trắng** ” mới xinh tươi. Tuy vậy, nhiều gia đình vẫn dùng trầu cau trong các nghi lễ: quan, hôn, tang, tế để ghi

*nhớ phần nào di huấn của Tổ Tiên. Từ phong tục tập quán, Trầu còn được nâng lên lãnh vực Triết học, Trầu còn được gắn thêm chữ Không , gọi là Trầu Không. Không đây là Trống Không ( trống rỗng Tâm hồn ), như đạo Trống ( Trống Đờng ), cũng giống như Lân Hư của đạo Phật , như Thái Hư của đạo Lão, nghĩa là dọn cái Tâm cho trống rỗng để vén cái cái vô minh lên, hầu gặp được đạo sống của Tổ tiên Việt. ( Vi Đạo nhật tôn – Lão -, je me réduit à Zéro – Gandhi .) Ngoài ra không biết bao nhiêu là ca dao tục ngữ trữ tình được khởi hứng từ câu chuyện Trầu Cau :*

### **7.- Ca dao, tục ngữ**

Miếng trầu là đầu câu chuyện

Có trầu mà chẳng có cau

Làm sao cho đỏ môi nhau bây giờ?

Vào vườn hái quả cau xanh,

Bỏ ra làm tám mời anh xơi trầu

Trầu này tằm những vôi Tàu

Giữa đệm cát cánh ( vị dục thảo ), đôi đầu quế cay

Trầu này ăn thật là say

Dù mặn dù nhạt dù cay dù nồng

Dù chẳng nên đạo vợ chôn-

Ăn dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương.

Gặp nhau ăn một miếng trầu,

Gọi là nghĩa cũ, ngày sau mà nhìn

Ba đồng một mớ trà cay  
Sao anh không hỏi những ngày còn không?

Ai bung cau trà tới đó, chịu khó đem về  
Em đang theo chân thầy, gót mẹ, cho trọn bề hiếu trung.

Ba phen trà hỏi ca ba  
Phen này hỏi nữa, thiệt là duyên em!

Tiền đây ăn một miếng trà  
Hỏi thăm quê quán ở đâu chẳng là?  
Xin chàng quá bước về nhà  
Trước là trò chuyện, sau là nghỉ chân.

Miếng trà ăn nặng bằng chì  
Ăn rồi em biết lấy gì đền ơn?

Trà này trà quê trà hỏi  
Trà Loan, trà Phượng, trà Tôi lấy Minh  
Trà này trà Tính trà Tình  
Trà Nhân, trà Nghĩa, trà Minh lấy Ta.  
Trà này tên tôi hôm qua

Giấu cha, giấu mẹ đem ra cho chàng  
Trầu này không phải trầu hàng  
Không bùa, không thuốc, sao chàng không ăn?  
Hay là chê khó chê khấn  
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.  
Miếng trầu ăn chẳng là bao  
Muốn cho Đông liễu, Tây đào là hơn.

Sáng nay, tôi đi hái dâu  
Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch bàn  
Hai anh đứng dậy hỏi han  
Hỏi rằng cô ấy vội vàng đi đâu?  
Thưa rằng tôi đi hái dâu  
Hai anh mở túi đưa trầu cho ăn  
Thưa rằng bác mẹ tôi răn  
Làm thân con gái chớ ăn trầu người .

Giàu ( trầu ) bọc khăn trắng cau tươi  
Giàu bọc khăn trắng đãi người xinh xinh  
Ăn cho nó thoả tấm tình  
Ăn cho nó thoả sự Minh sự Ta.

Từ ngày ăn phải miếng trầu

Miệng ăn môi đỏ, dạ sâu đăm chiêu  
Biết rằng thuốc dẫu, hay là bùa yêu  
Làm cho ăn phải nhiều điều xót xa  
Làm cho quên mẹ quên cha  
Làm cho quên cửa quên nhà  
Làm cho quên cả đường ra lối vào  
Làm cho quên cá dưới ao  
Quên sông tắm mát, quên sao trên trời  
Đất Bụt mà ném chim giò  
Ông Tơ bà Nguyệt xe dây xe dợ nửa vò ra đâu !  
Cho nên cá chẳng bén câu  
Lược chẳng bén đầu, chỉ chẳng bén Kim  
Thương nhau nên phải đi tìm  
Nhớ nhau có lúc như chim lạc đàn  
Ước gì sông hẹp một gang  
Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi  
Đêm khuya Thiếp mới hỏi Chàng  
Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?  
Trầu vàng nhá với cau xanh  
Tình em sánh với Tình anh tuyệt vời.

**8 .- Tiểu Nhạc Kịch Trầu Cau**  
Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu

“ **Tiếng vang** ”

Ngày xưa có hai anh em nhà kia.  
Cùng yêu thương, ở cùng nhau, bỗng đâu chia lìa.  
Vì hai người cùng yêu mến một cô gái làng bên.  
Nhưng người anh được kết duyên cùng nàng .  
Vì như thế nên người em lòng buồn rầu bỏ đi khỏi làng.

### **Lang Sinh**

Ôi ! ta buồn ta đi lang thang, bởi vì đâu ?  
Kìa sông sâu dòng êm reo như gọi mỗi sầu.  
Nhìn nước cuốn, lệ rơi tuôn, biết sao vui niềm thương!  
Kìa mây sầu giăng chơi vui . Làm sao dưng cho nhẩn đôi lời.  
Dòng nước lơ trôi, mây trắng cùng trôi qua chôn nào ?  
Nơi xa xoi, anh say sưa cùng ai đang xe mối tình duyên.  
Thôi hết rồi giấc mơ huyền.

Qua bao nhiêu ngày ta đi lang thang bởi vì đâu!

Ôi ta buồn ta đi quyên sinh bởi vì ai !

### **Tiếng vang**

Tang tính tình, táng tình táng tình tang tình tang tình.  
Bên sông sâu. Tình Lang – Sinh thành phiên đá sầu thương theo ngày qua.

Trông ngóng chờ tin không biết vì sao?

Nên Tân sinh ra đi mong tìm em thương yêu nôi niềm thương nhớ. . .

### **Tân Sinh**

Qua bao ngày ta đi lang thang cố tìm em,  
Dòng sông sâu êm đềm trôi cuốn như vương tiếng buồn,

Nhìn nước cuốn, lệ rơi tuôn,  
Biết sao ngăn niềm thương!  
Trời xanh cùng mây bay cao,  
Rừng sâu biết tìm em phương nào!  
Nhìn chốn rừng hoang , nghe tiếng rừng vang trong gió ngàn.

Như than van!

Bao nhiêu đau lòng đâu ta thấy hình em,  
Thôi hết rồi phút êm đềm!  
Qua bao nhiêu ngày ta đi lang thang cố tìm em.  
Ôi ! Ta buồn ta đi quyên sinh cũng vì em!

### **Tiếng vang**

Tang tính tình, táng tình táng, tình tang tính tang tình,  
Bên sông sâu, người Tân Sinh gàn phiến đá, thành cây cau trôi lên.  
Trông ngóng chờ tin, không biết chồng sao, nên băng khuâng.  
Trong yêu đương, nàng ra đi mong kiếm chồng yêu mến .

### **Vợ Tân Sinh**

Đây cây rừng, thông reo vi vu, bóng chồng đâu?  
Dòng sông ơi! Nào ai sót cho voi môi sầu!  
Nhìn nước cuốn, lệ rơi tuôn,  
Biết sao voi niềm thương!  
Làn mây chiều đang giăng tơ,  
Nhìn mây lòng man mác trông chờ,  
Kìa gió rừng lên xao xuyến lòng em thương nhớ chàng.



Ôi ! Sao quên!

Mây ơi! xin đừng bay cho ta nhắn vài câu :

Cho thấy chồng bớt nguôi sầu!

Ôi ! Đây cây rùng thông reo vi vu , biết làm sao?

Đây, hương hồn em xin theo anh đến trời cao!

### **Tiếng vang:**

Tang tính tình, táng tình táng, tình tang tính tang tình,

Bên sông sâu, niềm tương tư nàng chốc biến thành dây trầu xanh

Lưu luyến tình xưa, âu yếm trầu leo quanh thân cau.

Qua bao năm tình thiêng liêng kia thắm cùng mưa nắng.

### **10.- Tóm tắt**

*Chủ đề của câu chuyện: Tình/ Nghĩa : Anh / Em, Vợ / Chồng.*

*a.- Là Con Rồng cháu Tiên, được sinh ra cùng chung một Bọc, nên anh em yêu thương nhau chí Tình, sống với nhau, giúp đỡ nhau trong mọi hoàn cảnh .*

*b.- Là con Rồng cháu Tiên, khi đã trao thân gởi phận cho nhau, thì trong hoàn cảnh nào Vợ Chồng cũng sống khăng khít với nhau, trao xương gỏi thịt cho nhau đến ngày đầu bạc răng long . Để có mối liên hệ keo sơn ấy, thì phải ăn ở với nhau chí Tình, đối xử với nhau cho trọn Nghĩa ( Lý : lẽ công bằng ). Tình và Nghĩa giúp Vợ Chồng, Anh Em, khi sống và trong mọi hoạt động đều quy về một Hướng, khi chết cũng tìm chung về một Mộ, để cuộc Sống cũng như sự Chết được thăng hoa, siêu việt.*

### **III.-TRUYỆN HÒN VỌNG PHU**

“ Ngày xưa, có hai Vợ Chồng trẻ, vừa sinh một đứa con thì người Chồng phải ra đi đánh giặc cứu nước. Người Vợ ở lại nuôi con và đảm đang việc nhà, nuôi nấng Cha Mẹ già và đứa Con thơ. Chiều chiều, Nàng bồng Con ra đứng ngóng trông

Chồng, rồi hoá thành núi Đá, sừng sững ngàn năm. Ngày nay nhiều núi đá được gọi Là Hòn Vọng phu ”.

( Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng , trang 167 )



Núi Tô Thị ( Hòn Vọng Phu ) ở Động Tam Thanh- Tỉnh Lạng Sơn

### ***Khai triển***

#### **1.-Đời sống Gia đình**

*Câu truyện giới thiệu hai Vợ Chồng trẻ, vừa có một đứa Con thơ. Đây là một gia đình hạt nhân, nhỏ gọn ( nuclear family ). Theo Văn hoá Việt, thì gia đình là đơn vị căn bản của xã hội. Một gia đình tốt là một viên gạch vững chắc để xây nên làng xóm, lâu đài quốc gia, chứ không phải là nơi từng cá nhân sống đồng sàng mà dị mộng: chồng một đàn ông, vợ một nẻo, con nơi khác, hợp đó rồi tản đó, không biết đâu mà lường!*

*Tổ tiên chúng ta quan niệm : “ **Nhất Âm nhất Dương vị chi Đạo. Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ** ”: Một Âm một Dương gọi là Đạo. Vợ chồng là giếng mối của đạo làm Người.*

*Vì thế khi hai người yêu thương nhau, lấy nhau, sinh được người con, thì người con đó chính là nguồn vui, là nguồn hy vọng và tương lai của hai vợ chồng. Khi có thêm người con, tuy phải nuôi nấng và dạy dỗ con, là công việc khó khăn nặng nhọc hơn, nhưng đứa con làm cho mối liên hệ Vợ Chồng càng khăng khít, Tình Nghĩa Vợ Chồng càng sung mãn nồng hơn. Người Con là động lực giúp hai vợ chồng hăng hái hơn trong các phận vụ của mình. Nơi đơn vị căn bản này, tùy theo khả năng và hoàn cảnh khác nhau, mà mỗi Người được uỷ nhiệm những việc*

hợp với chức năng của mình, hầu hoàn thành mọi trách vụ trong gia đình, có thể nền tảng của xã hội mới luôn được vững chắc.

## 2.-Thời bình

Người Chồng lý tưởng đương nhiên phải là Trai hùng: khi bình, thì người chồng là cột trụ gương mẫu của gia đình, của làng xã. Là chủ của gia đình, nên phải quán xuyến hết mọi công việc của gia đình: “ **Đàn ông là nhà, đàn bà là cửa** ”, và “ **Có cứng mới đứng đầu gió** ”, nên bao nhiêu công việc nặng nhọc và khó khăn, cũng như việc làng việc xã, việc nước đều do người đàn ông lãnh nhận hết. Công việc quan trọng nhất của cha mẹ là nuôi dạy con cái. Vậy người Chồng, người Cha phải có một Tình yêu sâu đậm, một Lý trí sáng suốt, một Ý chí sắt đá, mới hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ của mình.

Người ta ví **Tình yêu người Cha như ánh sáng mặt Trời**: lúc thì rực rỡ như ánh ban mai, làm nức lòng và đem lại hy vọng cho con cái, lúc thì gầy gắt như nắng chiều mùa Hạ, thiêu đốt và cháy bỏng có thể làm thương tổn lòng con. **Đó là lò luyện thép**. Sức chịu đựng, sự hùng dũng của người con nảy mầm từ đó.

Còn **Tình yêu người Mẹ thì mơ màng, mơ trốn và thơ mộng như ánh trăng**: lúc thì mơ màng mơ trốn vờn trên cánh đồng lúa non, lúc thì trong sáng, khiết trinh như thủy tinh trên trời cao, khi thì vàng vạc như ánh trăng rằm mùa Thu. **Tình yêu đó mới làm nhũn lòng con cái, cảm hoá được và buộc chặt con cái vào gia đình**. Cái Lý khó mà quyến rũ người con, còn cái Tình thì lại buộc chặt, nên người con không nỡ làm điều gì phiến lòng Cha Mẹ, và bỏ gia đình mà đi.

Trong công việc dạy dỗ con cái, **người cha phải sống như một Trai hùng gương mẫu**, để cho phẩm chất Rõng thấm nhập vào Tâm can của người Con hàng ngày. Cái **hùng tâm dũng chí** sẽ trở thành của ăn hàng ngày để người con đi xa và tiến lên.

Còn đời sống người Mẹ phải phản ảnh được cái dịu hiền, cái cao cả, cái duyên dáng, lòng yêu thương vô bờ của mẹ Tiên, cùng với Lý của người Cha giúp các con có đời sống Lý Tình sung mãn. Tuy mọi việc trong gia đình đều dựa trên tiêu chuẩn thuận Vợ thuận Chồng, nhưng người Chồng phải có viễn kiến để lúc nào gia đình cũng không lâm vào tình trạng khó khăn, và thoát khỏi ngõ bí.

*Dẫu vậy, trách nhiệm của người Vợ, người Mẹ không vì thế mà ít đi, kém khó khăn và nặng nhọc hơn. Công việc tề gia nội trợ là công việc tỉ mỉ, phức tạp, và tế nhị, những công việc nhỏ nhặt làm hoài mà chẳng xong, đòi hỏi một tấm Lòng kiên nhẫn vô bờ, một Tình yêu bền bỉ, một Tâm hồn tinh tế và nhạy cảm, mới hoàn thành một cách tốt đẹp được.*

*Như những Chiến sĩ vô danh, người Vợ, người Mẹ âm thầm làm việc suốt đời không ngừng nghỉ cho Chồng cho đàn Con, mà chẳng bao giờ nghĩ tới mình. Thiếu bàn tay người Mẹ, chẳng những mất đi bữa cơm lành canh ngọt, nhà cửa thiếu tiêm tăt, mà quan trọng hơn là mất đi lời ăn tiếng nói dịu êm, cử chỉ hiền hoà, cái không khí ấm cúng của gia đình, không có thứ gì có thể thay thế được. Công việc của người Vợ không chỉ ở trong nhà mà thôi, mà còn là : “ **Chồng cày, Vợ cấy, con Trâu đi bừa** ” nữa. Công việc đồng áng này cũng chẳng kém nặng nhọc hơn đàn ông. Nói tóm lại người Vợ người Mẹ là quản trị viên của gia đình, người quản trị viên nào biết “ **khéo ăn thì no, khéo co thì ấm** ” là người kiến trúc sư tài giỏi của hạnh phúc gia đình. Gia đình nào cũng có người Cha hùng, người Mẹ đảm như thế, thì xã hội làm sao mà không hưng thịnh được.*

### **3.- Khi biến**

*Lúc thường thì người chồng là trụ cột gia đình, là người gương mẫu trong việc sản xuất, trong việc làng, việc xã. Khi biến lại là những Chiến binh dũng cảm, lúc thì trấn thủ lưu đồn, nơi đèo heo hút gió, lúc thì xông pha ngoài trận mạc, đầu tên mũi giáo. Thời xưa chưa có phương tiện thông tin mau chóng, nên khó mà có tin tức của nhau, Chồng cũng như Vợ Con đều bật tin tức, chẳng bao giờ biết tới ngày về của Chồng.*

*Tuy chẳng xông pha trận mạc như chồng, nhưng làm nhiệm vụ Gái đảm cũng không kém nặng nề khó khăn lúc thường thì còn Chồng cày Vợ cấy, chứ lúc này, một mình gánh vác hết giang sơn nhà chồng, nào là nuôi nấng Cha Mẹ già, Con thơ, nào phải làm công việc đồng áng để nuôi sống gia đình, cùng với bao nhớ nhung xa cách. Nhưng cả hai đều hiểu rõ cảnh “ **nước mất nhà tan** ”, chấp nhận sự chia ly, niềm thương nhớ, cùng mọi gánh nặng đang ập tới, hai Vợ Chồng đều hăng hái chia nhau gánh vác việc Nhà việc Nước: Tuy phải chịu trăm cay ngàn đắng, nhưng người Vợ chẳng những không bịn rịn, mà còn khích lệ để chồng an lòng cất bước ra đi:*

“Anh ơi ! phải lính thì đi  
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi  
Tháng chạp là tiết giồng khoai  
Tháng giêng giồng đậu, tháng hai trồng cà  
Tháng ba, cày vỡ ruộng ra  
Tháng tư gieo mạ thuận hòa mọi nơi  
Tháng năm gặt hái vừa rồi  
Giời đổ mưa xuống, nước trôi đầy đồng  
Anh ơi ! giữ lấy việc công  
Để em cày cấy, mặc lòng em đây.

Anh đi, em ở lại nhà  
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ  
Lâm than bao quản nắng mưa  
Anh đi lo liệu chen đua với đời.”

*Đây là những lời cam đoan của người Vợ rằng: Anh cứ đi đi, làm tròn nhiệm vụ cứu Nước, còn mọi việc ở nhà Em đều có khả năng gánh đáng hết. Đây là một lời khích lệ người Chồng thiết thực và hữu hiệu nhất . Có thể, người Chồng mới an tâm và hăng hái trong công việc đồn trú ải xa, cũng như xông pha trước rừng tên lửa đạn:*

“ Ba năm trần thủ lưu đồn  
Ngày thì canh đêm, tối dôn việc quan

Chém tre đẵn gỗ trên ngàn  
Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai ?  
Miệng ăn măng trúc măng mai  
Những giang cùng nửa , lấy ai bạn cùng  
Nước giếng trong con cá nó vẫy vùng .”

*Phương tiện giao thông ngày xưa mới chỉ có đi bộ hay chạy ngựa, đường sá rất khó đi, chỉ có việc quan khẩn cấp mới chạy Hỏa tốc, còn tin tức gia đình lại rất hạn chế, có khi người Chồng đâu có biết chữ, vả lại ở trong rừng xanh hay nơi biên ải hoặc chốn trận tiền đâu có bút giấy mà viết, nên cứ năm này qua năm khác, Cha Con Chồng Vợ đều biệt tăm nhau, nên hàng ngày Mẹ Con chỉ còn cách duy nhất là ra đầu làng mà ngóng trông !*

#### **4.- Bé Con trông Chồng**

*Ngày nối ngày, từ lúc tờ mờ sáng, người Vợ quyết tâm làm trọn những công việc được chồng ủy thác cũng như công việc của riêng phần mình, tới lúc chiều tà mọi công việc vừa xong, người Vợ lại ôm con ra đứng trông Chồng, biết bao nỗi nhớ nhung thương mến, cùng biết bao lời cầu khẩn cho Chồng luôn được bình an khỏe mạnh, lập được nhiều chiến công, để ngày về với gia đình được sớm sửa. Đây là những giây phút thiêng liêng, Mẹ Con dành trọn cho Chồng cho Cha. Bao nhiêu nỗi đắng cay, cũng như những nhớ thương da diết cứ nung nấu trong lòng. Ngày lại ngày, Mẹ cứ bé Con trông ngóng, nhưng hết ngày đến tháng, hết tháng đến năm, nhưng tấm hơi chồng cứ bần bật :*

“ Bao nhiêu năm bồng con đứng đợi chồng về !

Bao nhiêu phen thời gian ước phai nguyện thề !

Người không rời khỏi kiếp gian nan !

Người biến thành tượng đá ôm con!”

( Nhạc sĩ Lê Thương: Hòn Vợ phu I )

*Mòn mỏi chờ trông, đợi và đợi mãi, đến nỗi cùng con hoá đá, đứng sừng sững những mãi ngàn năm! Tình yêu Vợ Chồng, Mẹ Cha, Con cái lâu ngày đã kết tinh thành núi Đá, được gọi là Hòn: Hòn vọng phu, Hòn thành Núi thành Đèo: Đèo Mẹ bồng Con. Điều này làm ta liên tưởng đến Mẹ Tiên đem 50 con lên Núi, mẹ con biến thành Non cao đèo rộng để đóng góp phần giữ nước của Non quê hương của Mẹ. Nhờ có những Trai hùng Gái đảm là con người biết sống tự lực, tự cường, biết cách sống trọn vẹn Tình nhà ( Tình ), Nợ nước ( lý ) như vậy, mà dân tộc Việt đã dành lại được nền tự Chủ và tránh được nạn đồng hoá của Bắc phương . Hòn Vọng Phu có thể coi như là một “ cảnh Tình Dân tộc Việt Nam “ về mối nguy hại của kẻ thù truyền kiếp Bắc Phương!*

***Trên quê hương ta, có nhiều núi đã được gọi là Hòn vọng phu. Từ Đồng Đăng ở Lạng Sơn, xuống tới Thanh Hoá, vào Bình Định, Khánh Hoà, vào mãi tới Hà Tiên, và ra tận ngoài đảo Côn Sơn, nơi nào cũng có Hòn Vọng phu:***

“ Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,

Có nàng Tô Thị ( trông chồng ) đứng chờ đợi ai?

Bình Định có núi vọng phu,

Có đầm Thị nại, có Cù lao xanh.”

Núi Tô Thị ( hòn Vọng Phu ) ở Động Tam Thanh- Tỉnh Lạng Sơn.

*Trên đường Sài gòn đi Long Khánh, cũng có đèo Mẹ bồng Con. Chắc ở Hòn nào, Đèo nào, Mẹ bồng Con trông chồng, cũng ngóng về phương Bắc, quê hương của kẻ Thù truyền kiếp!*

*Trên khắp đất nước ta, suốt trong dòng lịch sử, không có một sự tích nào lại được đặt tên vào nhiều địa danh như thế! Đau đớn thay! nhưng cũng đẹp đẽ thay, và tuyệt diệu thay!*

***Lời dạy Tổ tiên về Tình Nhà Nợ Nước đã được khắc ghi vào Núi, được kết tinh thành Đá.***

*Những Hòn Vọng phu cùng Đèo Mẹ bồng còn tro gan cùng tuế nguyệt với Dân tộc, với Non Nước suốt mãi mãi ngàn năm!*

#### IV.- TRUYỆN DƯA HẦU

“ Ngày xưa, đời Hùng Vương có một người tên là Mai An Tiêm, người ngoại quốc, mới được bảy tuổi, do thuyền buôn chở đến. Vương mua về làm đầy tớ, kịp lúc lớn lên thì diện mạo đoan chính, nhớ biết nhiều việc. Vương đặt tên là Yên, tên chữ là An Tiêm, và cho một người thiếp, sinh được một trai, Vương yêu dùng để sai bảo, dần dần Yên thành phú quý, ai cũng úy phục, và chen nhau đến dâng lễ vật không thức gì là không có. Yên sinh ra kiêu mạn thường tự bảo rằng : Cửa cải này là vật tiền thân của ta, ta không từng trông nhờ vào ơn chúa.

Hùng Vương nghe được, cả giận nói rằng : “ Làm thần tử mà nó không biết ơn chúa, sinh ra kiêu mạn, nói rằng của cải là vật tiền thân của nó. Bây giờ ta đem bỏ nó ra ngoài biển, ra cái chỗ không người ấy coi thử nó còn có cái vật tiền thân của nó nữa hay không? ”

Bèn đầy Mai Yên ra ngoài bãi cát của biển Nga Sơn, tứ phía không có dấu chân người đi đến, chỉ để cho lương thực đủ dùng trong bốn năm tháng mà thôi, ăn hết là chết đói . Chị vợ khóc âm lên, bảo rằng ta chắc chết ở đây không lý gì sống được, Tiêm nói : Trời đã sinh ra thì Trời phải dưỡng, có lo gì

Ở chưa bao lâu, đương lúc tháng tư, bỗng thấy một con Bạch Hạc từ phương Tây bay lại, đậu trên một mỏm núi cao, kêu lên ba bốn tiếng, thì sáu bảy hạt dưa rơi trên mặt cát, đâm chồi nảy lộc. lan trên cát, xanh tốt rườm rà, rồi kết thành trái dưa, nhiều không kể xiết. An Tiêm mừng rỡ nói : Đây đâu phải là quái vật, Trời cho để nuôi ta đó. Bỏ dưa ra ăn thì mùi vị thơm tho ngọt ngào, ăn vào thì tinh thần khỏe khoắn , rồi cứ mỗi năm tria thêm, ăn không hết thì đem đổi lấy lúa gạo nuôi vợ con. Nhưng không biết dưa ấy tên là gì, mới nhân chim tha từ phương Tây đưa đến, nên đặt là Tây qua.

Những khách chài lưới, buôn bán ưa mùi vị của nó đều đem phẩm vật của mình để đổi lấy dưa. Nhân dân xa gần, trên rừng dưới bển tranh nhau mua hạt, bắt chước trồng tía khắp bốn phương , dân gian suy tôn An Tiêm là “ Tây qua phụ mẫu ”. Lâu ngày, Vương nhớ đến An Tiêm, sai người đến chỗ An Tiêm ở, hỏi thăm coi



còn sống hay không? Người ấy về tâu lại với vương, than thở hồi lâu mới nói lại rằng : Nó bảo là vật tiền thân của nó, thực là không nói dối vậy. Vương bèn triệu An Tiêm về, tra quan chức lại và cho tì thiếp, đặt tên chỗ An Tiêm ở là “ An Tiêm Sa châu “, thôn ấy gọi là Mai An, đến nay còn lấy Tây qua ( ngày nay gọi là Dưa đỏ hay Dưa hấu ) tôn phụng Tổ khảo mà tế tự, là khởi từ An Tiêm vậy “.

( *Lĩnh Nam chích quái : Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục , trang 60 , 61* )

## **Kinh An Tiêm**

“ An Tiêm là con nuôi của vua Hùng, nhưng bị đày ra đảo hoang. Dầu An Tiêm ra công khai phá, đảo vẫn khô cằn, khiến An Tiêm càng thêm khốn đốn. Nhưng một hôm có con chim lạ bay tới và để rơi mấy hạt giống. Và nhờ An Tiêm chuyên lo săn sóc, các hạt giống đó mọc thành loại dưa có quả thơm ngon tươi mát. An Tiêm liền ghi dấu trên dưa và thả xuống biển. Nhiều người vớt được, nên tìm tới đảo mua bán đổi chác. Nhờ đó mà đảo hoang biến thành làng xóm đông đúc. An Tiêm lại gửi dưa về dâng vua. Từ đó dưa hấu được dùng làm vật cúng tế. “

( *Nam Thiên : Kinh Việt , Hoa Tiên Rồng, trang 135 – 136* )

## **Khai triển**

### **1.- Lý do dẫn nhập**

*Ta thấy phần trước và phần sau đều có nói tới thuyết luân hồi, đó là tư tưởng của nhà Phật, thiết tưởng đây là do người đời sau muốn đem tư tưởng Phật giáo mà xen dẫm vào, theo Tam giáo đồng nguyên. Thực ra vào thời Vua Hùng, đâu Đức Phật đã được sinh ra ? Có thể đây là lý do lấy cớ để đem đày An Tiêm ra đảo xa để cho thấy rõ được con người của An tiêm, cũng như để giới thiệu cách lập xóm làng xưa, một xóm làng ngoài sự kiểm soát của vua quan, của chính quyền.*

### **2.- Quan niệm của các Vua xưa về con dân trong một nước**

*a.- An Tiêm là người ngoại quốc, khi được mua hay nhận làm con nuôi, thì An Tiêm trở thành con dân Việt. Các vua chúa đời xưa của ta, thường dùng tiếng con dân, tức là coi dân như con, có khi còn là Xích tử, là Con đỏ, là con mới được sinh ra, nên vua phải chăm nom săn sóc dân như cha mẹ chăm sóc đứa con đỏ mới được sinh ra, vua coi mọi người dân như con, ngay đối với người con nuôi gốc*

ngoại quốc như An Tiêm cũng vậy, cũng được lo cho có vợ con, được tham gia vào việc triều chính, nếu có thực tài. Lòng nhân ái của vua tràn khắp thiên hạ. Có thể đây là đầu mối cho tư tưởng : **Tứ hải giai huynh đệ.**

b .- Khi bị đày ra đảo xa, nơi sa mạc là nơi đất cát khô cằn, cách kiếm sống rất khó khăn, với niềm tin sắt đá, An Tiêm vẫn bình tĩnh an ủi với Vợ rằng : Trời đã sinh mình ra, tất Trời phải dưỡng mình. Đây là tư tưởng : **Thiên sinh Địa dưỡng** của Nho giáo. Con người là linh lực, là tinh hoa của Trời Đất, là một ngôi trong Tam tài : Thiên, Địa, Nhân . Con người cùng tham dự vào cuộc sinh hoá với Trời Đất.

c.- An Tiêm bị đày ra đảo xa ngoài biển, tức là **lãnh địa của Rồng** . Là nơi sa mạc, nơi tử địa, nhưng cũng là nơi cho An Tiêm có cơ hội thi thố tài ba để phát triển bản sắc của mình. Khi An Tiêm sắp nguy khốn thì một con chim Bạch Hạc đến cứu. **Chim Bạch Hạc là đặc sứ của Mẹ Tiên** từ phía Tây tức từ phía Núi là quê hương của Tiên, khi đến lại đậu trên Núi cao, rồi kêu lên ba bốn tiếng lại một lần nữa báo hiệu cho An Tiêm nhận biết đó là Mẹ Tiên.( Huyền số 3: Nhân chủ ). Xong rồi nhả ra 6 , 7 hạt để cho An Tiêm biết mà đến lấy. Đây là của ăn Mẹ Tiên mang đến nuôi Con, của ăn này không là của ăn xổi như mì ăn liền, mà là hạt Giống, là nguồn sinh lợi lâu dài, đòi hỏi phải có công sức của mình đóng góp. Mẹ không chỉ nuôi con trong những môi trường thuận lợi, mà ngay nơi những bãi cát khô nơi hoang đảo. **Cha Rồng, Mẹ Tiên luôn luôn gặp nhau trên cánh đồng Tương để cưu mang Con Cháu.**

### **3 .- Con người An Tiêm**

Con người của An Tiêm là con người có đức tin vững chắc nơi Trời đất Tổ Tiên. Trong lúc khó khăn khốn đốn, thay vì thất vọng, than thân trách phận, oán hận nhà Vua, đảng này, luôn giữ được bình tĩnh, cậy trông vào sự che chở của Tổ tiên, và vững tin vào mình, cố ra sức làm việc trồng tía cây trái để nuôi mình và vợ con. Không những cứu sống được mình, gia đình mình, mà còn giúp ích được cho nhiều người khác nữa, cũng như làm phát triển nghề nông của mình . **An Tiêm quả là con người Nhân Chủ của con dân Việt, luôn luôn biết tự lực, tự cường để vượt thắng mọi khó khăn trong cuộc sống.**

### **4 .- Việc xây dựng xóm làng**

An Tiêm là người đầu tiên đi xây dựng làng xóm nơi đảo xa, nơi rất xa các xóm làng khác, nơi này cũng rất xa với tầm ảnh hưởng của Vua quan. Vua quan không có cơ hội can thiệp trực tiếp vào, người dân phải có tinh thần tự lập, tự lực, tự cường, có ý chí, và phải có sáng kiến, mới mong khai phá mà xây dựng được. Có lẽ đây là hình ảnh Xã Thôn tự trị của cha ông ta xưa ( **Phép Vua thua Lệ làng** ). Một xã thôn có Hương ước riêng, người dân phải cùng nhau đem công sức và sáng kiến ra mà xây dựng xóm làng, hầu đem lại sự no ấm và an bình cho mọi người.

## 5.- Tóm lại

Câu chuyện trên cho ta ba ý tưởng :

a.- Về chính quyền là **Vua quan**, phải biết thương dân, coi mọi người trong nước đều là con dân, không có kỳ thị nguồn gốc, thân sơ, sang hèn, . . chính quyền phải tạo điều kiện cho những người có khả năng đức độ tham gia việc dựng nước.

b.- Về **con dân trong một nước**. Dù là người trong hay ngoài nước khi đã ở trong nước, thì phải được chính quyền đối xử như nhau.

An Tiêm là mẫu người xưa của Tổ Tiên ta, là một con người tự Lực tự Cường, luôn luôn tìm cách vượt thắng mọi khó khăn trở ngại, mà xây dựng gia đình và xóm làng về phương diện trồng tía cây trái, là thứ cây trái làm cho cuộc sống được tươi mát hơn.

c.- Xóm làng ta xưa là một **Xã Thôn Tự trị**, chính quyền không nhúng tay vào quá nhiều trong việc quản trị xã thôn, mà để cho chính dân làng đem hết tài năng công sức và sáng kiến mà xây dựng theo hoàn cảnh của họ, hầu làm cho đời sống xã thôn được no ấm, an bình. Đây là sự thể hiện tinh thần tự trọng và thân ái giữa con Dân và Chính quyền.

## 6.- Tập tục

Cho đến ngày nay, trong các dịp lễ Tết, dân ta thường chưng các quả dưa đỏ lên bàn thờ để cúng Tổ tiên, để thường xuyên nhắc nhở con cháu muôn đời về sau, về vai trò của mẫu người tự Lực tự Cường trong công việc xây dựng làng xóm, cũng như mối liên hệ “ **phép Vua thua Lệ làng** ” giữa chính quyền trung ương và xóm làng địa phương.

## IV.-TRUYỆN ĐÀM NHẤT DẠ ( 1 )

### hay CHỮ ĐỒNG TỬ

“ Hùng vương truyền ngôi đến vua cháu 3 đời, có sinh được một người con gái tên là Tiên Dung My Nương, tuổi vừa mười tám, dung mạo tú lệ, nguyện không lấy chồng, chỉ thích ngao du thiên hạ. Vương chiều mà nghe theo. Mỗi năm khoảng tháng 2 tháng 3, nàng sửa soạn thuyền ghe, lênh đênh ngoài biển, vui chơi quên cả ngày về. Lúc bấy giờ Chử Xá Lang ( 2 ) có người tên là Chử Vi Vân sinh được một người con trai tên là Chử Đồng Tử, hai cha con tính vốn hiền lành, nhà nghèo lại gặp nhà cháy, của cái khánh tận, chỉ còn cái khổ vải, cha con ra vào thay đổi nhau mà mặc. Bị bệnh già, cha bảo con rằng: “Ta chết thì chôn lỗ cũng được, để cái khổ lại cho con mặc kéo xấu hổ ” Cha chết người con không nỡ làm thế, cứ để cả khổ mà chôn. Chử Đồng Tử bây giờ thân hình trần truồng, lạnh đói khôn xiết, mới cầm cần câu đi đến bờ sông câu cá, trông thấy thuyền buồm đi qua, đứng vào giữa nước mà xin ăn. Nào ngờ thuyền của Tiên Dung bỗng đến đó, nghe thấy tiếng chuông trống đàn sáo, thấy những nghi trượng cờ xí, Đồng Tử sợ hãi, không biết trốn tránh vào đâu, trông thấy trong bãi phù sa, có chòm lau sậy, lơ thơ năm ba gốc, bèn ẩn thân vào đó, đào cát thành huyệt để dấu mình, lại lấy cát vùi lên trên. Giây lát thuyền của Tiên Dung ghé vào đó, nàng dạo chơi trên bãi cát, thuyền lấy mừng màn vây kín cả chỗ lau sậy để tắm; cát chảy làm thân hình Đồng Tử lộ ra, hồi lâu Tiên Dung biết là con trai, Tiên Dung nói : “ Ta đã không thích lấy chồng, nay gặp người này ở trong huyệt cát, có lẽ trời khiến thế chăng ? Thôi người hãy dậy mà tắm rửa đi “.

Rồi ban cho áo quần, cùng nhau xuống thuyền ăn uống hoan lạc; người trong thuyền đều cho là một sự gặp gỡ tốt lành xưa nay chưa từng có. Đồng Tử nói sự tích cho Tiên Dung nghe; Tiên Dung thương xót bảo làm vợ chồng, Đồng tử cố từ , Tiên Dung nói : “ Việc này tự Trời tác hợp, việc gì mà từ chối ”! Những người thấp tòng đem việc ấy tâu lên với Hùng vương, Hùng vương giận bảo rằng :

“ Tiên Dung không biết trọng danh tiết, không biết tiếc tiền của ta, đi chơi giữa đường lại hạ giá ( 3 ) với người nghèo, còn mặt mũi nào mà thấy ta nữa ” .

Tiên Dung nghe tin, sợ không dám trở về, mới cùng với Đồng Tử mở chợ búa, lập phố xá, cùng nhân gian mậu dịch, dần dần nơi ấy thành một ngôi chợ lớn ( nay là

chợ Hà Lỗ ); thương nhân ngoại quốc qua lại buôn bán; kính sự Tiên – Dung Đồng - Tử làm chủ; có một nhà đại thương nói với Tiên Dung rằng : “ Quý nhân xuất ra một thoi vàng, năm nay cùng với người nhà buôn ra ngoài biển mà mua vật quý, sang năm sẽ lời được một thoi . ”

Tiên Dung bảo Chủ Đồng Tử rằng : “ Vợ chồng ta do Trời định khiến, ăn mặc là của Trời cho, bây giờ nên lấy một thoi vàng cùng với người nhà buôn đi ra biển mà mua hàng đem về làm kế sinh nhai

” . Đồng Tử cùng đi với người nhà buôn; ngoài biển có một hòn núi tên là Quỳnh Viên Sơn, trên núi có một chiếc am nhỏ, người đi buôn ghé thuyền ở đấy mà múc nước; Đồng Tử lên chơi trên am, có một tiểu tăng tên là Phật Quang truyền phép cho Đồng Tử, Đồng Tử mới lưu lại am nghe thuyết pháp, giao vàng cho người đi buôn mua hàng, dặn lúc nào trở về thì ghé lại am để chở Đồng Tử về. Nhà sư tặng cho Đồng Tử một cái gậy và một cái nón, bảo rằng : “ Linh thông tại đây đó ”

Đồng Tử trở về đem chuyện đạo Phật nói hết với Tiên Dung, từ đó giác ngộ bỏ chợ búa, nghề buôn bán đem nhau đi tìm thầy học đạo . Một hôm trời đã tối mà chưa đến nhà trọ, họ mới ở lại giữa đường, cắm gậy úp nón lên trên để che. Đêm đến canh ba thấy hiện ra thành quách, lầu son đèn báu, đài các lăng miếu, kho tàng miếu xã, vàng bạc châu ngọc, chiếu giường mùng màn, tiên đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ la liệt đầy ở trước mặt. Sáng ngày ai trông thấy cũng lấy làm kinh dị, tranh nhau đem đến vật hoa hương ngọc thực đến dâng hiến và xưng thần. Văn võ bá quan phân quân túc vệ, biệt lập thành một nước.

Hùng vương hay tin, cho con gái mình làm loạn mới phát binh đi đánh, quan quân đến rồi, quân thần xin phân quân án ngữ. Tiên Dung cười rằng : “ Chuyện này không phải tự ta làm ra, cũng là trời dun dủi, sinh tử tại thiên, ta đâu dám chống cha, phải thuận chịu điều chính, chờ lệnh chém giết. Lúc bấy

giờ những người mới tập hợp sợ hãi mà chạy tán loạn, chỉ còn bọn người cũ ở lại với Tiên Dung. Quan quân kéo đến đóng doanh ở bãi Tự Nhiên, chỉ còn cách một con sông lớn; ngày sắp tối nên chưa kịp tiến binh. Chừng nửa đêm, hốt nhiên gió lớn thổi làm nổi sóng đổ cây; quan quân đại loạn, bộ đảng thành quách của nàng Tiên Dung nhất thời nhỏ đi bay lên trời; đất ở chỗ ấy sập xuống thành một cái đầm lớn. Sáng ngày dân gian không thấy thành nữa, cho là linh dị, bèn lập miếu đường,

thời thường đến tế, gọi đầm ấy là Nhất Dạ Trạch, châu ấy là Man Trù Châu ( hoặc gọi là Tự Nhiên châu ), chợ ấy là chợ Hà Lỗ Thị .”

( *Lĩnh Nam chích quái : Trần Thế Pháp , bản dịch của Lê Hữu Mục , trang 51 – 53* )

### **Chú thích**

( 1 ) : Đầm Một Đêm.

( 2 ) : Làng Chử Xá.

( 3 ) : Lấy một người dưới.

### **Chử Đồng Tử**

Bỏ đi ( 1 ) còn chuyện trích Tiên ( 2 )

Có người họ Chử ở miền Khoái Châu ,

Ra vào nương nấu Hà Châu, ( 3 )

Phong trần đã trải mấy trâu ( 4 ) cùng người.

Tiên Dung gặp buổi đi chơi,

Gió đưa Đẳng Các ( 5 ), buồm xuôi Nhị Hà,

Chử Đồng ản chôn bình sa ( 6 )

Biết đâu gặp gỡ lại là túc duyên ( 7 )

Thừa lương nàng mới dùng thuyền,

Vây màn tắm mát kế liền bên sông,

Người thực nữ, kẻ tiên đồng,

Tình cờ ai biết vợ chồng duyên ưa.

Giận con ra thói mây mưa,

Hùng Vương truyền lệnh thuyền đưa bắt về .  
Non sông đã trót lời thề,  
Hai người một phút hoá về Bồng Châu ( 9 )  
Đông An Dạ trạch đâu đâu,  
Khói hương nghi ngút truyền sau muôn đời.  
(Đại Nam Quốc sử diễn ca )

### Chú thích

- ( 1 ) : Thêm vào chỗ thiếu.
- ( 2 ) : Tiên ở trên trời, vì có lỗi, nên phải đày xuống trần.
- ( 3 ) : Bãi cát ven sông.
- ( 4 ) : Máy Thu là máy năm, ý nói Chủ Đổng vốn nghèo khó vất vả.
- ( 5 ) : Khoái Châu cũng là Đằng Châu, chỉ sự may mắn thành vợ chồng.
- ( 6 ) : Bãi cát.
- ( 7 ) : Duyên kiếp từ trước.
- ( 8 ) : Hóng mát.
- ( 9 ) : Cõi Tiên.

### Kinh Chủ Đổng

“ Thời vua Hùng, có nàng công chúa Tiên Dung, dẫu đã tới tuổi cập kê, nhưng chỉ thích dùng thuyền du ngoạn đó đây. Cũng vào thời ấy, có chàng Chủ Đổng sống vất vưởng bên bờ sông, nghèo đến nỗi không có cái chỗ che thân. Một hôm Chủ Đổng thấy thuyền của Công chúa ghé vào nơi chàng ở, nên sợ hãi vui mình dưới cát. Không ngờ đó là nơi Tiên Dung vây màn để tắm. Khi nước làm trôi cát, Tiên Dung phát giác ra Chủ Đổng, và rồi hai người kết duyên với nhau . Từ đó Tiên Dung đem tiền của để lập phố xá. Chủ Đổng thì ra biển đi buôn. Ở biển Chủ Đổng

học được phép thần thông, rồi trở về dạy lại cho dân chúng . Nhờ vậy đời sống vùng đó trở nên sung túc phồn thịnh . Nhưng cuộc sống phồn thịnh đó làm vua quan nghi ngại, đem quân đến đánh, nên hai người hoá phép đem cả dân chúng và làng mạc về trời.”

( *Nam Thiên : Kinh Việt , Hoa Tiên Rồng , trang 47 – 48* )

## ***Khai triển***

### **1 .- Nòi giống Tiên Rồng**

*Tiên Dung là con Vua Hùng ở trên núi cao hay trên đất liền, chắc chắn là thuộc dòng Tiên rồi.*

*Còn Chử Đổng quanh năm lây lất ở ven sông, nên cũng thuộc nòi Rồng. Nòi Tiên đi tìm giống Rồng là đúng sách truyền rồi đó. “**Lấy vợ xem tông , lấy chồng xem giống**” là lời nhắn nhủ của Tổ tiên. Gái Tiên đi tìm trai Rồng là đúng cách Việt tộc!*

### **2.- Ra công tìm Chồng, kén vợ**

*Tiên Dung đến tuổi cập kê, không chịu ngồi trên lầu khuê các của Vua cha tung quả cầu để Vua cha kén Phò mã cho, mà nàng tự ý dùng thuyền ngao du trên lãnh hải của vương quốc Rồng để ngao du sơn thủy, tuy lòng dặn lòng không có ý định lấy chồng, nhưng trong thâm tâm không khỏi có tiếng réo gọi xa xôi của tuổi lứa đôi.*

*Dẫu không có ý, nhưng đến chốn ba quân của nước Rồng, tất phải gặp người ưng ý.*

*Lại nữa trong lòng đã sẵn tư tưởng biết vâng mệnh trời, nên khó thoát cái giây của ông Tơ bà Nguyệt. Chử Đổng cũng vậy, tuy chẳng phải trèo non lội suối cho xa, vì không có khó, nên cũng chịu ra khỏi mặt nước, bèn chôn mình trong tùm lau sậy trên bãi cát, tức là lên đất liền là lãnh vực của Tiên mà may mắn gặp được người bạn vàng. Hai bên đều có thiện chí cất công đi tìm, và tìm đúng chỗ: “**Trai khôn tìm vợ chợ đông ( chợ của non Tiên ), gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân**” ( chỗ ba quân của nước Rồng ), nên mới xảy ra cơ sự !*

### **3.- Tìm hiểu chân tướng của nhau**



*Khi cập bến, Tiên Dung căng màn, tắm gội cho hết mùi gió biển trong mình. Những gáo nước Tiên Dung tắm cũng giúp Chử Đồng xối sạch hết cát bụi trong người.*

*Hai bên trần truồng trở nên sạch sẽ, trắng trong, không có một thứ gì để che lấp, nói một cách bóng bẩy là không có thứ gì che lấp chân tướng của nhau, như địa vị, giàu nghèo, giai cấp, nghề nghiệp . . . , nhờ thế mà mỗi người đều thấy rõ được chân tướng của người kia. Chứ không phải để truồng để chỉ xem nhau có thân hình đẹp đẽ hay không. Có thấy rõ được như thế mới thực sự chấp nhận nhau, mới chắc chắn ăn đời ở kiếp với nhau được. Mặt khác cũng là duyên kỳ ngộ nữa, tại sao Tiên Dung không ghé chỗ khác, và không vây màn tắm chỗ khác, để phải cụng đầu với Chử Đồng, thật là Trời xui Đất khiến nên cái chuyện phận đẹp duyên ư này rồi! Vì không giải thích được tại sao, cha ông ta gán cho đây là dây Tơ Hồng của ông Tơ bà Nguyệt xe tơ kết tóc Chàng và Nàng lại !*

*Nghĩ thân phận nghèo hèn, Chử Đồng nhất mực chối từ về đề nghị kết duyên tảo bọ của nàng Tiên, nhưng Tiên Dung lại càng quyết chinh phục cho kỳ được con người kỳ ngộ. Thật là có Trời mà cũng có Ta. Đó là quyết định sáng suốt và chắc chắn.*

*Lối tự do kết hôn này là lối riêng của Việt tộc, vì cho là việc riêng của tôi ( my own business ), tôi lấy Chồng lấy Vợ cho riêng tôi, không cho ai khác, tôi lấy người tôi yêu, người thích hợp với tôi để mưu tìm hạnh phúc là đủ rồi. Người Tàu thì văn minh hơn, lễ nghĩa hơn, lễ nghi đủ thứ, có khi cha mẹ lại dành việc kén vợ kén chồng thay cho con cái nữa, và cho việc tự do kết hôn của Việt tộc là bôn, còn thêm chữ dâm nữa thành dâm bôn để hạ nhục! Nhất là thời này là thời mậu hệ mới chuyển qua phụ hệ, nên các bà còn nhiều quyền lắm, nên con Gái các bà có đi ve Trai cũng là sự thường.*

#### **4 .- Kết duyên vợ chồng : cuộc Hôn phối có một không hai !**

*Con vua “ giàu sang cao quý, cành vàng lá ngọc ” dưng ấy mà lại đi lấy thằng Chồng “ không khó sống lây lất ven sông ” ! Không có lễ hỏi, không có lễ cưới, không chút tài sản, không có lễ nghi, không có sự chấp thuận của Cha Mẹ, Tiên Dung chỉ lấy vồn vẹn được chàng Chử Đồng trần trụi, một xu dính túi cũng không !*

Còn Chủ Đổng lấy được Tiên Dung là có tất cả những gì chưa bao giờ dám mơ tới. Bên Có bên Không nhập lại với nhau, hòa hợp với nhau, để xây dựng gia đình, xây dựng thị tứ, kỳ diệu thật. Đây là chỗ hoà hợp siêu việt giữa Giàu sang và Nghèo hèn, giữa Hữu và Vô.

Đây là lối sống mà Nho gọi là “ **chấp kỳ lưỡng đoan** “ của Tổ tiên Việt. Trời xui Đất khiến nên cảnh lạ lùng ! Điều này nghe ra hơi quá đáng, nhưng Tổ tiên ta muốn nhắn gởi cho con cháu rằng là: **Lấy Vợ lấy Chồng là lấy người mình yêu, phải tìm cho được người có khả năng và tư cách xứng hợp với mình, để sống với nhau trọn đời, cùng nhau xây đắp gia đình và xã hội, sống một cuộc sống hạnh phúc, chứ không nên dựa vào những lý do phụ khác làm chính.** Lương nhiều, nhà cao cửa rộng, xe đẹp, mà không hợp, cứ cấn xé nhau hàng ngày thì hạnh phúc ở nơi đâu?

## **5.- Xây dựng gia đình, xây dựng Thị tứ yên vui** **Phát triển Thị trấn, thương nghiệp**

Sau khi kết hôn, Chủ Đổng ra biển đi buôn, học được phép thần thông, trở về dạy cho dân chúng cách làm ăn. Ta nên nhớ, trước đó đã có nền Văn hoá Hoà bình rực rỡ ở Thái Bình dương, đã có thuyền bè di chuyển khắp nơi, đi lên phía Bắc đến Trung hoa Đài Loan, Nhật Bản, đi về phía tây qua Ấn độ, qua Địa trung hải, Tây Âu. . . ( xem cuốn Địa đàng Phương Đông của Stephen Oppenheimer ) Chủ Đổng ra biển, tức là Chủ Đổng phải tìm mọi cách để phát triển hết khả năng Rộng của mình trong công việc thương nghiệp, tìm cho ra kế sách làm ăn để hưng Gia đình , thịnh Thị tứ.

Khi đã tìm ra lối làm ăn rồi, thì không những làm cho nhà được giàu, mà đồng thời phải giúp dân làng xóm làm ăn chung cho được trù phú. Nhà, Làng xóm cũng như Thị tứ phải được thăng tiến cùng một trật.

Trong danh từ Gia Đình, thì Gia là nhà gồm cha mẹ con cái, còn Đình là nhà chung nghĩa gồm thêm cả bà con, họ hàng, và có lẽ cả hàng xóm nữa, vì cả dân tộc ta đều là anh em.

Chủ Đổng đã đem hết khả năng tài cán của mình để làm phát triển thương nghiệp nơi vùng biển, để cho gia đình và xóm làng được trù phú. Là con người tác hành, Chủ Đổng rất tự lực, tự cường , tìm sáng kiến trong công việc làm ăn, Chủ Đổng

là trai hùng, đã đem khả năng và công sức ra mà xây nhà dựng làng. Vì xứng đôi vừa lứa, nếu Chử Đồng đã là trai hùng, thì Tiên Dung cũng là gái đảm. Chử Đồng góp Công thì Tiên Dung cũng góp Cửa và sáng kiến và công lao trong phạm vi của mình. Tiên Dung xuất tiền của ra lập phố xá, cùng nhân dân xóm làng ra sức làm ăn.

**Công của Chử Đồng, Cửa của Tiên Dung, hai bên đều cùng sức đóng góp của mọi người trong thôn xóm đã làm cho các gia đình, thị tứ thăng tiến cùng một trật.**

Sự đồng tiến này làm cho xóm làng yên vui, không gây ra cảnh ghen tuông giàu nghèo sang hèn, cảnh đổ kỵ trong thôn xóm. Cảnh lá lành đùm lá rách này làm cho mọi người yên vui. Sự yên vui bắt đầu từ cá nhân, hoà trong gia đình, hòa nhập vào làng xóm. Phe đảng làm gì, gangster làm gì có lý do mà ngóc đầu lên được?

## **6.- Kẻ thù ngoại nhập**

**Tiên Dung, Chử Đồng, cùng nhân dân thị tứ lập nên một cảnh địa đàng nho nhỏ, mọi người đều được hạnh phúc, nhưng làm sao thoát khỏi được cảnh ghen tỵ của xung quanh, nhất là Vua quan. Vua quan là người có quyền có thế, tự cho mình là hơn hết, sao có kẻ lại dám qua mặt mình trong công việc xây dựng làng xóm thị tứ, là thuộc phạm vi quyền hạn của mình. Việc này làm thương tổn vua quan, nên bất cứ giá nào vua quan cũng phải dẹp. Việc này, nhắc chúng ta không những phải xây dựng nhà, làng xóm cho phồn vinh, mà còn phải làm cho nước cùng hưng thịnh một trật, thì khi đó lòng đổ kỵ, cảnh cướp dật tất không có đất dung thân. Cha ông chúng ta đã sớm biết lập “ cái hố Giàu Nghèo ” từ đây!**

## **7.- Cả thị tứ về Trời : nơi vắng bóng đổ kỵ**

Vua quan có bắt tội thì bắt tội hai nhân vật chủ chốt là Tiên Dung và Chử Đồng. Tiên Dung có thể có cả hai lỗi: một là tội bất Hiếu vì tự do kết hôn, không xin phép Cha mẹ, tuy thưởng đó, có tục chơi hát Trống quân để cho trai gái có dịp gặp gỡ nhau để tự ý chọn Vợ kén Chồng, hai là cùng Chử Đồng xây dựng thị tứ qua mặt triều đình. Tội này to lắm đối với Vua Cha và triều đình, vì việc xây dựng thị tứ là công việc của triều đình, sao Vợ Chồng Tiên Dung lại dám qua mặt, làm thương tổn đến Vua cha và triều đình, nhưng đối với các gia đình trong thị tứ thì công việc của Tiên Dung và Chử Đồng lại là công cực kỳ to lớn, là đem lại hạnh phúc và yên bình cho mọi người.

Theo Tiên Dung và Chử Đồng thì công việc xây dựng xóm làng cũng như các thị tứ là công việc chính của dân cư nơi đó. Cháu cháu đầu đầu được với Voi, thông thường thì hai Vợ Chồng Tiên Dung và Chử Đồng tìm cách lánh trốn, nhưng Tiên Dung vẫn vui vẻ ở lại chịu tội, và một số dân chúng trong làng không chạy trốn mà ở lại với hai vợ chồng Tiên Dung, nhưng nhờ phép Tiên mà mọi người ở lại cùng hai vợ chồng được thiên di tới nơi mà không có cảnh ghen ghét tỵ hiềm, mà ta quen gọi là lên trời, là lên thiên đàng. Đây là cung cách thăng hoa đời sống, người Việt gọi là siêu việt.

Trong việc kết hôn, Tiên Dung bị đặt vào tình thế khó xử, hoặc vâng theo thiên ý ( duyên tao ngộ ) hoặc vâng thuận theo ý của vua cha ( mẹ ), Tiên Dung đã chọn vâng theo mệnh Trời trước, mà cái mệnh trời này lại không thể thoả đáng với ý của vua cha, mà thực lòng Tiên Dung không dám qua mặt vua cha. Đến lúc quân triều đình đến vây, Tiên Dung vẫn vui vẻ ở lại chịu hình phạt của vua cha của triều đình, để tỏ lòng hiếu thảo, để phục mạng, nhưng Tiên Phật lại cảm cảnh giải thoát cho khỏi cảnh tai ương chém giết. Đó là cách ăn ở cho được “ **mẹ tròn con vuông, có trời mà cũng có ta** “.

**Phải chăng đó cũng là ý tưởng mới chớm của “ Phép Vua thua lệ làng ”.**

## **8 .- Tóm lại**

a.- Trong việc kén vợ kén chồng, hai đương sự phải tự tìm lấy, để tìm cho ra con người trong mộng của mình, là người có tài đức tương xứng, để “nồi nào úp đúng vung ấy” .

b.- Tiêu chuẩn kén chọn là chính con người phối ngẫu của mình, cái cốt cách của con người, cái tư cách, cái khả năng của người nào thích hợp với mình, còn tiền của, địa vị , . . . chỉ là thứ yếu.

c.- Mục tiêu của việc vợ chồng là ăn đời ở kiếp với nhau để xây dựng gia đình, làng nước cho được yên vui, hạnh phúc, chứ không phải là một thứ kế ước tạm bợ, muốn chấm dứt khi nào cũng được.

d- Công việc xây dựng Gia Đình, Làng, Nước phải được thăng tiến cùng một trật, để tránh cái cảnh bất công hiềm tỵ ghen ghét, gây bất ổn cho gia đình xã hội.

*e .- Điểm nổi bật nhất là trong lúc khó khăn và nguy biến, Tiên Dung và Chử Đồng lúc nào cũng vững tin vào lòng Trời và tính chất tự lực tự cường của mình để dẫn dắt mọi người trong thị tứ vượt qua bước gian nan .*

*Còn phần cuối của câu truyện, có thêm vào chuyện Chử Đồng học được phép tiên với Phật Quang ngoài đảo Quỳnh Viên Sơn, được nhà sư tặng cho một cái **cái gậy** và **một cái nón** . Nhờ có gậy và nón đó mà chỗ hai vợ chồng khai phá đã trở thành thị tứ trù phú, rồi sau đó lại được biến vào Tiên cảnh. Có lẽ cái gậy đây là cái gậy Thần 9 đốt , mà ai biết cách bấm vào đốt thứ 5 thì biết được cả sự tử cũng như sự sinh. Số 9 là Lạc thư của Lạc Việt, là cốt tuỷ của Cửu trù Hồng phạm ( xem Gậy Thần ở chương lâu đài Văn hoa 5 tầng ).*

*Còn cái Nón chóp là một vật dụng để che đầu người sống, nên Nón chóp được tượng trưng cho Trời che .( Sứ điệp Trống Đồng. Cảnh Thái hoà trên mặt Trống. Trời Che . Kim Định )*

## **9.- Tục ngữ , ca dao**

Vừa đôi, phải lứa.

Nòi nào úp vung nấy.

Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn

Trai khôn kén vợ chợ đông

Gái khôn kén chồng giữa chốn ba quân .

Đó vàng đây cũng đồng đen,

Đó hoa thiên lý , đây sen nhi hồ,

Đấy em như tượng mới tô,  
Đây anh như người ngọc hoạ đồ trong tranh.

Trai tứ chiếng, gái giang hồ,  
Gặp nhau ta nổi cơn đờ từ đây.

Chồng giận thì vợ bớt lời,  
Cơm sôi nhỏ lửa , một đời không khê.

Chồng giận thì vợ làm lành,  
Miệng cười hơn hờ rằng anh giận gì?

Thưa anh, anh giận em chi?  
Muốn lấy vợ bé, em thì lấy cho .

Con vua lấy thằng bán than,  
Nó đem lên ngàn cũng phải đi theo,  
Con quan Đô Đốc, Đô Đài,  
Lấy thằng thuyền chài cũng phải lụy mui.

Thương nhau mấy núi cũng trèo,  
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua .

Lên non em cũng lên theo,  
Xuống thuyền, em cũng ngồi leo mạn thuyền.

Hai ta như rắn liu điu ( rắn nước ),  
Nước chảy mặc nước, ta điu lấy nhau .

Dầu ai nói ngả nói nghiêng,  
Thì ta cũng vững như kiềng ba chân.

Tối trời chẳng quản chi ma,  
Thương nhau chẳng quản hời ( suối ) hà ( sông ) cạn sâu .

Dầu mà trời đất phân chia,  
Đôi ta như khoá với chìa đừng rời,  
Xa mình thử chẳng ra hơi,  
Chồng Nam, vợ Bắc, trời ơi là trời !  
Đưa tay phân chúng với trời,  
Người này gá nghĩa ở đời với tôi,  
Nước ròng ( rút ) sông cái chảy xuôi ,  
Trời đà xây định : Mình với Tôi Vợ chồng.

( *Hồ cấy lúa* )

Có con gậy dựng cho con,

Có chồng gánh vác giang sơn nhà chồng.

Đã sinh ra kiếp đàn ông,  
Đèo cao núi thăm, sông cùng quản chi .

Trượng phu không nhiễm thói trần,  
Không sợ nghèo khó, không phân sang giàu.

Râu tôm nấu với ruột bầu,  
Chồng chan, vợ húp, gật đầu khen ngon.

Yêu nhau vạn sự chẳng nề,  
Dầu trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

Chồng giận thì vợ bớt lời,  
Cơm sôi nhỏ lửa , một đời không khê.

Thuyền ơi ! Có nhớ bến chăng?  
Thuyền thì một dạ kháng kháng đợi thuyền!

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,  
Xấu người đẹp nét, còn hơn đẹp người !

Mua thịt thì chọn miếng mỡ,  
Lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi.



Hoa sen mọc bãi cát dâm,  
Tuy rằng lấm láp vẫn mầm hoa sen.

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,  
Đã vo nước đục, lại vẩn than rom .

Mạnh mà mềm dẻo mới nên,  
Khác gì dòng nước chảy trên sông ngòi .  
Tiếc thay cây quế giữa rừng,  
Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo .



---

----

## NHÓM HUYỀN THOẠI THỨ BA

### NỀN TẢNG VIỆC DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

*Gồm các truyện Bánh Dầy bánh Chung, Phù Đổng Thiên vương, thần Kim Quy*

#### I.- TRUYỆN BÁNH DÀY BÁNH CHUNG

“ Sau khi Hùng Vương đã phá giặc Ân rồi, trong nước thái bình mới lo việc truyền ngôi cho con, hội hai mươi hai vị công tử lại, mà bảo rằng : Ta muốn truyền ngôi cho đứa nào vừa lòng ta, là đến kỳ cuối năm biết đem trân cam mỹ vị đến dâng cúng Tiên vương để tròn đạo Hiếu thì ta sẽ truyền ngôi cho. Các công tử lo đi tìm các vị trân kỳ, hoặc săn bắn chài lưới, hoặc mua ở chợ, vụ được nhiều của ngon vật lạ không biết bao nhiêu mà kể. Duy có công tử thứ 9 tên là Lang Liêu, bà mẹ hàn

vi đã lâm bệnh mà quá cố rồi, tả hữu lại ít người nên khó bề toan tính, ngày đêm thao thức, ăn ngủ không yên . Hốt nhiên mộng thấy thần nhân bảo rằng : Trong trời đất không có vật gì quý bằng gạo, vì gạo là của để nuôi dân, người ta ăn mãi không chán, không có vật gì đứng trước được, nếu lấy gạo nếp hoặc gói thành hình tròn để tượng Trời, hoặc gói làm hình vuông để tượng Đất, ở trong làm Nhân cho thật ngon, bắt chước hình tròn Trời Đất bao hàm vạn vật, ngụ ý cái ơn Trời Đất phát dục vạn vật, như thế thì lòng cha sẽ vui, tôn vị chắc được. Lang Liêu tỉnh dậy mừng rằng : Thần minh giúp ta, ta nên bắt chước mà làm. Lang Liêu mới lựa hạt nếp nào trắng tinh, hoàn toàn không sót mẻ đem vo cho sạch, rồi lấy lá xanh gói thành hình vuông, bỏ nhân ngon vào giữa, đem nấu đi cho chín, gọi là bánh chưng. Lại lấy nếp nấu xôi đem quét cho thực nhuyễn, nặn làm hình tròn để tượng trung hình trời, gọi là bánh dày.

Đúng kỳ, Vương hội các con lại trưng bày phẩm vật; các con đem dâng không thiếu thức gì, duy chỉ có Lang Liêu đem bánh tròn , bánh vuông đến dâng. Hùng Vương lấy làm lạ hỏi Lang Liêu. Lang Liêu trình bày như lời Thần nhân đã bảo. Vương thân hành nếm thử thì thấy vị ngon vừa miệng ăn không chán, phẩm vật của các công tử khác không sao hơn được. Vương khen ngợi giây lát, rồi cho Lang Liêu được giải nhất.

Năm hết Vương dùng bánh ấy dâng lên Tiên Miếu và cung phụng cha mẹ, thiên hạ bắt chước truyền đến bây giờ, lấy tên Lang Liêu để gọi là Tiết Liêu. Hùng Vương truyền ngôi cho Lang Liêu hai mươi một anh em đều giữ các phiên trấn, lập làm bộ đảng, cứ thủ núi sông để làm hiểm cố.”

( *Lĩnh Nam Chích quái : Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 49 , 50* )

**Chú thích** : Có chỗ nói là vua Hùng Vương thứ 8, và công tử thứ 6, triết gia Kim Định cho rằng những người này không nắm vững huyền số, mà phải là vua Hùng Vương thứ 3 và công tử thứ 9, vì có cả một cơ cấu nền tảng và sinh động từ 3 tới 9 (theo Cơ cấu học ).

## **Kinh Tiết Liêu ( 1 )**

“ Vua Hùng muốn truyền ngôi, nên định ngày, hễ Hoàng tử nào tìm được lễ vật có ý nghĩa nhất dâng cúng Tổ tiên thì được làm vua. Trong khi các anh em bôn ba đi khắp nơi tìm của quý vật lạ, thì Hoàng Tử Tiết Liêu lại chỉ tìm quanh quẩn ở nhà. Nhưng một đêm Tiết Liêu thấy một cụ già quắc thước hiện ra dạy cách dùng gạo làm bánh để cúng. Theo đó, Tiết Liêu gói gạo nấu thành bánh Chung, và giã xôi làm bánh Dầy. Tới ngày hẹn, Tiết Liêu dâng hai cái bánh, và được chọn làm vua. Từ đó, bánh Chung bánh Dầy được dùng để cúng tế trong những ngày lễ Tết.”

( Nam Thiên : Kinh Việt , Hoa Tiên Rồng, trang 103 – 104 )

( 1 ) : Trong Linh Nam chí quái, thì là Hoàng tử Lang Liêu, Tiết Liêu )

### ***Khai triển***

#### **1.- Cách chọn người nối ngôi của Vua Hùng**

*Từ thuở xa xăm, mà Vua Hùng đã biết cách truyền Hiền, theo kiểu Nghiêu Thuần thời xa xưa, nghĩa là truyền ngôi Vua cho người có đức trọng tài cao để trị nước, công việc trị nước là lo cho dân no dân ấm và có cuộc sống bình an. Cách tuyển chọn này khác với các vị Vua của nền văn hoá du mục, người kế vị phải là con trưởng hay người con nào võ dũng, có tài bắn cung múa kiếm, cầm binh khiển tướng giỏi, chiếm được nhiều đất, hạ được nhiều thành, rất giỏi công việc chém giết, bắt được nhiều nô lệ.*

#### **2.- Tiêu chuẩn kén chọn: Lễ vật dâng cúng Tổ tiên**

*Tổ tiên ta quan niệm con người là tinh hoa, là linh lực của Trời Đất ( **Nhân giả kỳ Thiên Địa chi đức** , . . . ) , lại nữa, cha ông chúng ta cũng quan niệm rất thực tiễn rằng cha mẹ mình là người đầu tiên, là cái gốc của mình, nếu không có cha mẹ thì chẳng có mình, và mình chẳng có biết Trời Đất, Chúa Phật gì . Cái gốc đầu tiên của mình là cha mẹ, rồi Tổ tiên, rồi mới đến Văn Tố . . . Thiên Chúa giáo đã chẳng bảo: Cha mẹ là đại diện của Thiên chúa, là những người có nhiệm vụ hàng đầu chăm lo việc nuôi dạy con cái. Vì vậy, bốn phận hàng đầu của người con là phải Hiếu thảo với cha mẹ ( **Nhân sinh Hiếu Nghĩa vi tiên** ) , cũng vậy, con dân của một nước thì phải nhớ đến Tổ tiên đã có công xây dựng nước để lại cho mình. Ông Vua ( ngày nay là chính quyền ) là người đầu tiên phải nhận thức được điều đó, có thể, mới hiểu rõ được sứ mệnh và trách nhiệm cai trị dân của mình.*

**Có Trời cũng đồng nghĩa với Tự do, có Đất nghĩa là có Bình sản, nghĩa là nhà Vua phải lo cho con dân vừa cả Vật chất lẫn Tinh thần. ( Kim Định)**

Cai trị dân là lo cho tinh thần và vật chất của con dân được sung mãn. Đó là những thứ ngày nay ta gọi là Tự do với Nhân quyền. Vậy vua Hùng ra “ đề thi ” cho các con phải tìm lễ vật tốt nhất để dâng cúng Tổ tiên là cốt ý để xem người con nào ý thức được rõ ràng vai trò cai trị của mình, để mà trao trách nhiệm.

### **3.- Cuộc tìm kiếm ngôi báu của 22 công tử**

Ngôi Vua là cao trọng nhất trên đời, nên chẳng có công tử nào mà chẳng ham. Vì vậy, Hoàng tử nào cũng cố tìm cho ra của ngon vật lạ để làm hài lòng vua Cha. Người thì lên rừng, người thì xuống biển, người thì rảo khắp tứ phương, tìm cho ra những thứ trân châu bát bửu, những sơn hào hải vị hiếm hoi nhất, lạ lùng nhất để chiếm được sự chú ý của Vua cha.

Các Hoàng tử càng giàu sang thì càng đi tìm những gì cao sang, đắt tiền hiếm hoi, ít ai có được.

### **4.-Lang Liêu tìm của dâng cúng**

Riêng Lang Liêu, vì Mẹ mất sớm, nhà nghèo, tá hữu cũng ít ỏi, đành phải ở trong cảnh “ cái khó bó cái khôn ”. Không có nhiều tiền để đi xa mà tìm mua của ngon vật quý ở nhà Lang Liêu chẳng biết trông cậy vào ai ngoài mình cùng Trời Đất Tổ Tiên. Chắc Lang Liêu không khỏi suy nghĩ là “ muốn biết Vật đem cúng Tổ tiên là của nào ”, thì cách hay nhất là thỉnh ý các Ngài là chắc ăn hơn hết. Nhờ vậy mới được thần nhân linh ứng cho biết thứ thiết thực nhất cho con người, cho cuộc sống: Đó là thứ cha ông chúng ta gọi là “ **hạt ngọc nhà trời** ”, là “ **Hạt Gạo** ” tầm thường đó mà.

Nhưng Gạo là thứ cần thiết nhất cho cuộc sống con người Á Đông, vì vậy Tổ tiên ta mới nói: **Có thực mới vực được Đạo**, Tiên Nho đã bảo: “ **Thực, Sắc, Diện: Thiên tính dã** : Cái Ăn, Tính Dục và Thể diện con NGười là Tính được bẩm thụ từ Trời “. Đây là Đạo sống, cũng là Đạo Ba: Tam tài.

Ông Vua có hiểu được nhu cầu của con Người của con Dân và có lòng tin cậy vào gốc Tổ tiên, thì mới hiểu rõ sứ mạng của mình là lo cho dân no, dân ấm, dân hạnh phúc . Không như một vị vua của nước

ta đòi nhà Nguyễn, khi được tâu là nhân dân đói, thì Ngài bảo sao không nấu cháo gà cho chúng nó ăn! Cháo gà là thứ bổ và ngon lắm, nhưng khôn nổi hạt gạo còn chưa có, nói chi đến gà !

### **5.- Hạt gạo Dâng cúng Tổ của Lang Liêu**

Khi Lang Liêu được thần linh ( Tổ tiên ) mạc khải nên dùng gạo nếp để quét bánh Dầy và gói bánh Chung. Với tấm lòng cung kính và biết ơn Tổ Tiên, Tiết liêu cẩn thận lựa từng hạt gạo, chọn những hạt không sứt mẻ, ngâm gạo và gột nước thật sạch, cho gạo được tinh tuyền. Gạo nếp là thứ mềm dẻo và ngon. Xong làm nhân bằng thịt ba chỉ cùng với đậu xanh, hai thứ này thì béo và bùi. Khi chuẩn bị gạo và nhân xong, thì lấy lá chuối hay lá dong rửa sạch, gói bánh Chung hình vuông, lớp ngoài là lá, lớp trong là gạo nếp, ở giữa là nhân, xong bỏ vào bung ( nồi lớn ) đem lên bếp, nấu nhiều giờ, có khi đến 24 giờ, cho bánh chín thật nhuyễn . Cùng thứ gạo tinh tuyền ấy, hong lên cho chín, rồi bỏ vào cối quét cho nhuyễn, xong vò lại thành cái bánh Dầy hình tròn. Nhờ thế mà cái bánh “ hạt ngọc nhà trời ” vừa dẻo vừa thơm, vừa ngon, vừa béo, vừa bùi . Đủ cả ngũ vị .

### **6.-Ý nghĩa của 2 thứ bánh**

a.- **Bánh Dầy** hình Tròn tượng trưng cho Trời, bánh Chung hình Vuông tượng trưng cho Đất ( Thiên viên Địa phương ), ở giữa là Nhân bánh tượng trưng cho Người, Vậy là đủ Tam tài: Thiên Địa Nhân. Trời là Thiên Hoàng, Đất là Địa Hoàng, Người là Nhân Hoàng. Nhân Hoàng cùng tham dự vào cuộc sinh hoá của Vũ trụ với Thiên và Địa Hoàng.

Ông Vua phải làm sao cho toàn dân đóng trọn vai Nhân Hoàng của con người Nhân chủ nước mình.

b.- **Gạo nếp** là thứ rất dẻo, khi nấu kỹ bánh chung, các hạt nếp mềm nhuyễn đều dính chặt vào nhau, không thể tách rời được.

Còn Bánh Dầy thì khi hạt nếp đã được hong chín, các hạt tuy dính vào nhau, nhưng khi người ta bỏ vào cối, dùng sức mạnh của cái chày mà quét cho quện lại với nhau, thì các hạt nếp trộn lẫn với nhau, nên độ dính lại tăng thêm rất nhiều. Các hạt nếp ở đây đã quện vào nhau, không có hạt nào còn nguyên vẹn hết, tất cả là một Khối đồng nhất . Hai cách làm bánh trên cho ta thấy hai ý nghĩa thật là sâu xa.

Các hạt nếp trong bánh Chung khi được dùng sức nóng của Lửa mà nấu thì các hạt dính chặt lại với nhau, làm ta liên tưởng tới sức nóng của Lửa đó là lòng Thương yêu con dân của nhà Vua. Với lòng Thương yêu chí tình, nhà Vua cũng làm cho mọi con dân trong nước đoàn kết chặt chẽ với nhau quanh nhà Vua. Đó là cách cai trị dân về phương diện Tình, ( Lễ trị ) là phương diện Nhu, nghĩa là theo cách mềm dẻo. Ngược lại, trong cách làm bánh Dầy lúc đầu thì dùng lửa, nhưng lúc sau là dùng sức mạnh của cái chày làm cho các hạt nếp quện lại với nhau thành một khối duy nhất .

Trước tiên tuy nhà Vua có dùng Tình, nhưng rồi cũng phải dùng đến Lý, tức là sức mạnh, là pháp luật, ( Pháp trị ) để làm cho toàn dân thành một khối duy nhất. Đây là phương diện Cương, tức là cứng rắn, thứ cứng này có lửa Tình tôi luyện thêm, nên là thứ cứng không dễ gãy nhưng mà dẻo dai như nước. Con dân trong nước được nhà Vua cai trị bằng cách “ dầy Tình và đủ Lý ” như thế, thì nhất định sẽ đoàn kết thành một khối không sức gì thể lay chuyển nổi. Như thế, thì có chương trình xây dựng nước cũng như bảo vệ nước nào mà chẳng đi tới thành công.

Cách cai trị dân theo cung cách Tình Lý này được gọi là **Nhân trị**, gồm có **Lễ trị**, tức là cách cai trị bằng Tình, bằng Lễ, và **Pháp trị** là cách trị bằng Lý. Lễ trị là hàng rào cản bên trong của mỗi người dân, còn Pháp trị là pháp luật, là hàng rào cản bên ngoài của xã hội, giúp người dân không thực hiện đủ Lễ trị. Đây là cách cai trị **hợp Nội Ngoại chi đạo**.

## 7.- Ứng viên Lang Liêu đặc cử

Khi Vua Hùng được công tử Lang Liêu trình bày về ý nghĩa của dâng cúng Tổ Tiên của mình, Vua cha đã thấy có đủ tiêu chuẩn mà mình hằng mong ước, đó là : Lang Liêu tin ở nơi chính mình, tin nơi dân tộc mình, cây trồng nơi Tổ tiên là nguồn mạch sống của dân tộc, biết đem Tình cùng Lý để dạy dỗ, hướng dẫn, săn sóc, giúp đỡ dân trong công cuộc xây dựng đời sống vật chất cũng như tinh thần, làm cho người dân được sống ấm no và an bình. Chính cái lòng hiếu kính, niềm tin tưởng và sự yêu thương mọi người cũng như đất nước và ý nguyện bảo vệ đất nước mới là những phẩm vật quý giá nhất. Đó là lối cai trị dân theo Nhân trị, vừa có Lễ và vừa có Pháp. Có Lễ để chính quyền tôn trọng nhân quyền của người dân, và người dân cũng biết giữ mình khỏi phạm pháp, và cũng tôn trọng dân quyền, và đồng thời cũng cần có Pháp để người dân thi hành pháp luật, giúp chính quyền có đủ phương tiện làm cho dân giàu nước mạnh, Nhân trị khác với Pháp trị, vì Pháp trị chỉ dùng có luật pháp thôi. Đó là lý do Công tử Lang Liêu được chọn nối ngôi

Vua . Đây là bài học quý giá cho muôn đời về sau về những nguyên tắc nền tảng cho vua quan hay là chính quyền về cách cai trị dân. Cây đuũa thần trị nước nằm ngay trong chính mình, Tổ tiên mình và nhân dân mình. Vọng ngoại không thì chỉ đi đến thất bại, đi đến nhà tan cửa nát, đất nước suy vong!

### **8.-Bài học để đời**

Từ đó trở đi, cách đây đã năm ngàn năm, khắp nơi hang cùng ngõ hẻm của đất Việt, cũng như nơi nào có con dân Việt cư ngụ, hễ đến dịp năm hết Tết đến là mọi người đều chuẩn bị gói bánh Chung, làm bánh Dầy để dâng cúng Tổ tiên và siêu tết cha mẹ .

Nhiều khi điều kiện không cho phép làm cả bánh Dầy và bánh Chung, ông cha chúng ta đã không bỏ một làm một, mà kết hợp cả hai làm thành bánh Tết . Bánh Tết cũng dùng gạo nếp, dùng lá gói lại, cái bánh có hình trụ, ngoài là lá, trong là gạo, giữa có nhân đậu xanh và thịt ba chỉ. Gói xong lấy giây ràng chặt lại, đem nấu thật kỹ như bánh chung .

Bánh Tết là nhập hai thứ bánh Dầy và Chung làm một, cũng mang đầy đủ ý nghĩa Tam tài .

Khi dùng bánh người ta dùng sợi chỉ mà tết ( cắt bằng sợi chỉ ) ra thành từng lát tròn, sở dĩ dùng sợi chỉ mà cắt để tránh cái ý chia cắt như khi dùng dao. Vì người ta coi mỗi người dân như hạt gạo đã hoà đồng vào nhau trong cái bánh dân tộc rồi, nay không làm việc tách ly ra nữa. Có lẽ cái tên bánh Tết là do chữ tết ra mà có, hay là tiếng nói trại của chữ Tiết, chữ Tết..

Ngoài ra, người ta cũng làm bánh Tổ cách làm cũng giống như bánh Dầy, nhưng lại có thêm mật vào (đường ) và cái bánh lại to lớn hơn .

Khi Vua Quang Trung đem quân ra đánh Bắc Hà, đến tỉnh Quảng Nam đã giải quyết vấn đề lương thực ăn liền bằng cách dùng bánh Tổ để cho quân lính dễ mang theo. Nhờ vậy mà thực hiện được yếu tố bất ngờ để thắng địch . Ngoài cái ý nghĩa sâu sắc trên, cũng như mùi vị ngon lành của bánh, các loại bánh này lại mang tính chất thực tiễn nữa.

Theo phong tục cổ truyền ba ngày Tết cũng như tháng giêng là tháng ăn chơi, nhà dân Việt nào cũng làm rất nhiều bánh Chung bánh Tết để khỏi phải mất thì giờ nấu nướng, để dành cho các cuộc vui Xuân. Các tục lệ này, trước tiên là nhắc nhở

*mọi con dân Việt phải luôn nhớ điều hiếu kính cha mẹ và nhớ nguồn gốc Tổ Tiên và nhất là những vị cầm quyền cai trị đất nước phải biết dùng lối Nhân trị để lo cho dân no dân ấm và hạnh phúc.*

*Cứ nhìn vào lối sống theo cá nhân chủ nghĩa, lối sống nhạt Tình phai Lý của nhiều người ngày nay đã đem tới cho gia đình và xã hội những tệ nạn nào. Và lối pháp trị là lối cai trị thiếu tình người, cùng với lối đảng trị là lối cai trị dã man, đưa dân lui về thời bộ lạc sơ khai, thì ta mới nhận ra Vua Hùng của Việt tộc là vị Vua có một không hai trong lịch sử nhân loại.*

*Qua thời gian dài, nhiều khi chúng ta chỉ biết có hình thức mà quên đi cái nội dung phong phú trên. Vậy cứ mỗi năm ít nhất là vào dịp Tết, chúng ta nên tìm cách nhắc nhở cho con cháu hiểu rõ được cái lối sống viên mãn đầy Tình Nghĩa đó của dân tộc ta.*

*Cốt tủy của việc tôn kính và biết ơn Vua Hùng là ở cái ý nghĩa cai trị dân đó. Chứ không cứ chỉ đến đền Hùng thắp hương khấn vái, mà không nhận biết vua Hùng là Ai!*

### **9.- Ca dao, tục ngữ**

*Những câu ca dao nhắc nhở tới cội nguồn của con người:*

Con người có Tổ có tông,

Cái cây có cội, con sông có nguồn.

Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn,

Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu

Người ta nguồn gốc từ đâu?

Có tiền nhân đã, rồi sau có mình.

Cứ trong nghĩa lý luân thường,



Làm người phải giữ kỷ cương mới mầu,  
Đừng cậy khỏe, chớ khoe giàu,  
Trời kia còn ở trên đầu còn kinh.

Khôn ngoan nhờ đức cha ông,  
Làm nên phải đoái Tổ tông phụng thờ.

Công Cha như núi Thái Sơn,  
Nghĩa Mẹ như nước trên nguồn chảy ra,  
Một lòng thờ Mẹ kính Cha,  
Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con.

Nuôi con cho được vuông tròn ,  
Mẹ thầy dầu dãi, xương mòn gói long,  
Con ơi ! cho trọn hiếu trung,  
Thảo ngay một dạ, kéo luống công mẹ thầy.

Lên non mới biết non cao,  
Nuôi con mới biết công lao mẹ thầy .

Trách ai đặng cá quên nơm,  
Đặng chim bẻ ná, quên ơn sinh thành.

Ôn cha nặng lắm ai ơi!  
Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.  
Có cha có mẹ thì hơn,  
Không cha không mẹ như đờn đứt dây.

Mẹ già như chuối ba hương,  
Nnhư xôi nếp một, như đường mía lau.

Chim trời ai dễ đếm lông,  
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.  
Tu đâu cho bằng tu nhà,  
Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu.

Sống thì con chẳng cho ăn,  
Chết thì xôi thịt, làm văn tế ruồi!

Ví dầu cầu ván đóng đinh,  
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi,  
Khó đi mẹ dắt con đi,  
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.

Ai về tôi gửi buồng cau,  
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy,

Ai về tôi gởi đôi dầy,  
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.  
Trai mà chi, gái mà chi,  
Sinh ra có ngãi có nghì là hơn.

## II.- TRUYỆN THÁNH DÓNG hay PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

“ Đời Hùng Vương thứ 3, thiên hạ thái bình, dân vật đầy đủ. Ân Vương lấy sự thiếu triều cống, giả đi tuần thú để xâm chiếm nước ta. Hùng Vương nghe được mới triệu quần thần hỏi về kế hoạch đánh hay giữ. Có nhà phương sĩ dâng lời nói rằng: Không gì bằng cầu Long Quân để xin âm phù. Hùng vương nghe theo, mới lập đàn trai giới, đặt vàng bạc lụa là ở trên bàn, đốt hương cầu tế 3 ngày thì trời cảm sấm mưa, thoát thấy một ông già cao hơn 6 thước, mặt vuông, bụng lớn, râu mày bạc phơ, ngồi ở ngã ba mà nói cười ca múa, người ta trông thấy, ngỡ là người phi thường, mới tâu với Vua. Vua thân hành ra bái yết, rước vào trong đàn, ông già không ăn uống, không nói năng gì cả. Hùng Vương đến trước hỏi rằng : Nay nhà Ân sắp sang đánh, hơn thua ra sao, nếu có kiến thức gì, xin bày cáo cho. Ông già mò thẻ ra bói, thưa với Vua rằng: Sau 3 năm giặc mới qua đánh. Vua lại hỏi kế hoạch để đánh giặc, ông già đáp rằng : Nếu có giặc đến, thì phải nghiêm chỉnh khí giới, tinh luyện sĩ tốt để cho nước có uy thế, rồi tìm khắp thiên hạ có ai đẹp được giặc, thì phong cho tước ấp, hễ được người ấy thì dẹp được giặc ngay. Nói đoạn bay lên không mà đi, mới biết đó là Long Quân. Mới đến 3 năm, biên binh cáo cấp có quân Ân sang, Hùng Vương y theo lời nói của lão nhân, sai sứ đi khắp thiên hạ để tìm người dẹp giặc.

Sứ giả đến làng Phù Đổng, huyện Vũ Ninh, trong làng có một ông nhà giàu đã hơn 60 tuổi, mới sinh được một người con trai 3 tuổi, không biết nói, chỉ nằm ngửa, không ngồi dậy được. Bà Mẹ nghe sứ giả đến, nói bợn với con rằng : Sinh được thằng này chỉ biết ăn uống, chớ không biết đánh giặc để lĩnh thưởng của triều đình, mà đền ơn bú mớm.

Đứa trẻ nghe mẹ, thình lình nói lên rằng: Mẹ hãy gọi sứ giả vào đây, con hỏi thử xem là việc gì? Bà mẹ cả kinh, bảo với xóm làng, con tôi đã biết nói . Xóm làng

lấy làm lạ, mới rước sứ giả về nhà. Sứ giả hỏi rằng : Mày là đứa trẻ mới biết nói, mà bảo kêu ta đến làm gì ?

Đứa trẻ mới ngồi dậy : Lập tức về tâu với Vua đúc cho ta một con ngựa sắt cao 18 thước, một gươm sắt dài 7 thước, một cái nón sắt, trẻ này cưỡi ngựa, đội nón đi đánh giặc cho, giặc phải tan tành, nhà Vua việc gì phải lo. Sứ giả chạy về, trình cáo với Vua, Vua mừng bảo rằng : Thế thì ta không lo gì vậy. Quân thần đều tâu: Một người đánh giặc làm sao phá nổi.

Vua nói: Đó là Long Quân giúp ta, lời lão nhân đã nói trước không phải là lời nói không, các người không nên ngờ. Rồi sai người tìm sắt cho được 50 cân, luyện thành ngựa sắt, gươm sắt và nón sắt . Sứ giả đem tất cả đến, bà mẹ thấy cả kinh, sợ hoạ đến cho mình, lo sợ hỏi con.

Đứa trẻ cả cười nói rằng: Mẹ đem cơm thật nhiều cho con ăn, con đi đánh giặc, mẹ đừng lo sợ. Rồi đứa trẻ lớn rất mau, áo cơm hàng ngày bà mẹ cung cấp không đủ hàng xóm nấu thêm cơm, làm thịt trâu, rượu, bánh trái, thế mà đứa trẻ vẫn không no bụng, vải lụa gấm vóc, mặc chẳng kín mình, đều phải lấy thêm hoa cây, hoa lau mà che nữa.

Đến khi quân nhà Ân kéo đến Trâu Sơn, đứa trẻ mới duỗi chân đứng dậy, mình cao hơn 10 trượng, nghênh mũi mà nhảy, nhảy mũi hơn 10 tiếng, rồi tuốt gươm nói lớn lên rằng : Ta là Thiên Tướng

đây! Bèn đội nón nhảy lên ngựa, ngựa phi như bay, múa gươm xông đến trước, quan quân theo sau đến sát lũy giặc, dàn trận dưới núi Trâu Sơn. Quân Ân cả vỡ, trở giáo chạy lùi, Ân Vương chết ở Trâu Sơn, còn dư đảng thì la liệt sụp lạy mà hô rằng : Thiên tướng, chúng tôi hết thầy xin đầu hàng. Đứa trẻ đi đến núi Việt Sóc mới cởi áo mặc rồi mới cưỡi ngựa bay lên trời, chỉ lưu dấu chân trên đá ở dưới núi mà thôi. Hùng Vương nhớ đến công lao, không biết lấy gì đền báo mới tôn làm Phù Đổng Thiên Vương, lập đền thờ ở vườn nhà làng ấy, cho ruộng 100 khoảnh, để làm lễ hưởng tế Xuân Thu.

Đời nhà Ân 27 vua, trải qua 640 năm, không dám đem binh sang đánh nữa . Man di bốn phương nghe được như vậy cũng đều thần phục, về phụ với vương. Sau Vua Lý Thái Tổ phong làm Xung Thiên Thần vương, lập miếu tại làng Phù Đổng, nay ở

huyện Tiên Du, bên chùa Kiến Phúc, tạc tượng ở núi Vệ Linh, Xuân Thu đều có lễ tế vậy .

Có bài thơ rằng :

Vệ Linh năm tháng đám mây nhàn,  
Muôn tía ngàn hồng chói thế gian,  
Ngựa sắt ở trời, danh ở sử,  
Uy linh lừng lẫy khắp giang san.

( *Lĩnh Nam chích quái: Trần Thế Pháp ,bản dịch của Lê Hữu Mục ,trang 55 – 57 )*

### **Phù Đổng Thiên Vương**

Sáu đời Hùng vận vừa suy  
Vũ Ninh có giặc mới đi cầu tài  
Làng Phù Đổng có một người  
Sinh ra chẳng nói chẳng cười trơ trơ  
Những ngờ oan trái bao giờ  
Nào hay thần tướng đợi chờ phong vân ( 1 )  
Nghe Vua cầu tướng ra quân  
Thoắt ngồi, thoắt nói muôn phần khích ngang ( 2 )  
Lời thưa mẹ : “ Dạ cần vương ( 3 )  
Lấy trung làm hiếu , mọi đường phân minh  
Sứ về tâu với triều đình  
Gươm vàng ngựa sắt đề binh tiến vào ”

Trận mây theo ngọn cờ đào  
Ra uy sấm sét nửa chiều giặc tan  
Áo nhung cỡi lại Linh Sơn ( 4 )  
Thoắt đề thoát nợ trần hoàn lên tiên  
Miếu đình còn dấu cổ viên ( 5 )  
( Đại Nam quốc sử diễn ca )



### **Chú thích**

- ( 1 ) Gió mây : Dịp tốt để thi thố tài đức
- ( 2 ) Khảng khái .
- ( 3 ) Đánh giặc giúp vua .
- ( 4 ) Núi Sóc Sơn , còn có tên là Vệ Linh Sơn , thuộc tỉnh Phúc Yên.

( 5 ) Vườn cũ : tức là làng Phù Đổng , tỉnh Bắc Ninh

### **Kinh Phù Đổng**

“ Vào thời vua Hùng, có giặc Ân xâm lấn nước ta. Vua Hùng làm đủ cách nhưng vẫn không ngăn được giặc. Nhà vua liền lập đàn cầu Tổ về giúp. Trong một cơn mưa to gió lớn , bỗng có một cụ già mặc áo đỏ, hình dung cổ quái, đến đùa dỡn với đám trẻ con ở ngã ba đường.

Dầu thấy lạ vua Hùng cũng đến xin Cụ chỉ cách để cứu nước. Cụ cười bảo: Nhà vua hãy sai sứ đi khắp nơi mà tìm. Theo lời Tổ dạy, vua Hùng liền sai người chia nhau đi khắp nơi để loan tin Tổ về và tìm người cứu nước. Đang khi đó, tại làng Phù Đổng có một em bé đã 3 tuổi mà không biết đi đứng nói cười gì cả. Nhưng khi nghe sứ vua rao tin. Cậu liền bật nói. Cậu xin sứ cho cậu một con ngựa sắt, một cái roi sắt để cậu phá giặc. Từ đó láng giềng đem gạo vãi tới giúp cậu ăn mặc, và cậu lớn như thổi. Khi sứ vua đem ngựa và roi sắt tới, cậu bé Phù Đổng vươn vai thành người cao lớn. Khi cậu nhảy lên ngựa sắt, ngựa liền cử động và phun lửa. Với ngựa lửa roi sắt, cậu đánh giặc một trận toại bời. Khi roi sắt gãy, cậu nhổ tre mà đánh. Ngựa cũng phun lửa cháy mất mấy làng. Giặc tan, cậu bỏ gốc tre lại, và cưỡi ngựa lên núi mà về trời. Cả một gốc tre bỏ lại sau hoá thành tre lá ngà. Vua Hùng phong cậu là Phù Đổng Thiên vương. “

( *Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 271 – 272* )

### ***Khai triển***

*Đây là đề tài chống giặc giữ nước của Vua Hùng.*

#### **1.- Sự chuẩn bị xa**

*Khi phát hiện ra ý đồ xâm lược của giặc Ân, Vua Hùng liền triệu tập quần thần lại để thống nhất ý kiến của quần thần về việc chống giặc giữ nước.*

#### **2.- Hội nghị triều đình**

*Đây một thứ hội nghị Diên Hồng cấp cao gồm những tay mưu sĩ, để tìm ra phương kế hay để chống giặc và trước hết để tìm cách huy động sự nhất trí của triều đình và nhân dân.*

### 3.- Lập đàn cầu Tổ

Vua Hùng đắp đàn trai giới, dâng lễ vật và đốt hương cầu tế 3 ngày đêm. Tại sao phải cầu đảo Vua Lạc Long và để làm gì? Vua Hùng còn nhớ rõ bên tai, khi Mẹ Tiên chia tay với Cha Rồng, đem con lên núi lập quốc, Cha Rồng đã căn dặn : “ **khí cần thì gọi, Ta về ngay** ”.

Cầu Tổ trước hết là vâng lời căn dặn của Tổ, vì Tổ chính là niềm tin, là Hồn thiêng Sông Núi, và là trụ bám của cả dân tộc. Tổ Lạc Long là loài Rồng, là Tổ tiên của Việt tộc đã khai sáng ra nước Văn Lang, một nước rất thịnh trị .

Rồng là loại mưu trí biến hoá khôn lường, ẩn nhận vô song và hùng dũng khôn tả . Cầu xin Tổ là để được tiếp hợp với sức sống dũng mạnh của Tổ tiên, để làm tuôn trào mạch sống của dân tộc. Tổ là gốc, là khởi điểm và cũng là tụ điểm của toàn dân, có kết hợp được với sức sống Tổ thì mới quy tụ con dân về một mối, để có sức mạnh tổng hợp của toàn dân. “ Ba anh thợ dày làm thành một Gia cát Lượng ”, thì toàn con dân Việt nhất trí dưới sự phù trợ của Tổ tiên, chắc chắn sẽ có sự biến hoá khôn lường và hùng dũng khôn tả của Vua Lạc .

Làm được việc đó thì giặc nào cũng bị ta đánh bại. Cầu Tổ để được soi sáng để được phù trợ là vậy.

### 4.- Tổ hiện ra

Sự thành khẩn của Vua Hùng đã đem lại cảnh “ **đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu** ” giữa con cháu và Tổ tiên, lẽ nào Tổ chẳng hiển linh mà phù trợ . Quả nhiên, sau khi cầu đảo, trời chớp sấm mưa, Tổ mới hiện ra dưới dạng của một ông già, tướng mạo kỳ dị, ngồi ở ngã ba đường nói cười, ca múa. Tổ hiện ra trong lúc trời mưa sấm chớp là dấu chỉ cho Vua Rồng để cho con dân Việt nhận ra Tổ là Lạc Long đó, chứ không phải quỷ ma hiện hình. Tổ có hình giáng dị kỳ để cảnh tỉnh mọi người kể cả Vua, đây là việc hết sức nghiêm trọng, không được vì khiếp nhược hay vô trách nhiệm mà để mất nước cho giặc. Tổ không hiện ra nơi lập đàn, mà hiện ra nơi ngã ba đường, là nơi tụ họp của người dân, đó là lời nhắn nhủ với nhà Vua là phải đi ra vận động với toàn dân mà cứu nước. Tổ nói cười ca múa là dấu chỉ Tổ muốn an ủi con cháu là phải lạc quan, phải tin tưởng, vì có

ta phù trợ, mọi người đừng có lo sợ, mà quyết tâm cứu nước. Khi dạy bảo xong, Tổ lại biến mất vào không trung như Rồng.



## **5.- Lời dạy bảo của Tổ**

*Khi vắn kể, Tổ bảo với Vua Hùng: 3 năm nữa giặc mới tới đánh, nay phải nghiêm chỉnh khí giới, tinh luyện sĩ tốt, tìm khắp trong thiên hạ cho ra người có tài cứu nước. Còn 3 năm nữa giặc mới tới đánh, thì Vua Hùng mới đủ thời gian để sắm sửa khí giới và huấn luyện binh sĩ. Điều này chứng tỏ Vua Hùng biết lo xa. Rảo khắp thiên hạ mà tìm người tài ba ra cứu nước. Thực ra là công cuộc vận động toàn dân, kẻ góp công người góp của, những thanh niên trai tráng, phải chuẩn bị sẵn sàng để chống giặc, khi cần, giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh.*

## **6.- Kế sách chống giặc của Vua Hùng**

*a.- Thống nhất ý chí chống giặc của các vua quan.*

*b.- Cầu xin Tổ để được soi sáng, phù trợ, để chuẩn bị kế sách sẵn sàng chống giặc, nhất là phương cách quy kết toàn dân về một mối.*

*c.-Vận động toàn dân, kẻ góp công người góp của, và các thanh niên trai tráng sung vào binh lực và sắm sanh khí giới mà chống giặc.*

## **7.- Công việc chuẩn bị và tổng phản công giặc**

*a.- Kế sách Vua Hùng đã có, nay chỉ cho các sứ giả đi khắp thiên hạ trong nước vận động toàn dân góp công, góp của, mà nuôi sức người Phù Đổng.*

*b.- Đi tìm mỏ sắt đúc khí giới, đúc ngựa sắt, đúc nón sắt, tức là chuẩn bị quân nhu và quân cụ . Triều đình nhất trí, toàn dân kết thành một khối, binh sĩ đã được tôi luyện, khí giới đã sẵn sàng, thì tới giai đoạn Tổng phản công.*

## **8.- Lệnh tổng phản công**

*Khi đã nhập vào được nguồn sống qua Tổ, toàn dân đã lấy lại được niềm tin, toàn dân kết thành một khối, vua quan và quân dân một lòng, trăm người như một quyết tâm đuổi giặc, mọi người đem hết khả năng, phương tiện cho công cuộc cứu nước. Với sức mạnh tổng hợp của toàn dân, thì những đòn sấm sét đó không giặc nào chống đỡ nổi. Chỉ chờ quân giặc tới, nhà Vua ra lệnh tổng phản công là toàn quân toàn dân toàn diện vùng lên mà phản công giặc, đó là con nhà trời vùng lên tiêu diệt giặc. Toàn thắng đã nắm chắc trong tay nhân dân rồi.*

## 9.- Con người Phù Đổng

a.- Em bé Phù Đổng đã 3 năm mà chỉ nằm ngửa, không nói, không cười, là hiện thân của Vua Lạc khi còn ẩn nấp nằm sâu dưới lòng biển khơi, còn đợi cho đến lúc được sung mãn về mọi mặt, nên chưa tỏ rõ mình ra. Đây là con người anh hùng còn “ **khí gặp khúc lươn** ”, nên đang ẩn nấp “ **cuộn lại cho vẫn** ”.

b.- Gặp khi cần thiết, nhất là khi quốc gia lâm nạn, thì mới đến giai đoạn “ **Khi vươn thì dài** ”. Thật ra con người Phù Đổng không chỉ là em bé lạ lùng, đến 3 tuổi mà không nói, không cười, không đi, rồi đột nhiên được cung cấp mọi thứ cần thiết là lớn lên như thổi, có sức mạnh phi thường, nên đó phải là một em bé dân tộc Việt, được toàn dân đóng góp mọi thứ để cho lớn lên, thành sức mạnh tổng hợp của toàn dân, toàn dân Việt trở thành một Phù Đổng. Phù Đổng là tập hợp của những con Người Nhân chủ ( số 3 ), hết sức tự Lực tự Cường. Để toàn dân trở thành Phù Đổng thì thời gian chuẩn bị ít nhất cũng 3 năm. Phù Đổng thật là con dân của Lạc Long và cũng miêu duệ của Bàn Cổ, nên có tài biến hóa :

**Anh hùng khí gặp khúc lươn,**

**Khi cuộn thì vẫn , khi vươn thì dài.**

c.- Vì không là Phù Đổng cá nhân, mà là Phù Đổng tập thể, nên khi đã đánh xong giặc thì ai về nhà nấy, nào đâu phải là người đánh giặc thuê mà ngồi đợi chức tước và hưởng bổng lộc một mình . Nhưng tất cả Phù Đổng của dân Việt đều chạy đến núi Việt Sóc, cởi áo ( làm xong nhiệm vụ ) mà siêu về miền An Việt, tức là cuộc sống an bình hạnh phúc trong mọi xóm làng . Quả thật Phù Đổng là những trai hùng gái đảm của Việt tộc, những con người nhân chủ, đầy nhân trí dũng, luôn luôn biết tự lực tự cường.

## 10.- Bộ huyền số của Việt tộc

“ Có bản chỉ nói Hùng Vương, có bản lại nói là Hùng Vương thứ 6, thế là sai với toàn sách nói đến số 3 năm lần: Cầu đảo 3 ngày, Ngồi ở ngã 3 đường, 3 năm giặc mới đến, 3 năm sau, Trẻ 3 năm mới nói . Như vậy thì ẩn ý trong số 3 đã quá rõ.

Có bản nói ông già cao hơn 9 thước thì đúng hơn, vì tự 3 tới 9 là bộ huyền số đi đôi.

50 cân sắt làm sao đủ để đúc ngựa , kiếm, mũ ? Trẻ đứng lên cao hơn 10 trượng, nhảy mũi hơn 10 tiếng: Ta có 2 lần:  $10 = 2 \cdot 5$  . Vậy quả ta có bộ huyền số: 2 , 3 , 5 , 9 , đó là bộ số của văn hoá Việt tộc “ .  
( Kim Định :  
*Kinh Hùng khái triết, trang 186* )

## **11.- Ca dao tục ngữ Gương trai hùng**

Trong dậy, ngoài lậy.

Lạt mềm buộc chặt hơn mây.

Anh hùng khi gặp khúc lươn  
Khi cuộn thì vắn , khi vươn thì dài.

Đã sinh ra kiếp đàn ông,  
Đèo cao núi thẳm sông cùng quản chi.

Mạnh mà mềm dẻo mới nên,  
Khác gì dòng nước chảy trên sông ngòi.

Trượng phu không nhiễm thói trần,  
Không sợ nghèo khó, không thân sang giàu.

Làm trai quyết chí tu thân,

Công danh chó vội, nợ nần chó lo,  
    Khi nên trời giúp công cho,  
Làm trai năm liệu bảy lo mới hào.  
    Trời sinh trời chẳng phụ nào,  
Công danh gặp hội anh hào ra tay,  
    Trí khôn rắp để dạ này,  
Có công mài sắt, có ngày nên kim.

    Đã sinh ra ở trong Trời Đất,  
    Phải có danh gì với núi sông.

    ( Nguyễn Công Trứ )

Huyết khí chi Dũng, bất khả hữu.  
Nghĩa khí chi Dũng, bất khả vô.  
*Cái Dũng của huyết khí, không nên có,  
Cái Dũng của Đạo lý, không thể không ).*

### **Mẫu gái đảm**

    Canh một dọn cửa dọn nhà,  
    Canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm,  
    Canh tư bước sang canh năm.  
Trình anh dậy học chó nằm làm chi,  
    Nửa mai chứa mở khoa thi

Bảng vàng chói lọi, kìa đề tên anh  
Bỏ công cha mẹ sắm sanh,  
Sắm nghiên, sắm bút cho anh học hành.

Xin chàng kinh sử học hành,  
Để em cày cấy, cửi canh kịp người.  
Mai sau xiêm áo thảnh thơi,  
Ôn giờ lộc nước, đời đời hiển vinh.

Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân,  
Nay anh học gần, mai anh học xa,  
Tiền gạo thì của mẹ cha,  
Cái nghiên cái bút, thật là của em.

Em là con gái Phụng Thiên,  
Bán rau mua bút, mua nghiên cho chồng,  
Nữa mai chồng chiếm bảng vàng,  
Bỏ công tắm tưới vun trồng cho rau.

Rủ nhau đi cấy đi cày,  
Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu,  
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu  
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa .

Đôi bên bác mẹ cùng già,  
Lấy anh hay chữ để mà cậy trông,  
Mùa Hè cho chí mùa Đông,  
Mùa nào thức ấy cho chồng ra đi,  
Hết gạo thiếp lại gánh đi,  
Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao,  
Hỏi thăm đến ngõ thì vào,  
Tay đặt gánh xuống, miệng chào thừa anh.

Từ khi em về làm dâu,  
Anh thì dặn trước bảo sau mọi nhời,  
Mẹ già dữ lắm em ơi,  
Nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn lời mẹ cha,  
Nhịn cho nên cửa nên nhà,  
Nên kèo nên cột, nên xà tâm vông  
Nhịn cho nên vợ nên chồng ,  
Thời em coi sóc, lấy trong cửa nhà,  
Đi chợ thì chớ ăn quà,  
Đi chợ thì chớ rề rà ở trưa.  
Dù ai bảo đợi bảo chờ,  
Thời em nói dối con thơ em về.

Anh ơi ! phải lính thì đi

Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi,  
Tháng chạp là tiết giồng khoai,  
Tháng hai giồng đậu, tháng ba giồng cà ,  
Tháng ba cày vỡ ruộng ra,  
Tháng tư gieo mạ thuận hoà mọi nơi,  
Tháng năm gặt hái vừa rồi,  
Giời đổ mưa xuống, nước trôi đầy đồng,  
Anh ơi! giữ lấy việc công,  
Để em cày cấy, mặc lòng em đây.

Anh đi, em ở lại nhà,  
Hai vai gánh vác, mẹ già con thơ,  
Lầm than bao quản ( muối dưa ) nắng mưa,  
Anh đi, anh lựa chen đua với đời .

### III.- TRUYỆN KIM QUY

“ An Dương Vương nước Âu Lạc là người ở Ba Thục, họ Thục, tên Phán, nhân việc tổ tiên cầu hôn với con gái của Hùng Vương tên là My Nương không được, nên sinh ra hàm oán. Phán muốn hoàn thành ý chí của Tổ tiên, nên cử binh đánh Hùng Vương, diệt nước Văn Lang, cải hiệu Âu Lạc mà ở, đắp thành ở đất Việt Thường, thành đắp xong lại sập. Vương mới lập đàn trai giới, cầu đảo 3 tháng. Ngày mồng 7 tháng 3 bỗng thấy một ông già theo phương Tây mà đến thẳng cửa thành, vừa đi vừa than rằng : Xây đắp thành này, thì bao giờ cho xong! Vương rước vào trên điện, lay và khóc rằng : Ta đắp thành này đã xong lại đổ, hao tổn công sức, mà rồi không thành là tại làm sao? Ông già thưa : Ngày nào có sứ giả Thanh Giang cùng đắp với Vương thì thành ấy mới xong . Nói đoạn cáo từ.

Rạng ngày, Vương đứng ở cửa Đông trông ra thì thấy một con rùa vàng theo hướng Đông mà bơi lại; rùa đứng trên mặt nước, nói được tiếng người, tự xưng là Thanh Giang sứ giả, biết rõ lẽ trời đất, âm dương, quỷ thần. Vương mừng hỏi rằng : Điều đó ông già đã báo cho Ta rồi. Bèn sai lấy kim dư rước vào trong thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì có gì mà thành không đáp được. Kim Quy nói: Ở đây có tinh khí núi sông, có Tiên vương phụ vào để báo thù nước, lại có con gà trắng, sống ngàn năm hoá làm yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu, trên núi có con quỷ, trước là một nhạc công chôn cất ở đây, hoá ra quỷ. Ở bên có một cái quán để cho hành khách qua lại ngủ nhờ, chủ quán tên là Ngô Không, có một đứa con gái và một con gà trắng là dư khí của quỷ thần. Hễ có người khách nào qua lại đến đây ngủ nhờ, thì quỷ tinh hoá ra thiên hình vạn trạng mà giết hại rất nhiều. Bây giờ ta nên bắt con gà trắng và đứa con gái của chủ quán mà giết đi thì tinh quái sẽ hết. Nhưng chắc nó lại hoá ra yêu thư, sai chim cú ngậm thư bay lên trên cây chiên đàn, tâu với Thượng Đế để xin phá thành ấy đi. Thần này xin cần cho rơi cái thư xuống, Vương lập tức thu lấy, tất nhiên thành đắp mới xong .

Kim Quy bảo Vương giả làm khách đi đường xin ngủ nhờ trong quán. Vương để Kim Quy ở trên ngưỡng cửa. Ngô Không nói : Quán này có yêu tinh, đêm thường giết người, Lang quân không nên ở lại, và nay trời còn chưa tối, nên đi mau đến chỗ khác để tránh họa. Vương cười rằng: Sinh tử tại

mệnh, quỷ mỵ mà làm gì, ta không sợ. Mối ngủ lại đó. Trong đêm có quỷ tinh tới ngồi, kêu rằng : Ai ở trong nhà này phải mở cửa ra mau . Kim Quy mắng rằng : Cửa đóng thì mày làm gì nào? Quỷ tinh phóng hoả tan ra vạn trạng, quỷ dị đủ phương để khủng bố, nhưng rốt cuộc cũng chẳng vào được nhà. Đến lúc gà gáy, các quỷ đều chạy tan, Kim quy khiến Vương đuổi theo đến núi Thất Diệu, quỷ tinh thu về hết cả, Vương trở lại quán trọ. Sáng ngày, chủ quán đem người đồng đến để chôn thi thể của khách ngủ lại hôm qua , thấy Vương ngồi đó, nói cười như không có gì cả .

Quán chủ bước đến, vái lạy nói rằng: Lang quân được như thế là thánh nhân rồi, xin ban linh thuật để cứu sinh linh. Vương bảo : Hãy giết con gà trắng của mày mà tế, thì quỷ thần tan hết. Ngô Không giết con gà trắng thì đứa con gái tự nhiên nhào xuống chết . Vương lập tức bảo người đào núi Thất Diệu, được một nhạc khí đời cổ và một hài cốt, sai đốt trộn thành tro mà quăng ra sông. Lúc bấy giờ trời đã gần



chiều, Vương cùng Kim Quy leo lên núi Việt Thường, quý tinh đã hoá ra chim si hưu ngậm thư bay lên cây chiên đàn.

Kim Quy bèn hoá ra một con chuột mà bị theo sau lưng cắn chân chim, thư rơi xuống đất, Vương lập tức thu lấy thì sâu đã ăn hết hơn một nửa rồi. Từ đó quý tinh tan hết không phá phách như xưa nữa. An Dương vương đắp thành nửa tháng thì xong, thành dài và rộng nghìn trượng, xoay tròn như hình con ốc, lại đặt tên là Thăng Long ( 1 ), Người nhà Đường gọi là thành Sát Quỷ Côn Lôn bởi vì thành rất cao lớn. Kim Quy ở lại với Vương 3 năm rồi từ về, Vương bảo rằng : Nhờ ơn của người thành đã vững chắc, nếu như có việc ngoài thì lấy gì mà chống giữ? Kim Quy thưa : Quốc độ tu đoản, xã tắc an nguy là vận của trời, nhưng người biết tu đức thì có thể lâu dài được, Vương đã có lòng ước nguyện thì tôi đâu dám tiếc. Mới cỡi cái móng chân đưa cho Vương và nói : Thần hoặc giặc có đến thì dùng móng này làm máy nổ, đem ra mà đánh giặc thì không có gì đáng lo. Nói đoạn trở về Đông Hải. Vương khiến bày tôi là Cao Lỗ làm nổ lấy móng làm máy, hiệu là Linh –Quang Kim –Trảo Thần Nổ; sau Triệu Đà đem quân đến Xâm lăng, cùng Vương giao chiến, Vương dùng Thần Nổ mà bắn, quân Triệu Đà thua chạy, đóng đồn ở núi Trâu Sơn, đối lữ với Vương. Triệu Đà biết Vương có Nổ Thần, không dám tái chiến, mới khiến sứ thỉnh hoà. Vương mừng, cắt từ sông Tiểu Giang về phương Bắc cho Triệu Đà cai trị, trở về phương Nam thì do Vương cai trị ( nay là sông Nguyệt Đức ), ( 2 )

Chưa được bao lâu, Đà sai con và túc vệ cầu hôn với con gái Vương là My Châu, Vương bất ý không ngờ gian kế của cha con Triệu Đà. Trọng Thủy dỗ My Châu trộm lấy Nổ Thần cho xem, rồi lén làm nổ khác đổi lấy vuốt rùa dấu đi, rồi dối với My Châu là trở về Bắc thăm cha mẹ. Nhân đó nói rằng : Tình phu phụ thì không nữ quên, mà ơn phụ tử cũng không nên bỏ, ta nay về thăm cha mẹ và vạ nhất hai nước thất hoà, Nam Bắc cách biệt, ta trở lại tìm nàng, thì lấy vật gì mà làm dấu cho ta biết. My Châu nói : Thiếp là nhi nữ, gặp bước phân ly thực khó thắng được tình cảm, thiếp có chiếc nệm ( 3 ) gấm lông ngỗng thường mang trên người, đến lúc ấy, thì thiếp lấy lông ngỗng mà rải ở các ngã ba để chỉ cho chàng biết chỗ thiếp đi mà đến cứu. Trọng Thủy từ tạ, cắp nổ mà về báo cáo với Triệu Đà. Đà được nổ rất mừng, liền phát binh đánh Vương, Vương không lo phòng bị, mãi đánh vây, cười rằng : Đà không sợ Nổ Thần của ta sao ? Đến lúc quân Triệu Đà tiến bước, Vương mới xách nổ ra bắn, thì thần cơ đã mất, quân chạy tán loạn. Vương chở My Châu lên ngựa, chạy về hướng Nam, đến bờ biển, cùng đường, không có thuyền để sang

ngang, Vương hét lớn lên rằng : Trời để mắt ta hay sao? Giang sứ mau đến cứu ta! Kim Quy nổi lên trên mặt nước, mắng rằng : Người cưỡi ngựa sau lưng là giặc đó, hãy giết nó ta mới cứu. Vương bèn tuốt gươm chém My Châu .

My Châu ngửa mặt lên trời mà cầu xin : Thiếp là con gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại đến phụ thân thì chết hoá thành bụi trần, như một niềm trung tín, bị người phỉnh phờ, thì hoá làm ngọc châu để rửa cái thù nhục nhã này My Châu chết ở bờ biển, máu chảy trên nước, hầu hén ăn vào lòng, hoá thành minh châu. Vương cầm sừng văn tê bảy tấc, Kim Quy rẽ nước dẫn Vương vào biển, đòi truyền tại núi Mộ Dạ, làng Cao Xá, Châu Diên, tức là chỗ đó vậy. Quân Triệu Đà tới chỗ đó, thì không thấy gì hết, chỉ thấy tử thi của My Châu, Trọng Thủy ôm thân nàng mà về chôn ở Loa Thành, hoá làm ngọc thạch, Trọng Thủy thương cảm vô cùng, thấy lại những chỗ hay tắm gội của My Châu, tưởng nhớ đến hình dung của nàng, bèn nhảy xuống giếng mà chết . Sau này ai được ngọc châu ở Đông Hải,

càng mức nước giếng ấy mà rửa, thì sắc ngọc càng thêm rực rỡ . Nhân tránh tên My Châu, nên gọi ngọc châu là Đại Cưu, Tiểu Cưu vậy. “

( 1 ) : Chắc sai, bản của Despieres ghi là Tư Long .

( 2 ) : Theo bản của Despieres, thì là sông Thiên Đức ( Xem Cổ Loa, capitale du royaume Âu Lạc ) .

( 3 ) : Dịch chữ Nhục, có người dịch là áo choàng, e không đúng, nhưng thực ra là nệm gấm thường mang trên người thì cũng là một thứ áo choàng .

( *Lĩnh Nam chích quái : Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, Trăm Việt xuất bản, trang 70 – 74* )

### **Thần Kim Quy giúp Vua Thục**

“ Thục từ dứt nước Văn Lang,

Đổi tên Âu Lạc mới sang Loa Thành,

Phong Khê là đất Vũ Ninh ( 1 ),

Xây thôi lại lở công trình biết bao!

Thục vương thành ý khẩn cầu,  
Bồng đầu Giang sứ ( 2 ) hiện vào Kim Quy ( 3 )  
Hoá ra thừa nói cũng kỳ,  
Lại tường cơn có bởi vì yêu tinh,  
Lại hay phù phép cũng linh,  
Vào rừng sát quỷ, đào thành trừ hung ,  
Thành xây nửa tháng mà xong,  
Thục vương cảm tạ tấm lòng hiệu linh ( 4 )  
Lại bàn đến sự chiến tranh,  
Vuốt thiêng để lại tạ tình quân vương,  
Dặn sau làm máy Linh Quang ( 5 )  
Chế tra Thần Nỏ, dự phòng việc quân.”

( 1 ) : Nay còn vết tích Loa Thành ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên.

( 2 ) Giang sứ : thần sông .

( 3 ) Kim Quy : Rùa vàng.

( 4 ) Hiệu linh : Giúp một cách màu nhiệm.

( 5 ) Linh Quang : Tên cái nỏ.

### **Trung Quốc đánh Âu Lạc**

“Bấy giờ gặp hội cường Tần,  
Tầm ăn lá Bắc, toan lần càn Nam,  
Châu Cơ ( 1 ) muốn nặng túi tham

Đồ Thư, Sử Lộc sai làm hai chi,  
Lĩnh Nam mấy chốn biên thùỵ,  
Quê Lâm, Tượng Quận thu về bản chương,  
Đặt ra Úy lệnh rõ ràng,  
Họ Nhâm, họ Triệu sai sang giữ gìn,  
Hai người thống thuộc đã quen,  
Long Xuyên, Nam Hải ( 3 ), đôi bên lần dần  
Chia nhau thủy bộ hai quân,  
Tiên Du ruỗi ngự , Đông Tân ( 4 ) đở thuyền.  
Thục vương có nỏ thần truyền,  
Muôn quân buông một lượt tên còn gì ?  
Nhâm Hiêu mắc bệnh trở về,  
Triệu Đà lại khiến sứ đi xin hoà,  
Bình Giang ( 5 ) rạch nửa sơn hà,  
Bắc là Triệu Úy, Nam là Thục vương.”

( 1 ) Châu cơ : hai thứ ngọc (Đại cơ, Tiểu Cơ ) . Tàu cho là Âu Lạc có nhiều thứ ngọc, nên tìm cách sát nhập Âu Lạc vào Tàu .

( 2 ) Úy : là chức quan võ cầm quân dẹp giặc, Lệnh : Chức quan văn, coi việc cai trị .

( 3 ) Long Xuyên , Nam Hải : tên đất, nay thuộc tỉnh Quảng Đông nước Tàu.  
Nhâm Hiêu, Triệu Đà chia hai ngả, lần sang Âu Lạc.

( 4 ) Tiên Du : thuộc tỉnh Bắc Ninh, Đông Tân : ở trên sông Nhị Hà thuộc Hà Nội.

( 5 ) Bình Giang : nay là sông Thương, thuộc tỉnh Hà nội.

### **Trọng Thủy, My Châu**

“ Mặt ngoài hai nước phân cương ( 1 )  
Mà trong là Triệu mượn đường thông gia,  
Nghĩ rằng Nam, Bắc một nhà,  
Nào hay hôn cấu ( 2 ), lại ra khấu thù ( 3 )  
Thục Cơ ( 4 ), tên gọi My Châu,  
Gả cho Trọng Thủy, con đầu Triệu vương  
Trăm năm đã tạc đá vàng,  
Ai ngờ thế tử ( 5 ) ra đàng phụ ân ,  
Tóc tơ tỏ hết xa gần,  
Thừa cơ đem máu nỏ thần đổi đi,  
Tinh thân ( 6 ) giả tiếng Bắc quy,  
Đình ninh dặn hết mọi bề thủy chung,  
Rằng : khi đôi nước tranh hùng,  
Kẻ Tần, người Việt ( 7 ) tương phùng ( 8 ) đâu đây?  
Trùng lai ( 9 ) dù hoạ có ngày,  
Nga mao ( 10 ) xin nhận dấu này thấy nhau.  
Cạn lời thẳng ruổi vó câu ( 11 )  
Quản bao liệu oán, hoa sầu nẻo xa .”

( 1 ) Phân cương : chia bờ cõi.

( 2 ) Hôn cấu : kết thành vợ chồng.

( 3 ) Khẩu thù : thù giặc.

( 4 ) Thục Cơ : con gái vua Thục

( 5 ) Thế tử : con để nối dõi. Thục vương không trai đã lập Trọng Thuỷ làm thế tử, có bàn chếp là tế tử , tức là con rể .

( 6 ) Tinh thân : về thăm cha mẹ.

( 7 ) Kẻ Tàn, người Việt : nước Tàn ở về phía Bắc, nước Việt ở về phía Nam, ý nói hai nơi ở xa cách nhau.

( 8 ) Tương phùng : Gặp nhau.

( 9 ) Trùng lại : lại về gặp nhau.

( 10 ) Nga mao : lông con ngỗng.

( 11 ) Vó câu : chân ngựa, chỉ sự đi xa.

### **Triệu Đà diệt Thục**

“ Giáp binh sắp sẵn từ nhà

Về cùng Triệu úy , kéo ra ải Tân,

An Dương cậy có nỏ thần,

Vi kỳ ( 1 ) còn hãy ham phần vui chơi,

Triệu quân ruổi đến tận nơi ,

Máy thiêng đã mất , thế người cũng suy,

Vội vàng đến lúc lưu ly,

Còn đem ái nữ đề huề sau yên,

Nga mao vẫn cứ lời nguyên,

Để cho quân Triệu theo liền bóng tinh ( 2 )

Kim Quy đâu lại hiện linh,

Mới hay giấc ở bên mình không xa,  
Bấy giờ Thục chúa tỉnh ra,  
Dứt tình, phó lưởi Thái –a ( 3 ) cho nàng,  
Bể Nam đến bước cùng đường,  
Vãn – tê ( 4 ) theo ngọn suối vàng cho xuôi,  
Tỉnh ra nước Thục một đời,  
Ở ngôi vua được năm mươi năm tròn,  
Nghe thần , rồi lại tin con,  
Cơ mưu chẳng nhiệm ( 5 ) thôi còn trách ai .”

( 1 ) Vi kỳ : chơi cờ vây.

( 2 ) Bóng tình : Bóng cờ vua,

( 3 ) Thái – a : Thứ gươm quý.

( 4 ) Vãn tê : sừng tê có vân, tục truyền sừng ấy có thể rẽ nước được.

( 5 ) Nhiệm : Hiểu thấu.

( Lê Ngô Cát , Phạm Đình Toái : Đại Nam quốc sử diễn ca. Bản tiếng Việt của Hoàng Xuân Hãn, Xuân Thu xuất bản, trang 58 – 62 )

### **Kinh Mỹ Châu**

“ Vào cuối thời các vua Hùng, có Triệu Đà đem quân xâm lược nước ta.

Vì vậy An Dương vương xây thành để phòng thủ, nhưng thành cứ sập đổ mãi. Sau nhờ thần Kim Quy tới giúp mới xây được Loa thành. Thần Kim Quy còn để lại một cái móng làm lẫy nỏ, bắn một phát là giết cả vạn người. Thấy vậy, Triệu Đà cho con là Trọng Thủy kết hôn với công chúa Mỹ Châu. Trong thời gian ở tại Loa Thành, Trọng Thủy dỗ dành Mỹ Châu cho coi chiếc nỏ thần, và chàng đã tráo cái lẫy nỏ. Lấy được nỏ thần, Trọng Thủy liền về nước và cùng Triệu Đà đem quân

đánh Loa Thành. Khi biết nỏ thần hết linh nghiệm, An Dương vương đem My Châu lên ngựa chạy trốn.

Dọc đường, My Châu nhờ lông ngỗng nơi chiếc áo đang mặc để làm dấu cho Trọng Thủy đuổi theo. Biết thế, An Dương vương rút gươm chém My Châu. Máu nàng chảy xuống biển hoá thành ngọc trai. Trọng Thủy chiếm được Loa Thành, nhưng nhớ vợ nên nhảy xuống giếng mà chết. Từ đó, lấy nước giếng đó mà rửa thì ngọc trai thành sáng đẹp hơn. “

( *Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 227 – 228* )



*Lấy nỏ của Thục An Dương vương.*

## **Khai triển**

### **1 .- Tình hình Đất nước**

#### **a.- Ít nét về An Dương vương và Loa Thành**

“ An Dương Vương là dòng dõi của vua Hùng, nhưng không được xếp vào danh sách 18 vị.

Loa Thành: Di tích lịch sử này hiện còn ở thành Cổ Loa, có hình tròn ốc, chu vi gần 8 km. Chân thành dày 20 – 30 m, chiều cao 4 – 5 m, mặt thành rộng 12 m, ngoài thành có hào thông với các sông . Trong thành có đền thờ An Dương vương, mộ My Châu, giếng ngọc, nơi Trọng Thủy trầm mình, gò diễu binh. Mới đây đã đào được những mũi tên bằng đồng ở trong thành.

Thần Kim Quy, tự xưng là Thanh Giang sứ giả, từ biển Đông tới. Thần Kim Quy giúp An Dương vương xây Loa Thành, và cho cái móng làm Nỏ Thần dùng làm vũ khí chống giặc. “

( *Kinh Việt: Nam Thiên* )

#### **b.- Lực lượng Bạn và Thù**



## **Đầu não lực lượng bạn**

*An Dương vương và ái nữ My Châu là biểu tượng của Tiên Rồng, An Dương vương là nhân vật chủ chốt về công cuộc bảo vệ đất nước. Còn Mỹ Nương là nhân vật tay trong làm tiết lộ quân cơ.*

## **Bộ chỉ huy lực lượng thù**

*Triệu Đà là vua phương Bắc, luôn tìm cách xâm chiếm nước ta, nhưng vì An Dương vương có Nỏ Thần, không đánh nổi, bèn cho con là Trọng Thủy xin làm rể của An Dương vương, để tính kế đánh lấy nước ta. Kẻ thù đây là hai cha con Triệu Đà, toàn là đực rựa, là dân du mục phương Bắc.*

## **2.- Chiến lược giữ nước của An Dương vương**

### **a.- An Dương vương.**

*Để bảo vệ tổ quốc, An Dương vương đã thực hiện những công trình sau:*

*\*.- **Xây Loa Thành:** bắt dân chúng xây thành, thành đã xây đi xây lại nhiều lần, rất tốn đến công sức và mạng sống của nhân dân, nhưng đều thất bại. Sau nhờ thần Kim Quy từ biển Đông tới, chỉ cách cho mới xây xong, An Dương vương lại hỏi về cách giữ nước, thần Kim Quy tặng cho cái móng rùa làm Nỏ Thần dùng làm vũ khí lợi hại.*

*\*.- **Gả công chúa My Nương cho Trọng Thủy,** khi con của Triệu Đà tới cầu hôn.*

*An Dương vương tính kế vẹn toàn: Vương có thành lũy kiên cố, có Nỏ Thần vạn năng, lại hoà giải được với giặc ( Triệu Đà ) bằng cách gả công chúa cho Trọng Thủy, và cho Trọng Thủy ở rể trong cung điện nhà vua. **Wương không nghĩ gì tới nhân dân, mà chỉ tính kế vẹn toàn cho ngôi vua của mình.***

### **b.- Nội Thù: Công chúa My Nương**

*\*.- Vì hết lòng tin yêu chồng, mà My Nương lén cho Trọng Thủy xem Nỏ Thần là vũ khí quan trọng hàng đầu của quốc gia, nhất là sinh mạng của cha con nàng.*

*\*.- Khi đã đánh tráo được nỏ, Trọng Thủy lại viện kế về thăm cha mẹ để đem Nỏ Thần về cho Triệu Đà. Trọng Thủy vấn kế My Châu làm sao có thể liên lạc*

được với My Châu trong trường hợp chiến tranh Thục – Triệu xảy ra . Cũng vì yêu say mê, My Châu cũng nghĩ ra kế vện toàn là rải lông ngỗng dọc ngã ba đường nàng đã đi qua . Nàng cứ nghĩ là làm dấu hiệu cho Trọng Thủy đi theo, nhưng lại không hay đó là dấu chỉ điểm cho quân giặc đuổi cha con nàng tới bước đường cùng.

### **3.- Chiến lược cướp nước của Triệu Đà**

Triệu Đà cho con Trọng Thủy tới cầu hôn với My Châu có mục đích là tung gián điệp vào tận sào huyệt của cha con An Dương vương. Nhờ ở trong cung điện, mà Trọng Thủy biết rõ hết địa hình địa vật của Loa Thành, lực lượng phòng thủ diện địa cùng những sinh hoạt phòng thủ của Loa thành.

Lừa My Nương đánh tráo được Nỏ Thần đem, tức là Triệu Đà đã hoá giải được sự công hiệu của thứ vũ khí mà từ lâu Triệu Đà đành phải thúc thủ.Đó cũng giống như những cỗ trọng pháo thủ thành ngày nay. Ngoài ra, còn một yếu tố quyết định cho sự thành bại là yếu tố bất ngờ.

### **4.- Diễn tiến và kết quả của cuộc chiến**

Khi Trọng Thủy đem Nỏ Thần về là Triệu Đà đã có tất cả tin tức cần thiết để hoạch định một kế hoạch hành quân. Đặc biệt Triệu Đà đã nắm được các yếu tố quan trọng là nắm vững tình hình địch, nắm thế chủ động và bất ngờ. Phần thắng đã nằm sẵn trong tay cha con Triệu Đà.

Khi Triệu Đà đem quân tấn công nhà Thục, thì An Dương vương và quan quân đang mê mải chơi cờ. Khi giặc tấn công tới nơi, quân lính vào khẩn báo, An Dương vương còn bảo Triệu Đà không sợ Nỏ Thần của Ta sao? Khốn nỗi, Nỏ Thần nay đã nằm trong tay Trệu Đà rồi, nên khi đem Nỏ Thần ra dùng thì là vô hiệu, An Dương Vương chỉ còn kịp chở My Nương sau yên ngựa của mình mà chạy thoát . Nhờ lông ngỗng do My Châu rải dọc ngã ba đường, chẳng bao lâu, giặc đã đuổi gần. Cũng giống như Tây Sở Bá Vương, khi gặp một con sông trước mặt, không có đò qua, mà giặc lại đuổi sát sau lưng, An Dương vương chỉ biết kêu cứu Kim Quy. Kim Quy hiện ra, chỉ cho An Dương vương biết kẻ thù ở ngay sát lưng, An Dương lấy kiếm chém My Châu, người con yêu quý duy nhất của mình! Rồi cùng Kim Quy đi vào lòng biển! Thế là Triệu Đà đã diệt trọn ổ, chiếm ngôi nhà Thục như trở bàn tay!

### **5.- Nguyên nhân thành công và thất bại**

### **a .- Nhà Triệu**

*Ta đã biết nhà Triệu sống theo Văn hoá du mục, chuyên môn đi đánh chiếm, nên rất giỏi về chiến tranh, về kế hoạch hành quân. Nhà Triệu đã khôn khéo trong công việc thu thập những tin tức về địch, để biết rõ địch và ta, hơn nữa lại đem con vào trong lòng địch mà làm tình báo. Khi đã nắm vững tình hình địch, thì hầu như phần thắng đã nắm được trong tay.*

### **b .- Nhà Thục**

*Chiến lược phòng thủ nước của nhà Thục hồng từ đầu tới cuối .*

*\*.- Thay vì có kế hoạch cùng toàn dân giữ nước, An Dương vương lại tìm cách xây thành để giữ ngôi vua. An Dương vương tách mình ra khỏi nhân dân, bắt nhân dân phải cực khổ để phục vụ cho ngôi vua của mình. Đó là việc xây Loa Thành, làm thất nhân tâm.*

*\*.- An Dương vương không tin vào mình, không tin vào nhân dân mình nhất là vào tinh thần bất khuất của Tổ tiên mình, lúc nguy khốn mới đi cầu viện thần Kim Quy.*

*\*.- Chỉ tin vào và ý thế có Nỏ Thần là vật chất, đâm ra khinh địch, mặc dầu đã bị đánh nhiều lần, vua quan cứ mê mải ăn chơi, chệnh mảng việc nước.*

*Đến nỗi cái Nỏ Thần là vật quý nhất, mà vẫn không được giữ gìn cẩn mật.*

*\*.- Chấp nhận gả con cho con giặc để mong hoà giải được với giặc là một sai lầm nghiêm trọng. Lại thêm cho con giặc vào ở trong cung, mặc dầu là rể, mà không có để ý đủ, để cho quân cơ lọt vào mắt giặc, đó là người lãnh đạo thiếu óc phán đoán sáng suốt và lo xa.*

*\*.- My Nương và ngay cả An Dương vương không phân biệt được tình nhà với nợ nước, An Dương vương chỉ tin vào Nỏ, mà cư an, quên tư nguy, đem giặc vào sào huyệt mà không biết, My Nương quá yêu chồng, con giặc mà đi tiết lộ hết quân cơ, lại còn chỉ cách cho giặc bám sát mình và cha mình! Thua giặc là lẽ đương nhiên.*

### **6.- Tình Nhà**

*My Châu vì không ý thức được rõ về tình nhà và nợ nước, nên đã lạm dụng tình nhà mà làm tiết lộ quân cơ cho giặc, lại gây thơ, vô tình nói giáo cho giặc trên*

*bước đường chạy thoát, để làm mất nước. Phạm trọng tội với nước, thì dầu là con vua cháu chúa, cũng không thể tha thứ, mà phải đền tội . Nhưng đối với tình nhà, tuy là do hai gia đình sắp xếp, nhưng khi đã lấy nhau, My nương đã hết lòng yêu chồng, không từ nan với chồng bất cứ điều gì, ngay đến lúc khốn cùng trước khi nhận nhát kiếm oan nghiệt của cha, nàng còn ngửa mặt lên trời mà cầu xin: “**Thiếp là con gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại đến phụ thân, thòi chết hoá thành bụi trần, bằng như một niềm trung tín, bị người phỉnh phờ thì được hoá làm ngọc châu để rửa cái nhục nhã này**”.*

*Bị Cha dùng làm con bài giữ ngôi vua, nhưng My châu luôn giữ mối tình trong trắng tận hiến, nên lời cầu xin của nàng được linh ứng, máu nàng chảy xuống biển được trai sò nuốt vào thành ngọc. Trọng Thủy cũng vậy, bị cha dùng làm con bài “**lợi dụng tình nhà, để cướp nước của vợ**”, nhưng vẫn luôn yêu thương và tìm cách gần gũi với vợ, khi vợ chết ôm xác vợ về chôn cất tử tế, rồi không đợi tới lúc vua cha phong vương, mà nhảy xuống giếng trầm mình. Chàng cùng nàng đã cùng yêu nhau khăng khít cho đến khi chết. Nên lấy nước giếng nơi Trọng Thủy chết dùng để rửa ngọc trai của My Châu thì lại sáng lên. Khi được rửa, ngọc trai ửng lên tia sáng của Tình Nghĩa Vợ Chồng!*

*Tóm lại , An Dương vương và công chúa My Nương đã không sống trọn vẹn cho Tình nhà Nợ nước, nói cách khác là Tình nhà Nợ nước mất cân bằng, nên cả hai cha con phải nhận lãnh cái chết. Cái điều cần lưu ý ở đây, không chỉ là cái chết của cha con An Dương vương, quan trọng hơn là kết quả kéo theo đó là nước mất, nhà tan và nhân dân lại bị rơi vào tròng nô lệ!*

*Một bài học quan trọng khác: Giữ nước là công việc của toàn dân và chính quyền, chứ không phải chỉ giữ ngôi vua hay giữ lấy ngôi vị của một tập đoàn, của một đảng phái.*

---

## **D.- PHẦN KẾT**

*Huyền sử là Sử của Huyền thoại, Huyền thoại gồm hai loại: Thần thoại và Nhân thoại.*

*Trong Thần thoại thì Thần làm Chủ con Người, còn trong Nhân thoại thì con Người làm Chủ đời sống mình. Huyền thoại Việt Nam thuộc loại Nhân thoại.*

*Qua Ba nhóm Nhân thoại đã trưng dẫn và giải thích ở trên, chúng ta thấy Huyền thoại đã giúp chúng ta lần tới **Tiền thức công thông của Nhân loại, đó là các Sơ nguyên tượng:***

*Sơ nguyên tượng là những ấn tượng đã được khắc sâu vào Tâm khảm con Người, có hai Sơ nguyên tượng :*

*Sơ nguyên tượng thứ nhất là **mối Tình bao la của người Mẹ**, bất cứ ai đã là người cũng được thể nghiệm **mối Tình** được khắc sâu vào Tâm khảm mình từ lúc mới được sinh ra cho đến suốt đời, **mối Tình** đó cũng là nguồn cho Đức Trưng dung .*

*Sơ nguyên tượng thứ hai là **ấn tượng của Tình / Nghĩa sắt son của cặp Vợ Chồng** từ lúc mới diện kiến đã xoắn xít lấy nhau cho tới khi kết hôn, rồi sống gắn bó với nhau suốt đời cho đến khi đầu bạc răng long, cốt rữ xương mòn.*

*Bản chất của hai Sơ nguyên tượng đó chính là **Tình / Nghĩa** hay **Tình / Lý**. Khi sống với nhau sao cho **Tình / Nghĩa** hài hòa hay **Lưỡng nhất** thì Hoà vui với nhau, khi đó cũng gọi là **Tình Nghĩa Nhập Thần**.*

*Trên bình diện **Quốc gia**, thì Sơ nguyên tượng là **Tình / Nghĩa Đồng bào**.*

*Trên trường **Quốc tế** thì với Tinh thần **Tứ hải giai Huynh / Đệ**, mọi người cùng hành xử với nhau theo **Tình Nghĩa** hài hoà .*

***Huyền thoại Tiên / Rồng của Dân tộc chúng ta chính là Nhân / Nghĩa Hùng / Dũng** hay **Tình / Nghĩa Nhập Thần**.*

***Tình / Nghĩa nhập Thần** chính là **Tinh thần của Dân tộc Việt Nam**, cũng là **điểm Đồng quy** giúp cho toàn dân Đoàn kết với nhau để **Dựng Nước và Giữ Nước**.*

***Thế nhưng:***

**“ Cá không ăn muối cá ươn**

**Con Cưỡng Cha Mẹ, trăm đường Con hư ! “ ( Ca dao )**

*Vì tự cho mình là **Văn minh**, cho **Tiên Rồng** là **chuyện hoang đường**, **Mẹ Âu và Cha Lạc** phân cực để **phát triển Bản sắc riêng ( Tình Mẹ / Lý Cha )** lại cho là*

*Ly dị, con dân Việt Nam đua nhau bỏ Gốc cũ cho là hủ lậu, học lấy Ngọn mới Văn minh Khoa học, nhưng không may là chỉ học lấy “ độc dược của người ngoài “ như tinh thần Duy Lý một chiều, nhất là thứ Văn hoá trực Vật vắng bóng Tình Người của CS, nên tan đàn xẻ nghé như ngày nay!!!*

*Tóm lại:*

*Huyền Sử thì vượt Thời gian và Không gian, Huyền sử gồm cả Dĩ vãng và Tương lai, lại mang theo Hồn của Dân tộc, còn Lịch sử chỉ là Sử của những biến cố được xảy ra trong Thời gian và Không gian xác định, nó cũng phản ảnh tình trạng Phế / Hưng của Tinh thần Dân tộc..*

*Huyền sử thuộc Nội khởi, còn Lịch sử thuộc Ngoại khởi, Lịch Sử chẳng qua là Tấm gương phản chiếu mặt mờ của Huyền sử: The outward world is the dim reflection of the inward world. Nho gọi là : “ Hữu ư Trung tất hình ư Ngoại “*

*Huyền sử và Lịch sử tạo thành Sử mệnh của Dân tộc.*

*Qua những ý kiến trên về Huyền sử, chúng tôi thấy T.G. Kim Định, một mình từ cảnh Quốc phá Gia vong, đã lần theo đường mòn Tổ Tiên, một mặt như Cô hồng thiên ngoại bay vút lên đỉnh Núi cao sáng mênh mông mà tu Nhân ( Quy Tư về Nguồn Tâm linh ) và mặt khác như Giao long lặn xuống lòng Biển thăm sâu để luyện Nghĩa ( Suy Tư để khám phá lãnh vực Khoa học ), và đem Tinh thần Dịch lý giúp cho cặp đối cực Tâm linh / Khoa học lưỡng nhất với hy vọng hâm nóng lại cách Tu Nhân Luyện Nghĩa sao cho Nhân / Nghĩa Nhập Thần hay “ Tình / Lý tương tham “ như Tổ Tiên xưa để đem lại cho Dân tộc chúng ta hành trang thiết yếu - “ Lòng rộng Trí sâu “- hầu giải cứu Quốc nạn và Quốc nhục.*

*Chúng tôi cảm thấy Mình không thể còn cứ mãi như những con chim Chích cú nháy nhót và kêu riu rít trong lũy tre làng, mà phải cùng nhau tập bay vút lên Cao và bay ra Xa để thoát khỏi cảnh trầm luân bầy lâu bởi nạn “ Khôn Độc Đại Đàn và Tham Địa bỏ Mâm ” do Lòng hẹp Trí nông “ của một số người chúng ta mà ra!*

*Không Canh tân cuộc sống thì Dân tộc chúng ta khó mà vượt qua cảnh bế tắc hiện nay, cứ chạy quanh cách Hiện tượng Xã hội rối ren mà khích bác nhau, chỉ đem những lời chỉ trích vật vãnh miệt thị nhau chỉ gây thêm sự phân hóa làm cho tấm Dư đồ VN đã rách lại càng rách nát thêm, như vậy thì phỏng được*

*ích gì ? Sao không đem những tư tưởng Chính nghĩa để khuyến khích nhau, giúp nhau canh tân cuộc sống mà tìm về một Mối Hòa?*

*Mỗi người chúng ta nên tỉnh ngộ mà nhận diện lại nhau là Giống nòi cao quý mà Bao dung nhau mà giúp nhau hành xử Công chính với nhau để cứu Nhà cho êm ấm, cứu Nước được phú cường!*

*Gánh thì nặng mà Đường thì xa, nên Toàn dân có đoàn kết một Lòng lại với nhau thì mới làm nổi, còn một Thành phần, một Đảng phái, một Tôn giáo thì không thể làm xong mà con gây rắc rối.*

*Tuy nhiên trách nhiệm Dẫn Đạo lại nằm trên Vai các Vị Lãnh đạo Tinh thần các Tôn giáo, các Vị thuộc ngành Văn hoá Giáo dục, các Vị Truyền thông. Các Quý Vị phải nêu cao và cổ võ vấn đề đem Công lý vào Cơ chế xã hội để hướng dẫn toàn dân tham gia công việc xây Nhà cứu Nước, còn các nhà làm Chính trị thì cổ võ Toàn dân thực hiện công trình Công bằng Xã hội một cách tương đối, thì khi đó Dân tộc mới Sinh tồn và Phát triển được.*

*Hy vọng thay!*

## **Việt Nhân**

*( Trong bài trên, chỉ những phần chữ Xiên là của chúng tôi, các Tiết mục của các Bài đều do chúng tôi đem vào, với hảo ý để giúp các lớp Trẻ dễ nhận diện Vấn đề và dễ tra cứu hơn )*

**Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả tại:**

<http://www.vietnamvanhien.org/vietnhan.html> [= bấm vào]

**[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)**

